**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP**

**(WB8)**

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI**

**TIỂU DỰ ÁN:**

**SỬA CHỮA VÀ NÂNG CẤP AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC ĐẠI THẮNG, XÃ AN BÌNH, HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH**

**Được lập bởi**

**Chủ đầu tư Đơn vị Tư vấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP**

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ XÃ HỘI**

**Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cấp an toàn hồ chứa nước Đại Thắng, tỉnh Hòa Bình**

|  |  |
| --- | --- |
| **chỦ đẦu tư** | **tư vẤn** |

MỤC LỤC

[TÓM TẮT BÁO CÁO 9](#_Toc424907817)

[PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN 15](#_Toc424907823)

[1.1. Tổng quan về dự án 15](#_Toc424907824)

[1.2. Mục tiêu và Phương pháp đánh giá tác động môi trường xã hội 15](#_Toc424907825)

[1.2.1. Mục tiêu và phương pháp đánh giá xã hội 15](#_Toc424907826)

[1.2.2. Phương pháp và cách tiếp cận đánh giá môi trường 16](#_Toc424907827)

[1.3. Đơn vị tư vấn 16](#_Toc424907828)

[PHẦN 2: MÔ TẢ TIỂU DỰ ÁN 18](#_Toc424907831)

[2.1. Tổng quan về TDA 18](#_Toc424907832)

[2.2. Các hạng mục chủ yếu của Tiểu Dự án 20](#_Toc424907835)

[2.2.1. Các chi tiết công trình 20](#_Toc424907836)

[2.2.2. Khối lượng công tác chính và vận chuyển nguyên vật liệu 23](#_Toc424907846)

[2.2.3. Vận chuyển đất đá, nguyên vật liệu 24](#_Toc424907847)

[2.2.4. Danh mục máy móc sử dụng(thống kê các loại máy móc chính) 26](#_Toc424907851)

[2.3.Tiến độ thực hiện 26](#_Toc424907853)

[**PHẦN 3: KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ 28**](#_Toc424907854)

[PHẦN 4: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI VÙNG TIỂU DỰ ÁN 37](#_Toc424907862)

[4.1. Thủy văn và sinh thái tại các nguồn nước đổ về hồ chứa Đại Thắng 37](#_Toc424907863)

[4.2. Khí hậu và thủy văn 38](#_Toc424907864)

[4.3. Môi trường nước 40](#_Toc424907867)

[4.3.1. Môi trường nước mặt 40](#_Toc424907868)

[4.3.2. Nước ngầm 41](#_Toc424907869)

[4.4. Môi trường không khí 42](#_Toc424907870)

[4.5. Môi trường đất 42](#_Toc424907871)

[4.6. Môi trường sinh học 43](#_Toc424907872)

[4.6.1 Hệ động thực vật trên cạn 43](#_Toc424907873)

[4.6.2. Sinh thái dưới nước 44](#_Toc424907874)

[4.7. Môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa xã hội 44](#_Toc424907876)

[4.7.1. Dân số 45](#_Toc424907877)

[4.7.2. Kinh tế xã hội 47](#_Toc424907878)

[4.7.3. Văn hóa – xã hội 50](#_Toc424907880)

[4.7.4. Các dân tộc thiểu số 55](#_Toc424907882)

[4.7.5. Công tác giới và vai trò của phụ nữ 55](#_Toc424907883)

[4.8. Đánh giá các tác động xảy ra trong lịch sử 57](#_Toc424907884)

[4.8.1. Các sự cố xảy ra trong lịch sử 57](#_Toc424907885)

[4.8.2. Tác động lên môi trường, xã hội 58](#_Toc424907886)

[4.8.3. Các biện pháp đã thực hiện để khắc phục 58](#_Toc424907887)

[PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI 59](#_Toc424907888)

[5.1. Sàng lọc môi trường và xã hội TDA 59](#_Toc424907889)

[5.2 Các tác động tích cực 59](#_Toc424907890)

[5.3. Các vấn đề và tác động tiêu cực 60](#_Toc424907891)

[5.3.1 Các vấn đề và tác động tiêu cực ngắn hạn 60](#_Toc424907892)

[5.3.2. Tác động lâu dài 66](#_Toc424907893)

[5.3.3 Các vấn đề khác 67](#_Toc424907894)

[5.4. Các tác động chính và các vấn đề cần giải quyết 68](#_Toc424907895)

[PhẦn 6.PHÂN TÍCH CÁC BIỆN PHÁP THAY THẾ 70](#_Toc424907896)

[6.1. Phân tích các giải pháp thay thế 70](#_Toc424907903)

[6.2. Các phương án lựa chọn khi có tiểu dự án 70](#_Toc424907905)

[PHẦN 7.KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMP) 71](#_Toc424907906)

[chất lượng môi trường. 71](#_Toc424907907)

[7.1. Kế hoạch giảm thiểu 71](#_Toc424907908)

[7.2 Kế hoạch giám sát 74](#_Toc424907909)

[7.3 Sắp xếp tổ chức và xây dựng nâng cao năng lực 78](#_Toc424907910)

[7.4 Kế hoạch xây dựng nâng cao năng lực 78](#_Toc424907911)

[7.5 Ngân sách dự kiến 79](#_Toc424907912)

[PHẦN 8. THAM VẤN Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 80](#_Toc424907913)

[8.1. Mục tiêu của tham vấn cộng đồng 80](#_Toc424907914)

[8.2. Tham vấn đánh giá tác động xã hội 80](#_Toc424907922)

[8.3. Tham Vấn đánh giá tác động môi trường 82](#_Toc424907936)

[8.3.1 Tóm tắt các hoạt động tham vấn cộng đồng đã triển khai trong quá trình chuẩn của ESIA 82](#_Toc424907937)

[8.3.2. Tóm tắt các phản hồi nhận được từ Tham vấn cộng đồng trong quá trìnhchuẩn bị ESIA/ĐTM 84](#_Toc424907938)

[8.4. Công bố ESIA 86](#_Toc424907939)

[DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 89](#_Toc424907943)

[PHỤ LỤC A: MÔI TRƯỜNG 91](#_Toc424907944)

[**PHỤ LỤC A1: Các hạng mục công trình Hồ Đại Thắng 91**](#_Toc424907945)

[**PHỤ LỤC A2: CÁC LOẠI BẢN ĐỒ 93**](#_Toc424907946)

[**PHỤ LỤC A3: KẾT QUẢ SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI 96**](#_Toc424907948)

[**PHỤ LỤC A4: SƠ ĐỒ LẤY MẪU VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 109**](#_Toc424907949)

[**PHỤ LỤC A6: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU 112**](#_Toc424907950)

[**PHỤ LỤC A6: CÁC BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG 119**](#_Toc424907951)

[**PHỤ LỤC A7- HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG VÙNG TIỂU DỰ ÁN 126**](#_Toc424907952)

[**PHỤ LỤC A8: QUY TRÌNH TÌM KIÊM CƠ HỘI 132**](#_Toc424907953)

[**PHỤ LỤC A9: QUY TRÌNH XỬ LÝ MỐI 133**](#_Toc424907954)

[**PHỤ LỤC A10 KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI 134**](#_Toc424907955)

[PHỤ LỤC B: XÃ HỘI 142](#_Toc424907956)

[**PHỤ LỤC B1: CÁC PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN XÃ HỘI 142**](#_Toc424907957)

[**PHỤ LỤC B2. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG 145**](#_Toc424907960)

[**PHỤ LỤC B3. KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG, THAM VẤN CỘNG ĐỒNG CÓ SỰ THAM GIA 149**](#_Toc424907961)

[**PHỤ LỤC B4: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI 156**](#_Toc424907962)

[**PHỤ LỤC B5: CÔNG BỐ THÔNG TIN, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH XÃ HỘI VÀ GIÁM SÁT 165**](#_Toc424907977)

[**PHỤ LỤC B6- MÔ TẢ HỆ THỐNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI 169**](#_Toc424907978)

[**PHỤ LỤC B7: Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp (EPP) 171**](#_Toc424907983)

[**PHỤ LỤC B8: HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ BOM MÌN CHƯA NỔ 174**](#_Toc424907988)

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2-1: Quy mô các hạng mục công trình hồ Đại Thắng 20

Bảng 2-2: Khối lượng các công tác chính của TDA 23

Bảng 2-3: Các công trình phụ trợ hồ Đại Thắng và khối lượng vận chuyển vật liệu 24

Bảng 2-4: Bảng nhu cầu xe máy thi công 26

Bảng 2-5: Dự kiến tiến độ thi công 26

Bảng 4-1: Đặc trưng mưa vùng dự án (trung bình 5 năm) 38

Bảng 4-2: Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế ứng với các tần suất 39

Bảng 4-3: Kết quả đo đạc bốc hơi (Unit: mm) 39

Bảng 4-4: Vị trí lấy mẫu để phân tích chất lượng nước mặt 40

Bảng 4.5. Kết quả phân tích nước mặt 40

Bảng 4-6: Vị trí lấy mẫu nước ngầm trong vùng tiểu dự án 41

Bảng 4-12: Số nhân khẩu và lao động bình quân hộ gia đình 45

Bảng 4-13:Hiện trạng lao động xã trong độ tuổi lao động (16-60) 45

Bảng 4-14: Tỷ lệ số người lao động có việc làm theo giới tính 46

Bảng 4-15: Báo cáo tình hình chỉ tiêu tạo việc làm tăng thêm năm 2014 46

Bảng 4-16: Nghề nghiệp chính của người lao động (tính cả các thành viên của hộ gia đình có tham gia lao động) 46

Bảng 4-17: Một số chỉ tiêu KTXH xã An Bình giai đoạn 2005 – 2010 - 2014 47

Bảng 4-18: Tình trạng sức khỏe và chăm sóc sức khỏe 50

Bảng 4-19: Trình độ học vấn của các thành viên hộ gia đình (Đơn vị %) 52

Bảng 4-20: Hiện trạng kênh mương tại khu vực TDA 53

Bảng 4-21: Hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao xã 54

Bảng 4-22:Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA 56

Bảng 5-2: Tải lượng bụi trong quá trình thi công 61

Bảng 5-3: Bảng tính toán nồng độ bụi trong không khí 62

Bảng 5-4:Hệ số phát thải khí do 1 phương tiện tham gia giao thông 63

Bảng 5-5: Lượng khí phát thải dự báo tương ứng với số xe vận chuyển 63

Bảng 5-6: Mức ồn tối đa (dBA) từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới 64

Bảng 7.1: Các biện pháp khả để giảm thiểu các tác động môi trường của và các đơn vị chịu trách nhiệm 72

Bảng 8-1: Tóm tắt kết quả tham vấn cộng đồng liên quan đến các vấn đề xã hội trong quá trình chuẩn bị ESIA 80

Bảng 8-2: Tóm tắt kết quả phản hồi của người dân địa phương trong tham vấn xã hội 81

Bảng 8-3: Tóm tắt quá trình thực hiện tham vấn 83

Bảng 8-4: Bảng tóm tắt các ý kiến phản hồi liên quan đến quá trình thực hiện dự án 85

**DANH MỤC HÌNH**

Hình 2-1: Vị trí công trình hồ Đại Thắng 19

Hình 2-2: Bản đồ quy hoạch công trường 19

Hình 2-3: Mặt đập đất 22

Hình 2-4: Mặt đập 22

Hình 2-5: Vai trái đập bị xói mòn do mưa 22

Hình 2-6: Vai trái đập bị xói mòn 22

Hình 2-7: Cửa vào tràn xả lũ 22

Hình 2-8: Cửa vào, ngưỡng tràn xả lũ 22

Hình 2-9: Nhà tháp cống lấy nước 23

Hình 2-10: Nhà quản lý 23

Hình 2-11: Vị trí các công trình phụ trợ hồ chứa Đại Thắng 25

Hình 2-12: Khu vực dự kiến làm bãi thải 25

Hình 2-13: Khu vực dự kiến làm lán trại 25

Hình 4-1: Biểu đồ thể hiện tỷ trọng kinh tế các ngành kinh tế ở các giai đoạn 48

Hình 4-2: Chi phí cho sức khỏe 51

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BAH Bị ảnh hưởng

BOD Nhu cầu ô xi sinh hóa

CPO Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi

CSC Tư vấn giám sát xây dựng hiện trường

CSEP Hợp đồng Kế hoạch môi trường cụ thể

DARD Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DO Nhu cầu oxy

DONRE Sở Tài nguyên & Môi trường

EIA Đánh giá tác động môi trường

ESIA Đánh giá tác động môi trường xã hội

ECOP Quy định hành động môi trường

EMDP Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số

ESMP Kế hoạch Quản lý môi trường xã hội

ESMoF Kế hoạch giám sát môi trường xã hội

ESMF Khung Quản lý môi trường và xã hội

GOV Chính phủ Việt Nam

IMC Công ty quản lý thủy nông

MARD Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

OP Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới

PPC Hội đồng nhân dân tỉnh

QCCP Quy chuẩn cho phép

QCVN Quy chuẩn quốc gia

RAP Kế hoạch tái định cư

RPF Khung chính sách tái định cư

TCVN Tiêu chuẩn Việt Nam

TDA Tiểu Dự án

VLXD Vật liệu xây dựng

UBND Ủy ban nhân dân

WB Ngân hàng Thế giới

WUO Tổ chức dùng nước

# **TÓM TẮT BÁO CÁO**

1. ***Bối cảnh:*** Hồ Đại Thắng là một trong 12 hồ được xác định ưu tiên sửa chữa và nâng cấp theo chương trình Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRSIP) được hỗ trợ bởi Ngân hàng Thế giới. Bản đánh giá tác động môi trường và xã hội này (ESIA) đã được thực hiện phù hợp theo các yêu cầu của Luật pháp Việt Nam về bảo vệ môi trường (LEP) và chính sách đánh giá môi trường của Ngân hàng Thế giới (OP/BP 4.01).
2. Hồ Đại Thắng được xây dựng năm 1960 thuộc địa phận thôn Đức Bình xã An Bình, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình. Đập Đại Thắng ngăn nước từ một nhánh sông tạo ra hồ chứa với tổng dung tích lên tới 561.900 m3 với dung tích hữu ích là 526.650 m3 và chuyển hướng dòng chảy tới các kênh của hệ thống thủy lợi. Ngoài 526,650 m3 nước được trữ, lượng nước thừa chảy qua đập tràn tự do xuống hạ lưu và sau đó đi vào các con sông lớn như là sông Đập. Hồ Đại Thắng làm nhiệm vụ cấp nước cho 100 ha lúa, 30 ha hoa màu và tạo nguồn cấp nước cho 200 hộ dân vùng hưởng lợi. Hồ chứa Đại Thắng được thiết kế và đánh giá là công trình cấp III theo phương pháp phân loại đập ở Việt Nam. Các hạng mục công trình của cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Đại Thắng bao gồm:

* ***Đập***: có kết cấu là đập đất đồng chất với chiều cao đập lớn nhất là 15,3 m và cao trình đỉnh đập là +36,0 m. Chiều dài và rộng của đỉnh đập tương ứng là 196,0 m và 3,5 m
* ***Cống lấy nước:*** đặt trong thân đập phía bờ phải có kết cấu là cống tròn bằng bê tông cốt thép với Q=0,15m3/s, L = 96 m, D = 400mm.
* ***Tràn xả lũ:*** Tràn có kết cấu là tràn đất với chiều dài 65m, được xây dựng tại vị trí yên ngựa cách vai trái của đập khoảng 200 m.
* ***Đường quản lý vận hành:*** Đường Quản lý là đường đất dài 100 m nối đỉnh đập với các đường liên thôn. Con đường dễ dàng trở nên trơn trượt trong mùa mưa làm cho công tác quản lý và bảo trì trở nên khó khăn. Đường vận hành bắt đầu từ bề mặt đập cho đến đập tràn là chỉ có một con đường hẹp có chiều rộng 0,5 m.

1. ***Mô tả hiện trạng về cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Đại Thắng:*** Hiện tại, cụm công trình hồ chứa nước Đại Thắng đang bị xuống cấp nghiêm trọng. Vùng hồ chứa bị bồi lắng, mất khoảng từ 10 – 15% dung tích; mái hạ lưu đập xuất hiện nhiều tổ mối (sau khi rà soát có khoảng 50-60 tổ) và nhiều cây cỏ dại mọc; thân đập có 5 vết nứt ngang và 1 vết nứt dọc (kích thước khoảng 1 – 2 cm); mái thượng lưu đập bị sóng đánh vào dẫn đến bị bào mòn và mái hạ lưu cũng bị xói mòn do dòng thấm, gây nên các hố xói và tình trạng không đồng đều trên bề mặt mái đập; cống lấy nước bên trong thân đập đã bị rò rỉ và xuống cấp, sau cống không có hố tiêu năng; ngưỡng tràn là dốc thẳng đứng, hiện bị nước xói mòn tạo thành các rãnh, hốc rất sâu. Hiện tại không có nhà hay văn phòng quản lý tại chỗ hoặc nhân viên quản lý được đào tạo bài bản. Ngoài ra, Hồ chứa cũng chưa có quy trình vận hành và kế hoạch phòng, chống lũ, kế hoạch ứng phó khẩn cấp (EPP).
2. ***Các hoạt động sửa chữa và nâng cấp được đề xuất:***  Công tác sửa chữa và nâng cấp nhằm: (i) Đảm bảo an toàn Hồ chứa trong suốt quá trình vận hành và khai thác, tăng khả năng thích ứng với những trường hợp thời tiết cực đoan; (ii) đáp ứng các mục tiêu thiết kế ban đầu về cấp nước tưới cho 100ha đất lúa, 30ha đất trồng các loại cây khác, và cấp nước sinh hoạt cho 3 thôn (Đại Đồng, Đại Thắng và Thắng Lợi) tại xã An Bình; và (iii) Đảm bảo sự an toàn của cộng đồng, tài sản và cơ sở hạ tầng ở vùng hạ du. Các công trình sửa chữa được đề xuất bao gồm:

* nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của người dân sinh sống ở khu vực hạ du, giảm thiểu Phục hồi đập: Tăng chiều cao đỉnh đập từ 15,3 m đến 17,9m; không thay đổi sức chứa của hồ;
* Tăng cường năng lực xả lũ của đập tràn đất;
* Thay mới cống lấy nước bằng chất liệu thép, vẫn giữ nguyên đường kính của ống dẫn;
* Xây dựng lại các nhà quản lý cấp IV;
* Diệt mối bằng cách xử lý đất nhiễm mối, sử dụng Metavina 90DP Metarhizium anispliae - một loại nấm được tìm thấy trong đất bị nhiễm mối và có thể giết chết mối qua tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua truyền nhiễm;
* Đổ bê tông và nâng cấp đường quản lý;

Việc sửa chữa và nâng cấp hệ thống công trình đầu mối được đề xuất sẽ nâng công trình đầu mối lên cấp II theo phương pháp phân loại đập ở Việt Nam. Tiểu dự án được thiết kế dựa trên các tiêu chuẩn của Chính phủ Việt Nam cũng như các chính sách về An toàn Đập của Ngân hàng Thế giới (OP/BP 4.37).

1. ***Sàng lọc môi trường và xã hội:*** Dự án đã thực hiện Sàng lọc môi trường và xã hội như thỏa thuận như đã thỏa thuận với Ngân hàng Thế giới. Theo kết quả sàng lọc đã thực hiện, Tiểu dự án thuộc loại B theo như phân loại OP/BP 4.01 của Ngân hàng Thế giới. Đập có chiều cao dưới 15 m và dung tích trữ chỉ có 461.900 mét khối, được xem là nhỏ theo phân loại OP4.37 của Ngân hàng Thế giới. Tiểu dự án không nằm trong hoặc gần môi trường sống tự nhiên quan trọng và không có loài vật quý hiếm hoặc đang bị đe dọa trong khu vực thực hiện Tiểu dự án. Ngoài ra cũng không có công trình hoặc bất kỳ di tích có ý nghĩa văn hóa, tôn giáo, lịch sử ở bên trong và ở các vùng phụ cận trong bán kính 20 km từ công trường thi công. Người dân tộc thiểu số Mường chiếm 70% tổng dân số trong khu vực nghiên cứu, nhiều người trong số đó sẽ bị ảnh hưởng bởi sự gián đoạn nguồn nước tưới trong quá trình sửa chữa.
2. ***Tác động môi trường và xã hội:*** Tiểu dự án sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho địa phương, đặc biệt trong việc cải thiện an toàn đập và đảm bảo nguồn nước cung cấp. Tuy nhiên cũng có các tác động tiêu cực bao gồm những điều sau đây:

* Mất đất và cây trồng - Có 12 hộ gia đình sẽ bị mất đất trong quá trình thực hiện tiểu dự án, 11 trong số đó sẽ bị mất đất nông nghiệp và 1 hộ sẽ bị mất đất ở. Về cây cối hoa màu, 1,2 ha lúa, 0,3 ha ngô, và khoảng 0,1 ha hoa màu và 130 cây keo sẽ bị thiệt hại.
* Sản xuất cây trồng suy giảm hoặc mất toàn bộ mùa vụ - khoảng 244 hộ gia đình, chủ yếu là dân tộc Mường, sẽ bị ảnh hưởng bởi việc ngừng cung cấp nước trong khoảng thời gian thực hiện công tác thay cống lấy nước. Diện tích trồng lúa bị ảnh hưởng khoảng 57 ha và việc ngừng cung cấp nước sẽ kéo dài từ 2-6 tháng.
* Tác động của các hoạt động xây dựng - Tác động của các hoạt động xây dựng bao gồm: tăng lắng đọng trầm tích và độ đục do các hoạt động vận chuyển đấtđáng kể; bụi từ hoạt động chuyển đất và di chuyển của các thiết bị hạng nặng; tăng rủi ro về sức khỏe và an toàn cho người dân địa phương sống gần vị trí công trình và dọc các tuyến đường vận chuyển trong quá trình thi công; và, có thể gây thiệt hại đến chất lượng đường hiện nay do di chuyển các thiết bị nặng.
* Suy thoái đất trong và xung quanh khu vực xây dựng - Tiểu dự án có thể gây ra suy thoái đất ở công trường xây dựng như làm mất cảnh quan do đào bới, xây dựng, rác thải, đất bùn xây dựng và vật liệu khác.
* Tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu - Nguồn cung cấp ổn định và đảm bảo của nước tưới trong khu vực dịch vụ sẽ khuyến khích tăng cường sản xuất nông nghiệp dẫn đến kết quả có thể gia tăng sử dụng thuốc trừ sâu theo thời gian.

Các vấn đề khác cũng cần được giải quyết bao gồm: có thể gặp phải bom mìn chưa nổ còn sót lại từ thời chiến tranh; có thể gặp của các vật khảo cổ hoặc cổ sinh vật trong quá trình đào đất thi công. Các vấn đề liên quan đến sự không công bằng và khiếu nại bồi thường với các sự cố xảy rado việc thực hiện TDA cần được giải quyết.

Nói tóm lại, một số tác động đáng kể của Tiểu dự án sẽ được giảm nhẹ được xác định là mối e ngại chung của cư dân địa phương; gián đoạn nguồn cung cấp nước tưới ảnh hưởng đến 57 ha đất trồng trọt; thể xảy ra xung đột giữa người lao động nhập cư và người dân địa phương; gia tăng rủi ro về sức khỏe và an toàn công cộng; có thể gây thiệt hại 1,9 km đường liên thôn giữa các thôn Đức Bình và Thắng Lợi; Nồng độ bụi trong không khí tăng cao tại các công trường xây dựng và tuyến đường; phát sinh chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện; việc sử dụng các hóa chất trong công tác diệt trừ mối mọt; tăng độ đục và bùn lắng đọng trong các kênh, hồ chứa nước; thiệt hại về đất, cây trồng và nhà ở do thu hồi đất; suy thoái đất; gia tăng việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu; Có thể phát sinh những khiếu nại hoặc các kháng nghị nghiêm trọng về TDA; khả năng phát lộ những vật khảo cổ; tác động tới dân tộc thiểu số (Mường); bình đẳng giới và trẻ em.

1. ***Các biện pháp giảm nhẹ:*** Để giải quyết những tác động này, một kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) đã được chuẩn bị như là một phần của báo cáo Đánh giá tác động của môi trường và xã hội. Một hành động tái định cư riêng biệt / Kế hoạch bồi thường (RAP) đã được chuẩn bị sẵn sàng để giải quyết các tác động của việc thu hồi đất. Tương tự như vậy một kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) đã được chuẩn bị sẵn sàng để giải quyết những tác động đến người dân tộc Mường. Sau đây là những biện pháp cụ thể để thực hiện:

* Thực hiện Kế hoạch truyền thông và tham vấn cộng đồng, tập trung vào người dân ở xã An Bình
* Đền bù cho 244 hộ gia đình (ở các thôn Đại Thắng, Đại Đồng, Thắng Lợi) thông qua Kế hoạch hành động tái định cư
* Yêu cầu nhà thầu:

a) Phối hợp với các thôn thuộc dự án, đặc biệt là thôn Đức Bình; và thực hiện một chương trình xây dựng quan hệ cộng đồng lành mạnh;

b) Xây dựng và thực hiện Kế hoạch an toàn, sức khỏe công nhân và  môi trường (CEO-HSP), thực hiện đúng việc thu gom chất thải nguy hại, áp dụng hệ thống thu và đổ thải theo đúng quy định;

c) Thực hiện sửa chữa tuyến đường liên thôn dài 1,9 km giữa thôn Đức Bình và Thắng Lợi trước, trong và sau khi hoàn thành công trình; tưới nước thường xuyên cho các khu vực bị ảnh hưởng để giảm thiểu ô nhiễm không khí (tức là tuyến đường 20km từ thị trấn Chi Nê đến công trình và 1.9km đường liên thôn giữa thôn Đức Bình và thôn Thắng Lợi); và giải phóng và phục hồi 4438m2 diện tích đất thu hồi tạm thời để phục vụ dự án ở thôn Đức Bình,

d) Bãi lưu trữ đất để cách xa dòng chảy và về phía mái hạ lưu đập (nằm trong khu vực xây dựng cách các kênh dẫn nước 50m),

e) Nhà thầu phải dọn dẹp (tức là phân loại, lưu trữ và quản lý chất thải -thu gom hàng ngày và lưu trữ chất thải xây dựng để sử dụng lại) tại các chỗ là một phần trong kế hoạch CEO-HSP.

* Thực hiện xử lý sinh học như đã lên kế hoạch theo Phương pháp xử lý mối
* Xử lý ngay lập tức các vật liệu đất đào bới trong quá trình thi công không sử dụng tại nơi xử lý đã được thiết kế (ở khoảng cách 300m từ các công trường xây dựng)
* Thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) cho xã Đại thắng.
* Cách tiếp cận quản lý trong lĩnh vực dịch vụ thủy lợi (cho 100 ha lúa, 30 ha các loại cây hoa màu ở thôn Đại Thắng, Thắng Lợi, Đại Đồng)
* Xây dựng và thiết lập một Cơ chế giải quyết khiếu nại trước khi khởi công xây dựng
* Áp dụng quy trình tìm kiếm phát lộ của TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập
* Bảo đảm rà phá bom mìn tại những nơi chưa được rà phá.
* Thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số cho dân tộc Mường tại xã An Bình
* Thực hiện Kế hoạch phát triển giới, thiết lập các biển báo và tiến hành các chiến dịch truyền thông về sự nguy hiểm của việc bơi lội trong hồ chứa Đại Thắng
* Quản lý hồ chứa phối hợp với chính quyền địa phương chịu trách nhiệm quản lý rừng đầu nguồn để thực hiện một chương trình quản lý rừng đầu nguồn/lưu vực sông dài hạn
* Bảo vệ rừng xung quanh khu vực rừng đầu nguồn của hồ Đại Thắng
* Quản lý hồ chứa phối hợp với các thôn ở địa phương (thôn Đức Bình) để thực hiện một chương trình vệ sinh dài hạn.

1. ***Tham vấn:*** Trong quá trình chuẩn bị báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội, tư vấn cùng chủ đầu tư đã tiến hành tham vấn với Sở Ban ngành tỉnh Hòa Bình vào ngày 5/2/2015, thành phần tham gia là đại diện của Sở NN&PTNT, sở Văn hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường, công ty khai thác công trình thủy lợi, đại diện chính quyền xã An Bình…Đối với cộng đồng người dân tại khu vực TDA, các cuộc tham vấn đã được tổ chức, thời gian lần thứ 1: 6-7/2/2015, thời gian tham vấn lần 2: 27/3/2015. Thành phần tham dự là đại diện chính quyền xã An Bình, MTTQ, hội phụ nữ, trưởng thôn và người dân của 4 thôn Đại Đồng, Đại Thắng, Thắng Lợi và An Bình. Kết quả tham vấn cho thấy toàn bộ người dân ủng hộ việc thực hiện TDA, bên cạnh đó cũng có một số các kiến nghị: (1) yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng các biện pháp để giảm thiểu tác động đến môi trường và xã hội, (2) có các chính sách đền bù thỏa đáng đối với 12 hộ bị mất đất và 244 hộ bị ảnh hưởng sản xuất do gián đoạn cấp nước trong quá trình sửa chữa cống; (3) khu vực TDA có 70% là người DTTS họ rất mong muốn được hỗ trợ để phát triển cuộc sống; người dân mong muốn được tham gia vào việc thực hiện Tiểu dự án…Với các ý kiến như trên; chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động lên môi trường và xã hội trong báo cáo ESIA; đối với các hộ bị mất đất và bị ảnh hưởng do quá trình thi công, chủ đầu tư sẽ thực hiện đầy đủ các chính sách bồi thường tuân theo quy định của nhà nước và Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới; Bên cạnh đó, một Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cũng được chuẩn bị; chủ đầu tư cam kết sẽ tạo điều kiện để người dân trong vùng có thể tham gia vào quá trình xây dựng TDA.
2. ***Kế hoạch hành động tái định cư (RAP):***Việc thực hiện TDA hồ Đại Thắng Hòa Bình sẽ thu hồi vĩnh viễn 15.935 m2 và thu hồi tạm thời 4.438 m2. Tổng số có 12 hộ với 45 người bị ảnh hưởng về đất đai. Bên cạnh đó sẽ có 244 hộ bị ảnh hưởng do cắt nước trong quá trình thi công với diện tích là 571.297. Các loại đất bị ảnh hưởng bao gồm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và một phần nhỏ là đất thổ cư. Uớc tính tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 5.441.935.000 trong đó bao gồm chi phí đền bù là VND 1,423,114,000; Chi phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống đối với những hộ mất trên 20% đất nông nghiệp, chi phí hỗ trợ khi cắt nước) là 3.309.019.181; chi phí quản lý,chi phí dự phòng giá phát sinh là 709.820.021
3. ***Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP):***Trong khu vực TDA có 70% người DTTS là người Mường. Số hộ DTTS bị ảnh hưởng trong vùng TDA là 223 hộ (821 người) khi dự án tiến hành thi công cống sẽ không có nước cấp cho 53,57 ha trong một vụ lúa của người DTTS. Qua tham vấn người dân tộc thiểu số cho thấy họ hoàn toàn ủng hộ dự án. Các hoạt động phát triểnngười dân tộc thiểu số bao gồm: Phục hồi sinh kế cho cộng đồng; Chương trình truyền thông; Hỗ trợ nước sạch cho các hộ gia đình). Với tổng chi phí đề xuất là 2,553,540,500VND
4. ***Rủi ro do vỡ đập:***Khi xảy ra rủi ro vỡ đập hồ Đại Thắng sẽ ảnh hưởng tới 8 thôn của xã An Bình, khu hành chính xã An Bình, trường mầm non, trường cấp 1,2,3, trạm y tế, bưu điện, phòng khám đa khoa...; 6 km đường nhựa và bê tông, hệ thống đường dây điện của xã; 5km hệ thống kênh mương của hồ Đại Thắng; 130ha đất canh tác và có khoảng 692 hộ dân với 2272 dân sẽ bị ảnh hưởng.
5. ***Tổ chức thực hiện:*** Ban Quản lý Dự án Trung ương (CPO) sẽ chịu trách nhiệm giám sát tiến độ chung của Tiểu dự án, bao gồm cả việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường được đề xuất trong ESMP. Chủ đầu tư tiểu dự án (Sở NN & PTNT tỉnh Hòa Bình) sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng ESIA được thực hiện hiệu quả. Chủ đầu tư Tiểu dự án sẽ thực hiện những điều sau đây: (i) giao nhân viên có trình độ để chịu trách nhiệm cho những hành động liên quan đến bảo vệ môi trường và đảm bảo thực hiện có hiệu quả và kịp thời theo ESIA; (ii) giao chuyên gia tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và/hoặc kỹ sư công trường chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện bảo vệ toàn của nhà thầu như một phần của hợp đồng xây dựng; (iii) đưa các tài liệu ESMP, CEOHSP của tiểu dự án vào trong các tài liệu đấu thầu và hợp đồng và đảm bảo rằng các nhà thầu nhận thức được những trách nhiệm này; (iv) Chuẩn bị báo cáo giám sát để trình CPO/WB. Các đơn vị quản lý hồ chứa (Công ty KTCTTL Lạc Thủy) sẽ chịu trách nhiệm vận hành và quản lý hồ chứa Đại Thắng.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các tiểu dự án theo kế hoạch bao gồm cả các biện pháp có liên quan đến quản lý công trình xây dựng và thông báo cho chủ tiểu dự án, chính quyền địa phương và cộng đồng về kế hoạch xây dựng và các rủi ro liên quan đến các công trình dân dụng. Như vậy, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giảm thiểu rủi ro môi trường gắn liền với các công trình xây dựng cũng như CEOHSP.

1. ***Phân bổ ngân sách:*** Cả hai nguồn vốn ODA và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam được sử dụng để đầu tư cho tiểu dự án. Tổng dự toán ngân sách là: 35.537.760.462 VND (~ 1.645.266 USD).

# Trong đó:

# - Ngân sách cho việc thực hiện ESMP: 578.100.000 VND (~ 26.764 USD),

# - Ngân sách cho kiểm toán tuân thủ và giám sát môi trường: 123.002.000 VND (~ 5.695 USD),

# - Ngân sách cho kế hoạch xây dựng, nâng cao năng lực: 28.000.000 VND (~ 1.297 USD)

# - Ngân sách cho việc thực hiện ESMoP: 151.002.000 VND (~ 6991 USD).

# PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

## Tổng quan về dự án

TDA “Sửa chữa và nâng cấp hồ chứa nước Đại Thắng tại tỉnh Hòa Bình”là một trong 12 TDA được xác định thực hiện trong năm đầu tiên của Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRSIP,WB8). Dự án DRSIP là dự án vay nguồn vốn của Ngân hàng thế giới nhằm hỗ trợ cho chương trình an toàn đập của Chính phủ Việt Nam. Dự án sẽ sửa chữa và nâng cao an toàn đập cho những hồ chứa và đập ưu tiên. Mục tiêu chính của việc Sửa chữa đập là bảo vệ cho cơ sở hạ tầng phía hạ lưu đập, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng tồn tại của các hồ chứa.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội (ESIA) được thực hiện nhằm tuân theo Luật môi trường của Chính phủ Việt Nam và Chính sách đánh giá môi trường (OP/BP 4.01).

* 1. **Mục tiêu và Phương pháp đánh giá tác động môi trường xã hội**
     1. **Mục tiêu và phương pháp đánh giá xã hội**

Các phương pháp đánh giá tác động xã hội sau được sử dụng trong báo cáo:

* Phương pháp thu thập tài liệu: Để đánh giá tác động xã hội, các chuyên gia tư vấn đã nghiên cứu tài liệu sau đấy
* Các chính sách và cơ chế của Chính phủ và của tỉnh Hòa Bình liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành;
* Các tiêu chuẩn và quy định liên quan đến thiết kế kỹ thuật của TDA
* Nghiên cứu khả thi của TDA
* Các báo cáo kỹ thuật và môi trường;
* Tài liệu khảo sát địa hình và địa chất của vùng tiểu dự án;
* Các tài liệu, số liệu về điều kiện kinh tế - xã hội tự nhiên của xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình;
* Các dữ liệu khảo sát, đo đạc về tình trạng môi trường hiện tại trong khu vực TDA
* Báo cáo đầu tư và thiết kế kỹ thuật, khối lượng, ngân sách và các bản vẽ trong tháng 3 năm 2015; và
* Niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình.

*Phương pháp điều tra thực địa:* Khảo sát thực địa tại xã An Bình. Các chuyên gia đã phỏng vấn bảng hỏi kết hợp với phương pháp quan sát thực địa và thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu với các cấp lãnh đạo địa phương, đại diện cho nhóm các hộ bị ảnh hưởng (BAH) và hộ hưởng lợi. Hoạt động này giúp thu thập được các thông tin tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội, các đặc trưng kinh tế - xã hội của người dân/địa phương vùng dự án, làm cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp trong giảm thiểu các tác động bất lợi trực tiếp và gián tiếp của dự án.

*Khảo sát cấp hộ gia đình:* Các tư vấn đã thực hiện phỏng vấn thu thập thông tin tại từng hộ bị ảnh hưởng và hộ được hưởng lợi. Bên cạnh những câu hỏi lựa chọn câu trả lời cũng có những câu hỏi mở để lấy thêm ý kiến, đồng thời phục vụ cho công tác đánh giá và kiểm chứng mức độ tin cậy của thông tin, xem xét các nhu cầu hỗ trợ, phục hồi sinh kế và các rủi ro khi buộc phải di dời. Tư vấn đã rất quan tâm tới những hộ gia đình phải chịu tổn thất lớn khi bị úng ngập trước đây do một vài lần tràn hồ.

*Phương pháp điều tra xã hội học:* Điều tra phỏng vấn dân xung quanh khu vực hồ Đại Thắng và lãnh đạo xã An Bình, những hộ được hưởng lợi do cấp nước hồ chứa cũng như những nguoài bị mất mùa màng và tài sản do không kiểm soát được nước tràn trong các trận lũ lịch sử.

*Phương pháp thảo luận nhóm (TLN):* Tư vấn đã làm việc với cán bộ lãnh đạo xã An Bình để lên kế hoạch TLN trọng điểm. Tổng số có 3 cuộc thảo luận nhóm với sự tham gia được chọn từ đại diện các hộ gia đình với các tiêu chí: hộ bị ảnh hưởng (trực tiếp, gián tiếp), hộ có phụ nữ làm chủ hộ, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người già, tàn tật, gia đình chính sách...).

*Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA):* Tư vấn đã sử dụng các công cụ đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia như lịch mùa vụ, bản đồ, đánh giá nhu cầu để giúp cho cộng đồng dễ dàng xác định được các vấn đề cần tập trung ưu tiên giải quyết liên quan tới nâng cao nhận thức về mục tiêu, các tác động tích cực, tiêu cực tiềm tàng của dự án. Đối tượng tham gia PRA là các hội bị ảnh hưởng và hộ hưởng lợi của dự án.

* + 1. **Phương pháp và cách tiếp cận đánh giá môi trường**

Các phương pháp được sử dụng trong báo cáo được đề cập như sau:

1. Phương pháp điều tra khảo sát thực địa: Thu thập, phân tích kết quả từ các nghiên cứu sơ cấp liên quan tới dự án; thu thập và phân tích số liệu về địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, điều kiện kinh tế xã hội trong vùng tiểu dwj án. Phương pháp này được dùng để xem xét điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng dự án. Đơn vị tư vấn đã tiến hành 02 đợt điều tra: Đợt điều tra thứ 1 từ ngày 04 đến ngày 12/02/2015; đợt điều tra thứ 2 từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 27/03 năm 2015.
2. Phương pháp thống kê: Nêu và xử lý dữ liệu về khí tượng, thủy văn và môi trường kinh tế xã hội. Phân tích các số liệu và hình thu thập được theo hình thức thống
3. Nghiên cứu tài liệu: Tổng hợp, thu thập các tác động của tiểu dự án lên các thành phần môi trường và xã hội.
4. Phương pháp mạng lưới (một trong các công cụ EIA): Thiết lập mạng lưới thể hiện những nguyên nhân và hệ quả do rất nhiều các hoạt động khác nhau (tác động sơ cấp, tác động thứ cấp và tác động bậc cao hơn) của TDA.

(5) Phương pháp ma trận môi trường (một trong các công cụ EIA): đánh giá tác động môi trường, bán định lượng các tác động của việc triển khai tiểu dự án

(6) Phương pháp đánh giá nhanh*:* Sử dụng các hệ số ô nhiễm của tổ chức Y tế Thế giới (WHO) nhằm ước tính thải lượng và dự báo ô nhiễm.

* 1. **Đơn vị tư vấn**

Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội cho Tiểu dự án “Nâng cấp và sửa chữa hồ chứa nước Đại Thắng” do viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo thực hiện. Địa chỉ liên hệ như sau:

-Tên đơn vị tư vấn: V**iện thủy điện và năng lượng tái tạo**

- Địa chỉ: Số 8, ngõ 95 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội

- Điện thoại/Fax: 043 8521298

### Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo ESIA

| **TT** | **Họ, tên** | **Trình độ** | **Vị trí trong việc thực hiện ESIA** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phạm Thị Ngọc Lan | Tiên sỹ Môi trường | Đội trưởng - Phụ trách chung và phần Kế hoạch quản lý môi trường và giám sát môi trường |
| 2 | Bùi Thị Thủy | Th.S Kỹ thuật Môi trường | Chuyên gia làm ĐTM - Phụ trách chính phần đánh giá và dự báo các tác động đến môi trường |
| 3 | Phạm Thị Thuận | Kỹ sư Môi trường | Chuyên gia -phụ trách đánh giá môi trường nền |
| 4 | Lê Hùng Anh | Tiến sỹ sinh thái | Chuyên gia - Phụ trách phần sinh thái |
| 5 | Nguyễn Hồng Thúy | Tiến sỹ xã hội học | Phụ trách đánh giá tác động xã hội |
| 6 | Lê Thanh Hà | Thạc sỹ kinh tế nông nghiêp | Chuyên gia tái định cư |
| 7 | Nguyễn Văn Huấn | Th.S Hóa học | Chịu trách nhiệm phân tích mẫu đất, nước, khí |

# PHẦN 2: MÔ TẢ TIỂU DỰ ÁN

## 2.1. Tổng quan về TDA

**Tên tiểu dự án**: Hồ chứa nước Đại Thắng được xây vào năm 1960 với nguồn vốn của Chính Phủ Việt Nam. Năm 1996, nước tràn qua đập và đe dọa sự an toàn của đập. Kể từ đó chưa công trình chưa được bảo trì với quy mô lớn, do đó toàn bộ hệ thống đã bị xuống cấp và hư hỏng, làm giảm diện tích tưới thiết kế và đe dọa sự an toàn của cơ sở hạ tầng phía hạ lưu và của cộng đồng

***Mục tiêu thực hiện TDA:***

* Đảm bảo ổn định và an toàn hồ đập lâu dài;
* Bảo đảm an toàn của con người và tài sản phía hạ lưu đặc biệt vào mùa mưa
* Cung cấp nguồn nước tưới ổn định cho 100 ha đất sản xuất lúa, 30 ha hoa màu
* Tạo nguồn nước ngầm cho sinh hoạt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của 200 hộ dân trong cộng đồng dân cư vào mùa khô
* Cải thiệu môi trường sinh thái hiện có và môi trường nuôi trồng thủy sản trong khu vực

***Chủ đầu tư***

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình

* Địa chỉ: Tổ 13, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
* Điện thoại/Fax: 0218 3852003; 0218 3853789.

**Tổng vốn đầu tư:**

Tổng vốn đầu tư: **35.537.760.462 VNĐ**

( Ba mươi lăm tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)

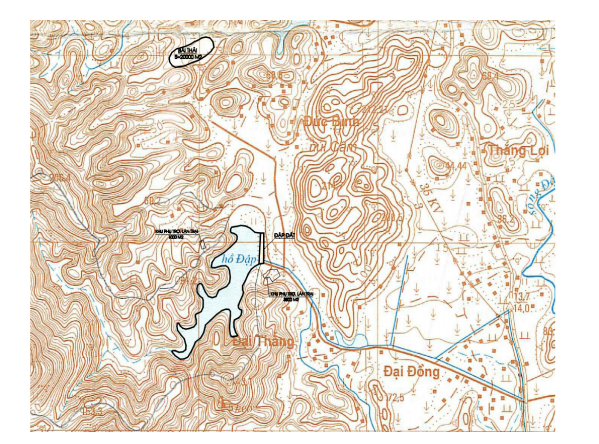
**Địa điểm thực hiện Dự án:** Hồ Đại Thắng thuộc địa phận thôn Đức Bình, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình Việt Nam (Hình 2-1, Hình 2-2). Hồ chứa nằm ở phía Tây Nam của huyện Chi Nê cách khoảng 25 km. Diện tích lưu vực của hồ chứa là 1,6 km2 được phân cấp là đập nhỏ theo quy định của Việt Nam và có tổng công suất là 561,900 m3

Hồ Đại Thắng được xây dựng từ những năm 1960 là một suối nhỏ của Chợ Đập, sau đó chảy ra sông hoàng Long. Vị trí tiếp giáp của xã An Bình như sau: Phía bắc giáp xã An Lạc; Phía Đông giáp xã Yên Bồng và tỉnh Ninh Bình; Phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình; Phía Tây giáp với huyện Yên Thủy.

Khu vực dự án thuộc xã trung du miền núi thấp có độ dốc trung bình 15o, cao nhất 40o có độ cao từ 120 đến 270 m so với mực nước biển. Người dân trong xã hiện thiếu nước tưới, dẫn tới sản lượng nông nghiệp thấp. Hình 2.1 và 2.2. thể hiện vị trí vùng thực hiện TDA cho cụm công trình hồ chứa Đại Thắng:



Hình 2-1: Vị trí công trình hồ Đại Thắng



Hình 2-2: Bản đồ địa hình của vùng tiểu dự án

## 2.2. Các hạng mục chủ yếu của Tiểu Dự án

### Chi tiết công trình đầu mối hồ chứa nước Đại Thắng sẽ được sửa chữa và nâng cấp trong bảng 2.1

**Bảng 2-1: Quy mô các hạng mục công trình hồ Đại Thắng**

| **Hạng mục công trình** | **Hiện trạng** | **Sau khi phục hồi** |
| --- | --- | --- |
| Hồ chứa | Hồ chứa có diện tích lưu vực 1,6 km2; dung tích toàn phần Wtp=561.900 m3.  Hiện nay dung tích hồ chứa đã giảm 10-15% do bị bồi lắng nặng nề. Hồ không được nạo vét kể từ khi xây dựng | Giữ nguyên hiện trạng |
| * Đập | * Kích thước đập: L x B x H = 196 m x 3.5m x 15.3 m * Tình trạng:   + Mái đập thượng, hạ lưu không được gia cố. Mái thượng lưu bị sóng đánh vào nhiều chỗ mái bị xói sâu tạo thành các hàm ếch sâu từ (30 -:- 40)cm;  + Mái hạ lưu bị xói mòn do mưa lũ tạo thành các rãnh sâu từ 20-:-30cm, và có nhiều tổ mối khoảng (50 -60 tổ) được bao phủ bởi cỏ dại  + Trên thân đập còn có xuất hiện 5 vết nứt ngang và 01 vết nứt dọc, bề rộng vết vết nứt từ 1-:-2cm. | * Tăng mặt cắt ngang của đập vì độ dốc hạ lưu cần được gia tăng và cao trình nền của mái hạ lưu sâu hơn. Chiều cao của đập từ 15.3 đến 17.9 * Mở rộng chiều rộng đỉnh đập từ 3.5m đến 5m. * Kết cấu đỉnh đập bằng bê tông M200 dày 20cm; Xây tường chắn sóng cao 1 m bằng bể tông M200 * Mái thượng lưu đập: bảo vệ mái bằng các tấm bê tông cốt thép M200 * Mái hạ lưu đập: Bao phủ BTCT * Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa rên toàn bộ mái đập. * Xây dựng hệ thống quan trắc thấm   Xử lý triệt để các tổ mối trong thân đập  - Phát quang làm sạch cây cối trên mặt đập. |
| Tràn xả lũ | * Tràn xả lũ được xây dựng tại vị trí yên ngựa cách vai trái của đập khoảng 200m. * Tràn có kết cấu là tràn đất với chiều dài toàn bộ tràn L=65m, chiều rộng tràn B=15-:-20m .   Hiện trạng: Nối tiếp sau ngưỡng tràn là dốc nước không được gia cố, dốc nước chảy thẳng đứng qua tràn mà không có các hình thức tiêu năng.  Nước được xả trực tiếp ra suối Chợ Đập (một đoạn đi qua thôn Đức Bình) | * Kiên cố hóa tràn xả lũ bằng bê tông cốt thép M200 bao gồm ngưỡng tràn, tường dốc nước, các bậc thang và bể tiêu năng; bể tiêu năng cũng sẽ được gia cố bằng bê tông cốt thép M200 dày 30 cm. |
| Cống lấy nước | Cống lấy nước đặt trong thân đập có dạng hình tròn (dài 100m, đường kính 400mm) được làm bằng bê tông cốt thép đúc sẵn. Cống có lưu lượng thiết kế là 0.15m3/s.  Cống bị rò rỉ và thấm trong một thời gian dài. | * Thay thế cống lấy nước hiện tại bằng một ống thép mới (L = 96 m, D = 400 mm) với độ dày 6mm, được phủ một lớp bê tông cốt thép dày 20cm và một lớp đất sét dày 0,5m cho ổn định. * Lắp đặt một hệ thống điều khiển van ở hạ lưu cống bên trong nhà van. |
| - Đường vào/đường quản lý  - Đường thi công  - Đường vận hành | - Đường quản lý được nối vớiđường liên thôn của xã. Đường có bề rộng mặt đường B=3m, dài 110m. Đường chưa lát và trơn trượt trong những ngày mưa.  - Đường thi công bao gồm các tuyến đường bên trong các công trường xây dựng và các tuyến đường liên thôn (khoảng 1,2 km bê tông và 0,7 km đá cấp phối) để vận chuyển các vật liệu cũng như đất đá thải.  - Đường vận hành từ đỉnh đập đến đập tràn là một con đường đất hẹp với chiều rộng 3,5m. | * Sửa chữa và nâng cấp:   Sửa chữa đường thi công sau khi hoàn thành tiểu dự án, đập tràn |
| Nhà quản lý vận hành | - Nhà quản lý vận hành được đặt bên vai phải hạ lưu của đập  - Hiện nay đã hư hỏng hoàn toàn, không sử dụng được | Nhà quản lý vận hành sẽ được xây dựng ở hạ lưu của đập, cách vai phải một đoạn 50m. Có tổng diện tích sàn là 500 m2. Công trình sẽ được xây dựng bằng gạch. Mái nhà sẽ được làm bằng bê tông cốt thép M200. Tòa nhà sẽ được trang bị hệ thống điện, cấp thoát nước và thông gió. |

|  |  |
| --- | --- |
| *D:\Projects\27. WB8\1. Ho Dai Thang\HB-Ho Dai Thang\hồ Đai Thắng\ANH CT\IMG_0630.JPG*  **Hình 2-3: Mặt đập nhiều chỗ không bằng phẳng** | *D:\Projects\27. WB8\1. Ho Dai Thang\HB-Ho Dai Thang\hồ Đai Thắng\ANH CT\IMG_0677.JPG*  **Hình 2-4: Xói mòn nặng ở mái hạ lưu đập** |
| *D:\Projects\27. WB8\1. Ho Dai Thang\HB-Ho Dai Thang\hồ Đai Thắng\ANH CT\IMG_0689.JPG* | D:\Projects\27. WB8\1. Ho Dai Thang\HB-Ho Dai Thang\hồ Đai Thắng\ANH CT\IMG_0681.JPG |
| **Hình 2-5: Vai trái đập bị xói mòn do mưa** | **Hình 2-6: Vai phải đập bị xói mòn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **D:\Projects\27. WB8\1. Ho Dai Thang\HB-Ho Dai Thang\hồ Đai Thắng\ANH CT\IMG_0664.JPG**  **Hình 2-7: Cửa vào tràn xả lũ** | **D:\Projects\27. WB8\1. Ho Dai Thang\HB-Ho Dai Thang\hồ Đai Thắng\ANH CT\IMG_0655.JPG**  **Hình 2-8: Hư hại trên tràn xả lũ** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình 2-9: Phía hạ du tràn xả lũ** | **Hình 2-10: Nhà quản lý bị hư hại** |

## 2.2.2. Khối lượng công tác chính và vận chuyển nguyên vật liệu

Khối lượng thi công các hạng mục công trình được thể hiện trong bảng 2-2 :

**Bảng 2-2: Khối lượng các công tác chính của TDA**

| **STT** | **Các hạng mục công trình** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Đập đất** | | |
| 1.1 | Làm sạch thảm thực vật bao phủ | m3 | 9827,9 |
| 1.2 | Đắp đất cho đập, cấp II | m3 | 30,228.1 |
| 1.3 | Đắp đất để bảo vệ mái hạ lưu đập | m3 | 568.3 |
| 1.4 | BTCT mái đập | m3 | 772.1 |
| 1.5 | Bê tông mặt đập | m3 | 535.7 |
| 1.6 | Cốt thép | kg | 38,604.3 |
| 1.7 | Đá cấp phối | m3 | 180,2 |
| 1.8 | Đá lát khan để bảo vệ mái hạ lưu | m3 | 1,175.7 |
| 1.9 | Trồng cỏ | m3 | 5,682.6 |
| 2 | **Tràn** | | |
| 2.1 | Đào đất | m3 | 10,626.0 |
| 2.2 | Đắp đất | m3 | 674.4 |
| 2.3 | BTCT M200 | m3 | 636,5 |
| 2.4 | BTCT M100 | m3 | 119.2 |
| 2.5 | Cốt thép | kg | 44,553.4 |
| 3 | **Cống** | | |
| 3.1 | Đào đất | m3 | 10,103.4 |
| 3.2 | Đắp đất, Cấp III | m3 | 13,090.8 |
| 3.3 | Đắp đất sét | m3 | 377.8 |
| 3.4 | BTCT M200 | m3 | 40.9 |
| 3.5 | BTCT M100 | m3 | 6,2 |
| 3.6 | Phá dỡ bê tông cống cũ | m3 | 85.4 |
| 3.7 | Phá dỡ bê tông tháp van | m3 | 7.0 |
| 3.4 | Cốt thép | kg | 2,862.3 |
| 4 | **Bể tiêu năng** | | |
|  | Đào đất thủ công | m3 | 26.4 |
|  | Đắp đất thủ công | m3 | 39.6 |
|  | BTCT M200 | m3 | 102 |

## 2.2.3. Vận chuyển đất đá, nguyên vật liệu

**Bảng 2-3: Các công trình phụ trợ hồ Đại Thắng và khối lượng vận chuyển vật liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hạng mục** | **Vị trí** | **Số lượng (trữ lượng khai thác** | **Khỏang cách vận chuyển, tuyếnđường vận chuyển** |
| Mỏ đất | Sườn đồi vai trái của hồ chứa | 50.000 m3 | Đường vận chuyển: đi men theo lòng hồ (1) đến đập với khoảng cách 300m, (2) đến tràn xả lũ là 100m |
| Mỏ đá | Mua tại thị trấn Chi Nê | Đảm bảo đủ khối lượng yêu cầu | Khoảng cách: 20km,  Đường đi: qua thị trấn Chi Nê, đường tỉnh lộ 438, đường tỉnh lộ 479 sau đó rẽ vào đường tỉnh lộ 479B về xã An Bình |
| Bãi thải | Tại một eo núi trong thôn Thắng Lợi | Diện tích 9850m2 | Khoảng cách: 1,9km, Đường đi: từ thôn Thắng Lợi đi theo đường liên thôn về vị trí công trình (giữa thôn Đức Bình và thôn Thắng Lợi)  Đườngnày chỉ có ruộng lúa (không có trường học, trung tâm y tế) |
| Nơi cung cấp vật liệu xây dựng | Mua tại thị trấn Chi Nê | Số lượng không xác định | Khoảng cách: 20km  Đường đi: đi qua thị trấn Chi Nê, đường tỉnh lộ 438, đường tỉnh lộ 479 sau đó rẽ vào đường tỉnh lộ 479B về xã An Bình |

Vị trí của bãi vật liệu mượn, bãi thải và kho bãi chứa vật liệu xây dựng được thể hiện trong bản đồ ở Hình 2-11.

Hình 2-11: Vị trí các công trình phụ trợ hồ chứa Đại Thắng

|  |  |
| --- | --- |
| Description: E:\Foreign Consultant\WB8_Antoandap\Ho Dai Thang\ESIA_report\SUA CHUA\Hinh anh tham thuc vat tai vi tri bai thai thon Thang Loi.png | Description: E:\Foreign Consultant\WB8_Antoandap\Ho Dai Thang\ESIA_report\SUA CHUA\Vi tri xay dung lan trai.png |
| Hình 2-12: Khu vực dự kiến làm bãi thải | Hình 2-13: Khu vực dự kiến làm lán trại |

## 2.2.4. Danh mục máy móc sử dụng (thống kê các loại máy móc chính)

Nhiều loại máy móc thiết bị có nhãn mác, xuất xứ khác nhau sẽ được lựa chọn sử dụng trong quá trình thực hiện TDA. Tình trạng hoạt động của thiết bị máy móc theo tiêu chuẩn quy định của Luật bảo vệ môi trường của Chính Phủ Việt Nam vế khí thải và tiếng ồn. Tình trạng của máy móc và thiết bị cần đảm bảo ở điều kiện tốt.

**Bảng 2-4: Danh mục xe máy thi công**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thiết bị** | **Đặc tính kỹ thuật** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | Máy trộn bê tông 250 lít | 250l | Cái | 3 |
| 2 | Máy đầm dùi | 1.5KW | Cái | 2 |
| 3 | Máy đầm bàn | 1 kW, Chạy xăng | Cái | 5 |
| 4 | Máy đầm cóc | Chạy xăng | Cái | 5 |
| 5 | Máy đầm | 9T | Cái | 2 |
| 6 | Máy cắt cốt thép |  | Cái | 1 |
| 7 | Máy uốn cốt thép |  | Cái | 1 |
| 8 | Máy hàn điện |  | Cái | 1 |
| 9 | Máy khoan tay |  | Cái | 1 |
| 10 | Máy bơm nước |  | Cái | 4 |
| 11 | Ô tô ben | 5-7T | Cái | 7 |
| 12 | Ô tô tưới nước | m3 | Cái | 1 |

**Nhân công**

Việc sử dụng nguồn nhân lực dự tính tại thời gian cao điểm nhất có khoảng 52 nhân công.

## 2.3.Tiến độ thực hiện

Tiểu dự án được đề xuất được hoàn thành trong vòng 7 tháng, bắt đầu từ tháng 11 của năm 1 thực hiện Dự án sửa chữa và nâng cấp an toàn đập và hoàn thiện vào cuối tháng 5 của năm 2. Như vậy thời gian lựa chọn cho thi công là mùa khô. Trình tự thi công các hạng mục được trình bày tại bảng 2-5. Các hạng mục công trình đập dự kiến sẽ được tiến hành trong mùa khô và giữa thời vụ khi nhu cầu về nước tưới ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, vẫn có thời gian ngắn bị gián đoạn nguồn nước cấp cho 57 ha lúa. Khoảng 244 hộ canh tác lúa ở thôn Đức Bình sẽ bị ảnh hưởng do cấp nước.

**Bảng 2-5: Dự kiến tiến độ thi công**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Năm đầu tiên thi công** | | **Năm thứ 2 thi công** | | | | |
| **Tháng 11** | **Tháng 12** | **Tháng 1** | **Tháng 2** | **Tháng 3** | **Tháng 4.** | **Tháng 5** |
| 1 | Chuẩn bị |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Bồi thường, giải phóng mặt bằng tại công trường xây dựng |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Sửa chữa đường |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuẩn bị lán trại |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hạng mục công trình chính |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Nhà quản lý |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đập đất |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Cống |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Tràn |  |  |  |  |  |  |  |

**CHƯƠNG 3: KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ**

**3.1. Luật, chính sách về bảo vệ môi trường, xã hội của Việt Nam**

Chương này cung cấp bản tóm tắt của các chính sách môi trường và xã hội có liên quan của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới. Phụ lục I bao gồm các mô tả chi tiết và thảo luận.

***3.1.1. Môi trường***

Luật Bảo vệ Môi trường (số 55/2014/QH13) ngày 23 tháng 6 năm 2014 và Nghị định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường (số 18/2015/NĐ-CP) ngày 14 tháng 2 năm 2015 là khung pháp lý quan trọng để quản lý môi trường ở Việt Nam. Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) cung cấp các quy định pháp luật về hoạt động bảo vệ môi trường; biện pháp và nguồn lực được sử dụng cho mục đích bảo vệ môi trường; quyền, quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ Môi trường áp dụng đối với cơ quan quản lý, các cơ quan công cộng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Luật Bảo vệ môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường. Theo Điều 10, Chương II của Luật BVMT, các trách nhiệm chuẩn bị quy hoạch bảo vệ môi trường như sau:

1) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập quy hoạch cấp quốc gia về bảo vệ môi trường.

2) Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương và các tỉnh (sau đây gọi tắt là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) chịu trách nhiệm xây dựng quy trình hoặc chuẩn bị các kế hoạch địa phương về bảo vệ môi trường.

Hơn nữa, pháp luật cũng chỉ ra việc tham vấn, kiểm tra và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường (Điều 11, Chương II) cũng như danh sách các đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường trong phụ lục I và II của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ:

* Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham vấn ý kiến ​​với các Bộ, cơ quan quản lý và Ủy ban nhân dân các tỉnh bằng văn bản và tổ chức tham vấn chính thức với cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan trong việc chuẩn bị quy hoạch cấp quốc gia về bảo vệ môi trường.
* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tham vấn ý kiến ​​với các sở, cơ quan quản lý và Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Uỷ ban nhân dân cấp huyện) bằng văn bản và tổ chức tham vấn chính thức với cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan trong quá trình chuẩn bị của quy hoạch cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường.

Kiểm tra và phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường được yêu cầu như sau:

* Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng kiểm tra liên ngành và chuẩn bị quy hoạch cấp quốc gia về bảo vệ môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ với mục đích tìm kiếm sự chấp thuận cho kế hoạch đó.
* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt các báo cáo về quy hoạch cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường sau khi được tư vấn bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan trực thuộc Chính phủ có trách nhiệm thành lập hội đồng hoặc lựa chọn các tổ chức dịch vụ để thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trong phạm vi thẩm quyền quyết định và phê duyệt, trừ các dự án liên ngành, liên tỉnh.

Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thành lập hội đồng hoặc tổ chức lựa chọn các tổ chức dịch vụ để thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án diễn ra trong phạm vi tỉnh và thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Cơ quan quản lý: Đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao theo quy định tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Tại điều 3 Chương II của Luật BVMT mô tả các yêu cầu đối với đánh giá tác động môi trường. Các chủ dự án thuộc quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này tự mình, hoặc thuê tổ chức tư vấn để thực hiện việc đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm theo luật định cho kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường. Việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị của dự án. Kết quả thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường được thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chi phí phát sinh từ việc xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án và do chủ dự án chịu trách nhiệm.

Theo Điều 21 của Luật BVMT, tham vấn trong quá trình đánh giá tác động môi trường là nhằm mục đích hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nó nhấn mạnh rằng việc tham vấn giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường và con người và đảm bảo sự phát triển bền vững của dự án. Chủ dự án có nghĩa vụ phải tham vấn ý kiến ​​đối với các cơ quan quản lý, tổ chức và cộng đồng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.

Điều 22 của Luật BVMT miêu tả phạm vi của báo cáo ĐTM, bao gồm: (i) nguồn gốc xuất của dự án, chủ dự án, và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương pháp đánh giá tác động môi trường; (ii) đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án mà có thể gây ra những tác động xấu đến môi trường; (iii) đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội nơi thực hiện dự án, vùng lân cận, và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án; (iv) đánh giá và dự báo các nguồn phát thải, và các tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (v) đánh giá, dự báo và xác định các biện pháp quản lý rủi ro của dự án gây ra cho môi trường và sức khỏe cộng đồng; (vi) các biện pháp xử lý chất thải; (vii) các biện pháp để giảm thiểu các tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (viii) Kết quả tham vấn; (ix) Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (x) dự toán ngân sách cho việc xây dựng công trình bảo vệ môi trường và các biện pháp được thực hiện để giảm thiểu các tác động môi trường; và (xi) Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

Điều 23 của Luật BVMT xác định thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau: (a) Các dự án thuộc quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; (b) Các dự án liên ngành, liên tỉnh quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 18 của Luật này, trừ dự án thuộc bí mật Quốc phòng, An ninh; và (c) Các dự án do Chính phủ giao thẩm định. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình nhưng không thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án thuộc bí mật Quốc phòng, An Ninh. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 26 của Luật BVMT mô tả trách nhiệm của chủ đầu tư sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Bao gồm – Khoản 1: thực hiện các yêu cầu quy định trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động của môi trường. Khoản 2: trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo tác động môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật này, các chủ dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 27 của Luật BVMT quy định trách nhiệm của chủ đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành. Bao gồm - Khoản 1: áp dụng các biện pháp để bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động của môi trường; và khoản 2: thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do Chính phủ quy định. Các dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Điều 28 của Luật BVMT quy định trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bao gồm - Khoản 1: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khoản 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của chủ đầu tư dự án được quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án. Trường hợp phải phân tích các chỉ tiêu môi trường phức tạp thì thời gian cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

Điều 13 của Nghị định (số 18/2015/NĐ-CP) quy định điều kiện của tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường. Khoản 1: Chủ dự án, tổ chức tư vấn khi thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có đủ các điều kiện dưới đây: a) Có cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này; b) Có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ đại học trở lên; c) Có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn được xác nhận đủ điều kiện thực hiện đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích mẫu về môi trường phục vụ việc đánh giá tác động môi trường của dự án; trường hợp không có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn đáp ứng yêu cầu, phải có hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực. Khoản 2: Cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có trình độ đại học trở lên và phải có chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường đúng chuyên ngành và Khoản 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường.

Ngoài ra, các điều khoản sau đây là quan trọng và vì đây là tương đối mới, các chi tiết đã được quy định trong Phụ lục.

Điều 14: Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đối với các quy mô của báo cáo đánh giá tác động môi trường và thời gian thẩm định.

Điều 15: Lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 16: Trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Điều 17: Kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

Điều 21: Chế độ báo cáo.

***3.1.2. Khung chính sách về an toàn đập***

Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập đã quy định rõ việc xây dựng, quản lý và đảm bảo an toàn đập. Theo nghị định này, đập lớn là đập có chiều cao lớn hơn 15m hoặc tạo ra hồ chứa có dung tích lớn hơn 3.000.000m3. Đập nhỏ là đập với chiều cao tính từ mặt sàn tầng trên cùng của các đập nhỏ hơn 15 mét. Chủ sở hữu đập là tổ chức, cá nhân sở hữu đập để khai thác các lợi ích của hồ chứa nước hoặc được giao quản lý, vận hành và khai thác hồ chứa nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập trong khu vực.

Trong chương 4 của Nghị định số 18/2015 / NĐ-CP ngày 14/02/2015, từ Điều 12 đến Điều 17 đã quy định trong việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, việc thực hiện các dự án và các các biện pháp giảm nhẹ được thiết kế để bảo vệ môi trường trước và sau khi dự án chính thức hoạt động. Trong Điều 12 của Nghị định này cũng liên quan đến quy trình đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án, chủ dự án phải tổ chức cuộc họp để tham vấn ý kiến cộng đồng, chẳng hạn như Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương (Uỷ ban nhân dân cấp xã), bị ảnh hưởng (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc các Uỷ ban nhân dân trong phạm vi thực hiện dự án, phân tích các ý kiến ​​phản hồi, ý kiến ​​thu được từ các nhóm bị ảnh hưởng, và xem xét các tác động lợi ích hay bất lợi của dự án đến cộng đồng và để đề xuất các biện pháp giảm thiểu để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học, cộng đồng. Theo phụ lục số 2 của Nghị định, dự án phải thực hiện EIA nếu dung tích hồ chứa lớn hơn hoặc bằng 100.000m3. Theo quy định của Chính phủ Việt Nam, tất cả các tiểu dự án được đề xuất trong dự án DRSIP phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐGTĐMT).

***3.1.3. Về việc thu hồi đất***

Khuôn khổ pháp lý của Chính phủ Việt Nam: Các khuôn khổ pháp lý liên quan đến thu hồi đất, bồi thường và tái định cư có được dựa trên Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi), và các nghị định / hướng dẫn có liên quan khác. Các văn bản pháp luật chủ yếu áp dụng bao gồm:

* Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
* Luật Đất đai 45/2013/QH13 đã được áp dụng từ 1 tháng 7 năm 2014;
* Nghị định số 43/2014 /NĐ-CP ngày 15 Tháng 5 năm 2014 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013;
* Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về phương pháp xác định giá đất; khung giá đất được điều chỉnh, bảng giá đất; định giá giá đất cụ thể và các hoạt động tư vấn về giá đất;
* Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất của Nhà nước;
* Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới;
* Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
* Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
* Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
* Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
* Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg, ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;
* Quyết định số 52/2012 / QĐ-TTg, ngày 16 tháng 11 năm 2012, về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp đã được Nhà nước thu hồi;
* Các văn bản liên quan khác.

Các Luật, Nghị định và các quy định liên quan đến quản lý đất đai, thu hồi đất và tái định cư gồm Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 quy định các hoạt động xây dựng, quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân đầu tư vào các công trình xây dựng dân dụng và các hoạt động xây dựng; Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thay thế Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 2 năm 2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng và thay thế Nghị định 16/2005/NĐ-CP, Nghị định 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng quỹ Hỗ trợ phát triển (ODA), và Nghị định 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, quy định rằng tất cả các văn bản đăng ký tài sản gia đình và quyền sử dụng đất phải ghi tên của cả vợ và chồng; Quyết định của các tỉnh dự án liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh cũng sẽ được áp dụng cho mỗi tỉnh dự án có liên quan.

***3.1.4. Người dân tộc bản địa, dân tộc thiểu số***

Việt Nam có một số lượng lớn các chính sách và các chương trình được thiết kế đặc biệt để hỗ trợ phát triển dân tộc thiểu số. Chính phủ Việt Nam đã rất quan tâm đến phúc lợi của các nhóm dân tộc thiểu số. Có một cơ quan chính phủ ngang Bộ là Ủy ban Dân tộc và Miền núi (UBDT) phụ trách các chức năng quản lý người dân tộc thiểu số và miền núi. Hồ sơ quốc gia của Việt Nam được xuất bản bởi các Nhóm làm việc quốc tế về các vấn đề bản địa (IWGIA) chỉ ra rằng:

"Người bản địa là công dân đầy đủ của nhà nước Việt Nam và hưởng các quyền hiến pháp bảo đảm với các ngôn ngữ và truyền thống văn hóa .... Ở cấp độ lập pháp, “Ủy ban Dân tộc” có nhiệm vụ tham mưu cho Quốc hội về vấn đề dân tộc thiểu số, giám sát và kiểm soát việc thực hiện các chính sách dân tộc thiểu số của Chính phủ và các chương trình phát triển ở các vùng dân tộc thiểu số".

Tài liệu này cũng báo cáo rằng từ những năm 1960, một số chính sách và các chương trình đã được thiết kế đặc biệt cho các dân tộc thiểu số, nhưng chủ yếu là nhằm mục đích đưa họ hòa nhập với xã hội chứ không phải là cho phép họ tăng cường các thể chế của họ. Về vấn đề đất đai, báo cáo có nêu: "điều quan trọng là pháp luật hiện nay tại Việt Nam cho phép để có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rừng, và trong năm 2004, Quốc hội đã thông qua một luật đất đai mới, phù hợp nhất cho người dân bản địa, hiện nay bao gồm các loại "đất công". Bằng việc giới thiệu các khái niệm về đất công, luật mới quy định về khả năng của cộng đồng để xin giấy chứng nhận đối với đất công.

**3.2. Những ảnh hưởng của chính sách quốc gia và quy định về các dự án được đề xuất**

Dựa trên phân tích của các khuôn khổ pháp lý quốc gia, dự án sẽ phải thực hiện các yêu cầu và quy trình tối thiểu sau đây:

* PPMU hoặc các đơn vị tư vấn tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có nhân viên phụ trách ĐTM và ít nhất phải có bằng Cử nhân và Giấy chứng nhận tư vấn ĐTM. Họ cũng sẽ có hoặc sắp xếp các phòng thí nghiệm để thực hiện đo đạc, lấy mẫu, xử lý và phân tích các mẫu môi trường phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường (Điều 13 của Nghị định).
* Xem xét bản chất của các tiểu dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) phải đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM (Điều 14 của Nghị định). UBND tỉnh sẽ thẩm định và phê duyệt các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn (Điều 23 của Luật BVMT).
* Việc thẩm định báo cáo ĐTM được thực hiện bởi Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM, được thành lập bởi những người đứng đầu của cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM và có ít nhất 07 thành viên. Thành viên của Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM sẽ bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch (nếu cần thiết), 01 Ủy viên thư ký, 02 Ủy viên phản biện và các thành viên khác, trong đó ít nhất 30% thành viên hội đồng đánh giá có ít nhất 06 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực EIA (Điều 14 của Nghị định).
* Thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM là trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn xin thẩm định và phê duyệt của chủ đầu tư (Điều 14 của Nghị định).
* PPMU sẽ phải tuân thủ các yêu cầu quy định trong báo cáo được phê duyệt. Đối với bất kỳ sự thay đổi, chủ dự án phải gửi công văn giải trình đến UBND tỉnh (Điều 26 của Luật BVMT).
* PPMU sẽ phải thông báo cho UBND tỉnh và dự án chỉ được đưa vào hoạt động sau khi các cơ quan phụ trách việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra và chứng nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (Điều 27 của Luật BVMT).
* PPMU sẽ chuẩn bị một báo cáo hoàn thành cho công tác bảo vệ môi trường và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, UBND tỉnh phải kiểm tra và cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án (Điều 28 của Luật BVMT).
* Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các tiểu dự án được thực hiện bởi đoàn thanh tra được thành lập bởi người đứng đầu UBND tỉnh (Điều 17 của Nghị định).
* UBND tỉnh có trách nhiệm gửi gBND tỉnh có trách nhiệm gửi bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các tiểu dự án được thực hiện bởi đoàn thanh tra được thành lập bởi người đứng đầu UBND tỉnh (Điều 17 của Nghị định). vệ môi trường của dự án (kế hoạch bảo vệ môi trường chi tiết; hoạt động kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường của năm trước đó trên địa bàn mình quản lý trước ngày 15 tháng 1 hàng năm (Điều 21 của Nghị định).
* Trưc Bc ngà quan ngang Bhàng nă, Bộ NN&PTNT gBộ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các báo cáo vho Báo ài nguyên và Môi trường các môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các tiểu dự án được thực hiện bởi đoàn thanh tra được thành lập bởi người đứng đầu UBN; hoạt động kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trư Báo ài nguyên và Môiđăm trư các dư ài nguyên và Môi trường các môi trườn (Điều 21 của Nghị định).

**3.3. Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới**

Mục tiêu của chính sách an toàn là để ngăn chặn và giảm thiểu các tác hại không đáng có cho người dân và môi trường trong quá trình phát triển. Chính sách an toàn cung cấp cơ sở cho sự tham gia của các bên liên quan trong việc thiết kế dự án, và thực hiện như một công cụ quan trọng để xây dựng quyền sở hữu giữa những người dân địa phương.

Các tác động tích cực và phát triển các dự án và các chương trình hỗ trợ của Ngân hàng đã tăng lên đáng kể như là kết quả của sự chú ý đến các chính sách này. Các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới có sẵn trong trang web:

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,menuPK:584441~pagePK:64168427~piPK:64168435~theSitePK:584435,00.html>.

**3.4. Các chính sách an toàn của NHTG**

1. Tám chính sách của Ngân hàng Thế giới đã được kích hoạt cho dự án. Đó là: Đánh giá môi trường tự nhiên (OP/BP 4.01), Khu vực sinh sống tự nhiên (OP/BP 4.04), Quản lý dịch hại (OP/BP 4.09), Tài nguyên Văn hóa vật thể (OP/BP 4.11), Người dân bản địa (OP/BP 4.10), Tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12), An toàn Đập (OP/BP 4.37) và Dự án Đường thủy Quốc tế (OP/BP 7.50).
2. Theo Chính sách OP 4.01, việc đánh giá môi trường phải được thực hiện cho một tiểu dự án cụ thể sẽ phụ thuộc vào loại tiểu dự án. Như đã nêu truớc đây, Chính sách OP 4.01 của NHTG phân loại các dự án thành ba loại chính (loại A, B và C), phụ thuộc vào thể loại, vị trí, độ nhạy cảm và qui mô của dự án và tính chất và mức độ tác động tiềm tàng. Xét về rủi ro môi trường và độ phức tạp liên quan tới số lượng lớn các tiểu dự án sẽ thực hiện trên diện rộng thì dự án này đã được xếp vào dự án loại "A". Tuy nhiên, các tiểu dự án được tài trợ có thể được phân loại là 'A' hoặc 'B' hoặc ‘C’ tuỳ theo mức độ, phạm vi và tác động của chúng.
3. Các hoạt động của dự án được tiến hành trên công trình đập hiện có và do đó mức độ ảnh hưởng của các hoạt động này không dẫn đến làm chuyển đổi hoặc suy thoái của môi trường sống tự nhiên quan trọng. Tuy nhiên, cần thiết phải xác định phạm vi, sàng lọc và đánh giá tác động tiềm tàng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua bán các loại phân bón và thuốc trừ sâu. Kể từ khi công việc phục hồi chức năng đập có xu hướng ổn định diện tích đất nông nghiệp theo thiết kế ban đầu, vì vậy lượng phân bón cũng có thể được sử dụng nhiều hơn, vì vậy chính sách quản lý dịch hại OP/BP4.09 đã được kích hoạt nhằm quản lý, thúc đẩy việc áp dụng Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và hướng dẫn cho vấn đề này được tích hợp trong ESMF.
4. Ngoài ra, trong giai đoạn này chưa biết chính xác các vị trí của tiểu dự án, có khả năng một số công tình khôi phục và đường quản lý có thể đi qua các khu vực có tài nguyên văn hóa vật thể. Do đó, các tác động phải được xem xét trong phần sàng lọc/đánh giá môi trường ở các tiểu dự án khác nhau. Ngoài ra, 'Thủ tục tìm kiếm-phát lộ” phù hợp với pháp luật địa phương về di sản sẽ được tiến hành để bảo đảm rằng các nguồn tài nguyên này sẽ không bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện.
5. Dự án có thể can thiệp vào khu vực người dân bản địa sinh sống (địa điểm cụ thể sẽ được xác định trong quá trình thực hiện tiểu dự án). Ngoài ra, dự án có thể phải thực hiện việc thu hồi đất và tái định cư. Như vậy, khung chính sách phát triển dân tộc thiểu số (EMPF), Khung chính sách tái định cư (RPF) bắt buộc phải thực hiện đối với dự án và sẽ được chuẩn bị tài liệu riêng. Dự án cũng sẽ không tài trợ xây dựng bất kỳ đập mới nào hoặc các công việc phục hồi, gia cố sửa chữa làm thay đổi đáng kể kết cấu đập. Chính sách an toàn đập cũng được kích hoạt cho công tác phục hồi chức năng và nâng cao an toàn cho các đập lớn (cao trên 15 mét). Do đó, yêu cầu bố trí một hoặc nhiều chuyên gia an toàn đập độc lập để (a) kiểm tra và đánh giá tình trạng an toàn của đập hiện có, các công trình phụ và lịch sử vận hành đập; (b) xem xét và đánh giá qui trình vận hành và bảo trì của chủ đầu tư; và (c) báo cáo văn bản về những phát hiện và kiến nghị về công trình sửa chữa hoặc biện pháp liên quan tới an toàn cần thiết để nâng cấp đập hiện có tới mức độ an toàn chấp nhận. Chính sách và thực hành liên quan tới an toàn đập cần đáp ứng các chuẩn quốc tế, ví dụ, những qui định do ICOLD và khung qui định của NHTG về an toàn đập đưa ra. Những biện pháp này được thiết kế trong dự án, bao gồm thiết lập đơn vị đánh giá an toàn đập quốc gia (DSRP). Dự án cũng thành lập Nhóm chuyên gia an toàn đập độc lập (PoE) là người sẽ xem xét độc lập về các báo cáo an toàn đập và các biện pháp giảm thiểu đề xuất. Nhóm Chuyên gia an toàn đập này sẽ phối hợp chặt chẽ với DSRP sẽ thành lập để đảm bảo tích hợp kỹ thuật trong các sáng kiến đầu tư. Mỗi dự án sẽ có một Kế hoạch an toàn đập riêng (DSP) cùng với ESMP.
6. Có sáu lưu vực sông xuyên biên giới trong nước. Tuy nhiên, Việt Nam là thượng nguồn lưu vực sông Sê-san-Srepok - một nhánh của sông Cửu Long, thượng nguồn của Campuchia và lưu vực Bang Giang-Kỳ Cùng, thượng nguồn của Trung Quốc. Vì vậy, dự kiến ​​rằng một số đập sẽ có trong các lưu vực sông quốc tế kể trên, và do đó chính sách Tuyến đường thủy quốc tế được kích hoạt.
7. Các hướng dẫn của Hội NHTG (WBG) về các vấn đề môi trường, sức khỏe, an toàn (EHS), trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về thông số môi trường (chất lượng không khí xung quanh, nước và chất lượng nước thải, độ ồn, quản lý chất thải), nguy cơ và phòng ngừa tai nạn, sức khỏe nghề nghiệp, cộng đồng và an toàn (trong thời gian vận hành và thời gian ngừng xây dựng) vv. Những nguyên tắc này sẽ được áp dụng trực tiếp cho các tiểu dự án được đề xuất. Tuy nhiên, các hướng dẫn WBG cần phải phù hợp với các hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam. Trong trường hợp các hướng dẫn hay tiêu chuẩn Việt Nam khác với hướng dẫn WBG, dự án sẽ thực hiện theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn.

Ngân hàng Thế giới cũng đề xuất chính sách tiếp cận thông tin. Dự án thông tin công việc thực hiện đánh giá môi trường/xã hội và khung QLMTXH cho công chúng, bằng cách công bố các tài liệu trên trang thông tin của địa phương. Ngoài ra, các tài liệu in ra bằng tiếng Anh, tiếng Việt sẽ cung cấp cho Bộ NN & PTNT và Sở NN & PTNT các tỉnh có TDA.

**PHẦN 4: ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ**

## 4.1. Thủy văn và sinh thái tại các nguồn nước đổ về hồ chứa Đại Thắng

Nguồn nước chính đổ về hồ chứa nước Đại Thắng là một nhánh sông nhỏ (không rõ tên), toàn bộ dòng chảy này đổ thẳng vào hồ chứa. Nhánh sông này là một con kênh tự nhiên nhỏ với tốc độ dòng chảy trung bình là 0,0566 m3/s (56,6 lít/s). Chiều dài của đoạn thượng nguồn nhánh sông này là khoảng 1,53 km. Diện tích lưu vực hồ chứa là khoảng 1,6 km2 và được bao quanh bởi các dãy núi (120-270 masl). Khu vực này chủ yếu là khu vực trồng rừng (chủ yếu trồng keo và bạch đàn) và một phần là khu vực pha trộn giữa rừng trồng với thảm thực vật (chủ yếu là cây bụi) và cây bản địa. Thảm thực vật trên bờ của hồ chứa bao gồm các loại cỏ dại và bạch đàn. Theo khảo sát, nhánh sông này có một số loài động vật phù du như Copepoda, Cladocera và Rotatoria, nhưng nói chung, không có động vật thủy sinh và thực vật cần được bảo vệ hoặc trong danh mục cấm.

Đập Đại Thắng ngăn nước từ một con nhánh sông, tạo ra hồ chứa với dung tích toàn phần lên tới 561.900 m3 với dung tích hữu ích là 526.650 m3. Nước được sử dụng để tưới cho tổng cộng khoảng 130 ha đất nông nghiệp. Kích thước của các vùng bị ngập thay đổi từ 10,43 ha đến 9,5 ha tương ứng với mực nước lũ kiểm tra và lũ thiết kế. Ngoài 526,650 m3 nước được trữ ra, nước thừa chảy qua đập tràn tự do vào một đoạn hạ lưu của một con kênh tự nhiên rồi hợp lại dòng chảy tự nhiên của suối Chợ Đập và sau đó đi vào con sông lớn là sông Đập (xem phác thảo trong Phụ lục A2-2). Chiều dài của đoạn kênh tự nhiên dưới hạ lưu trước khi hợp với suối Chợ Đập là khoảng 330 m. Lưu vực dòng chảy tự nhiên của suối Chợ Đập là 9,36 km2 với lưu lượng dòng chảy hàng năm là khoảng 0,331 m3/s. Chiều dài của nó trước khi chảy vào sông Đập là khoảng 3.75km. Dọc theo bờ sông Đập là các loài cây bụi nhỏ. Các loài thủy sản có thể được tìm thấy ở con sông này là các loại cá nước ngọt phổ biến, động vật giáp xác và thực vật phù du. Những người dân địa phương ở khu vực xung quanh thường câu cá trên dòng sông này và thu thập các loại thảo mộc có thể ăn được trên bờ sông.

Nhánh sông nguồn chảy vào hồ Đại Thắng rất nhỏ, do đó sự gián đoạn dòng chảy tự nhiên bởi con đập gây ra ít tác động đến hệ sinh thái và thủy văn dòng chảy. Đập Đại Thắng đã hoạt động hơn 50 năm và do vậy đời sống thuỷ sinh nơi đây đã hoàn toàn thích nghi với dòng chảy thủy văn.

Đoạn nhánh sông ở hạ lưu có lưu lượng rất nhỏ trong suốt ba tháng mùa khô (từ tháng Hai đến tháng Tư). Lưu lượng đỉnh lũ của con sông (bằng lưu lượng chảy ra khỏi các đập tràn khi hồ chứa đầy và cống bị đóng lại) có Q = 65,2 m3 / s, 51,8m3 / s tương ứng với tần suất lũ kiểm tra và lũ thiết kế, tương ứng. Với độ dốc cao, nên dòng chảy dễ dàng chảy ra sông Đập. Lưu vực của suối Chợ Đập ở hạ lưu của hồ Đại Thắng có thảm thực vật chủ yếu bao gồm các loại cây dại mọc um tùm bên bờ sông, tiếp theo đó là những cánh đồng lúa.

Khi hồ hoạt động, mực nước dao động giữa Mực nước chết (+ 24.9m) và Mực nước dâng bình thường (+ 34.5m). Mực nước dâng bình thường sẽ ở mức thấp nhất trong thời gian cuối mùa khô. Khả năng trữ nước sẽ đạt tới Mực dâng bình thường vào cuối mùa lũ. Như vậy, độ sâu của nước trong hồ chứa sẽ thay đổi từ 7m đến 9 m. Mực nước xấp xỉ Mực nước dâng bình thường sẽ vẫn duy trì trong khoảng 2-3 tháng. Các hồ chứa đã cung cấp môi trường sống lâu dài cho nhiều loài thủy sản, trong đó có các loài cá có thể ăn và các loài phục vụ cho mục đích thương nghiệp. Các loài được tìm thấy trong các hồ chứa cũng như trong các kênh thủy lợi bao gồm các loài cá nước ngọt truyền thống như cá chép và động vật giáp xác nhỏ như cua và tôm. Không có loài đặc hữu hoặc hiếm hoặc các loài cần được bảo vệ trong hồ chứa và ở lưu vực. Dựa trên phân tích các mẫu nước lấy từ hồ chứa, chất lượng nước của Hồ chứa đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia (cột B) đối với tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.

## 4.2. Khí hậu và thủy văn

Như đã mô tả, Hồ Đại Thằng nằm tại xã An Bình, huyện Lạc Thủy, hòa Bình. Dưới đây là những đặc điểm địa lý chung của khu vực:

* Điều kiện khí hậu: khu vực mang nét đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm có hai mùa khá rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau
* Nhiệt độ: Theo như báo cáo thống kê 5 năm gần đây,i nhiệt độ trung bình của khu vực là trên 23Oc, nhiệt độ hàng năm cao nhất và thấp nhất tương ứng là 29oC và 16,5Oc. Tháng 7 có nhiệt độ cao nhất và tháng 1 là tháng có nhiệt độ thấp nhất.
* Độ ẩm không khí: Độ ẩm trung bình năm vào khoảng 81%, độ ẩm cao nhất vào tháng Tám và tháng Chín
* Hướng gió chính: Vào mùa hè (gió thổi từ phía Đông Nam đến Tây Nam); vào mùa đông gió thổi từ phía đông đến phía đông bắc. Tốc độ gió trung bình năm vào khoảng 1,3m/s
* Số giờ nắng: Tổng số giờ nắng mỗi năm đạt 1447,8 giờ. Theo quan sát, những tháng có số giờ nắng cao nhất và thấp nhất tương ứng là tháng Sáu và tháng hai
* Lượng mưa: Trong mùa mưa, lượng mưa trong khu vực là khá cao, ước tính khoảng 1900 mm đến 2000 m, tập trung vào tháng 7, 8 và tháng 9. Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 năm trước và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Từ các số liệu quan trắc mưa. Sau hi tính toán, kết quả cuối cùng được hiển thị tại bảng 4.1

**Bảng 4-1: Đặc trưng mưa vùng dự án (trung bình 5 năm gần đây)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặc | Tháng | | | | | | | | | | | | |
| trưng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII | Năm |
| Mưa  (mm) | 22,9 | 20,8 | 43,3 | 70,7 | 213,1 | 226,0 | 304,7 | 354,1 | 343,6 | 222,4 | 70,0 | 18,5 | 1910,2 |
| Max (mm) | 60,6 | 75,0 | 146,9 | 127,9 | 188,5 | 170,4 | 249,3 | 304,4 | 393,7 | 321,1 | 250,7 | 31,0 | 393,7 |
| Năm | 2010 | 1976 | 1990 | 1999 | 1973 | 1974 | 1996 | 1975 | 1980 | 2008 | 1996 | 2005 | 1980 |

Do trong lưu vực hồ Đại Thắng quá nhỏ nên không có trạm đo mưa hoặc trạm khí tượng trong khu vực này. Lưu vực lân cận la Chi Ne (cách khoảng 10km), tuy nhiên, là trạm có điều kiện tương tự thủy văn và cây cỏ tương tự như lưu vực hồ Đại Thắng đã được quan trắc nhiều yếu tố khí tượng liên tục (từ 1973 - 2013). Các đánh giá sau được dựa trên dữ liệu thu được từ trạm Chi Nê.

**Bảng 4-2: Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế ứng với các tần suất**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | P (%) | Q MaxP Đại Thắng(m3/s) | W MaxP Đại Thắng(106.m3) |
| **1** | **0,2%** | **65,2** | **0,6346** |
| 2 | 0,5% | 57,1 | 0,5680 |
| **3** | **1,0%** | **51,8** | **0,5231** |
| 4 | 1,5% | 47,2 | 0,4834 |
| 5 | 2,0% | 44,5 | 0,4630 |
| 6 | 5,0% | 38,4 | 0,4122 |
| 7 | 10% | 32,4 | 0,3584 |

Bay hơi:

* Lượng bốc hơi cao nhất hàng năm: 1,055mm
* Lượng bốc hơi thấp nhất hàng năm: 654mm
* Lượng bốc hơi trung bình hàng năm: 915mm

**Bảng 4-3: Kết quả đo đạc bốc hơi (Unit: mm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII | năm |
| Zp | 60,9 | 57,8 | 64,7 | 74,3 | 96,6 | 89,9 | 82,6 | 64,1 | 65,6 | 75,1 | 75,3 | 74,4 | 881,3 |
| Zmn | 79,2 | 75,1 | 84,1 | 96,6 | 125,6 | 116,9 | 107,4 | 83,3 | 85,3 | 97,6 | 97,9 | 96,7 | 1145,7 |
| ∆Z | 24,3 | 23,0 | 25,8 | 29,6 | 38,5 | 35,8 | 32,9 | 25,6 | 26,1 | 29,9 | 30,0 | 29,7 | 351,2 |

*Địa hình:* Vùng nghiên cứu có đặc trưng địa hình chung là địa hình đồi núi. Địa hình của xã chủ yếu là đồi và núi đá. Có tỉnh lộ 438B đi qua địa bàn xã với chiều dài dọc xã trên 7km. Nước thoát theo các rãnh tự nhiên theo độ dốc của địa hình.

*Địa chất*: Khu vực xây dựng công trình có nền địa chất tương đối ổn định, phần lòng suối là lớp đá cuội sỏi sạn chiều dày từ 1-3m, phía dưới là lớp đất cứng. Phần sườn đồi phía trên là lớp phủ thực vật dày từ 0,3-0,5m, phía dưới là lớp đất cứng và đá phong hóa, hệ số thấm nhỏ, đảm bảo ổn định cho nền móng công trình.

Căn cứ vào tài liệu địa chất đã khảo sát và qua công tác trắc hội địa chất, trong phạm vi khảo sát đập đầu mối Đại Thắng từ trên xuống bao gồm các lớp đất với những đặc điểm tính chất sau:

* ***Lớp 1a***: sét pha màu xám, ít đặc. Lớp 1a là lớp trầm tích mới trong hồ chứa nên độ dầy chưa xác định được. Lớp này có tính thấm nhỏ, có tác dụng chống thấm đáy hồ chứa .
* ***Lớp 1***: Đất đắp lớp 1: sét pha lẫn dăm sạn nhỏ, mầu nâu vàng, nâu vàng đỏ, trạng thái dẻo cứng~dẻo mềm, kết cấu chặt vừa. Lớp 1 nằm trên lớp mặt và che phủ bề mặt đập cũ (xem trong MC DC-02)
* ***Lớp 2***: Đây là lớp không đều. Chiều dầy lớp này thay đổi ở cả hai cạnh của đập (xem trong bản đồ địa chất).
* ***Lớp 3:*** Đất sét pha chứa dăm sạn, mầu nâu xám, nâu vàng, nâu đỏ, trạng thái nửa cứng~dẻo cứng. Lớp 3 nằm dược lớp 1 và lớp 2 trong lõi đập và ở bờ trái của đập.
* ***Lớp 4:*** Đất hỗn hợp dăm, sạn và á sét, mầu xám nâu. Chiều dầy lớp này không đều.
* ***Lớp* 5**: Đây là lớp đáy. Đặc điểm thạch học của lớp này là thành phần bột đá được trộn với đá metaphorphic. Đáy này bị phong hóa mạnh nên có mầu vàng xám, hoặc xám xanh. Các vết nứt trên đá được lạp bằng chất liệu sét hoặc oxit saws màu nâu và đỏ. Đá phong hóa tương đối mềm và dễ vỡ. Tuy nhiên, đối với các đập có qui mô nhỏ hoặc vừa, lớp này có thể tốt cho thi công nền móng.

## 4.3. Môi trường nước

## 4.3.1. Môi trường nước mặt

Nhìn chung, chất lượng nước mặt trong khu vực TDA là khá tốt. Tất cả các thông số chất lượng nước được Trung tâm nghiên cứu Địa chất Môi trường phân tích cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Điều này được lý giải do trong khu vực TDA, không có nguồn ô nhiễm đáng kể và dân cư sinh sống phân tán là chủ yếu.

Vị trí lấy mẫu nước được chi tiết trong bảng 4.4 dưới đây:

**Bảng 4-4: Vị trí lấy mẫu để phân tích chất lượng nước mặt (ngày lấy mẫu: 5-2-2015)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên | Vị trí | Tọa độ | |
| 1 | NM1 | Nước hồ ở phía bắc, cách tháp van 15m | X:574137,66 | Y:2258322,13 |
| 2 | NM2 | Nước hồ khu vực giữa hồ | X:574412,88 | Y:2258753,69 |
| 3 | NM3 | Vị trí cách điểm giữa đập 15m | X:574534,24 | Y:2258826,73 |
| 4 | NM4 | Nước hồ, 20m trước đầu vào cửa tràn | X:574390,68 | Y:2258960,58 |
| 5 | NM5 | Ngay điểm xả của tràn vào sông Cho Dap (mẫu nước lấy trên sông Cho Dap) | X:574379,94 | Y:2259126,86 |
| 6 | NM6 | Phía trên kênh tưới, ở đoạn kênh của làng Duc Binh. | X:574690,86 | Y:2258763,60 |

Kết quả phân tích mẫu nước mặt: Kết quản phân tích trong phòng thí nghiệm các mẫu nước mặt được trình bày trong Bảng 4.5

**Bảng 4.5. Kết quả phân tích nước mặt**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kết quả phân tích** | | | | | | **QCVN** |
| **NM01** | **NM02** | **NM03** | **NM04** | **NM05** | **NM06** | **08:2008/ BTNMT (B1)** |
| pH | - | 7,87 | 7,14 | 7,72 | 7,22 | 7,14 | 7,05 | 5,5 - 9 |
| DO | mg/l | 5,75 | 5,58 | 4,76 | 5,75 | 6,58 | 6,76 | >= 4 |
| TSS | mg/l | 41 | 44 | 47 | 41 | 55 | 54 | 50 |
| BOD5 | mg/l | 9 | 12 | 13 | 9 | 12 | 13 | 15 |
| COD | mg/l | 16,5 | 20 | 25 | 12 | 22 | 18 | 30 |
| NO3--N | mg/l | 0,012 | 0,015 | 0,017 | 0,015 | 0,015 | 0,021 | 10 |
| NO2-N | mg/l | 0,016 | 0,016 | 0,012 | 0,013 | 0,016 | 0,018 | 0,04 |
| NH4+-N | mg/l | 0,08 | 0,05 | 0,06 | 0,12 | 0,13 | 0,12 | 0,5 |
| PO43-N | mg/l | 0,124 | 0,125 | 0,121 | 0,12 | 0,13 | 0,11 | 0,3 |
| Zn | mg/l | 0,22 | 0,18 | 0,22 | 0,15 | 0,18 | 0,20 | 1,5 |
| Pb | mg/l | (N/D) | N/D | N/D | N/D | N/D | N/D | 0,05 |
| Hg | mg/l | N/D | N/D | N/D | N/D | N/D | N/D | 0,001 |
| As | mg/l | N/D | N/D | N/D | N/D | N/D | N/D | 0,05 |
| Tổng dầu mỡ | mg/l | 0,02 | 0,01 | 0,01 | 0,02 | 0,03 | 0,02 | 0,1 |
| Total Coliform | MP/ 100ml | 3.800 | 3.500 | 2.500 | 3.500 | 3.800 | 3.600 | 7.500 |

Theo kết quả quan trắc và phân tích, cũng như dựa trên tiêu chuẩn Quốc gia về chất lượng nước mặt, gần như tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép, ngoại trừ chỉ tiêu TSS tại kênh thủy lợi. Không có dấu hiệu lớn về ô nhiễm nước mặt trong khu vực TDA.

## 4.3.2. Nước ngầm

Để đánh giá chất lượng nước ngầm trong vùng thực hiện TDA, các mẫu nước ngầm đại diện được lấy và phân tích. Vị trí lấy mẫu nước ngầm được trình bày trong bảng 4.6

**Bảng 4-6: Vị trí lấy mẫu nước ngầm trong vùng tiểu dự án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên | Vị trí | Tọa độ | |
| 1 | NN01 | Nước giếng đào hộ dân Trần Đức Van thông Duc Binh (sau phía xả tràn), Chiều sâu giếng: 8m | X:574319 | Y:2259087,22 |
| 2 | NN02 | Nước giếng đào hộ dân Bùi Thị Phương, thôn Đức Thắng; Chiều sâu giếng: 6m | X:574718,14 | Y:2258751,81 |
| 3 | NN03 | Nước giếng hộ dân Bùi Văn Phương, thôn Đại Đồng; Chiều sâu giếng: 7m | X:574759,77 | Y:2258598,52 |
| 4 | NN04 | Nước giếng hộ dân Đặng Văn An, thôn Thắng Lợi; Chiều sâu giếng: 8m | X:573631,82 | Y:2258155,04 |
| 5 | NN05 | Nước giếng đào trường mầm non; Chiều sâu giếng: 10m | X:576297,97 | Y:2257332,10 |
| 6 | NN06 | Nước giếng khoan gần UBND xã An Bình; Chiều sâu giếng: 25m | X:576295,26 | Y:2257149,04 |

Kết quả phân tích mẫu nước ngầm được trình bày trong Bảng 4.7

**Bảng 4.7: Kết quả phân tích chất lượng nước ngầm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả phân tích | | | | | | | QCVN 09:2008 /BTNMT |
| NN01 | NN02 | NN03 | NN04 | NN05 | | NN06 |
| 1 | pH | - | 7,15 | 7,25 | 7,35 | 7,3 | | 7,32 | 7,25 | 5,5-8,5 |
| 2 | TDS | mg/l | 703,1 | 540,7 | 631,8 | 421 | | 456 | 522 | 1500 |
| 3 | Độ cứng | mg/l | 325 | 216 | 322 | 345 | | 412 | 305 | 500 |
| 4 | DO | mg/l | 3,2 | 4,2 | 3,8 | 3,3 | | 3,5 | 3,6 | - |
| 5 | (NH4+) | mg/l | 0,05 | 0,05 | 0,03 | 0,02 | | 0,03 | 0,03 | 0,1 |
| 6 | (NO3-) | mg/l | 0,15 | 0,15 | 0,16 | 0,15 | | 0,15 | 0,15 | 15 |
| 7 | (NO2-) | mg/l | <0,01 | <0,01 | <0,01 | <0,01 | | <0,01 | <0,01 | 1 |
| 8 | Cl- | mg/l | 71 | 62 | 68 | 56 | | 63 | 59 | 250 |
| 9 | (As) | mg/l | 0,06 | 0,04 | 0,03 | 0,03 | | 0,05 | 0,04 | 0,05 |
| 10 | (Zn) | mg/l | 0,012 | 0,017 | 0,017 | 0,015 | | 0,015 | 0,012 | 3 |
| 11 | (Pb) | mg/l | <0,0001 | <0,0001 | <0,0001 | <0,0001 | | <0,0001 | <0,0001 | 0,01 |
| 12 | Iron (Fe) | mg/l | 0,15 | 0,15 | 0,25 | 0,12 | | 0,22 | 0,13 | 5 |
| 13 | Hg | mg/l | 0,0002 | 0,0004 | KPH | KPH | | KPH | KPH | 0,001 |
| 14 | Manganese (Mn) | mg/l | 0,025 | 0,025 | 0,024 | 0,015 | | 0,005 | 0,005 | 0,5 |
| 15 | Total Coliform | MPN/100ml | 8 | 5 | 6 | 2 | | 3 | 4 | 3 |
| 16 | E.Coli | MPN/100ml | 1 | 3 | 2 | KPH | | 1 | 2 | KPH |

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng nước ngầm cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của Quốc gia về chất lượng nước ngầm QCVN 09:2008/BTNMT ngoại trừ 2 thông số là Coliform và E.coli. Như vậy nước ngầm đã có dấu hiệu ô nhiễm.

## 4.4. Môi trường không khí

Hướng gió chủ đạo của Khu vực TDA vào thời điểm quan trắc là Đông Bắc. Quan trắc nhìn có hay không có bụi được tiến hành ở vị trí cuối hướng gió chủ yếu, xung quanh địa điểm thi công, trên đường vận chuyển nguyên vật liệu. Đo đạc chất lượng không khí và mẫu cũng được thực hiện ở những điểm này (xem trong bảng 4-8).

**Bảng 4-8: Vị trí quan trắc môi trường không khí tại khu vực TDA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Vị trí** | **Tọa độ** | |
| **1** | **KK01** | Mẫu không khí khu vực hạ lưu đập chính | X:574641,32 | Y:2258850,51 |
| **2** | **KK02** | Mẫu không khí khu vực đường vào đập chính | X:574728,86; | Y:2258698,76 |
| **3** | **KK03** | Mẫu không khí khu vực đập tràn | X:574337,74 | Y:2259062,54 |
| **4** | **KK04** | Mẫu không khí tại cánh đồng thông Duc Binh, trên đường vận chuyển vật liệu (đường liên xã) | X:574612,45 | Y:2259128,53 |

Dựa trên quan sát thực tế tại các vị trí, cho thấy chưa có xuất hiện Bụi và ô nhiễm không khí tại khu vực TDA. Kết quả phân tích và đo mẫu không khí được thể hiện trong bảng 4-9:

**Table 4-9. Kết quả phân tích / đo chất lượng không khí (ngày đo/lấy mẫu 5/2/2015)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kết quả** | | | | **QCVN 05:2013/ BTNMT** | **QCVN 26:2010/ BTNMT** |  |
| **KK01** | **KK02** | **KK03** | **KK04** |  |  |  |
| 1 | Nhiệt độ | 0C | 16 | 15 | 15 | 15 | - | - |  |
| 2 | Độ ẩm | % | 88,5 | 86 | 87,5 | 86,5 | - | - |  |
| 3 | Vận tốc gió | m/s | 1,2 | 1,3 | 0,8 | 1,1 | - | - |  |
| 4 | Độ ồn | dBA | 46 | 52 | 51 | 53 | - | 70 |  |
| 5 | Áp suất | mmHg | 742 | 741 | 746 | 745 | - | - |  |
| 6 | SO2 | mg/m3 | 0,1 | 0,1 | 0,19 | 0,06 | 0,35 | - |  |
| 7 | CO | mg/m3 | 2,4 | 3 | 4,7 | 3,7 | 30 | - |  |
| 8 | NO2 | mg/m3 | 0,09 | 0,1 | 0,08 | 0,08 | 0,2 | - |  |
| 9 | Bụi | mg/m3 | 0,05 | 0,05 | 0,09 | 0,11 | 0,3 | - |  |

Chú ý: QCVN 05: 2013/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn; “-”: Không quy định.

Dựa trên kết quả phân tích mẫu không khí cho thấy chất lượng không khí trong khu vực dự án còn khá tốt, tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép.

## 4.5. Môi trường đất

Để tiến hành xem xét chất lượng đất tại khu vực TDA, Tư vấn đã kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu Địa chất môi trường tiến hành quan trắc và phân tích mẫu đất ngày 6-2-2015 (xem bảng 4-9). Vị trí lấy mẫu được trình bày trong bảng 4.9

**Bảng 4-9: Vị trí quan trắc môi trường đất tại khu vực TDA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Vị trí** | **Tọa độ** | |
| **1** | **Đ01** | Mẫu đất tại khu vực đập chính | X:574641,32 | Y:2258850,51 |
| **2** | **Đ02** | Mẫu đất tại khu vực đường vào đập chính | X:574728,86; | Y:2258698,76 |
| **3** | **Đ03** | Mẫu đất tại khu vực đập tràn | X:574337,74 | Y:2259062,54 |
| **4** | **Đ04** | Mẫu đất tại khu vực cánh đồng | X:574612,45 | Y:2259128,53 |

*Kết quả phân tích*: Kết quả phân tích mẫu đất trong phòng thí nghiệm được trình bày tại bảng 4-10

**Bảng 4-10: Kết quả quan trắc môi trường đất tại khu vực TDA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Tên mẫu** | | | | **QCVN 03:2008/BTNMT (mg/kg)** |
| **Đ01** | **Đ02** | **Đ03** | **Đ04** |
| 1 | pH | - | 7,2 | 7,4 | 7,0 | 7,1 | **-** |
| 3 | Tổng số muối tan | % | 12 | 18 | 12 | 12 | **-** |
| 4 | Nhôm di động | mg/kg | 1,8 | 3 | 2,2 | 2,4 | **-** |
| 5 | Tổng N | %N | 0,168 | 0,116 | 0,147 | 0,125 | **-** |
| 6 | Tổng P | %P2O5 | 0,125 | 0,164 | 0,145 | 0,132 | **-** |
| 7 | Zn | mg/kg | 4,48 | 5,24 | 4,23 | 5,67 | **200** |
| 8 | As | mg/kg | 8.5 | 8.0 | 4,5 | 8,6 | **12** |
| 9 | Pb | mg/kg | 3,6 | 6,5 | 2,7 | 4,5 | **70** |
| 10 | Cd | mg/kg | <0,05 | <0,05 | <0,05 | <0,05 | **2** |
| 11 | Cu | mg/kg | 3 | 5,6 | 5 | 4 | **50** |

*Lưu ý:* “-“ nghĩa là giá trị không được xác định*.*

*Kết quả phân tích*: Kết quả phân tích chất lượng đất (bao gồm các thông số pH, tổng số muối tan, nhôm di động, Tổng N, P ; các kim loại nặng Ca, Mg) cho thấy hàm lượng của các thông số này đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 03:2008/BTNM.

* Hàm lượng Nts trong đất từ 0,116 – 0,168%; hàm lượng Pts dao động từ 0,125 – 0,164%; như vậy đất ở xã An Bình có Pts; Nts ở mức trung bình.
* Hàm lượng Cd, Pd, Zn Cu nằm trong chỉ tiêu cho phép trong sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất ở, đất thương mại và công nghiệp.

Theo kết quả phân tích chất lượng đất, tất cả các chỉ tiêu trong các mẫu đất đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03: 2008/BTNMT – Tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường đất. Chưa thấy có dấu hiệu ô nhiễm đất tại khu vực TDA.

## Môi trường sinh học

## 4.6.1 Hệ động thực vật trên cạn

**Hệ Thực vật:** Theo cuộc khảo sát được tiến hành bởi Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo kết hợp với Viện sinh thái vào tháng 2/2015 cho thấy: Toàn bộ khu vực TDA là kiểu hệ sinh thái nông – lâm nghiệp. Với hệ sinh thái này, chủ yếu loại hình rừng trồng, sau đó là canh tác cây công nghiệp ngắn ngày. Lúa cũng như hoa màu (nghĩa là, cây trồng giữa hai vụ lúa) là loại cây phổ biến trong vùng này.

Không có vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc các khu vực có giá trị sinh thái quan trọng trong và xung quanh khu vực hồ chứa. Tại xã An Bình, hệ thực vật chủ yếu bao gồm là các loài cây trồng như bạch đàn, keo, tràm; cây lâu năm khác và cây bụi. Không có rừng nguyên sinh. Trong khu vực này cũng không có bất kỳ loài thực vật quý hiếm hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng và điều này được khẳng định trong khi đi kiểm tra thực địa và phỏng vấn với người địa phương.

Cũng giống như các tỉnh miền núi khác, người nông dân trong khu vực TDA tham gia vào sản xuất thâm canh lúa và hoa màu trong thời gian dài. Các giống lúa được người nông dân trồng đã thay đổi nhiều qua các thời kỳ, ngày càng hướng tới các giống thích ứng với điều kiện đất đai và khí hậu của khu vực. Lúa thường trồng vào vụ xuân và vụ đông với năng suất trung bình 400-500kg/ha. Bên cạnh đó, cũng có các loại cây như ngô, khoai tây, lạc và một số loại mía cũng được trồng trong vùng.

**Hệ động vật:** Khu vực TDA đã được canh tác khá rộng nên hệ sự đa dạng động vật tương đối nghèo nàn. Chỉ có một số ít loài chim (quạ, chim sẻ...); các loài bò sát nhỏ (thằn lằn, rắn..) và các loài công trùng (ong, cào cào, châu chấu, bọ ngựa, …). Trong khu vực này cũng không có bất kỳ loài động vật quý hiếm hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng và điều này được khẳng định trong khi đi kiểm tra thực địa và phỏng vấn với người địa phương. Bên cạnh đó, cộng đồng địa phương cũng đã có những hoạt động chăn nuôi trang trại với các loài gia súc: trâu bò lợn gà và các loại gia cầm phổ biến khác.

## 4.6.2. Sinh thái dưới nước

Cũng như đã đề cập trước đây, nguồn cung cấp nước cho hồ chứa là một dòng suối nhỏ không tên. Hồ chứa cung cấp môi trường sống thủy sinh cho nhiều loài, trong đó có nhiều loài cá thương mại và các loài cá ăn được. Hồ chứa đã được sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên hiện nay không có hoạt động nuôi trồng thủy sản trong hồ. Các haotj động đánh bắt cá còn ít và chủ yếu ở mức tự cấp. Ngoài ra, không có rùa, ốc hoặc các động vật quý hiếm hoặc đặc hữu khác xuất hiện trong hồ.

## Môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa xã hội

Hiện trạng môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa xã hội của TDA cũng được đánh giá theo hiện trạng môi trường tự nhiên tại các khu vực ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp và thứ cấp và sơ cấp của DTA. Theo đó phạm vi để điều tra và đánh giá là (i) Khu vực bị tác động trực tiếp (DIA): môi trường xã hội tại khu vực sửa chữa đập (thôn Đức Bình); (ii) Khu vực bị tác động thứ cấp trong thời gian thi công cắt nước (Thôn Đại Thắng, Thắng Lợi, Đại Đồng); (iii) Khu vực tác động gián tiếp (IIA): xã An Bình .

Việc thực hiện TDA cũng sẽ ảnh hưởng đến các hộ của 4 thôn nói trên, bao gồm các tác động tiêu cực và tích cực như sau:

* Các hộ bị ảnh hưởng trong quá trình thi công sửa chữa (Thôn Đức Bình)
* Các hộ bị ảnh hưởng trong quá trình xả tràn (Thôn Đức Bình)
* Các hộ bị ảnh hưởng do ở vị trí hạ lưu bị cắt nước một mùa trong quá trình thi công (Thắng Lợi, Đại Thắng, Đại Đồng)
* Các hộ bị ảnh hưởng do giao thông vận tải vật liệu và đất đá (Thôn Đức Bình).

## 4.7.1. Dân số

Tính đến năm 2014, dân số thuộc khu vực TDA là 1.420 người. Bảng 4.12 thể hiện cơ cấu hộ gia đình theo số thành viên.

**Bảng 4-12: Số nhân khẩu và lao động bình quân hộ gia đình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhân khẩu** | **Cơ cấu hộ theo quy mô nhân khẩu (%)** | | | |
| **Bình quân hộ** | **1-2 người** | **3-4 người** | **5-8 người** | **9 người trở lên** |
| Tổng mẫu | 4,0 | 16,8 | 48,4 | 34,8 | 0,0 |
| Theo thôn |  |  |  |  |  |
| Đức Bình | 3,8 | 17,4 | 52 | 30,6 | 0,0 |
| Đại Đồng | 4,2 | 9,2 | 47,5 | 43,3 | 0,0 |
| Đại Thắng | 4,1 | 18,2 | 43,7 | 38,1 | 0,0 |
| Thắng Lợi | 4,1 | 15,3 | 47,1 | 37,6 | 0,0 |
| Theo dân tộc |  |  |  |  | 0,0 |
| *+ Kinh* | 3,9 | 18,7 | 51,7 | 29,6 | 0,0 |
| *+ DTTS* | ***4,1*** | ***14,6*** | ***45,8*** | ***39,6*** | ***0,0*** |
| Theo giới chủ hộ |  |  |  |  | 0,0 |
| *+ Nam chủ hộ* | 4,1 | 19,7 | 41,3 | 39 | 0,0 |
| *+ Nữ chủ hộ* | 3,9 | 19,2 | 53,8 | 27 | 0,0 |
| Theo nhóm thu nhập |  |  |  |  | 0,0 |
| *Nhóm 1 (nghèo nhất)* |  | 26,1 | 38,4 | 35,5 | 0,0 |
| *Nhóm 2* |  | 15,6 | 44,4 | 40 | 0,0 |
| *Nhóm3* |  | 16,4 | 46,8 | 36,8 | 0,0 |
| *Nhóm 4* |  | 9,8 | 51,7 | 38,5 | 0,0 |
| *Nhóm 5 (giầu nhất)* |  | 17 | 52,1 | 30,9 | 0,0 |

Nguồn : Số liệu khảo sát

Theo Bảng 4-10, số nhân khẩu trung bình trong mẫu khảo sát vùng dự án là 4,0 người/hộ gia đình, cao hơn so với số nhân khẩu bình quân hộ cả nước là 3,89 (Niên giám thống kê, 2013). Số nhân khẩu bình quân mỗi hộ có sự chênh lệch giữa 4 thôn, chỉ có 16,8% hộ gia đình có qui mô từ 1-2 người, 48,4 % hộ có quy mô từ 3-4 người, 34,8% hộ có quy mô từ 5-8 người và 0% hộ có 9 người trở lên trong mẫu khảo sát. Theo nhóm thu nhập, quy mô nhân khẩu hộ gia đình từ 3-4 người là phổ biến nhất. Điều này đã chỉ ra ra rằng, tuy là một xã miền núi nhưng quy mô gia đình hạt nhân tại khu vực TDA ngày càng phổ biến.

**Dân số trong độ tuổi lao động:** Hiện trạng lao động trong độ tuổi từ 16-60 của 4 thôn thuộc khu vực TDA chiếm 18,6% toàn xã (Số liệu báo cáo tại các thôn). Là một xã thuần nông, do vị trí cách xa trung tâm tỉnh Hòa Bình và đường giao thông chính nên trong cơ cấu nghề nghiệp chính của các thành viên gia đình có tham gia lao động và có thu nhập trong mẫu khảosát vùng dự án thì nông lâm nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất chiếm 78% .

**Bảng 4-13:Hiện trạng lao động xã trong độ tuổi lao động (16-60)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thôn** | **Tổng số LĐ tham gia các hoạt động KT** | **Lao động trực tiếp** | | | |
| Lao động NLN | | Lao động phi nông nghiệp | |
| Tổng | LĐ qua đào tạo | Tổng | LĐ qua đào tạo |
| Đức Bình | 190 | 145 | 16 | 45 | 22 |
| Đại Đồng | 350 | 280 | 30 | 70 | 31 |
| Đại Thắng | 147 | 117 | 16 | 30 | 19 |
| Thắng Lợi | 166 | 121 | 18 | 45 | 18 |
| Toàn xã | 4574 | 3567 | 80 | 1007 | 90 |

*Nguồn: Số liệu thống kê của UBND xã An Bình*

**Bảng 4-14: Tỷ lệ số người lao động có việc làm theo giới tính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thôn** | **Nam (%)** | **Nữ (%)** |
| **1** | Đại Thắng | 46 | 54 |
| **2** | Thắng Lợi | 45 | 55 |
| **3** | Đại Đồng | 53 | 47 |
| **4** | Đức Bình | 53 | 47 |

**Phân bố lao động trong các ngành nghề:** Theo báo cáo mới nhất năm 2014 về kết quả thực hiện chỉ tiêu tạo việc làm tăng thêm của xã An Bình, có sự chuyển dịch đáng kể. Nhóm người tham gia vào các ngành nghề công nghiệp xây dựng, dịch vụ đã tăng lên. Tuy nhiên như đã phân tích trong mục 4.3.1.2 thì tỷ lệ người lao động tham gia nông lâm tại khu vực 4 thôn vẫn chiếm tỉ lệ cao.

**Bảng 4-15: Báo cáo tình hình chỉ tiêu tạo việc làm tăng thêm năm 2014**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thôn** | **Số người lao động có việc làm** | | | | | | | |
| **Tổng số** | **Giới tính** | | **Khu vực** | | **Nhóm ngành kinh tế** | | |
| **Nam** | **Nữ** | **Thành thị** | **Nông thôn** | **Nông lâm và thủy sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** |
| Đại Thắng | 37 | 17 | 20 | 0 | 37 | 11 | 10 | 16 |
| Thắng Lợi | 85 | 38 | 47 | 10 | 75 | 32 | 33 | 20 |
| Đại Đồng | 186 | 99 | 87 | 10 | 176 | 92 | 50 | 44 |
| Đức Bình | 90 | 48 | 42 | 10 | 80 | 37 | 28 | 25 |

*Nguồn: Báo cáo năm 2014 – xã An Bình*

Theo kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 4-14, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp đạt tỷ lệ cao nhất. Tỷ lệ thất nghiệp chiếm 0,8%, đây là một dấu hiệu tốt cho tình hình kinh tế nói chung. Có thể thấy nông-lâm nghiệp chiếm vị trí quan trọng trong khu vực TDA.

**Bảng 4-16: Nghề nghiệp chính của người lao động (tính cả các thành viên của hộ gia đình có tham gia lao động)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Mất sức lao động** | **Nông, lâm, ngư nghiệp** | **Buôn bán, dịch vụ** | **Cán bộ, viên chức** | **Học sinh, sinh viên** | **Tiểu thủ công** | **Làm thuê** | **Không có việc làm** | **Không**  **Phù hợp** | **Các nghề khác** |
| Tổng mẫu | 4,3 | 53,1 | 2,6 | 3,2 | 24,7 | 0,6 | 4,9 | 0,8 | 3 | 2,8 |
| *Theo thôn* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đức Bình | 4,3 | 50,8 | 3,3 | 3,2 | 26,3 | 2,6 | 3,8 | 0,2 | 2 | 3,5 |
| Thắng Lợi | 4,7 | 52,6 | 3,0 | 3,4 | 25,3 | 0 | 5,8 | 1,1 | 1,8 | 2,3 |
| Đại Đồng | 3,8 | 53,7 | 2,0 | 3 | 24,8 | 0 | 6,3 | 0,8 | 2,4 | 3,2 |
| Đại Thắng | 4,6 | 52,1 | 1,7 | 3,4 | 23,6 | 0 | 6,1 | 1,2 | 4,2 | 3,1 |
| *Theo DT* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| + Kinh | 4,2 | 52 | 3 | 3,5 | 26,5 | 2,6 | 3,6 | 0,2 | 2,1 | 2,3 |
| + DTTS | 4,6 | 53,6 | 2 | 2,6 | 23,5 | 0 | 6,1 | 1 | 4 | 2,5 |

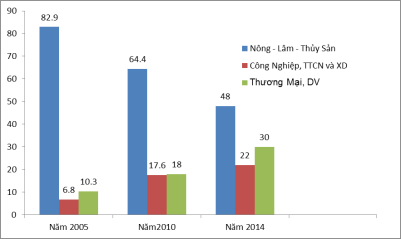
## 4.7.2. Kinh tế xã hội

Theo như bảng 4-17: Báo cáo tình hình chỉ tiêu tạo việc làm tăng thêm năm 2014, có thể thấy cơ cấu lao động trong khu vực TDA đang có sự dịch chuyển sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Điều này cũng có thể hiểu được và phù hợp với xu hướng chung của toàn xã.

**Bảng 4-17: Một số chỉ tiêu KTXH xã An Bình giai đoạn 2005 – 2010 - 2014**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị tính** | **Năm 2005** | **Năm 2010** | **Năm 2014** |
| **1** | **Tổng GTSX** |  | **23.105,0** | **69.560** | **182.952** |
| *1.1* | *Nông - lâm - thuỷ sản* | *Tr. đồng* | ***19.154*** | ***44.786*** | ***87.817*** |
| - | Trồng trọt | Tr. đồng | 14.768 | 28.222 |  |
| - | Lâm nghiệp | Tr. đồng | 747 | 4.704,0 | 6.412 |
| - | Chăn nuôi | Tr. đồng | 3.256 | 11.000 |  |
| - | Nuôi trồng thủy sản |  | 383 | 860 |  |
| *1.2* | *Công nghiệp, TTCN và Xây Dựng* | *Tr. đồng* | ***1.580*** | ***12.254*** | ***40.249*** |
| - | Công nghiệp, TTCN | Tr. đồng | 1.106 | 8.577 |  |
| - | Xây dựng | Tr. đồng | 474 | 3.677 |  |
| *1.3* | *Thương mại, Dịch vụ* | *Tr. đồng* | ***2.371*** | ***12.520*** | ***54.886*** |
| - | Thương mại | Tr. đồng | *1.825* | *8.764* |  |
| - | Dịch vụ | Tr. đồng | *546* | *3.756* |  |
| **2** | **Cơ cấu GTSX (%)** | **(%)** | **100** | **100** | **100** |
| - | Nông - lâm - thuỷ sản | (%) | 82,9 | 64,4 | 48 |
| - | Công nghiệp, TTCN và XD | (%) | 6,8 | 17,6 | 22 |
| - | Thương mại, DV | (%) | 10,3 | 18,0 | 30 |
| **3** | **Tổng sản lượng lương thực có hạt** | **Tấn** | **2.603** | **3.500** | **4029,5** |
| 4 | Thu nhập bình quân/người/năm | Tr. đồng | 3,4 | 10,4 | 24 |
| 5 | Bình quân lương thực/người/năm | Kg/người/năm | 420 | 470 | 530 |
| 6 | Bình quân giá trị sản xuất/1 ha đất canh tác | Tr. đồng | 18 | 21 | 30 |

*Nguồn: Tài liệu báo cáo tổng kết hàng năm của UBND xã An Bình*

****

**Hình 4-1: Biểu đồ thể hiện tỷ trọng kinh tế các ngành kinh tế ở các giai đoạn**

Năm 2014, tổng giá trị sản xuất ước tính thực hiện là 182.952 triệu đồng, tăng 12.5% so với cùng kỳ năm 2013. Tỷ trọng ngành công nghiệp chiếm 22%, tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 30%. Tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 48%

Nhìn chung trong 5 năm gần đây, cơ cấu kinh tế của xã An Binh có chuyển biến mạnh mẽ nhưng không đồng đều. Cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp có xu hướng dịch chuyển giảm nhưng vẫn chiếm chiếm tỷ trọng cao 48%(2014) trong tổng giá trị sản xuất toàn xã, giảm 16,4% so với năm 2010, giảm 34,9% so với năm 2005. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 22% tăng 4,6% so với năm 2010 (17,6%) và tăng 15,2% so với năm 2005. Tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ chiếm 30% tăng 12% so với năm 2010, tăng 19,7% so với năm 2005.

*Tốc độ tăng trưởng kinh tế* (GDP) giai đoạn 2010-2014 bình quân đạt 12.5%/năm, cao hơn 1,96% % so với giai đoạn 2005 - 2010 và đạt mức cao nhất từ trước tới nay vào năm 2014; Thu nhập bình quân đầu người là 24.000.000 đồng/năm.

*Tỷ lệ tăng trưởng*: Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2010-2014 bình quân đạt 9% do tăng mạnh về chăn nuôi và lâm nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực chăn nuôi đạt 12,64%, lĩnh vực lâm nghiệp là 18%.

*Về cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản*: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp từ năm 2005 trở lại đây diễn ra nhanh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng trong lĩnh vực lâm nghiệp, chăn nuôi và giảm dần tỷ trọng lĩnh vực trồng trọt. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp cụ thể như sau:

*Chuyển dịch cơ cấu lĩnh vực trồng trọt:* Về sản xuất lương thực: Diện tích đất sản xuất lương thực tăng trong khi mặt bằng đất canh tác giảm. Hơn nữa đã tích cực triển khai đưa nhanh giống mới có năng suất cao nên đã đưa năng suất lúa từ 50 tạ/ha năm 2010, lên 54,0 tạ/ha năm 2014. Bình quân lương thực đầu người năm 2014 là 530 kg/người/năm, tăng 60 kg/người/năm so với năm 2010 và tăng 110 kg/người/năm so với năm 2005 (đạt 420 kg/người/năm).

Trong đó:

+ Cây lúa: DT: 515 ha, Năng suất: 54tạ/ha; sản lượng: 2.781 tấn;

+ Cây Ngô: DT: 227 ha, Năng suất: 55tạ/ha; sản lượng: 1.248,5 tấn;

+ Cây Khoai lang: DT: 72 ha, Năng suất: 72,1tạ/ha; sản lượng: 519,1 tấn;

+ Cây sắn: DT: 28 ha, Năng suất: 100tạ/ha; sản lượng: 280 tấn;

+ Cây mía: DT: 25 ha, Năng suất: 460tạ/ha; sản lượng: 1.150 tấn;

+ Cây Lạc: DT: 285 ha, Năng suất: 26,88tạ/ha; sản lượng: 766,1 tấn;

+ Rau các loại: DT: 102,5 ha, Năng suất: 85,4tạ/ha; sản lượng: 875,4 tấn;

+ Đậu tương: DT: 20 ha Năng suất: 16,8tạ/ha; sản lượng: 33,6 tấn;

Đối với sản xuất lúa: đã chuyển dịch mạnh về giống lúa, góp phần nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích. Sự chuyển cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao. Cây công nghiệp dài ngày như thanh hao, diện tích trồng thanh hao tăng 16,9 ha trong năm 2014.

Cây ngắn ngày chủ yếu là lạc, đậu tương, mía: diện tích trồng tương đối ổn định do có sự đầu tư thâm canh và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên sản lượng năm 2014 so với năm 2010 tăng 3,8 lần .

*Lĩnh vực lâm nghiệp:* Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2014 đạt 6,412 tỷ đồng, tăng bình quân 14,3% năm ở giai đoạn 2005-2010. Trồng rừng tập trung mới hàng năm đạt 95 ha (năm 2014), nâng tỷ lệ che phủ của rừng lên 60% năm 2007. Rừng trồng được chăm sóc, bảo vệ và khai thác kế hoạch do vậy phát triển lâm nghiệp đạt kết quả tốt, là nguồn lợi cho người dân trong khu vực TDA .

*Các ngành kinh tế khác:* Hơn nữa, trong khu vực xã An Bình, hiện nay đã có một số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như sản xuất gạch, dịch vụ vận tải, dịch vụ khác...Tuy nhiên do địa hình miền núi cùng với sự khó khăn tài chính, đầu tư vốn và công nghệ sản xuất do đó các ngành kinh tế này vẫn còn phát triển nhỏ lẻ.

***Tóm lại***, nền kinh tế trong vùng hiện tại nông lâm nghiệp vẫn là chủ yếu. Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế: năng suất cây trồng, vật nuôi chưa cao. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn gặp nhiều khó khăn có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về hệ thống công trình thủy lợi chưa hoàn chỉnh, vẫn còn nhiều diện tích đất bị thiếu nước .

*Định hướng phát triển của xã:* Kế hoạch phát triển của xã gồm những nội dung sau:

*Nông lâm nghiệp, thủy sản:*

* Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, tập trung hỗ trợ giống, vốn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cho nhân dân, gắn sản xuất với chế biến các sản phẩm có giá trị, hướng tới thị trường, phát triển mạnh các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, các loại cây có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ.
* Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả sử dụng đất,
* Có biện pháp hỗ trợ khuyến khích phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản để tăng tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản phẩm nông lâm nghiệp thuỷ sản, tiếp tục thực hiện tốt việc chăm sóc, bảo vệ, khai thác, trồng mới rừng .

*Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

* Đẩy mạnh phát triển cụm công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biếnsản phẩm nông lâm nghiệp, thủy sản.
* Hỗ trợ phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thực hiện cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích tín dụng, tạo điều kiện khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.
* Tăng cường xây dựng cơ bản, giao thông vận tải để xây dựng cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội .

*Thương mại, dịch vụ, du lịch*

* Khuyến khích, tạo điều kiện cho phát triển thương mại, dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, mở rộng giao lưu thông thương hàng hoá, nâng cấp chợ đầu mối để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.
* Đầu tư hoạt động dịch vụ khách sạn, nhà hàng, xúc tiến thương mại, tổ chức lễ hội hấp dẫn thu hút khách thăm quan, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương.

## 4.7.3. Văn hóa – xã hội

**Y tế và chăm sóc sức khỏe**

Trạm y tế của xã An Bình đặt tại thôn Chợ Đập – trung tâm xã với tổng diện tích 1250 m2. Tới nay, chương trình y tế Quốc gia như tiêm chủng mở rộng đã được thực hiện thành công trong vùng tiểu dự án. Bênh canh đó, các chương trình HIV/AIDS, chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm, hoặc bổ sung i-ốt đều đã thực hiện thành công.

Công tác khám chữa bệnh cho nhân dân trong vùng tiểu dự án được chú trọng. Theo báo cáo của Trung tâm y tế xã An Bình, trong năm đã tổ chức khám bệnh cho 6294 lượt người. Điều trị nội trú cho 90 bệnh nhân, ngoại trú cho 206 người. Do đó, trạm y tế xã An Binh đã được xếp loại giỏi năm 2014.

Số người tham gia bảo hiểm y tế chiếm tỷ lệ cao, nhưng cần quan tâm hơn nữa đến các đối tượng dễ tổn thương như người Dân tộc thiểu số, người nghèo.

*Về tình trạng sức khỏe và chăm sóc sửa khỏe:* Qua cuộc điều tra khảo sát vào tháng 1/2015 cho thấy: Tỉ lệ người bị ốm đau được khảo sát trong tháng qua rất thấp khoảng 10%. Tuy nhiên, theo cáo báo cáo mới nhất của cán bộ dân số xã: Trong 05 năm trở lại đây, mỗi năm có khoảng 10 trường hợp ung thư, chủ yếu là ung thư dạ dày và ung thư gan. Điều này lý giải được do thói quen hay uống rượu bia. Theo thống kê cho biết mỗi gia đình có người mắc căn bệnh ung thư phải chi trả rất nhiều tiền. Đây cũng chính là những nguyên nhân gây nên tình trạng khó khăn tại những hộ gia đình này .

Số liệu thống kê cho thấy có tới 30,2% số hộ gia đình được khảo sát trong 12 tháng qua có đau ốm (xem Bảng 4-17). Đây là chỉ số không cao. Tỷ lệ bảo hiểm y tế trong vùng khá cao, chiếm 90.5%. Điều này cũng đúng với thực tế về chính sách cấp phát miễn phí thẻ BHYT cho các hộ nghèo và cận nghèo, những hộ thuộc đồng bào DTTS khó khăn và đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên những nghiên cứu định tính cho thấy mức độ sử dụng thẻ bảo hiểm không được tuyệt đối, nhiều người hầu như không sử dụng đến thẻ BHYT, đặc biệt nhóm độ tuổi lao động. Trong đó không có khác biệt lớn về tình trạng ốm đau giữa các thôn, giữa người dân tộc Kinh và DTTS được khảo sát.

**Bảng 4-18: Tình trạng sức khỏe và chăm sóc sức khỏe**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Có người bị ốm trong 1 tháng qua | Có bảo hiểm y tế |
|
| Tổng mẫu | 30,2 | 90,5 |
| *Theo thôn* |  |  |
| *Thôn Đức Bình* | 28,3 | 90,2 |
| *Thôn Thắng Lợi* | 33,2 | 91,1 |
| *Thôn Đại Thắng* | 30,1 | 87,2 |
| *Thôn Đại Đồng* | 31,4 | 92,1 |
| *Theo DTTS* |  |  |
| Kinh | 29,3 | 90 |
| DTTS | 31,2 | 91 |

Bên cạnh việc điều tra khảo sát, qua việc tham vấn sâu, thảo luận nhóm giữa chuyên gia xã hội và cộng đồng dân cư. Trong 05 năm trở lại đây mỗi năm toàn xã có khoảng 10 trường hợp bị ung thư, chủ yếu là ung thư dạ dày, gan. Lý giải về điều này người dân cho biết “đó là thói quen do uống rượu, thứ nữa nguồn nước ăn uống không được sạch, tất cả các hộ đều sử dụng nguồn nước giếng khoan làm nguồn nước ăn uống. Theo thực tế mỗi gia đình có người mắc bệnh ung thư phải chi trả đến tiền trăm triệu đồng, các gia đình này thường bị kiệt quệ về tài chính và trở thành hộ nghèo .

Theo người dân sống tại nơi đây, nguyên nhân chính có tác động tiêu cực đối với tình hình sức khỏe chính là việc không có nguồn nước sinh hoạt, người dân đều phải sử dụng nước giếng khoan, nước giếng khơi, theo như đánh giá của người dân thì nguồn nước này không được đảm bảo. Tư vấn xã hội kết hợp với tư vấn môi trường đã lên phương án khảo sát các mẫu nước ngầm trong TDA.

Bên cạnh đó, ta xét tới chỉ số chi phí cho sức khỏe của người dân trong vùng. Chi phí cho sức khỏe là một chỉ báo khá quan trọng thể hiện việc người dân quan tâm đến sức khỏe như thế nào. Thống kê cho thấy có tới 51,3% người dân không dành bất cứ chi phí nào cho chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh. Số còn lại chia đều cho các mức từ dưới 1 triệu đồng, từ 1 – 3 triệu đồng, từ 3 -7 triệu đồng, từ 10 – 20 triệu và trên 20 triệu. Những gia đình chi phí ở mức trên 20 triệu đồng thường rơi vào những hộ gia đình có người mắc bệnh ung thư.

**Hình 4-2: Chi phí cho sức khỏe**

*Giáo dục: K*hoảng 94,6% dân số vùng dự án có trình độ học vấn từ bậc tiểu học đến cao đẳng/đại học trở lên, trong đó số người tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông chiếm đến hơn 64,6%. Tỉ lệ học cao đẳng/đại học hay trung cấp trở lên chiếm tới 5,5%% - Con số này rất thấp so với mặt bằng chung của toàn tỉnh Hòa Bình. Tỷ lệ mù chữ là 0,2% và chưa đi học là 5,2%. Tỷ lệ chưa đi học của các thôn trong vùng TDA (5,2%) là thấp hơn so với niên giám thống kê 2013. Tỷ lệ này không có sự khác biệt lớn giữa các thôn. Điều đáng ghi nhận ở đây là tỷ lệ mù chữ đối với người DTTS cũng rất thấp, chỉ 0,5% (con số này chỉ tập trung ở những người già trên 60 tuổi). Theo mức sống, tỷ lệ mù chữ ở nhóm có thu nhập nghèo nhất (nhóm 1) cũng chỉ chiếm 0,9%.

**Bảng 4-19: Trình độ học vấn của các thành viên hộ gia đình (Đơn vị %)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Trình độ học vấn cao nhất** | | | | | | | |
| **Mù chữ** | **Tiểu học** | **THCS** | **THPT** | **Trung cấp/dạy nghề** | **Cao đẳng/đại học** | **Chưa đi**  **học** | **Không biết** |
| **Tổng mẫu** | 0,2 | 24,5 | 39 | 25,6 | 4,8 | 0,7 | 5,2 | 0,0 |
| ***Theo thôn*** | | | | | | | | |
| Đức Bình | 0 | 26,5 | 33,7 | 28,7 | 5,2 | 1,2 | 4,7 | 0,0 |
| Đại Đồng | 0,9 | 25,1 | 43,4 | 21,5 | 3,7 | 0 | 5,4 |  |
| Đại Thắng | 0 | 18,7 | 40,7 | 28,8 | 4,4 | 0,2 | 7,2 | 0,0 |
| Thắng Lợi | 0 | 26,8 | 38 | 24,8 | 5,5 | 0,5 | 4,4 |  |
| ***Theo Dân tộc*** | | | | | | | | |
| DTTS | 0,5 | 19,4 | 44,4 | 24,5 | 4,1 | 0,5 | 6,6 | 0,0 |
| Kinh | 0 | 27 | 33,5 | 28,3 | 5,4 | 1,2 | 4,6 | 0,0 |
| ***Theo thu nhập*** | | | | | | | | |
| Nhóm 1 | 0,9 | 38,3 | 42,5 | 9,8 | 2 | 0 | 6,5 | 0,0 |
| Nhóm 2 | 0, | 25,9 | 39,7 | 23,1 | 5,7 | 0 | 5,6 |  |
| Nhóm 3 | 0 | 24,2 | 37,8 | 27,1 | 6,2 | 0 | 4,7 |  |
| Nhóm 4 | 0, | 15,2 | 37,8 | 34,5 | 6,2 | 1,2 | 5,1 | 0,0 |
| Nhóm 5 | 0 | 11,8 | 34,1 | 42,6 | 7,2 | 0 | 4,3 | 0,0 |

Bốn thôn trong mẫu khảo sát không có trường hợp bỏ học.

*Cơ sở hạ tầng*

**\* Công trình công cộng**

*\* Hiện trạng trụ sở làm việc:* Trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND, UBND Xã

* Diện tích đất trụ sở: 2.475 m2
* Gồm 1 nhà làm việc 2 tầng diện tích 480 m2 nhưng đã xuống cấp, 1 nhà văn hóa xã 400 m2 và 1 nhà để xe 100 m2

**\*** *Trường học:*

*+ Trường mầm non:*

* Toàn xã có 2 Trường mầm non A có diện tích 4.130m2 nằm ở thôn Chợ Đập gồm các lớp cắm thôn nằm ở các thôn Thắng Lợi, Cây Rường, Đại Đồng, Đức Bình, Đại Thắng.
* Tổng số phòng học hiện tại là 21 phòng. Trong đó trường mầm non trung có 6 phòng học .

*+ Trường tiểu học:*

Trường tiểu học A (đã đạt chuẩn)

* Khu trung : Diện tích 7.608 m2, 15 phòng học
* Thôn Đức Bình: Diện tích200 m2, 1 phòng học
* Thôn Cây Rường: Diện tích200 m2, 1 phòng học

Trường tiểu học B (chưa đạt chuẩn): Diện tích 4.332 m2, 9 phòng học

*+ Trường Trung học cơ sở:*

+ Nằm ở thôn Chợ Đập có quy mô diện tích: 8.231 m2.

+ Phòng học: gồm dãy nhà 2 tầng, có tất cả 18 phòng học chất lượng khá .

+ Phòng chức năng: có 1 phòng học chức năng .

+ Đã đạt chuẩn quốc gia .

*\* Trạm y tế*

- Trạm y tế ở thôn Chợ Đập: Tổng diện tích 1250 m2, đã được xây kiên cố

*\* Chợ*

* Chợ trung xã nằm trên trục đường tỉnh lộ 438 thuộc thôn Chợ Đập, có quy mô diện tích 4.200m2: Gồm 1 đình chợ và 4 kiốt .

*Giao thông, thủy lợi*

*Thuỷ lợi:*

* Tuy hiện xã có 5 trạm bơm, 15 hồ chứa và 3 đập dâng phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt cho người dân, nhưng tại khu vực TDA: 3 thôn Đại Thắng, Đại Đồng và Thắng Lợi chỉ có nguồn nước lấy từ hồ Đại Thắng.

**Bảng 4-20: Hiện trạng kênh mương tại khu vực TDA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thôn, tuyến kênh mương | Tuyến Mương | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài (km) | Trong đó | |
| Đã cứng hóa  (km) | Chưa cứng hóa  (km) |
| ***Tổng*** | |  |  |  | ***56,2*** | ***10,0*** | ***46,2*** |
| **1** | **Đức Bình** |  |  |  | **2,5** |  | **2,5** |
|  |  | Mương chính | Từ Đập chứa nước gốc Đa | Nghĩa địa | 2 |  | 2 |
|  |  | Mương nhánh | Từ ngã tư | Nhà Hưng | 0,5 |  | 0,5 |
| **3** | **Đại Đồng** |  |  |  | **3,5** | **0,9** | **2,6** |
|  |  | Mương chính | Cổng Ông Thạo | Đồng 2 du | 0,8 | 0,3 | 0,5 |
|  |  | Mương chính tuyến 2 | Cái Cạn | Đồng Ông Tành | 0,6 | 0,6 |  |
|  |  | Mương nhánh 1 | Ao Khế | Đồng Ông Hợp | 0,6 |  | 0,6 |
|  |  | Nhánh 2 | Ao Khế | Đồng Cái Đương | 0,4 |  | 0,4 |
|  |  | Nhánh 3 | Cổng Ông Thạo | Đồng Xây | 0,4 |  | 0,4 |
|  |  | Nhánh 4 | Nghĩa địa Đại Thắng | Cổng bà Then | 0,3 |  | 0,3 |
|  |  | Nhánh 5 | Ông Thạo | Đồng Xây | 0,4 |  | 0,4 |
| **4** | **Đại Thắng** |  |  |  | **2,8** |  | **2,8** |
|  |  | Mương chính | Đầu mối | Nhà Ô Thuần | 1,3 |  | 1,3 |
|  |  | Mương nhánh 1 | Nhà Ô Hiệp | Rộc BU | 0,2 |  | 0,2 |
|  |  | Mương nhánh 2 | Ô Dũng | Nhà Ô Ry | 0,9 |  | 0,9 |
|  |  | Mương nhánh 3 | TT thôn | Đầm Vuông | 0,4 |  | 0,4 |
| **5** | **Thắng Lợi** |  |  |  | **2,3** | **1** | **1,3** |
|  |  | Mương chính | Từ Đại Thắng | Đầm Rúc | 1 | 1 |  |
|  |  | Mương chính | Cửa Ô Bản | Nhà Ô Thoà | 0,3 |  | 0,3 |
|  |  | Mương nhánh 1 | Vườn Rườm | Cái Nè | 0,2 |  | 0,2 |
|  |  | Mương nhánh 2 | Vườn Rườm | Bục Chua | 0,1 |  | 0,1 |
|  |  | Mương nhánh 3 | Cái Bụm | Đồng Cáo | 0,5 |  | 0,5 |
|  |  | Mương nhánh 4 | Cái Bụm | Đồng Nhắt | 0,2 |  | 0,2 |

\* Điện:

Theo kết quả khảo sát, 100% dân cư sống trong khu vực Tiểu dự án, cũng như toàn xã đều sử dụng điện. Mạng lưới điện hiện tại trong toàn xã gồm:

- Lưới 35kV: Tổng chiều dài là 8,9 Km (đạt yêu cầu 8,1 km)

- Lưới 0,4kV: Loại dây tiết diện AV 4x50, chiều dài 52 km (đạt yêu cầu 10,6 km)

- Lưới chiếu sáng 0,4kV: chưa có

Trong quá trình thực hiện TDA, điện được cấp từ 2 trong 10 trạm biến áp của xã (1 sử dụng và 1 trạm dự phòng) và được đấu nối với hệ thống lưới điện của xã.

\* Nhà văn hóa, khu thể thao của xã, thôn

**Bảng 4-21: Hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao xã**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên công trình của xã, thôn *(nhà văn hóa)* | ĐVT (m2) | Nhà văn hóa | | | | Khu thể thao | | | |
| Đạt yêu cầu (Đ/K) | Cần nâng cấp | Cần làm mới | CSVC còn thiếu (tủ sách, bàn ghế) | Đạt yêu cầu (Đ/K) | Cần nâng cấp | Cần làm mới | Trang thiết bị còn thiếu (các dụng cụ thể thao) |
| **I** | **Cấp xã** | **400** | Đ |  |  | T | K | X |  | Thiếu |
| 1 | Đức Bình |  |  |  | 1 |  | K |  | X |  |
| 2 | Đại Đồng | 70 |  |  |  |  | Đ |  |  | Thiếu |
| 3 | Đại Thắng | 70 | Đ |  |  | T | K | X |  | Thiếu |
| 4 | Thắng Lợi | 70 | Đ | x |  | T | K | X |  | Thiếu |

\* Bưu điện:

- Bưu điện văn hoá xã được xây dựng tại thôn Chợ Đập với quy mô như sau:

+ Quy mô diện tích: 140 m2 .

+ Công trình: nhà cấp 4: diện tích 60 m2 .

+ Chất lượng: tốt, phục vụ tốt nhu cầu sử dụng của người dân .

- Cần được đầu tư kết nối Internet và một số ấn phẩm, sách truyện

*Tài sản văn hóa vật thể và phi vật thể:* Theo điều tra, khảo sát cũng như tham vấn cộng đồng, khu vực TDA nói riêng và xã An Bình nói chung không có khu di tích lịch sử, khu khảo cổ hay khu di tích văn hóa nào. Tuy tỉ lệ người dân tộc Mường trong xã và khu vực TDA của 4 thôn chiếm tỉ lệ cao, tuy nhiên trong xã không nhiều lễ hội văn hóa. Vì vậy đời sống văn hóa ở nơi đây rất nghèo nàn, các lễ hội với những nét văn hóa đặc trưng của người DTTS (cụ thể là người Mường) không được tổ chức.

Các phong tục tập quán lạc hậu của người Mường như một số địa phương khác như tục để người chết trong nhà, tục thách cưới tại khu vực TDA cũng đã được bỏ từ lâu, 100% các hộ gia đình theo nếp văn hóa mới. Người dân nơi đây cũng mong muốn được khôi phục một số phong tục đẹp và có công trình văn hóa tâm linh để nâng cao chất lượng cuộc sống .

## 4.7.4. Các dân tộc thiểu số

Bốn thôn nằm trong khu vực TDA, trong đó có đến 71% là dân tộc thiểu số (Dân tộc Mường) Vì vậy các hộ gia đình được hưởng lợi cũng như bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện TDA chủ yếu là người Kinh và người Mường.

*Về sinh kế và nghề nghiệp*: tỷ lệ hộ có nghề nông-lâm-thủy sản của dân tộc Kinh là thấp hơn so với người Mường (52% và 53,6%). Tuy nhiên, kết quả khảo sát người Dân tộc Mường tại khu vực TDA cho thấy chưa xuất hiện ngành tiểu thủ công nghiệp. Trong khi đó với dân tộc Kinh, tỷ lệ người tham gia lao động Tiểu thủ công nghiệp là 2,6%. Đối tượng là người mất sức lao động của nhóm DTTS chiếm (4,6%) cao hơn so với người Kinh (4,2%). Đây chính là gánh nặng và khó khăn cho cộng đồng dân cư phát triển kinh tế.

*Về học vấn*:Tỷ lệ mù chữ xuất hiện tại nhóm dân tộc Mường, đây là những người đã già và không còn khả năng tiếp nhận mặt chữ. Đối với các đối tượng còn lại, không có sự chênh lệch đáng kể giữa 2 nhóm người. Tuy nhiên tỷ lệ số người có trình độ cao nhất từ THCS lẫn THPT, cao đẳng/đại học thì người Kinh vẫn chiếm ưu thế hơn.

*Sức khỏe*: Tình trạng ốm đau trong vòng một tháng vừa qua không có sự chênh lệch nhiều giữa người Kinh và người DTTS, tỷ lệ người có bảo hiểm y tế chiếm tỷ lệ cao hơn 90%. Tỷ lệ này được coi là tỷ lệ cao so với những vùng khác, nguyên nhân lý giải chính là nhờ các chính sách hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe của xã, tỉnh. Luôn quan tâm, đến sức khỏe và điều kiện sống của người DTTS.

*Vệ sinh:* Cũng có sự chênh lệch giữa người Kinh và người Mường về tỷ lệ nhà vệ sinh (hố xí) hợp vệ sinh. Trong mẫu khảo sát có 6,3% số hộ thuộc người DTTS chưa có nhà vệ sinh. Tuy nhiên, số hộ này đều trả lời rằng không đi ra ngoài ao hồ sông suối, mà do điều kiện chưa xây riêng được nhà vệ sinh, vẫn phải đi nhờ vào nhà vệ sinh của bố mẹ và anh chị hai bên.

*Mức sống:* Cũng không có sự chênh lệch đáng kể về chỉ số tự đánh giá mức sống của các hộ người DTTS và người Kinh. Chỉ số đánh giá nghèo đói của người Kinh thấp hơn của người DTTS (10,4% và 9,2%). Mức đánh giá khá giả của người Kinh cao hơn người Mường (lần lượt tương ứng là 3,7% và 2,1%). Tuy nhiên, sự chênh lệch này không đáng kểm do đó trong vùng TDA ta không thấy rõ được sự khác biệt giữa cộng đồng người Kinh và người Mường.

Các hộ người DTTS trong xã An Bình nói riêng và khu vực TDA nói chung gặp rất nhiều khó khăn về nước sinh hoạt và sản xuất. Do 3 thôn ở vùng hạ du là thôn Thắng Lợi, Đại Thắng, Đại Đồng được hưởng lợi trong việc thực hiện TDA. Tuy nhiên trong quá trình thi công cắt mất một mùa nước, cũng sẽ ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp của người DTTS. Các vấn đề liên quan đến mức độ ảnh hưởng và hỗ trợ cho họ sẽ được chi tiết trong một báo cáo độc lập là Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)

## 4.7.5. Công tác giới và vai trò của phụ nữ

Trong báo cáo này sẽ phân tích khái niệm về Sự phân công lao động theo giới: Khái niệm này xem xét các nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau giữa nam và nữ, ai làm gì, khi nào, bằng cách nào và trong bao lâu v.v. và sự công nhận xã hội về lao động. Sự phân công các hoạt động trên cơ sở giới tính được mọi thành viên của từng cộng đồng/ xã hội biết và hiểu rõ.

Ngoài ra báo cáo cũng cho thấy các trách nhiệm về công việc trong gia đình mà phụ nữ phải chịu trách nhiệm thường gọi là “Gánh nặng ba vai của phụ nữ”: Gánh nặng ba vai thể hiện vai trò của phụ nữ bao gồm công việc được trả lương do phụ nữ làm, công việc không được trả công như vai trò tái sản xuất với tư cách là người mẹ và vai trò gia đình thường là trách nhiệm của người phụ nữ. Công việc sản xuất (sản xuất hàng hóa, dịch vụ để tiêu dùng trong gia đình hoặc tạo thu nhập). Công việc tái sản xuất (sinh con, chăm sóc con cái, làm nội trợ và duy trì cuộc sống gia đình). Công việc cộng đồng (cung cấp và duy trì các nguồn lực được mọi người sử dụng như nước, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tham gia lãnh đạo. Nam giới có xu hướng tham gia vào các công việc cộng đồng và sản xuất.

Vấn đề việc làm là thông tin đầu tiên minh chứng được vị thế và vai trò của người phụ nữ trong cả gia đình và xã hội. Trong 04 thôn bị ảnh hưởng không có phụ nữ làm trưởng thôn, chủ tịch, bí thư và các vị trí quan trọng trong cộng đồng 100% là Nam giới trừ chi hội phụ nữ. Số người lao động nữ tham gia chính các công việc đồng áng, nam thường làm những công việc có thu nhập cao hơn với phụ nữ, phụ nữ thường làm thuê mướn và làm ruộng, nam giới làm những công việc liên quan đến nông lâm thủy sản và công nghiệp xây dựng. 71,43% phụ nữ làm việc nhà . Qua đó cho chúng ta một bức tranh: phụ nữ thường có thu nhập thấp. Khi được phỏng vấn hầu như chị em đều cho rằng trong gia đình chồng họ quyết định đầu tư sản xuất và các công việc quan trọng, phụ nữ chủ yếu nuôi con và dọn dẹp nhà cửa.

**Bảng 4-22: Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA**

| **Hoạt động sản xuất** | **Cả hai (%)** | **Nam giới (%)** | **Nữ giới (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| Trồng trọt (trồng lúa, màu) | 85,72 | 8,57 | 5,71 |
| Chăn nuôi | 92,85 | 5,71 | 1,44 |
| Trồng rừng/chăm sóc/bảo vệ rừng | 57,14 | 35,71 | 7,15 |
| Khai thác lâm sản | 50 | 35,71 | 14,29 |
| Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản | 57,14 | 14,28 | 28,57 |
| Làm công nhân/làm thuê | 42,86 | 50 | 7,14 |
| Kinh doanh/buôn bán | 35,71 | 21,43 | 42,86 |
| Đi làm ăn xa (không thường xuyên ở nhà) | 21,43 | 71,43 | 7,14 |
| **Hoạt động trong gia đình** |  |  |  |
| Chăm sóc trẻ/con cái | 64,29 | 7,14 | 28,57 |
| Quét dọn nhà cửa | 28,57 | 0 | 71,43 |
| Nấu nướng/nội trợ | 22,86 | 0 | 77,14 |
| **Tham gia công việc cộng đồng** | **Cả hai (%)** | **Nam giới (%)** | **Nữ giới (%)** |
| Tham gia họp cộng đồng | 85,71 | 10 | 4,29 |
| Tham gia tập huấn về sản xuất | 71,42 | 14,29 | 14,29 |
| Sinh hoạt các tổ chức chính trị - xã hội | 78,57 | 21,43 | 0 |
| **Tham gia quyết định** |  |  |  |
| Quyết định các khoản chi tiêu lớn trong gia đình (mua sắm tài sản có giá trị, cưới hỏi) | 92,86 | 7,14 | 0 |
| Quyết định việc học tập, chọn nghề của con cái | 57,14 | 35,71 | 7,15 |
| Quyết định đầu tư, hoạt động sản xuất | 71,43 | 22,86 | 5,71 |

*(Nguồn: Số liệu điều tra)*

Từ kết quả Bảng 4-22 cho thấy:

* Đối với các hoạt động sản xuất: trồng trọt (trồng lúa, hoa màu); chăn nuôi; trồng rừng/ chăm sóc/ bảo vệ rừng; khai thác lâm sản; làm công nhân/làm thuê và nuôi trồng thủy sản cả hai giới nam và nữ chiếm thành phần phần trăm là chủ yếu. Hoạt động chiếm hơn 85% bao gồm trồng trọt và chăn nuôi. Hoạt động đi làm ăn xa (không thường xuyên ở nhà) tập trung chủ yếu nam giới (chiếm 71,43%).
* Đối với hoạt động trong gia đình: chăm sóc trẻ/ con cái; quét dọn nhà cửa; nấu nướng/ nội trợ thì chủ yếu là công việc nữ giới. Công việc quét dọn nhà cửa, nấu nướng/ nội trợ chiếm trên 71,43%. 64,29% là sự đồng ý cả hai tham gia từ các hộ gia đình vùng hưởng lợi. Công việc này tốn nhiều thời gian cho nữ giới
* Hoạt động tham gia cộng đồng: chủ yếu là cả hai tham gia cụ thể: tham gia họp cộng đồng (85,71%); tham gia tập huấn về tình hình sản xuất (71,42%); sinh hoạt từ các tổ chức chính trị - xã hội (78,57%).
* Tham gia quyết định: đa số các hộ cho đồng ý hai người tham gia. Quyết định các khoản chi tiêu lớn trong gia đình (mua sắm tài sản có giá trị, cưới hỏi) chiếm 92,86%; quyết định việc học tập, chọn nghề của con cái (57,14%) và quyết định đầu tư, hoạt động sản xuất chiếm 71,43%.

Nhìn chung do đặc điểm văn hóa và mang tính truyền thống của người Việt Nam; ví dụ như là phụ nữ thường sản xuất kinh doanh nhỏ và làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp như chế biến, còn những ngành nghề khác như khai thác thì do nam giới đảm nhận; phần khác cũng là vì sự nhận thức về bình đẳng giới còn hạn chế. Ngoài việc tham gia tạo thu nhập cho gia đình, phụ nữ còn phải lo chăm sóc gia đình, thiếu thời gian nghỉ ngơi, giải trí và tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng, cũng như các cơ hội tham gia vào các khoá đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực. Điều này hạn chế khả năng tiếp cận với các công nghệ tiên tiến và để đóng góp vào các mục tiêu phát triển. Vì vậy, nếu không có những hỗ trợ hợp lý và kịp thời, cơ hội phát triển của phụ nữ sẽ thấp hơn nam. Để đứng vững trong cuộc cạnh tranh này, đòi hỏi cả phụ nữ và nam giới phải nâng cao kiến thức, kỹ năng và sự quyết tâm; nếu một cá nhân hoặc một giới nào ở vị trí xuất phát thấp hơn, lại ít thời gian và cơ hội để đầu tư, học tập thì nguy cơ thất bại đối với người đó, giới đó sẽ cao hơn. Vì vậy để nâng cao hiệu quả sự đóng góp của phụ nữ cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ các hoạt động, chương trình cải tạo an toàn đập phải được đồng đều cho cả nam giới và nữ giới. Trong các hoạt động phát triển này cần được xây dựng, tổ chức sao cho thuận lợi để phụ nữ tham gia.

Có thể nói rằng cả hai giới đều đánh giá về vai trò quan trọng của nước và mong muốn có đủ nước để giảm bớt thời gian lao động của họ. Số liệu trên cũng thể hiện được sự đóng góp của phụ nữ và nam giới trong sản xuất và lao động, điều đó cho thấy mức độ bình đẳng và trách nhiệm của mỗi giới trong vùng dự án.

## Đánh giá các tác động xảy ra trong lịch sử

## 4.8.1. Các sự cố xảy ra trong lịch sử

Trong lịch sử, cụm công trình hồ chứa Đại Thắng đã có 3 lần xảy ra sự cố, cụ thể như sau:

* Năm 1978: Xảy ra lũ cục bộ trong vòng 1 – 2 ngày do trời mưa to. Theo điều tra, trận lũ này không gây thiệt hại về người, chưa thống kê được ảnh hưởng về hoa màu .
* Năm 1986: Xảy ra trận lũ lịch sử, mực nước vượt tràn từ 60 – 80 cm, thời gian ngập từ 2 -3 ngày, ảnh hưởng trực tiếp tới 3 hộ dân tại khu vực xã Đức Bình (nằm sau tràn). Tại thời điểm lũ xảy ra, trong hồ có cá nên khi mực nước vượt quá đỉnh tràn, xả về phía hạ du, người dân địa phương tiến hành đánh bắt cá. Do nước xả ồ ạt sau tràn nên ảnh hưởng đến diện tích lúa nước trồng dưới hạ du. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, không thống kê được diện tích lúa nước bị tác động bởi trận lũ này .
* Năm 1996: Xảy ra lũ do mua quá to, tuy nhiên mực nước vượt ngưỡng tràn và chảy tràn qua tràn. Không có thiệt hại về người và của .

## 4.8.2. Tác động lên môi trường, xã hội

Các sự cố xảy ra trong lịch sử (năm 1978, 1986 và 1996) không gây thiệt hại về người, chỉ gây ảnh hưởng về sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, không có số liệu thống kê về tác động tới sản xuất nông nghiệp. Đáng chú ý là số lượng cá do bà con thầu mặt nước nuôi trong hồ do xảy ra sự cố tràn nên đã bị trôi đi mất do tràn vận hành sai chức năng; những năm sau đó, người dân vẫn tiếp tục nuôi cá hàng năm và có đóng khoản phí nhất định cho công ty KTCT Thủy lợi huyện Lạc Thủy.

Đối với môi trường, sự cố này gây ảnh hưởng tạm thời cục bộ đến nước mặt, cụ thể là nguồn nước trong hồ bị đục, nhiều cặn lắng trong lòng hồ và trong hệ thống kênh. Tác động lên hệ sinh thái hồ đập là không đáng kể.

## 4.8.3. Các biện pháp đã thực hiện để khắc phục

Nhằm ngăn ngừa công trình đập bị phá hủy do lũ, chính quyền địa phương đã tiến hành các biện pháp gia cố tạm thời mặt đập và tràn bằng cách các bao tải cát, đá chặn trên mặt đập để giảm thiểu lượng nước lũ xả về hạ lưu.

# PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

## 5.1. Sàng lọc môi trường và xã hội

Theo thỏa thuận với Ngân hàng Thế giới, Tiểu dự án đã tiến hành sàng lọc môi trường và xã hội để xác định những hạng mục không đủ điều kiện và các yêu cầu cụ thể theochính sách bảo vệ môi trường, xã hội của Ngân hàng Thế giới và cũng để xác định phạm vi đánh giá. Các hình thức sàng lọc được cung cấp trong bảng 4.1 và 4.2 tại Phụ lục A3 của báo cáo này.

Dựa trên các sàng lọc được tiến hành, Tiểu dự án thuộc loại B theo phân loại OP / BP 4.01 của Ngân hàng Thế giới. Việc sàng lọc cũng xác nhận rằng việc phục hồi công trình sẽ không làm tăng dung tích thiết kế của hồ chứa và không tăng diện tích bề mặt hồ chứa. Mặc dù việc phục hồi sẽ liên quan đến việc nâng cao chiều cao hiện nay của đập là 15,3 m lên đến 17,9 m, nhưng chỉ nhằm mục đích nâng cao an toàn. Đập có chiều cao sau khi xây dựng nhỏ hơn 17,9 m được coi là lớn theo như phân loại OP4.37 của Ngân hàng Thế giới và do đó đập phải được xem xét, giám sát bởi một Đội chuyên gia và phải chuẩn bị và trình Kế hoạch an toàn đập.Tiểu dự án không nằm trong hoặc gần môi trường sống tự nhiên quan trọng và không có loài vật quý hiếm hoặc đang bị đe dọa trong khu vực thực hiện tiểu dự án. Cũng không có công trình hoặc di tích có ý nghĩa văn hóa, tôn giáo, lịch sử ở bên trong và ở các vùng phụ cận trong bán kính 20 km từ công trường thi công. Người dân tộc thiểu số Mường chiếm 70% tổng dân số trong khu vực nghiên cứu, nhiều người trong số đó sẽ bị ảnh hưởng bởi sự gián đoạn nguồn nước tưới trong quá trình sửa chữa. Do đó, Tiểu dự án cũng được yêu cầu chuẩn bị một Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP).

Căn cứ vào các tác động có khả năng xảy ra của tiểu dự án, các mục sau đây được yêu cầu bổ sung:

* + Hành động tái định cư/Kế hoạch bồi thường theo quy định OP 4.12 của Ngân hàng Thế giới (Chính sách tái định cư không tự nguyện);
  + Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số phù hợp với OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới (Chính sách dân tộc bản địa).

## 5.2 Các tác động tích cực

Việc thực hiện Tiểu dự án này dự kiến sẽ mang lại những một số tác động tích cực như sau:

Tác động môi trường tích cực: Khi hạng mục công trình được hoàn thành, năng lực của hồ Đại Thắng sẽ được phục hồi lên mức thiết kế ban đầu trong khi các hệ thống công trình đầu mối sẽ được củng cố, cải thiện an toàn đập. Ngoài ra, hồ chứa được phục hồi sẽ điều tiết tốt hơn các dòng chảy thủy văn cực đại từ các lưu vực trong mùa lũ, lưu trữ trong mùa mưa và xả trong mùa khô. Điều này sẽ cải thiện độ ẩm sẵn có trong khu vực, qua đó cung cấp môi trường sống cho thực vật và động vật giúp cho đa dạng sinh học ngày càng tăng. Các hồ chứa sẽ tiếp tục cung cấp môi trường sống của nhiều loài thủy sản.

Tác động kinh tế-xã hội tích cực: Dự án sẽ mang lại lợi ích cho người dân về giảm rủi ro thiên tai do khả năng phục hồi của đập được tăng cường để chống lại thiên tai. Đập phục hồi cũng sẽ giúp cải thiện năng suất và sản lượng nông nghiệp do nguồn cung cấp nước đầy đủ và ổn định tưới cho 130 ha lúa, hoa màu và tiềm năng nuôi trồng thủy sản được tăng cường của hồ chứa. Lợi ích kinh tế xã hội khác từ Tiểu dự án đến từ việc tạm thời tăng cơ hội việc làm trong quá trình xây dựng do thuê mướn người lao động của địa phương cũng như do gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ của các địa phương thuộc vùng dự án, chủ yếu về ăn, ở, đi lại và giải trí.

## 5.3. Các vấn đề và tác động tiêu cực

## 5.3.1 Các vấn đề và tác động tiêu cực ngắn hạn

Trước khi thi công, vẫn còn số các hoạt động chuẩn bị cần phải được hoàn thành. Những hoạt động này bao gồm việc chuẩn bị kỹ thuật chi tiết, chương trình làm việc, giải phóng mặt bằng, đấu thầu và mua sắm. Những hoạt động này có thể là nguyên nhân gây ra sự lo lắng cho một số người trong các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng. Trong thực tế xây dựng, các hoạt động cơ giới là nguyên nhân chính gây ra các tác động tiêu cực. Tác động do các hoạt động chuẩn bị và xây dựng là thường ngắn hạn và cục bộ. Các tác động tiềm tàng cho các hoạt động này được tóm tắt trong Bảng 5.1 và được đánh giá riêng dưới đây:

*1. Sự lo ngại chung của dân cư địa phương*: Trước khi thi công, người dân, nông dân, phụ nữ, và những nhóm khác trong cộng đồng có thể có những lo ngại về những tác động và cơ hội đến từ Tiểu dự án. Tác động như mất đất trồng trọt và công trình do thu hồi đất hoặc các công trình phụ tạm thời phục vụ cho các hoạt động xây dựng là nguồn gốc của sự lo lắng có thể dẫn đến thái độ tiêu cực đối với Tiểu dự án. Một số người cũng mong muốn có được một công viêc trong thời gian thi công. Do đó, người dân cần phải được tư vấn và cung cấp thông tin để họ có thể dự đoán được các tác động và cơ hội, nhờ đó góp phần vào kế hoạch và thiết kế của Tiểu dự án.

*2. Gián đoạn nguồn cung cấp nước cho thủy lợi*: Sẽ có một gián đoạn không thể tránh khỏi trong quá trình thay thế cống lấy nước. Điều này sẽ ảnh hưởng đến các loại cây trồng ở khu vực hạ lưu đặc biệt ở 3 thôn: Đại Đồng, Thắng Lợi và Đại Thắng. Khoảng 57 ha đất nông nghiệp được dự đoán sẽ gặp tình trạng thiếu nước trong một khoảng thời gian từ 2 đến 6 tháng. Những vùng đất này đang được canh tác bởi 244 hộ, 223 trong số đó là người Mường. Theo kịch bản trường hợp xấu nhất không có nước trong sáu tháng, các hộ gia đình có thể bỏ lỡ 2 mùa lúa.

*3. Xung đột có thể xảy ra giữa người lao động nhập cư và dân cư địa phương*: Dân cư địa phương và các lao động nhập cư có thể đến từ các nền văn hóa khác nhau, điều này có thể dẫn đến những xung đột giữa hai nhóm người. Tác động này được đánh giá ít có khả năng xảy ra.

*4. Tăng rủi ro về sức khỏe và sự an toàn của người dân địa phương và người lao động do tiếp xúc với các mối nguy hiểm tại công trường và tại các tuyến đường xây dựng*: Cư dân dọc theo các tuyến đường giao thông chính (từ thị trấn Chi Nê đến công trình) sẽ có nguy cơ về tai nạn giao thông. Dân số và mật độ giao thông trên con đường này từ thấp đến trung bình. Tuy nhiên mật độ giao thông thấp có thể dẫn đến việc di chuyển với tốc độ cao từ đó có thể gây ra tai nạn giao thông nguy hiểm. Mối nguy hiểm tại địa điểm xây dựng có thể bao gồm: việc đào sâu, các lối đi không an toàn, dốc trơn trượt, sạt lở mái và các vùng nước sâu. Tiếp xúc thường xuyên giữa lao động nhập cư và người dân địa phương cũng có thể dẫn đến cả những mối những nguy hiểm về sức khỏe từ bệnh truyền nhiễm. Những người lao động có thể không có miễn dịch tốt đối với các bệnh dịch địa phương và sẽ bị phơi nhiễm với các bệnh địa phương và tác nhân gây bệnh như muỗi. Ngoài ra, công nhân xây dựng từ các khu vực khác cũng có thể mang lối sống và mầm bệnh có thể phá vỡ các quy định và truyền thống của địa phương. Đơn vị quản lý dự án địa phương cần phải xem xét các nguy cơ sức khỏe như bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục, đi kèm với đó là các chiến dịch truyền thông.

*5. Thiệt hại đối với đường giao thông liên thôn:* Đối với các xe tải nặng (7-10 tấn) và tốc độ được cho phép (30km/h) đi lại trên tuyến đường xã và đường giao thông liên thôn, chúng có thể gây ra hư hỏng, thiệt hại cho các tuyến đường liên thôn hiện có, dẫn đến vận chuyển bị gián đoạn.

*6. Ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt (chủ yếu là từ các công nhân) có chứa chất hữu cơ (BOD5, COD), chất dinh dưỡng (N, NH4, P) và vi khuẩn (Coliform) để nó có thể dẫn đến sự ô nhiễm nước mặt và nước ngầm nếu không được điều trị và xử lý đúng. Nước thải sinh hoạt bắt nguồn từ việc nấu ăn, giặt giũ và các hoạt động vệ sinh hàng ngày của người lao động. Dựa trên nhu cầu cấp nước theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (TCXDVN 33-2006), lượng nước cần thiết cho một người sử dụng hàng ngày là 80 lít / ngày, và lượng nước thải là 80% (80 lít/người/ngày). Số công nhân trong thời điểm diễn ra các hoạt động xây dựng cao nhất sẽ là khoảng 52 người. Vì vậy sẽ có khoảng 1,66 mét khối nước thải mỗi ngày tạo ra tại các lán trại của công nhân. Lượng chất thải này là không đáng kể. Tuy nhiên nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải cao hơn giới hạn cho phép đối với nước thải theo QCVN 14: 2008 / BTNMT. Do đó, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn như là: có thể áp dụng bể tự hoại và bể lắng hoặc bể/hố thấm.

*7. Ô nhiễm từ nước thải xây dựng:* Quá trình trộn bê tông, bảo trì máy móc sẽ tạo ra một số lượng nước thải nhất định. Lượng nước thải được tạo của hoạt động xây dựng lớn nhất được ước tính là khoảng 0,5 mét khối mỗi ngày. Con số này được coi là không đáng kể.

*8. Nước ngầm ô nhiễm:* Nước mặt là nguồn chính cung cấp nước cho nước ngầm, do đó sự ô nhiễm nước mặt sẽ dẫn đến ô nhiễm tầng nước ngầm. Do không có nước thải đáng kể từ việc xây dựng và từ các lán trại của công nhân, nên tác động này là không đáng kể. Các nguồn ô nhiễm khác là chất thải nguy hại dạng lỏng như dầu thải, dầu mỡ và nước rỉ từ rác thải rắn. Những chất thải này cũng rất nhỏ và không có khả năng gây ô nhiễm đáng kể đến nguồn nước ngầm.

*8. Nồng độ bụi trong không khí tăng:* Căn cứ vào tính toán sơ bộ, tổng số vật liệu được sử dụng cho xây dựng (tức là đào bới, công trình bằng đất và bê tông) là khoảng 230.441 tấn. Điều này sẽ cần khoảng 23.044 chuyến xe tải nghĩa khoảng 157 chuyến mỗi ngày trong 7 tháng (210 ngày) hoặc là 19 xe tải mỗi một giờ trên một ngày làm việc 8 giờ. Điều này rất đáng kể và được thực hiện trong mùa khô, khả năng bụi tạo ra là rất cao. Các mức độ có thể gây ô nhiễm bụi được đánh giá dưới đây:

**Bảng 5-1: Lưu lượng xe vận chuyển vật liệu khu vực dự án**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối lượng vật liệu vận chuyển (tấn)** | **Tổng số**  **(lượt xe)** | **Thời gian**  **(ngày)** | **Lưu lượng**  **(xe/ngày)** |
| 230441 | 23044 | 210 | 157 |

Các xe tải di chuyển và để vận chuyển các vật liệu tạo ra một lượng lớn bụi. Giả sử tốc độ trung bình 35km/h, trọng tải trung bình 5 tấn/xe tải, khoảng cách di chuyển trung bình là 5 km và theo như các phương pháp đánh giá nhanh của WHO, khối lượng bụi trung bình tạo ra là 436,14 kg/h (Bảng 5-2).

**Bảng 5-2: Tải lượng bụi trong quá trình thi công**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn phát sinh** | **Hệ số phát sinh**  ***(1000km)*** | **Lượng bụi phát sinh của 1 lượt xe *(kg/1000km)*** | **Tải lượng phát sinh trung bình**  ***(kg/ngày)*** | **Tải lượng phát sinh trung bình**  ***(kg/h)*** |
| Vận chuyển vật liệu | 3,7 f | 1589,81 | 3489,12 | 436,14 |

*Nguồn: WHO - Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí - Tập 1 - Generva 1993*

Trong đó:

f: là hệ số phát sinh bụi thứ cấp khi xe chạy trên đường tínhtheo công thức:

**f = v.M0,7.n0,5**

- v: Vận tốc trung bình của xe: 35 (km/h).

- M: Tải trọng trung bình của xe: 5 (tấn).

- n: Số bánh xe trung bình: 6 (chiếc).

Tải lượng chất ô nhiễm E tính cho toàn bộ quãng đường .

E= 436.141000000/(2010003600) = 17.32 (mg/m.s) .

 Để đánh giá tác động của bụi trong giai đoạn san lấp mặt bằng ta áp dụng mô hình tính toán Sutton - xác định nồng độ chất ô nhiễm tại một điểm bất kỳ theo công thức sau:

Trong đó:

C: nồng độ bụi trong không khí (mg/m3) .

E: tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s) .

z: độ cao của điểm tính toán: 1(m) .

h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh: 0,5 (m) .

u: Tốc độ gió trung bình tại khu vực 1,5 (m/s) .

 x: tọa độ điểm cần tính (m) .

 : hệ số khuyếch tán bụi theo phương z, được xác định theo công thức:

Với x là khoảng cách theo chiều gió thổi tại điểm tính toán so với nguồn thải (m) thì hệ số khuyếch tán chất ô nhiễm như sau:

**Bảng 5-3: Bảng tính toán nồng độ bụi trong không khí**

| **X (m)** | **ᵟ (m)** | **E1(mg/m.s)** | **Z (m)** | **H (m)** | **U (m/s)** | **C (mg/m3)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 | 2,846 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 7,020 |
| 50 | 9,216 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 2,018 |
| 100 | 15,285 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 1,211 |
| 150 | 20,551 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,900 |
| 200 | 25,353 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,729 |
| 250 | 29,838 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,619 |
| 300 | 34,086 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,542 |
| 350 | 38,146 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,484 |
| 400 | 42,051 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,439 |
| 450 | 45,827 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,403 |
| 500 | 49,491 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,373 |
| 550 | 53,057 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,348 |
| 600 | 56,536 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,327 |
| 650 | 59,938 | 17,31 | 1 | 0,5 | 1,5 | 0,30 |
| **700** | **63,270** | **17,31** | **1** | **0,5** | **1,5** | **0,292** |

Trong thời gian vận chuyển vật liệu, các phương tiện chuyên chở hoạt động liên tục với tần suất cao trong khu vực dự án do vậy có thể gây ra lượng bụi lớn. Khi có bụi trong không khí sẽ làm cản trở tầm nhìn, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và dân cư trong khu vực TDA. Theo tính toán ở trên cho thấy ở khoảng cách 700 m hai bên của tuyến đường xe chạy thì nồng độ bụi là 0,298 mg/m3 đạt tiêu chuẩn QCVN 05 : 2009/BTNMT cho phép (0,3 mg/m3 trong 1h). Qua đó có thể xác định phạm vi ảnh hưởng của bụi này là trong công trình xây dựng và xung quanh 700m từ mép đường theo các hướng gió. Các tuyến đường đường bị ảnh hưởng là: 300 m đường dọc theo bờ trái của hồ chứa đến đập và đập tràn; đường liên thôn đài 1,9 km giữa thôn Đức Bình và Thắng Lợi; và tuyến đường 20 km đến thị trấn Chi Nê, đặc biệt là các tuyến đường liên tỉnh, số 438, 479 và 479B của xã An Bình. May mắn rằng, tuyến giao thông bị ảnh hưởng nặng nhất sẽ là tuyến dọc theo bờ hồ, nơi không có người cư trú và là nơi bụi trong không khí có thể sẽ được giảm nhẹ bằng nước hồ chứa. Các tuyến đường quan trọng khác sẽ là con đường liên thôn tới thôn Thắng Lợi và cũng không có người dân cư trú hoặc các cơ sở dọc theo con đường này. Tác động của bụi cần được giám sát chặt chẽ và/hoặc sử dụng hệ thống cảnh báo phục vụ cho hành động giảm thiểu ngay lập tức khi tác động này xảy ra.

*9. Không khí ô nhiễm từ khí thải:* Các xe tải vận chuyển vật liệu đến và đi từ khu vực tiểu dự án cũng như các thiết bị khác như máy xúc, máy ủi, xe lu, vv, chủ yếu tiêu thụ xăng và dầu diesel. Đốt nhiên liệu tạo ra khí thải có chứa các chất ô nhiễm không khí như CO, CO2, SO2, NOx và hydrocarbon. Mức độ phát thải các chất ô nhiễm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nhiệt độ không khí, tốc độ xe, tuyến đường di chuyển, các loại nhiên liệu và các biện pháp kiểm soát ô nhiễm. phương pháp dự báo tải lượng các chất ô nhiễm đối với các loại ô tô sử dụng dầu diezen được thể hiện trong Bảng 5-4.

**Bảng 5-4: Hệ số phát thải khí do 1 phương tiện tham gia giao thông**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Hệ số (kg/1000km)** | **Quãng đường(km)** | **Thời gian (phút)** | **Số xe  (vào/ra)** | **Lượng phát thải (g/phút)** |
| SO2 | 4,15\*S | 20 | 4,4 | 1 | 0,094 |
| NOx | 14,4 | 20 | 4,4 | 1 | 65,455 |
| CO | 2,9 | 20 | 4,4 | 1 | 13,182 |
| HC | 0,8 | 20 | 4,4 | 1 | 3.,36 |

S: Nồng độ lưu huỳnh trong dầu, S = 0,5%

Nguồn WHO: Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí - Tập1, Generva, 1993.

Dựa trên đó, đối với khoảng 157 xe tải (xem đánh giá về ô nhiễm không khí do bụi) di chuyển mỗi ngày, lượng khí phát thải khí được đưa ra trên Bảng 5-10.

**Bảng 5-5: Lượng khí phát thải dự báo tương ứng với số xe vận chuyển**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số xe**  **(lượt)** | **SO2**  **(g/phút)** | **NOx**  **(g/phút)** | **CO**  **(g/phút)** | **HC**  **(g/phút)** |
| 157 | 2173,5 | 1508341,1 | 303763,1 | 83796,7 |

Tương tự như với bụi, khí thải phát ra chủ yếu ở các công trường xây dựng, đặc biệt là dọc theo bờ trái của hồ chứa cho tới đập và dọc theo tuyến đường tới thôn Thắng Lợi. Bởi vì các xe tải lưu động, phát thải dự kiến sẽ được phân tán rộng rãi và có thể sẽ không gây ra bất kỳ tác động đáng kể đến chất lượng không khí xung quanh của khu vực. Nếu có tác động, nó sẽ chỉ ảnh hưởng đến các công nhân tại công trường xây dựng.

*10. Tác động từ độ rung và tiếng ồn xây dựng:* Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của các thiết bị xây dựng (máy xúc, máy trộn bê tông, xe cơ giới, xe ủi đất, vv) có thể trở thành một mối phiền toái cho dân cư gần đó. Mức độ lan truyền của tiếng ồn phụ thuộc vào mức độ âm thanh và khoảng cách từ nguồn tiếng ồn đến môi trường tiếp nhận. Tiếng ồn làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trong công trường xây dựng cũng như dân cư khu vực xung quanh. Khả năng lan truyền của tiếng ồn từ các thiết bị thi công tới khu vực xung quanh được tính gần đúng bằng công thức sau:

L = Lp - ∆Ld - ∆Lb - ∆Ln(dBA)

Trong đó:

* L : Mức ồn truyền tới điểm tính toán ở môi trường xung quang, dBA
* Lp: Mức ồn của nguồn gây ồn, dBA
* ∆Lb: Mức ồn giảm đi khi truyền qua vật cản. Khu vực dự án có địa hình rộng thoáng và không có vật cản nên ∆Lb = 0 .
* ∆Ln: Mức ồn giảm đi do không khí và các bề mặt xung quanh hấp thụ. Trong phạm vi tính toán nhỏ, chúng ta có thể bỏ qua mức giảm độ ồn này.
* ∆Ld: Mức ồn giảm đi theo khoảng cách, dBA

∆Ld =20\*lg[(r2/r1)1+a]

Trong đó:

* r1: Khoảng cách dùng để xác định mức âm đặc trưng của nguồn gây ồn, thường lấy bằng 1m đối với nguồn điểm.
* r2: Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn tính từ nguồn gây ồn, m.
* a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, đối với mặt đất trống trải a = 0 .

Từ các công thức trên, chúng ta có thể tính toán được mức độ ồn trong môi trường không khí xung quanh tại các khoảng cách 50m và 100m tính từ nguồn gây ồn. Kết quả tính toán được thể hiện trong Bảng 5-6 dưới đây:

**Bảng 5-6: Mức ồn tối đa (dBA) từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại máy móc** | **Mức ồn ứng với khoảng cách 1m** | | **Mức ồn ứng với khoảng cách** | | | | | |
| **Khoảng** | **TB** | **5m** | **10m** | **20m** | **50m** | **100m** | **200m** |
| 1 | Xe tải | 82-94 | 88 | 74,0 | 68,0 | 62,0 | 54,0 | 48 | 42 |
| 2 | Máy trộn bê tông | 75-88 | 81,5 | 67,5 | 61,5 | 55,5 | 47,5 | 41,5 | 35,5 |
| 3 | Máy đào đất | 75-98 | 86,5 | 72,5 | 66,5 | 60,5 | 52,5 | 46,5 | 40,5 |
| 4 | Máy xúc | 75-86 | 80,5 | 66,5 | 60,5 | 54,5 | 46,5 | 40,5 | 34,5 |
| 5 | Máy đầm nén | 75-90 | 82,5 | 68,5 | 62,5 | 56,5 | 48,5 | 42,5 | 36,5 |
| QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: 70dBA (từ 6h-21h) và 55dBA (từ 21h-6h) | | | | | | | | | |

*Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội – 1997*

Nhìn chung, ô nhiễm tiếng ồn chỉ xảy ra gần nguồn tiếng ồn trong khu vực địa phương, trực tiếp tác động đến người lao động trong các các công trường. Dựa trên NTR 26: 2010 / BTNMT, tác động của tiếng ồn ở khoảng cách 10 mét từ nguồn tiếng ồn là đã thấp hơn giới hạn.

Độ rung phát sinh do quá trình đào, xúc đất đá và hoạt động của các thiết bị thi công xây dựng. Các hoạt động tạo nên độ rung lớn trên công trường gồm có:

+ Búa máy 8 tấn với cơ năng đóng khoảng 48 KJ có thể tạo ra độ rung 12,9 mm/s ở khoảng cách 10 m.

+ Thiết bị đầm đất cơ năng 30 KJ có thể tạo ra độ rung 4,3 mm/s ở khoảng cách 10m.

+ Búa máy diezel đóng có thể tạo ra độ rung 7 mm/s ở khoảng cách 10m .

Độ rung thường xuyên sẽ gây mệt mỏi đối với thần kinh của người lao động; độ rung từ 5,0 mm/s trở lên có thể tác động xấu tới sự ổn định của các công trình xây dựng. Các rung động phát sinh do hoạt động của hệ thống thiết bị thi công trên công trường chỉ tác động trong khu vực thi công, ảnh hưởng tới công nhân trên công trường ở các khoảng cách 15 m từ nguồn phát sinh. Tiếng ồn và độ rung được coi là không đáng kể. Tuy nhiên các nhà thầu dự kiến sẽ thực hiện theo đúng quy định của chính phủ về tiếng ồn.

*11. Ô nhiễm đất:* Ước tính rằng có khoảng 52 công nhân làm việc tại công trường xây dựng. Theo số liệu điều tra của các dự án tương tự đã được phê duyệt, khối lượng chất thải rắn trên bình quân trên đầu người ước tính là 0,5kg/ngày, khối lượng chất thải sinh hoạt này tại khu trại công nhân sẽ đạt tối đa là 26 kg / ngày hoặc khoảng 200kg mỗi tuần. Những chất thải này sẽ bao gồm giấy, túi nilon, tàn thuốc, lon nước ngọt, vỏ bia, chất thải thực phẩm, vv). Lượng chất thải này là không đáng kể và có thể dễ dàng được xử lý thông qua hệ thống thu gom rác thải của xã.

*12. Chất thải rắn từ xây dựng:* Các chất thải rắn phát sinh do các hoạt động xây dựng bao gồm đất đá thải (việc đào đất mở rộng tràn), cát, sỏi, gạch vỡ, ngói vỡ, xi măng và thép phế liệu,... Khối lượng các chất thải rắn này phát sinh phụ thuộc vào quá trình thi công và chế độ quản lý của dự án. Các chất thải như đất dư thừa từ việc đào bới và các chất bẩn khác sẽ được xử lý tại vùng bãi rác ở thôn Thắng Lợi. Những phế liệu kim loại sẽ được người dân tận thu hoặc được thu gom bởi các quản lý hồ chứa để tái sử dụng. Chất thải rắn từ việc xây dựng ít có khả năng có những tác động đến môi trường.

*13. Chất thải nguy hại:* Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc và phương tiện vận chuyển: tạo ra dầu thải, mỡ thải và vật chất nhiễm dầu mỡ (giẻ lau, cặn dầu). Các loại chất thải nguy hại có khả năng phát sinh trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là các loại chất thải nhiễm dầu mỡ. Lượng dầu mỡ thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng tùy thuộc các yếu tố:

* Số lượng phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới trên công trường;
* Lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện vận chuyển thi công cơ giới;
* Chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy móc, thiết bị .

Đối với 157 chuyến xe tải mỗi ngày, giả sử một xe tải có thể đi được trung bình 10 chuyến mỗi ngày, do đó sẽ có khoảng 15 xe tải hoạt động hàng ngày tại công trường. Giả sử 18 lít dầu thải được tạo ra từ mỗi xe tải cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng (tức là mỗi 3 tháng), Từ đó tổng số dầu thải phát sinh trong toàn bộ thời gian xây dựng (tức là 6 tháng) sẽ lên đến tổng cộng 540 lít. Đây là số lượng đáng kể và do đó các nhà thầu cần áp dụng một hệ thống để thu thập, lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của Chính phủ.

*14. Tác động môi trường từ việc diệt mối:* Các tổ mối đã làm tổn hại đến an toàn đập, gây thấm và giảm cường độ cũng như chức năng của đập. Trong khu vực này, mối mọt có thể được xư lý bằng cách khoan lỗ sau đó thêm một số chất chống mối mọt nhưng có thể gây ô nhiễm nguồn nước hồ chứa. Tuy nhiên, kế hoạch sinh học để điều trị mối với Metarhizium anispliae, một loại nấm được tìm thấy trong đất lây nhiễm và giết chết mối qua tiếp xúc trực tiếp hoặc qua truyền nhiễm. Bào tử của M. anispliae có sẵn trong thị trường (Metavina 10DP) tại Việt Nam và đã được sử dụng thành công trong các lĩnh vực khác. Được mong đợi là không gây tác động xấu đến môi trường vì loại nấm này xuất hiện tự nhiên trong đất. Sau khi xử lý, vữa đất sét được tiêm vào lỗ trống do tổ mối hình thành nên.

*15. Tác động của hoạt động xây dựng trên môi trường sinh thái:* Sẽ hầu như không có hưởng đến môi trường sinh thái, các tiểu dự án sẽ không xâm phạm vào bất kỳ khu rừng tự nhiên hoặc môi trường sống tự nhiên nào. Các hố được đào sẽ đặt ngay tại bờ trái của hồ chứa, trong khi các bãi chôn lấp rác thải sẽ được đặt tại một mương 1,0 ha tại thôn Thắng Lợi. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, sẽ không có nước xả rasuối Chợ Đập khi mà chiều cao đập tràn tràn là cố định và không có cửa van điều khiển. Xả nước bất kỳ qua việc lấy nước tưới thủy lợi chảy vào hệ thống kênh mương trước khi đổ vào suối Chợ Đập và sông Hoàng Long. Xả tháo nước hồ chứa qua cống lấy nước thủy lợi chảy vào hệ thống kênh mương thủy lợi. Việc xả nước sẽ được thực hiện từ từ với tốc độ dòng chảy tối đa là 0,3 m3/s. Hơn nữa, hạ lưu của các nhánh sông thường xuyên khô hạn kéo dài do đó môi trường sống của thủy sinh không nhiều và nếu xả ồ ạt có thể dẫn đến việc môi trường sống bị tổn hại.

*16. Tăng độ đục và bồi lắng trong kênh và hồ chứa:* Việc đào đắp các công trình trên thân đập, nền đập và đập tràn có thể gây ra những bồi lắng và độ đục trong hồ chứa và kênh nước. Nhìn chung, các hoạt động chuyển đất với khối lượng lớn làm tăng nguy cơ bồi lắng. Tổng khối lượng của đất sẽ được chuyển trong thời gian xây dựng khoảng 66.495 mét khối và hầu hết trong số này (30.228 mét khối) sẽ được sử dụng như vật liệu đắp bổ sung để tăng chiều cao của đỉnh đập. Việc đào bới để xây dựng đập tràn và xây dựng cống lấy nước cũng là đáng kể, ước tính tương ứng khoảng 10.626 mét khối và 10.103 mét khối. Lượng đất đào dư thừa kể từ khi thi công sẽ được đổ tại bãi rác lên tới khoảng 20.000 mét khối và sẽ được thực hiện trong mùa khô, sự xói mòn rửa trôi từ bãi đất này có thể được tối thiểu hóa. Tuy nhiên nguy cơ bồi lắngsẽ rất cao tại hồ chứa, tại nơi thi công gần nước. Độ đục và bồi lắng được dự kiến ​​sẽ chỉ ảnh hưởng đến một phần của hồ chứa gần các địa điểm xây dựng.

## 5.3.2. Tác động lâu dài

*17. Mất đất và cây trồng do thu hồi đất phục vụ cho tiểu dự án: Tiểu* dự án sẽ yêu cầu thu hồi tổng cộng 1,9 ha (Tổng diện tích đất sẽ bị thu hồi vĩnh viễn là 15.935 m2 và diện tích thu hồi tạm thời để phục vụ thi công là 4438 m2). Khoảng 12 hộ gia đình ở thôn Đức Bình sẽ mất quyền sử dụng đất, mất cây trồng bao gồm 130 cây keo từ 2 đến 3 năm tuổi và 7758 mét vuông ruộng lúa. Ít nhất có 1 hộ dân bị ảnh hưởng phải di dời nhà. Các công trình khác bị ảnh hưởng bao gồm khoảng 70 mét hàng rào, 1 giếng nước và 100 mét vuông bệ vữa xi măng sẽ bị ảnh hưởng.

**Bảng 5-7: Các khu vực thu hồi đất vĩnh viễn và tạm thời của tiểu dự án**

|  | Thu hồi vĩnh viễn | | | Sử dụng tạm thời |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đất vườn | Ruộng lúa | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng cây lâu năm |
| Diện tích (m2) | 0 | 12,578 m2 | 5,582 m2 | 4,438 m2 |

*18. Đất có khả năng suy thoái tại các khu lán trại, khu vực hố đào và các bãi chôn lấp:* Hoạt động xây dựng có thể để lại đằng sau những vùng đất bị suy thoái không phù hợp cho việc sử dụng hiệu quả do biến dạng cảnh quan, các phế liệu xây dựng, đá cuội, đá, sỏi, và các công trình còn sót lại . Tình trạng này không những có thể xảy ra với các hố đào và khu vực chôn lấp mà còn ở các khu lán trại. Nhà thầu thường sẽ tập trung hoàn thành các công trình thầu tại đập, bao gồm cả việc phục hồi cảnh quan nhưng có thể để lại đằng sau những công trình tháo dỡ vội vã và rác thải tại khu lán trại. Diện tích hố đào sẽ cần phải được san lấp hoặc cảnh quan cần được cải thiện thẩm mỹ, an toàn và phù hợp với mục đích sử dụng khác. Điều tương tự cũng nên được thực hiện với các bãi chôn lấp.

*19. Gia tăng sử dụng lượng phân bón và thuốc trừ sâu:* Sự cải thiện nguồn nước tưới sẵn có sẽ làm tăng sản lượng nông nghiệp trong khu vực từ dịch vụ thủy lợi. Khi điều này xảy ra nông dân sẽ có xu hướng sử dụng nhiều phân bón và thuốc trừ sâu. Hiện các địa phương đều đang áp dụng các giải pháp canh tác an toàn như IBM, ACM, “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải, 5 giảm”, trồng hoa trên bờ ruộng,... nhằm mục đích hạn chế ảnh hưởng của các loại phân bón và thuốc trừ sâu đối với sức khỏe của người dân.

*20. Tác động đến hệ sinh thái thủy sinh của các kênh dưới hạ lưu:* Tác động này được đánh giá là không đáng kể, các công trình phục hồi chức năng đề xuất của đập Đại Thắng sẽ không làm thay đổi chế độ thủy văn dòng chảy của hồ chứa và suối Chợ Đập. Các công trình phục hồi chức năng chỉ đơn thuần là sẽ khắc phục sự cố rò rỉ hiện tại và tăng cường cấu trúc đập hiện có để cải thiện an toàn.

## 5.3.3 Các vấn đề khác

Các vấn đề khác liên quan đến Tiểu dự án như sau:

*21. Có thể phát sinh những khiếu nại hoặc các kháng nghị về TDA:* Có thể sẽ có khiếu nại đối với Tiểu dự án. Nó có thể là trường hợp không công bằng trong công tác bồi thường, hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại không nằm trong phạm vi của RAP. Có thể có những thiệt hại do tai nạn trong quá trình xây dựng mà Tiểu dự án có thể không giải quyết được. Điều quan trọng là các bên liên quan có thể tiếp cận cơ chế giải quyết khiếu nại.

*23. Có thể phát lộ ra các vật khảo cổ:* Trong khi khu vực này được xác định không phải là một địa điểm khảo cổ hoặc có cổ sinh vật, nhưng luôn luôn có một xác suất nhỏ mà Tiểu dự án có thể gặp phải các đồ cổ hoặc các hóa thạch trong quá trình đào bới để lấy vật liệu đắp đập. Do đó, cần phải có một thủ tục sẵn sàng trong trường hợp sự việc này sẽ xảy ra.

*24. Có thể gặp phải bom mìn chưa nổ:* Đập được xây dựng trong thời chiến tranh và đã chưa từng được sửa chữa lớn kể từ khi vận hành tới nay. Vật liệu chưa nổ có thể xuất hiện trong một số khu vực của hồ chứa, hoặc trong các hố đào. Cần phải rà phá bom mìn để đảm bảo an toàn cho công trình, các chỗ đào hố và địa điểm lán trại.

*25. Tác động đến Dân tộc thiểu số:* Trong khu vực tiểu dự án (xã An Bình), dân tộc Mường chiếm hơn 90%. Việc thu hồi đất sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ hộ gia đình dân tộc Mường nào. Tuy nhiên, đa số (223 ra 224 hộ) sẽ bị ảnh hưởng bởi sự gián đoạn nước tưới là người Mường. Tham vấn với người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đã được thực hiện theo hình htwcs tự do, trước và có thông tin (FPIC) để xác nhận nếu có sự ủng mạnh mẽ từ cộng đồng dân cứ trong việc thực hiện Tiểu dự án. Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cho Mường đã được chuẩn bị để giải quyết những mối quan tâm cụ thể và các nhu cầu của người Mường bị ảnh hưởng.

*26. Bình đẳng Giới và Trẻ em*: Phụ nữ và trẻ em sẽ bị ảnh hưởng bởi Tiểu dự án khác hơn so với nam giới trưởng thành. Như đã đề cập đến trong tóm tắt, phụ nữ trong khu vực tiểu dự án có xu hướng cho được đại diện ít hơn trong các quyết định quy hoạch và phát triển cộng đồng. Điều này có thể ảnh hưởng đến các lợi ích và chi phí từ dự án được phân bổ theo giới. Ví dụ, đền bù giải phóng mặt bằng có thể dồn về chủ yếu là nam giới hơn là phụ nữ. Hỗ trợ sinh kế có thể được thiết lập chủ yếu cho những người đàn ông trong khi bỏ qua các cơ hội sinh kế khác phù hợp với phụ nữ. Mặt khác trẻ em cũng có thể bị ảnh hưởng nhiều bởi một số tác động. Ví dụ trẻ em đặc biệt dễ bị chết đuối và gặp phải tai nạn giao thông nguy hiểm khi nhận thức chưa cao. Trong năm 2014, tại xã An Bình, có 4 trường hợp trẻ em tử vong do chết đuối.

*27. Vấn đề trầm tích/bồi lắng hồ chứa*: Các thực trạng của hồ chứa cho thấy hồ chứa đang bị bùn lắng nặng. Bồi lắng sẽ tiếp tục là một vấn đề sau khi phục hồi lại chức năng của đập. Lưu vực phía thượng lưu tiếp tục bị bảo mònsẽ dẫn đến tốc độ lắng của hồ chứa tăng lên nên cần nạo vét thường xuyên hơn. Cần phải có cơ chế phối hợp với chính quyền địa phương cho việc chịu trách nhiệm vàviệc quản lý lưu vực để thực hiện một chương trình cải thiện thảm thực vật của rừng đầu nguồn.

*28. Vấn đề nước ngầm bị ô nhiễm Coliform*: Cần lưu ý rằng chất lượng nước ngầm trong khu vực tiểu dự án có thể bị nhiễm khuẩn do phân thải. Cần phải cải thiện tốt vệ sinh môi trường và quản lý thấm trong khu vực.

## 5.4. Các tác động chính và các vấn đề cần giải quyết ho. Các tác độn

Dựa trên những đánh giá trên, các vấn đề và tác động sau đây được coi là đáng kể và do đó cần phải được giải quyết để giảm thiểu:

* + Lo ngại chung của cư dân địa phương về tác động của Tiểu dự án do thiếu thông tin
  + Gián đoạn nguồn cung cấp nước tưới ảnh hưởng đến 57 ha đất trồng trọt của 244 hộ gia đình
  + Có thể xảy ra xung đột giữa người lao động nhập cư và dân cư địa phương
  + Tăng nguy cơ về sức khỏe và an toàn giữa những người dân địa phương sống gần đập và người dân sống dọc theo các tuyến đường xây dựng do tiếp xúc với các nguy cơ liên quan đến xây dựng công trình
  + Tổn hại đến các tuyến đường liên thôn đặc biệt là đường liên thôn dài 1,9 km giữa thôn Đức Bình và thôn Thắng Lợi.
  + Nồng độ bụi cao trong không khí tập trung tại các công trường xây dựng và các tuyến đường vận chuyển
  + Chất thải nguy hại đặc biệt là các chất thải dầu mỡ, chất thải từ ắc qui hỏng và các chất thải điện
  + Có thể bị ô nhiễm do sử dụng chất hóa học trong công tác xử lý mối
  + Tăng độ đục và bồi lắng lòng hồ chứa và kênh dẫn do đào, đắp các công trình trên thân đập, nền đập và đập tràn
  + Mất đất, mùa màng và nhà ở do thu hồi đất
  + Đất có thể bị thoái hóa ở khu lán trại trại, khu vực hố đào và các bãi chôn lấp do cảnh quan bị biến dạng, các phế liệu xây dựng, đá cuội, đá, sỏi, và các công trình còn sót lại
  + Gia tăng sử dụng lượng phân bón và thuốc trừ sâu
  + Có thể phát sinh những khiếu nại hoặc các kháng nghị nghiêm trọng về TDA
  + Có thể phát lộ các vật khảo cổ
  + Có thể gặp phải các vật liệu chưa nổ
  + Tác động tới Dân tộc thiểu số
  + Bình đẳng giới và trẻ em
  + Vấn đề trầm tích/bồi lắng trong lòng hồ
* Vấn đề nước ngầm ô nhiễm Coliform

# PhẦn 6. PHÂN TÍCH CÁC BIỆN PHÁP THAY THC



## 6.1. Giải pháp thay thế không hành động

Một số giải pháp thay thế đã được xem xét trong nghiên cứu khả thi của tiểu dự án như sau:

### *(a) Không khôi phục và sửa chữa:* Hồ Đại Thắng đã được xây dựng và sử dụng hơn 50 năm. Hiện nay, hệ thống công trình đầu mối hồ chứa nước Đại Thắng đã bị hư hỏng và xuống cấp nghiêm trọng. Nếu không có Tiểu dự án, nguy cơ vỡ đập sẽ gia tăng một cách đáng kể và hồ chứa sẽ không đáp ứng đủ nước tưới cho 130 ha lúa và 30ha hoa màu. Như vậy, việc thực hiện TDA có tác động tích cực trong việc nâng cấp/cải thiện các điều kiện hiện có của đập và đảm bảo cung cấp nước tưới. Về mặt lâu dài, TDA sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng dân cư địa phương bằng cách giảm nguy cơ vỡ đập và các công trình, nâng cao hiệu quả của việc khai thác hồ chứa và phát triển bền vững nguồn nước trong vùng. Ngoài ra, việc nâng cấp hồ chứa nước Đại Thắng còn ngăn lũ lụt cho người dân khu hạ lưu ở các thôn Đại Đồng, Đại Thắng, Thắng Lợi góp phần nâng cao hiệu quả năng suất cây trồng, giúp người dân địa phương ổn định cuộc sống của họ

## 6.2. Các phương án xây dựng và xem xét

*a) Lựa chọn mỏ vật liệu (mỏ đất):* Vị trí mỏ đất được lựa chọn tại vị trí bên sườn đồi vai trái của hồ chứa, cách vị trí đập khoảng 700m. Do mất đất nông-lâm để làm bãi vật liệu, sẽ làm giảm thu nhập của những hộ dân đang sử dụng diện tích này. Tuy nhiên, do khối lượng đất vận chuyển lớn (50 000m3), việc lựa chọn bãi vật liệu gần với khu công trường cho phép giảm tác động xấu do phát thải bụi trong giai đoạn thi công.

*b) Lựa chọn Khu lán trại công nhân:* Theo phương án ban đầu khu lán trại nằm ngay cạnh tràn, gồm 2 lán, một cho ban quản lý, một cho công nhân trong giai đoạn thi công. Để đáp ứng yêu cầu này, sẽ cần thu hồi tổng diện tích 560m2; tuy nhiên, do diện tích đất trong khu vực ngay cạnh tràn xả lũ không đủ (chỉ khoảng 500m2). Do đó, tư vấn đã đề xuất chia khu lán trại thành 2 khu, 500 m2 giành cho khu lán trại của công nhân và 60 m2 cho Ban quản lý. Khu thứ 2 (cho ban quản lý) sẽ nằm ở vị trí sát đường liên thôn của xã An Bình và đường thi công. Việc lựa chọn này sẽ có thể sử dụng hiệu quả đất ở khu vực tràn xả lũ.

# CHƯƠNG 7. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Kế hoạch này quản lý xã hội và môi trường (ESMP) xác định các biện pháp cần thiết để giảm thiểu các tác động liên quan tới dự án và cung cấp các phương tiện để thực hiện, bao gồm cả ngân sách, trách nhiệm và xây dựng năng lực trong tổ chức dự án. Các KHQLMT & XH cũng bao gồm một sự sắp xếp phù hợp kiểm toán và giám sát chất lượng môi trường.

## 7.1. Kế hoạch giảm thiểu

Dựa trên các đánh giá trong Chương 5, các vấn đề và các tác động sau đây là đáng kể và do đó sẽ cần phải được giảm thiểu / giải quyết:

* Lo ngại chung của cư dân địa phương về tác động của Tiểu dự án do thiếu thông tin
* Gián đoạn nguồn cung cấp nước tưới ảnh hưởng đến 57 ha đất trồng trọt của 244 hộ gia đình
* Có thể xảy ra xung đột giữa người lao động nhập cư và dân cư địa phương
* Tăng nguy cơ về sức khỏe và an toàn giữa những người dân địa phương sống gần đập và người dân sống dọc theo các tuyến đường xây dựng do tiếp xúc với các nguy cơ liên quan đến xây dựng công trình
* Tổn hại đến các tuyến đường liên thôn đặc biệt là đường liên thôn dài 1,9 km giữa thôn Đức Bình và thôn Thắng Lợi.
* Nồng độ bụi cao trong không khí tập trung tại các công trường xây dựng và các tuyến đường vận chuyển
* Chất thải nguy hại đặc biệt là các chất thải dầu mỡ, chất thải từ ắc qui hỏng và các chất thải điện
* Có thể bị ô nhiễm do sử dụng chất hóa học trong công tác xử lý mối
* Tăng độ đục và bồi lắng lòng hồ chứa và kênh dẫn do đào, đắp các công trình trên thân đập, nền đập và đập tràn
* Mất đất, mùa màng và nhà ở do thu hồi đất
* Đất có thể bị thoái hóa ở khu lán trại trại, khu vực hố đào và các bãi chôn lấp do cảnh quan bị biến dạng, các phế liệu xây dựng, đá cuội, đá, sỏi, và các công trình còn sót lại
* Gia tăng sử dụng lượng phân bón và thuốc trừ sâu
* Có thể phát sinh những khiếu nại hoặc các kháng nghị nghiêm trọng về TDA
* Có thể tìm thấy và phát lộ các vật khảo cổ
* Có thể gặp phải các vật liệu chưa nổ tại khu vực
* Tác động tới Dân tộc thiểu số
* Bình đẳng giới và trẻ em
* Vấn đề trầm tích/bồi lắng trong lòng hồ
* Vấn đề nước ngầm nhiễm Coliform

**Bảng 7.1: Các biện pháp khả để giảm thiểu các tác động môi trường của và các đơn vị chịu trách nhiệm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tác động/Vấn đề** | **Phương pháp giảm thiểu** | **Đơn vị chịu trách nhiệm** |
| Lo ngại chung của cư dân địa phương về tác động của Tiểu dự án do thiếu thông tin | Thực hiện truyền thông, tham vấn cộng đồng (phụ lục B4), tập trung vào dân cư ở xa An Bình | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa (Công ty KTCTTL Lạc Thủy) |
| Gián đoạn nguồn cung cấp nước tưới ảnh hưởng đến 57 ha đất trồng trọt của 244 hộ gia đình | Bồi thường cho 244 hộ gia đình (ở các xã Đại Thắng, Đại Đồng, Thắng Lợi) thông qua Kế hoạch hành động tái định cư | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |
| Có thể xảy ra xung đột giữa người lao động nhập cư và dân cư địa phương | Yêu cầu nhà thầu phối hợp với các làng trong vùng dự án, đặc biệt thôn Đức Bình; và triển khai một chương trình quan hệ cộng đồng lành mạnh | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Tăng nguy cơ về sức khỏe và an toàn giữa những người dân địa phương sống gần đập và người dân sống dọc theo các tuyến đường xây dựng do tiếp xúc với các nguy cơ liên quan đến xây dựng công trình | Yêu cầu nhà thầu thông qua và thực hiện một Kế hoạch an toàn, sức khỏe công nhân và  môi trường.  Nhà thầu phải đặt tốc độ giới hạn tại các tuyến đường sau: đường liên thôn giữa thôn Đức Bình và Thắng Lợi; và các tuyến đường đến thị trấn Chi Nê.  Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra y tế cho người lao động (Điều này có thể được thực hiện tại trung tâm y tế xã An Bình). | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Tổn hại đến các tuyến đường liên thôn đặc biệt là đường liên thôn 1,9 km giữa thôn Đức Bình và thôn Thắng Lợi. | Yêu cầu nhà thầu thực hiện sửa chữa tuyến đường liên thôn dài 1.9km giữa thôn Đức Bình và Thắng Lợi trước, trong và sau khi hoàn thành công trình. | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Nồng độ bụi cao trong không khí tập trung tại các công trường xây dựng và các tuyến đường vận chuyển | Yêu cầu nhà thầu thực hiện tưới nước thường xuyên các khu vực bị ảnh hưởng để giảm thiểu bụi (tức là các tuyến đường dài 20km từ thị trấn Chi Nê đến công trình và tuyến đường liên thôn 1.9 km từ giữa Đức Bình và Thắng Lợi). | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Chất thải nguy hại đặc biệt là các chất thải dầu mỡ, chất thải từ ắc qui hỏng và các chất thải điện | Yêu cầu nhà thầu áp dụng một hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hiểm tuân thủ theo đúng quy định. | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Có thể bị ô nhiễm do sử dụng chất hóa học trong công tác xử lý mối | Thực hiện xử lý sinh học theo kế hoạch sau Quy trình xử lý mối (Phụ lục A9) - Quan sát của tổ mối được xử lý cũng như dấu vết sinh học của mối trên mặt đập dựa trên quy định của 14TCN 167: 2006. | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Tăng độ đục và bồi lắng lòng hồ chứa và kênh dẫn do đào, đắp các công trình trên thân đập, nền đập và đập tràn | Nhà thầu để vật liệu đất đắp dự trữ cách xa dòng chảy và mái hạ lưu đập (nằm trong khu vực thi công cách các kênh dẫn 50m).  Xử lý ngay lập tức các vật liệu đất đào không sử dụng tới nơi xử lý được chỉ định (cách khoảng 300m từ công trường xây dựng) | Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Mất đất, mùa màng và nhà ở do thu hồi đất | Thực hiện kế hoạch hành động tái định cư (RAP) cho hồ Đại Tháng | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |
| Đất có thể bị thoái hóa ở khu lán trại trại, khu vực hố đào và các bãi chôn lấp do cảnh quan bị biến dạng, các phế liệu xây dựng, đá cuội, đá, sỏi, và các công trình còn sót lại | Yêu cầu các nhà thầu để thực hiện khôi phục lại địa điểm sau khi công trình hoàn thành: làm sạch và phục hồi 4438 m2 đất thu hồi đất tạm thời để phục vụ thi công ở thôn Đức Bình.  Nhà thầu để thực hiện hệ thống Dọn dẹp (tức là phân loại, lưu trữ và quản lý chất thải - nghĩa là thu thập và lưu trữ chất thải xây dựng hàng ngày để tái sử dụng) tại công trường như là một phần của CEO-HSP. | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa, Nhà thầu |
| Gia tăng sử dụng lượng phân bón và thuốc trừ sâu | Giới thiệu và thúc đẩy cách tiếp cận quản lý dịch bệnh tổng hợp trong khu vực được cung cấp dịch vụ thủy lợi (cho 100 ha lúa, 30 ha các loại hoa màu ở Đại Thắng, Thắng Lợi, Đại Đồng) | MARD, DARD |
| Có thể phát sinh những khiếu nại hoặc các kháng nghị nghiêm trọng về TDA | Thông qua và thiết lập một cơ chế giải quyết khiếu nại trước khi khởi công xây dựng | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |
| Có thể tìm thấy và phát lộ các vật khảo cổ | Thông qua Thủ tục có khả năng tìm thấy các vật khảo cổ trong Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập. | Đơn vị quản lý hồ chứa, nhà thầu |
| Có thể gặp phải các vật liệu chưa nổ tại khu vực | Rà phá bom mìn để đảm bảo an toàn cho những công trường chưa được rà phá | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa, nhà thầu |
| Tác động đế dân tộc thiểu số | Thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cho dân tộc Mường tại xã An Bình | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |
| Bình đẳng giới và trẻ em | Thực hiện Kế hoạch phát triển giới tính  Lắp đặt các biển hiệu cảnh báo và tiến hành các chiến dịch truyền thông về sự nguy hiểm của bơi lội trong hồ chứa Đại Thắng | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |
| Vấn đề trầm tích/bồi lắng trong lòng hồ | Quản lý hồ chứa tiến tới phối hợp với chính quyền địa phương về việc chịu trách nhiệm quản lý rừng đầu nguồn để thực hiện một chương trình quản lý lưu vực/rừng đầu nguồn dài hạn  Bảo vệ rừng xung quanh lưu vực của hồ chứa Đại Thắng | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |
| Vấn đề nước ngầm nhiễm Coliform | Quản lý hồ chứa tiến tới phối hợp với địa phương (thôn Đức Bình) để thực hiện một chương trình vệ sinh dài hạn | PPMU, Đơn vị quản lý hồ chứa |

Như đã nêu trong bảng trên, các kế hoạch quản lý môi trường và xã hội cũng yêu cầu thông qua/thực hiện các biện pháp bảo vệ khác nhau đã được chuẩn bị cho Tiểu dự án. Bao gồm:

• Kế hoạch hành động tái định cư / Kế hoạch bồi thường (RAP) dựa trên các chính sách tái định cư không tự nguyện (OP / BP 4.12) của Ngân hàng Thế giới;

• Kế hoạch phát triển giới;

• Cơ chế giải quyết khiếu nại;

• Quy trình tìm kiếm phát lộ;

• Quy trình phát hiện vật liệu chưa nổ;

• Kế hoạch truyền thông và tham vấn cộng đồng

Ngoài ra, do tác động và các vấn đề trong quá trình xây dựng chủ yếu là trách nhiệm của nhà thầu, do đó, khuyến cáo trong phần các biện pháp chung (trong KHQLMT&XH), Bộ NN&PTNT nên yêu cầu các nhà thầu thắng thầu chuẩn bị và nộp Kế hoạch của Nhà thầu về Môi trường và Sức khỏe và An toàn dựa trên các biện pháp đã xác định trong KHQLMT&XH và các tiêu chuẩn thực hành của ngành công nghiệp xây dựng, bao gồm mặc đồ bảo hộ cá nhân, xử lý chất thải phù hợp, lắp đặt rào chắn, hàng rào và các biển hiệu cảnh báo, thực hành tốt vệ sinh khác, và tuân thủ nghiêm ngặt với quy định quốc gia về quản lý chất thải nguy hại. Kế hoạch CEOHSP nên được Bộ NN & PTNT xem xét và chấp thuận trước khi bắt đầu thi công.

## 7.2 Kế hoạch giám sát

***Giám sát việc tuân thủ***. Việc giám sát sẽ tập trung vào giám sát việc tuân thủ/kiểm toán ESMP và CEOSHP. Điều này sẽ được thực hiện bởi chủ dự án, đại diện bởi các đơn vị quản lý hồ chứa hay Tư vấn Giám sát Xây dựng được thuê giám sát hàng ngày như một phần của nhiệm vụ giám sát thi công. Công cụ được sử dụng trong giám sát tuân thủ chính là bảng ESMP được bổ sung thêm cột mô tả hiện trạng như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tác động/Vấn đề | Mô tả biện pháp giảm thiểu như được mô tả trong Kế hoạc quản lý môi trường và xã hội | Tình hình thực hiện | Các bước tiếp theo hoặc hành động được thống nhất |
| Lo ngại chung của cư dân địa phương về tác động của Tiểu dự án do thiếu thông tin | Thực hiện truyền thông, tham vấn cộng đồng (phụ lục B4), tập trung vào dân cư ở xa An Bình |  |  |
| Gián đoạn nguồn cung cấp nước tưới ảnh hưởng đến 57 ha đất trồng trọt của 244 hộ gia đình | Bồi thường cho 244 hộ gia đình (ở các xã Đại Thắng, Đại Đồng, Thắng Lợi) thông qua Kế hoạch hành động tái định cư |  |  |
| Có thể xảy ra xung đột giữa người lao động nhập cư và dân cư địa phương | Yêu cầu nhà thầu phối hợp với các làng trong vùng dự án, đặc biệt thôn Đức Bình; và triển khai một chương trình quan hệ cộng đồng lành mạnh |  |  |
| Tăng nguy cơ về sức khỏe và an toàn giữa những người dân địa phương sống gần đập và người dân sống dọc theo các tuyến đường xây dựng do tiếp xúc với các nguy cơ liên quan đến xây dựng công trình | Yêu cầu nhà thầu thông qua và thực hiện một Kế hoạch an toàn, sức khỏe công nhân và  môi trường.  Nhà thầu phải áp đặt tốc độ giới hạn tại các tuyến đường sau: đường liên thôn giữa thôn Đức Bình và Thắng Lợi; và các tuyến đường đến thị trấn Chi Nê.  Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra y tế cho người lao động (Điều này có thể được thực hiện tại trung tâm y tế xã An Bình). |  |  |
| Tổn hại đến các tuyến đường liên thôn đặc biệt là đường liên thôn dài 1,9 km giữa thôn Đức Bình và thôn Thắng Lợi. | Yêu cầu nhà thầu thực hiện sửa chữa tuyến đường liên thôn dài 1.9km giữa thôn Đức Bình và Thắng Lợi trước, trong và sau khi hoàn thành công trình. |  |  |
| Nồng độ bụi cao trong không khí tập trung tại các công trường xây dựng và các tuyến đường vận chuyển | Yêu cầu nhà thầu thực hiện tưới nước thường xuyên các khu vực bị ảnh hưởng để giảm thiểu bụi (tức là các tuyến đường dài 20km từ thị trấn Chi Nê đến công trình và tuyến đường liên thôn 1.9 km từ giữa Đức Bình và Thắng Lợi). |  |  |
| Chất thải nguy hại đặc biệt là các chất thải dầu mỡ, chất thải từ ắc qui hỏng và các chất thải điện | Yêu cầu nhà thầu áp dụng một hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hiểm tuân thủ theo đúng quy định. |  |  |
| Có thể bị ô nhiễm do sử dụng chất hóa học trong công tác xử lý mối | Thực hiện xử lý sinh học theo kế hoạch sau Quy trình xử lý mối (Phụ lục A9) - Quan sát của tổ mối được xử lý cũng như dấu vết sinh học của mối trên mặt đập dựa trên quy định của 14TCN 167: 2006. |  |  |
| Tăng độ đục và bồi lắng lòng hồ chứa và kênh dẫn do đào, đắp các công trình trên thân đập, nền đập và đập tràn | Nhà thầu để vật liệu đất đắp dự trữ cách xa dòng chảy và mái hạ lưu đập (nằm trong khu vực thi công cách các kênh dẫn 50m).  Xử lý ngay lập tức các vật liệu đất đào không sử dụng tới nơi xử lý được chỉ định (cách khoảng 300m từ công trường xây dựng) |  |  |
| Mất đất, mùa màng và nhà ở do thu hồi đất | Thực hiện kế hoạch hành động tái định cư (RAP) cho hồ Đại Tháng |  |  |
| Đất có thể bị thoái hóa ở khu lán trại trại, khu vực hố đào và các bãi chôn lấp do cảnh quan bị biến dạng, các phế liệu xây dựng, đá cuội, đá, sỏi, và các công trình còn sót lại | Yêu cầu các nhà thầu để thực hiện khôi phục lại địa điểm sau khi công trình hoàn thành: làm sạch và phục hồi 4438 m2 đất thu hồi đất tạm thời để phục vụ thi công ở thôn Đức Bình.  Nhà thầu để thực hiện hệ thống Dọn dẹp (tức là phân loại, lưu trữ và quản lý chất thải - nghĩa là thu thập và lưu trữ chất thải xây dựng hàng ngày để tái sử dụng) tại công trường như là một phần của CEO-HSP. |  |  |
| Gia tăng sử dụng lượng phân bón và thuốc trừ sâu | Giới thiệu và thúc đẩy cách tiếp cận quản lý dịch bệnh tổng hợp trong khu vực được cung cấp dịch vụ thủy lợi (cho 100 ha lúa, 30 ha các loại hoa màu ở Đại Thắng, Thắng Lợi, Đại Đồng) |  |  |
| Có thể phát sinh những khiếu nại hoặc các kháng nghị nghiêm trọng về TDA | Thông qua và thiết lập một cơ chế giải quyết khiếu nại trước khi khởi công xây dựng |  |  |
| Có thể tìm thấy và phát lộ các vật khảo cổ | Thông qua Thủ tục có khả năng tìm thấy các vật khảo cổ trong Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập. |  |  |
| Có thể gặp phải các vật liệu chưa nổ tại khu vực | Rà phá bom mìn để đảm bảo an toàn cho những công trường chưa được rà phá |  |  |
| Tác động đế dân tộc thiểu số | Thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cho dân tộc Mường tại xã An Bình |  |  |
| Bình đẳng giới và trẻ em | Thực hiện Kế hoạch phát triển giới tính  Lắp đặt các biển hiệu cảnh báo và tiến hành các chiến dịch truyền thông về sự nguy hiểm của bơi lội trong hồ chứa Đại Thắng |  |  |
| Vấn đề trầm tích/bồi lắng trong lòng hồ | Quản lý hồ chứa tiến tới phối hợp với chính quyền địa phương về việc chịu trách nhiệm quản lý rừng đầu nguồn để thực hiện một chương trình quản lý lưu vực/rừng đầu nguồn dài hạn  Bảo vệ rừng xung quanh lưu vực của hồ chứa Đại Thắng |  |  |
| Vấn đề nước ngầm nhiễm Coliform | Quản lý hồ chứa tiến tới phối hợp với địa phương (thôn Đức Bình) để thực hiện một chương trình vệ sinh dài hạn |  |  |

Cần lập các công cụ tương tự cho Kế hoạch CEO-HSP.

***Giám sát chất lượng môi trường:*** Giám sát chất lượng môi trường sẽ chỉ tập trung vào các thông số có liên quan đến các vấn đề và tác động của dự án. Việc giám sát sẽ sử dụng các trạm lấy mẫu giống như đã dùng để lấy mẫu môi trường cơ sở. Bảng 7.2 liệt kê các thông số được theo dõi và tần số lấy mẫu.

**Bảng 7.2. Các chỉ tiêu chất lượng môi trường cần giám sát**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giám sát** | **Thông số giám sát** | **Phương pháp** | **Tần số giám sát** | **Nguồn và đơn vị chịu trách nhiệm** |
| Giám sát sự thay đổi chất lượng nước ở hồ chứa và các kênh dẫn | pH, DO, BOD5, NH4+, TSS, Độ đục (NTU) | Khảo sát thực địa và đo đạc  Phân tích trong phòng thí nghiệm | 2 lần / năm tính đến cuối năm đầu tiên sau khi hoàn thành | QCVN 08:2008/ BTNMT  **Chịu trách nhiệm**: PPMU, EMC |
| Giám sát nước ngầm | Coliform | Phân tích thí nghiệm | 2 lần / năm và 1 năm sau khi hoàn thành | PMMU, EMC |
| Bụi bẩn trên các tuyến đường | Bụi trong không khí | Xác định bằng thị giác | Hàng ngày trong thời gian xây dựng | Bất kỳ thành viên của cộng đồng dân cư cũng có thể cảnh báo cho CSC hoặc quản lý hồ chứa trong trường hợp của bụi bẩn gây phiền toái. |

\* EMC là Tư vấn Quản lý Môi trường được thuê bởi PMU

**Giám sát cộng đồng:** Ban giám sát cộng đồng địa phương đã được thành lập theo "Quyết định số 80/2005 / QĐ-CP ngày 18/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát đầu tư cộng đồng". Ban giám sát cộng đồng của xã có quyền và trách nhiệm giám sát hoạt động xây dựng, tác động tiêu cực đến môi trường do các hoạt động xây dựng và đảm bảo các biện pháp để giảm thiểu những tác động bất lợi tiềm tàng đã được nhà thầu thực hiện có hiệu quả. Trong trường hợp có một vấn đề môi trường có ảnh hưởng đến cộng đồng, họ sẽ cảnh báo Tư vấn giám sát xây dựng tiểu dự án và/hoặc PPMU.

## 7.3 Sắp xếp tổ chức và xây dựng nâng cao năng lực

*Sắp xếp tổ chức:* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) - Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) sẽ chịu trách nhiệm giám sát Tiểu dự án, bao gồm cả việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh Hòa Bình (DARD) / Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) thông qua việc quản lý hồ chứa sẽ chịu trách nhiệm quản lý hợp đồng và giám sát cơ sởcho việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội bao gồm CEOHSP. Chủ dự án PPMU sẽ trình báo cáo giám sát tuân thủ hàng quý cho CPO (Xem Phần 7.2). CPO sẽ lần lượt, nếu xét thấy cần thiết sẽ tiến hành xác nhận báo cáo thông qua việc tự giám định/kiểm toán Tiểu dự án hoặc thông qua việc thuê nhà tư vấn. Sở Tài nguyên và Môi trường (DoNRE) Hòa Bình cũng sẽ tiến hành giám sát và kiểm toán tiểu dự án theo thẩm quyền của Sở theo Luật Bảo vệ môi trường. Tương tự như vậy, Ban giám sát cộng đồng địa phương được thành lập theo Quyết định 80/2005 sẽ tiến hành giám sát riêng phù hợp với thẩm quyền của Ban về tuân thủ môi trường của Tiểu dự án.

## 7.4 Kế hoạch xây dựng nâng cao năng lực

Hiện nay, Hồ chứa Đại Thắng được quản lý và điều hành bởi Công ty TNHH Khai thác CTTL (ở huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình). Tuy nhiên, các nhân viên vận hành trong Công ty chỉ tập trung vào giám sát và bảo trì hệ thống. Do đó năng lực quản lý môi trường và xã hội thấp. Ví dụ, các hoạt động chăn nuôi gia cầm và gia súc đang được cho phép tại đập cũng như trồng lúa trong vùng hành lang của hệ thống. Ngoài ra cũng cần chú trọng đến quản lý để giải quyết vấn đề trẻ em có thể bị chết đuối khi bơi lội khu vực hồ chứa.

Để nâng cao khả năng thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội, các nhân viên liên quan trong việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ đối với Tiểu dự án ở tất cả các cấp, Đơn vị quản lý dự án Hòa Bình, Ban Quản lý Tiểu dự án, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, Ban Quản lý Tiểu dự án phải trải qua đào tạo về các chủ đề sau:

* + Thực hiện các kế hoạch quản lý môi trường và xã hội cho hồ Đại Thắng, bao gồm cả việc làm quen với RAP và EMDP
  + Kiểm toán tuân thủ kế hoạch quản lý môi trường và xã hội
  + Tập huấn về biện pháp an toàn lao động và môi trường, y tế, an toàn môi trường;
  + Đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn đập;
  + Đào tạo nâng cao nhận thức về bình đẳng giới;
  + Làm quen và thực hành các kế hoạch ứng phó khẩn cấp.

## 7.5 Ngân sách dự kiến

Các đề xuất tại đây dựa trên các ước tính ban đầu của các hạng mục. Ngân sách cho quản lý môi trường và xã hội cần phải được làm rõ dựa trên các thiết kế kỹ thuật chi tiết và lập tài liệu đấu thầu. Một số các chi phí này sẽ được tính vào chi phí của nhà thầu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hạng mục chi phí** | **Dự toán** |
| Thực hiến kế hoạch quản lý môi trường và xã hội | 578,100, 000 VND (~ 26,764 USD)  *Hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi tư đôla* |
| Giám sát môi trường và kiểm toán tuân thủ | 123,002,000 VND (~ 5,695 USD)  *Năm nghìn sáu trăm chín mươi lăm đôla* |
| Kế hoạch xây dựng năng lực | 28,000,000 VND ( ~ 1, 297 USD)  *Một nghìn hai trăm chín mươi bảy đôla* |

### 

# Chương 8. THAM VẤN Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

8.1. Mục tiêu của tham vấn cộng đồng

Quá trình hoàn thiện ESMP yêu cầu phải tham vấn cộng đồng. Tham vấn và tham gia của cộng đồng đã được thực hiện để:

+ Cung cấp đầy đủ các thông tin hữu ích, những hiểu biết đầy đủ hơn về Tiểu dự án, các tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu của TDA;

+ Cho phép đưa ra các vấn đề tranh cãi ngay trong giai đoạn đầu;

+ Tạo điều kiện để xây dựng các thủ tục minh bạch thực hiện TDA, gắn quyền lợi và trách nhiệm đối với địa phương trong quá trình thực hiện.

+ Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới (OP 4.01) về đánh giá tác động môi trường yêu cầu những nhóm người bị ảnh hưởng, các tổ chức Phi chính phủ, các tổ chức của địa phương phải được thông báo;

+ Sự tham gia của người dân, của cộng đồng trong quá trình chuẩn bị TDA được coi như điều kiện nhất định và được khuyến cáo là một phần trong việc thực hiện TDA.

8.2. Tham vấn đánh giá tác động xã hội

i) Tham gia tham vấn

* Uỷ ban nhân dân xã
* Các hộ bị ảnh hưởng

ii) Nội dung tham vấn

* Giới thiệu nội dung, công việc chính của TDA, nguồn vốn đế thực hiện;
* Các chuyên gia tư vấn trình bày các chính sách vì lợi ích của người dân , cơ chế khiếu nại, giải pháp, chính sách bồi thường cho từng loại đất, các công trình kiến trúc, cây trồng, nông sản;
* Các chuyên gia dự báo các tác động của TDA về tái định cư, giới;
* Các bên liên quan thảo luận về các chính sách quyền lợi và đền bù cho những người bị ảnh hưởng về đất đai, công trình, kiến trúc, cây trồng và nông sản.

iii) Phương pháp tư vấn

Ngay từ khi giai đoạn chuẩn bị, lãnh đạo chính quyền các cấp từ cấp tỉnh Hòa Bình, huyện Lạc Thủy và xã An Bình đã được báo cáo về thông tin của TDA, mục tiêu, các hoạt động dự kiến của dự án. Người dân trong vùng dự án, đặc biệt là các hộ gia đình bị ảnh hưởng đã được mời tới các cuộc họp tham vấn ở trụ sở xã, nhà văn hóa thôn để thảo luận về các vấn đề liên quan.

iv) Kết quả tham vấn

**Bảng 8-1: Tham vấn công khai về xã hội**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Ngày* | *Địa điểm* | *Số người*  */**Số PN* | *Nội dung* | *Thành phần* |
| 06/02/2015 | UBND xã An Bình | 8/3 | - Thông báo về dự án, TDA.  - Thông tin về cụm công trình đầu mối hồ chứa Đại Thắng  - Các tác động xã hội được dự báo của TDA.  - Cam kết của chủ đầu tư TDA | - Chủ tịch xã: Bùi Xuân Dũng  - Các cán bộ có thẩm quyền ở xã: trưởng thôn của 4 thôn trong vùng tiểu dự án;  - Đại diện của những hộ bị ảnh hưởng. |
| 07/02/2015 & 27/3/2015 | Thôn Đức Bình | 22/6 | - Thông tin về TDA.  - Thông báo về thu hồi đất (tạm thời và vĩnh viễn) để thực hiện tiểu dự án.  - Các tác động xã hội được dự báo và các biện pháp giảm thiểu. | - Bí thư, trưởng thôn của các thôn trong xã An Bình  - Đại diện cho các hộ trong thôn |
| 06/02/2015& 27/03/2015 | Thôn Thắng Lợi | 21/8 | - Thông tin về TDA.  - Thông tin về số hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện TDA.  - Tác động dự báo về giảm sản xuất hoặc mất 1 vụ lúa do thiếu nước/ gián đoạn cấp nước tưới; và  - Dự báo tác động xã hội trong quá trình thi công TDA | - Bí thư, các trưởng thôn  - Đại diện cho các hộ trong thôn |
| 06/02/2015& 27/03/2015 | Thôn Đại Thắng | Lần 1: 25/13  Lần 2: 18/10 | - Thông tin về TDA.  - Số hộ bị ảnh hưởng, số DTTS bị ảnh hưởng (Mường).  - Dự báo tác động về việc cắt nước khi thi công TDA và các tác động xã hội khác. | - Bí thư, các trưởng thôn  - Đại diện cho các hộ trong thôn |
| 06/02/2015& 27/03/2015 | Thôn Đại Đồng | Lần 1: 30/14  Lần 2: 25/8 | - Thông tin về TDA.  - Các tác động của TDA đến kinh tế xã hội của địa phương.  - Thông tin về đền bù cho các hộ bị mất đất sản xuất trong thời gian thi công. | - Bí thư, các trưởng thôn  - Đại diện cho các hộ trong thôn |

**Bảng 8-2: Tóm tắt kết quả phản hồi trong tham vấn xã hội**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Ngày* | *Địa điểm* | *Nội dung phản hồi* | *Trách nhiệm của chủ TDA* | *Biện pháp giảm thiểu đề xuất* |
| 06/02/2015 | UBND xã An Bình | Tất cả người dân tham gia đều đồng tình với việc thực hiện TDA, với một số kế hoạch:  - Kế hoạch hàng động giới, tập trung vào phụ nữ.  - Ủng hộ kế hoạch của CĐT cho người dân 3 thôn Đại Đồng, Thắng Lợi, Đại Thắng do ảnh hưởng cấp nước. | -Cam kết có chính sách và các biện pháp hỗ trợ cho người dân thuộc 3 thôn: Đại Đồng, Thắng Lợi và Đại Thắng. | - Tuân thủ các qui định, chính sách và pháp luật của Chính phủ.  - Có kế hoạch phát triển DTTS, chú ý đến công tác giới. |
| 07/02/2015 & 27/3/2015 | Thôn Đức Bình | - Người dân thôn Đức Bình không sử dụng nguồn nước từ hồ Đại Thắng nên không chịu tác động do quá trình thi công cắt nước. | - Có kế hoạch, chính sách đền bù cho các hộ bị mất đất |  |
| 06/02/2015& 27/03/2015 | Thôn Thắng Lợi | - Tỷ lệ người dân tộc Mương chiếm khoảng 85%.   * - Toàn bộ khu canh tác của thôn lấy nước chủ yếu từ hồ Đại Thắng. Tuy nhiên do không đủ nước nước, một số hộ canh tác được một vụ/năm. * - Người dân ủng hộ việc thực hiện TDA. | - Đảm bảo không xảy ra các tệ nạn xã hội trong quá trình thi công TDA. | Lập kế hoạch quản lý và giáo dục ý thức cho công nhân. |
| 06/02/2015& 27/03/2015 | Thôn Đại Thắng | * Người dân trong thôn có thu nhập thấp. * -Phụ thuộc chính vào các ngành nghề nông nghiệp và lâm nghiệp * - Tỷ lệ hộ nghèo: 23% * - Người Mường chiếm tỷ lệ chủ yếu * - Người dân, đặc biệt là phụ nữ ủng hộ việc tiến hành TDA. | - Đảm bảo cấp nước trong 1 mùa canh tác trong giai đoạn thi công. | - CĐT hỗ trợ và đảm bảo thu nhập cho người dân bị mất nước canh tác trong 1 mùa.  - Muốn tham gia vào quá trình thi công để tăng thu nhập |
| 06/02/2015& 27/03/2015 | Thôn Đại Đồng | -Có 136 hộ bị ảnh hưởng mất đất, trong đó có 121 người thuộc dân tộc Mường trong quá trình thực hiện.  -Người dân trong thôn hoàn toàn đồng ý với việc thực hiện TDA   * - Yêu cầu chủ đầu tư TDA hỗ trợ do cắt nước. * - Tỷ lệ người DTTS trong thôn khá cao. * - Mong muốn có cơ hội để tham gia vào thi công TDA | - Đảm bảo không ảnh hưởng đến DTTS. | CĐT có kế hoạch hỗ trợ đầy đủ  - Quản lý tốt xe máy, máy móc thi công, người công nhân nơi khác đến. |

*Như vậy*, kết quả tham vấn cho thấy tất cả mọi người trong khu vực TDA tham gia tham vấn đều đồng ý với việc thực hiện TDA. 100% người DTTS tham gia tham vấn đều ủng hộ việc thực hiện TDA.

8.3. Tham vấn đánh giá tác động môi trường

### **8.3.1 Tóm tắt các hoạt động tham vấn cộng đồng đã triển khai trong quá trình chuẩn của ESIA**

Tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị ESIA, ĐTM của TDA. Trong quá trình thiết kế chi tiết, Chủ đầu tư dự án là PPMU Hòa Bình sẽ tham vấn với cộng đồng và chính quyền địa phương, thông báo với họ về hiện trạng TDA và các biện pháp sẽ được triển khai để giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm tàng đến môi trường tự nhiên của khu vực. Trong quá trình tham vấn, nếu cần thiết, Chủ đầu tư cũng cần phải điều chỉnh thiết kế sao cho phù hợp dựa trên quan điểm thống nhất và kế hoạch giảm thiểu các tác động thông báo địa phương, đặc biệt những người chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc thi công TDA .

Các nội dung tham vấn:

* Thông tin về Dự án/TDA (Thông tin chung về dự án, phạm vi dự án, các hợp phần dự án, các tác động tích cực và tiêu cực và biện pháp giảm thiểu, kế hoạch thực hiện TDA.
* Thảo luận về các nguy cơ lịch sử / tai nạn đã xảy ra với môi trường và xã hội trong quá khứ từ khi xây dựng xây dựng.
* Các hoạt động xây dựng trọng điểm và các vấn đề hoạt động.
* Các tác động tiềm năng đến môi trường tự nhiên quan trọng trong giai đoạn xây dựng và vận hành
* Biện pháp giảm thiểu, kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.
* Giám sát và quan sát (vii) Cơ chế giải quyết khiếu nại khiếu kiện.

Chương trình tham vấn:

* Bước 1: Chủ đầu tư thông báo về dự án và TDA cho những người tham dự
* Bước 2: Chuyên gia môi trường thông báo những tác động tiêu cực và tích cực đến môi trường do các hoạt động của việc thực hiện TDA .
* Bước 3: Xin ý kiến của các Ban ngành địa phương, dân cư trong vùng dự án: Hưởng lợi, không được hưởng lợi

Tư vấn môi trường của TDA đã làm việc với Chủ đầu tư để thực hiện các cuộc tham vấn, khảo sát ý kiến vào tháng 2/2015 .

Nội dung các cuộc họp tham vấn của TDA với các ngành liên quan, đại diện của Sở Tài nguyên &MT, UBND huyện Lạc Thủy, Đại diện phòng NN và PTNT, đại diện UBMTTQ, đại diện xã, cán bộ giao thông thủy lợi, bí thư xã .

Trong bước tham vấn cộng đồng về đánh giá ảnh hưởng môi trường của TDA, Ban quản lý và đơn vị tư vấn môi trường đã sử dụng việc tham vấn sâu, phỏng vấn trực tiếp một số hộ gia đình nằm trong khu vực được hưởng lợi và bị ảnh hưởng; 100% hộ được phỏng vấn đồng ý với việc thực hiện TDA, và mong sao nhà thầu cũng như chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc để đảm bảo môi trường tự nhiên, xã hội của khu vực.

Để phục vụ cho việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các báo cáo chính sách an toàn về môi trường và xã hội cho TDA, vào ngày 17/03/2015 Ban quản lý TDA đã gửi bản tham vấn ý kiến cộng đồng liên quan cùng với bản tóm tắt các hạng mục cũng như các biện pháp thực hiện để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến địa phương và người dân: UBND xã An Bình, UBMTTQ xã An Bình. Qua biên bản tham vấn ý kiến cộng đồng, các tổ chức này hoàn toàn nhất trí với việc thực hiện TDA đồng thời kiến nghị khi thực hiện TDA, các ngành, các cấp cần tổ chức quản lý và giám sát tốt như nội dung báo cáo đã được trình .

**Bảng 8-3: Tóm tắt quá trình thực hiện tham vấn**

| **TT** | **Ngày** | **Địa điểm** | **Số người/số phụ nữ** | **Thành phần tham dự** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 05/02/2015 | Tại UBND xã An Bình | 20/5 | -Trưởng ban quản lý dự án  - Tư vấn môi trường TDA  - Cán bộ phòng tài nguyên nước của sở Tài nguyên MT  -Các ban ngành đoàn thể của xã  - Bốn trưởng thôn của 4 thôn trong vùng TDA  -Đại diện một số hộ dân |
| 2 | Sáng 06/02/2015 | Tại nhà văn hóa thôn Thắng Lợi | 25/4 | -Đại diện chủ đầu tư  -Đơn vị TVMT  -Bí thư, trưởng thôn  - Đại diện các hộ trong thôn |
| 3 | Chiều 06/02/2015 | Tại nhà văn hóa thôn Đại Đồng | 20/8 | -Đại diện chủ đầu tư  -Đơn vị TVMT  -Bí thư, trưởng thôn  - Đại diện các hộ trong thôn |
| 4 | Sáng ngày 07/02/2015 | Tại nhà văn hóa thôn Đại Thắng | 22/6 | -Đại diện chủ đầu tư  -Đơn vị TVMT  -Bí thư, trưởng thôn  - Đại diện các hộ trong thôn |
| 5 | Chiều ngày 07/02/2015 | Tại nhà mẫu giáo mầm non thôn Đức Bình | 18/7 | -Đại diện chủ đầu tư  -Đơn vị TVMT  -Bí thư, trưởng thôn  - Đại diện các hộ trong thôn |

### **8.3.2. Tóm tắt các phản hồi nhận được từ Tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị ESIA**

***a. Kết quả tham vấn cộng đồng***

Kết quả tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin của Đơn vị tư vấn Đánh giá tác động môi trường và xã hội, Ban quản lý dự án (PPMU Hòa Bình), UBND, UBMTTQ các xã trong khu vực TDA, với kết quả như sau:

Tất cả những người tham gia cuộc họp đều đồng ý thực hiện TDA “Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước Đại Thắng”, vì trên thực tế, một năm người dân thường bị thiếu nước do hệ thống thủy lợi hồ Đại Thắng đã xuống cấp. Nguồn nước từ hồ Đại Thắng là nguồn nước duy nhất cung cấp cho 3 thôn: Đại Đồng, Đại Thắng, Thắng Lợi. Đối với người dân thôn Đức Bình, tuy không được hưởng lợi từ nguồn nước từ hồ Đại Thắng nhưng là đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp trong trường hợp xả tràn. Là địa điểm xây dựng công trình, như vậy thôn Đức Bình bị ảnh hưởng trực tiếp trong quá trình thi công. Tuy nhiên người dân cũng rất đồng tình trong việc nâng cao an toàn đập để cho người dân yên tâm sản xuất và sinh sống.

Hoan nghênh TDA và chủ đầu tư đã tổ chức cuộc họp để tham vấn ý kiến người dân, các ban ngành của xã, giúp cho người dân bắt được những thông tin của TDA một cách chính xác và được nói lên những ý kiến của mình để TDA khi thực thi sẽ mang lại hiệu quả cao.

Nhất trí về các tác động môi trường tự nhiên – xã hội và các biện pháp giảm thiểu mà tư vấn môi trường đã đưa ra. Bảng 8-4 dưới đây tóm tắt một số ý kiến phản hồi điển hình có liên quan đến quá trình thi công của TDA .

**Bảng 8-4: Bảng tóm tắt các ý kiến phản hồi liên quan đến quá trình thực hiện dự án**

| **Ngày** | **Địa điểm** | **Ý kiến phản hồi/Các vấn đề nẩy sinh** | **Trách nhiệm của chủ DA** | **Các biện pháp giảm thiểu đề xuất** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 05/02/2015 | UBND xã An Bình | -Ông Vũ Văn Doan: cần mở rộng cơ bên dưới, gia cố mái bê tông trên công trình, cần gia cố bê tông khoảng 10m để bà con mở rộng đường công vụ dài 1,2 km lên đập | -Sẽ xem xét lại thiết kế |  |
| 05/02/2015 | UBND xã An Bình | -Trưởng thôn Đại Thắng: Cần phải quản lý chặt chẽ vận hành hồ chứa |  |  |
| 05/02/2015 | UBND xã An Bình | Ông Quach Doanh Nam: lo ngại về các tác động xấu tiềm ẩn của tiểu dự án |  |  |
| 05/02/2015 | UBND xã An Bình | Ông Bùi Xuân Hoàng: đồng tình với việc xây dựng TDA |  |  |
| 06/02/2015 | Nhà văn hóa thôn Thắng Lợi | Ý kiến người dân: Trong quá trình thi công cần hết sức tránh các rủi ro về tai nạn giao thông có thể xảy ra. | Sẽ thực hiện nghiêm túc các biện pháp được đề ra trong Kế hoạch quản lý Môi trường về quản lý các sự cố tai nạn giao thông | Giao thông phải tránh giờ cao điểm: giờ đi học về nhà của trẻ em. Sử dụng các loại máy móc còn niên hạn, đối với các xe chở nguyên vệt liệu sẽ che chắn tránh vương vãi vật liệu ra ngoài. |
| 06/02/2015 | Nhà văn hóa thôn Đại Thắng | Người dân: Trong quá trình xây dựng, các xe có thể gây bụi và tiếng ồn. Tuy địa điểm xây dựng nằm cách biệt với khu dân cư, nhưng vẫn có ảnh hưởng đến môi trường | Sẽ đưa yêu cầu bảo vệ môi trường vào trong các hồ sơ mời thầu, buộc các nhà thầu thi công phải thực hiện để đảm bảo môi trường cho người dân | -Sử dụng các loại xe còn niên hạn sử dụng, đảm bảo về tiếng ồn, không tập trung quá nhiều máy móc tại một thời điểm thi công .  -Đối với đoạn đường vận chuyển nguyên vật liệu nếu phát sinh nhiều bụi cần có biện pháp như phun nước. |
| 07/02/2015 | Trường mầm non thôn Đức Bình | Người dân: Xuất hiện thêm công nhân lao động, từ đó phát sinh chất thải rắn, nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường gây ô nhiễm môi trường tại địa phương | Yêu cầu nhà thầu thực hiện nghiêm túc các biện pháp liên quan đến điều kiện ăn ở cho công nhân | -Xây dựng lán trại đảm bảo yêu cầu.  - Có nhà vệ sinh di động hoặc sử dụng nhà vệ sinh của người dân.  -Với chất thải rắn, sinh hoạt cần thu gom ngay trong ngày và mang đến địa điểm quy định |
| 06/02/2015 | Nhà văn hóa thôn Thắng Lợi: | Người dân: Đảm bảo tiến độ thi công tránh ảnh hưởng đến nguồn nước tưới đến vụ thứ 2 | Giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện của các nhà thầu | Buộc nhà thầu thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra. |

*8.4. Công bố ESIA*

Công bố thông tin: Theo chính sách của Ngân hàng thế giới về tiếp cận thông tin, tất cả các tài liệu an toàn bản dự thảo, kể cả ESMP/ESMoP, phải được công bố tại địa phương tại nơi dễ tiếp cận với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với các bên liên quan; bản tiếng Việt và Tiếng anh tại CPO và infoshop trước khi đoàn thẩm định vào làm việc. ESMP phải được công bố tại các website và tại Trung tâm phát triển thông tin Việt Nam của Ngân hàng Thế giới tại Hà Nội.

Báo cáo ESIA của TDA bằng tiếng Việt được công bố tại trang thông tin địa tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi, UBND tỉnh Hòa Bình. Bản tóm tắt ESIA được gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hòa Bình, UBND huyện Lạc Thủy, UBND xã An Bình để cộng đồng và các tổ chức quan tâm có thể tiếp cận, giám sát và thực hiện kế hoạch ESMP.

Báo cáo ESIA của TDA bằng tiếng Anh sẽ công bố tại Trung tâm thông tin của Ngân hàng tại Hà Nội.

Để đảm bảo hiệu quả của việc phổ biến thông tin của dự án ở Việt nam và theo chính sách của NHTG về tiếp cận thông tin, tất cả thông tin của dự án phải được công bố rộng rãi, chi tiết như sau:

Bảng ESIA tiếng Việt phải được công bố tại cổng thông tin điện tử của tỉnh Hòa Bình, UBND huyện Lạc Thủy và ở UBND xã An Bình để các tổ chức liên quan có thể tiếp cận và giám sát thực hiện ESIA.

Bên cạnh đó, bản báo cáo ESIA tiếng Việt và tiếng Anh sẽ được gửi cho PPMU, Trung tâm Thông tin và phát triển Việt nam, tại 63 Lý Thái Tổ, Hà Nội.

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Báo cáo chuyên ngành khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn của TDA “Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước Đại Thắng – Hòa Bình” do Trung tâm công trình – Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo cấp;
* Báo cáo FS của Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước Đại Thắng – Hòa Bình;
* Báo cáo kế hoạch hành động tái định cư (RAP) cho Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập hồ chứa nước Đại Thắng - Hòa Bình;
* Báo cáo Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) cho TDA Sửa chữa và nâng cấp an toàn hồ chứa nước Đại Thắng – Hòa Bình;
* Báo cáo KQ thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH của xã An Bình năm 2005, 2010;
* Báo cáo KQ thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 2014 và kế hoạch năm 2015 của xã An Bình;
* Báo cáo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) xã An Bình – huyện Lạc Thủy – Hòa Bình;
* Báo cáo tác động xã hội TDA Sửa chữa và nâng cấp an toàn đập hồ chứa nước Đại Thắng – Hòa Bình ;
* Đề án Nông thôn mới xã An Bình;
* Kết quả phân tích mẫu môi trường nền khu vực TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước Đại Thắng – Hòa Bình .
* Thuyết minh thiết kế cơ sở TDA” Sửa chữa vầ nâng cao an toàn hồ chứa nước Đại Thắng” do Trung tâm công trình – Viện thủy điện và Năng lượng tái tạo cấp;

[PHỤ LỤC A: MÔI TRƯỜNG](#_Toc424907944)

[**PHỤ LỤC A1: Các hạng mục công trình Hồ Đại Thắng**](#_Toc424907945)

[**PHỤ LỤC A2: CÁC LOẠI BẢN ĐỒ**](#_Toc424907946)

[**PHỤ LỤC A3: KẾT QUẢ SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI**](#_Toc424907948)

[**PHỤ LỤC A4: SƠ ĐỒ LẤY MẪU VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**](#_Toc424907949)

[**PHỤ LỤC A5: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU**](#_Toc424907950)

[**PHỤ LỤC A6: CÁC BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**](#_Toc424907951)

[**PHỤ LỤC A7- HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG VÙNG TIỂU DỰ ÁN**](#_Toc424907952)

[**PHỤ LỤC A8: QUY TRÌNH TÌM KIÊM CƠ HỘI**](#_Toc424907953)

[**PHỤ LỤC A9: QUY TRÌNH XỬ LÝ MỐI**](#_Toc424907954)

[**PHỤ LỤC A10 KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI**](#_Toc424907955)

[PHỤ LỤC B: XÃ HỘI](#_Toc424907956)

[**PHỤ LỤC B1: CÁC PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN XÃ HỘI**](#_Toc424907957)

[**PHỤ LỤC B2. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG**](#_Toc424907960)

[**PHỤ LỤC B3. KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG, THAM VẤN CỘNG ĐỒNG CÓ SỰ THAM GIA**](#_Toc424907961)

[**PHỤ LỤC B4: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI**](#_Toc424907962)

[**PHỤ LỤC B5: CÔNG BỐ THÔNG TIN, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH XÃ HỘI VÀ GIÁM SÁT**](#_Toc424907977)

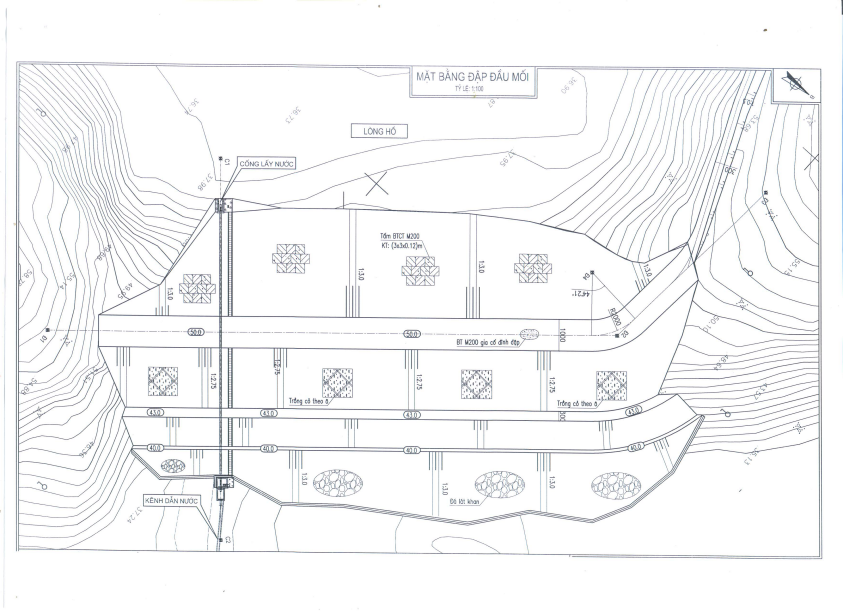
[**PHỤ LỤC B6- MÔ TẢ HỆ THỐNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**](#_Toc424907978)

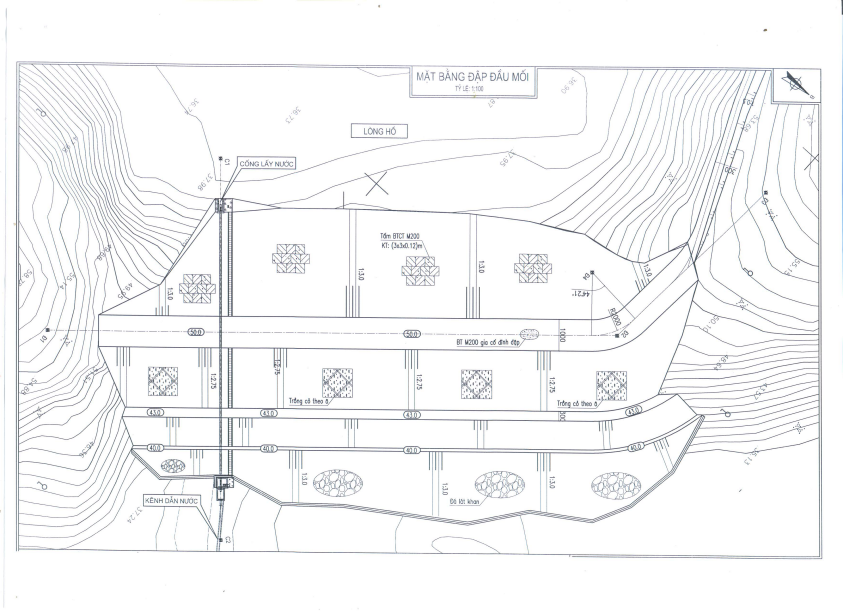
[**PHỤ LỤC B7: Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp (EPP)**](#_Toc424907983)

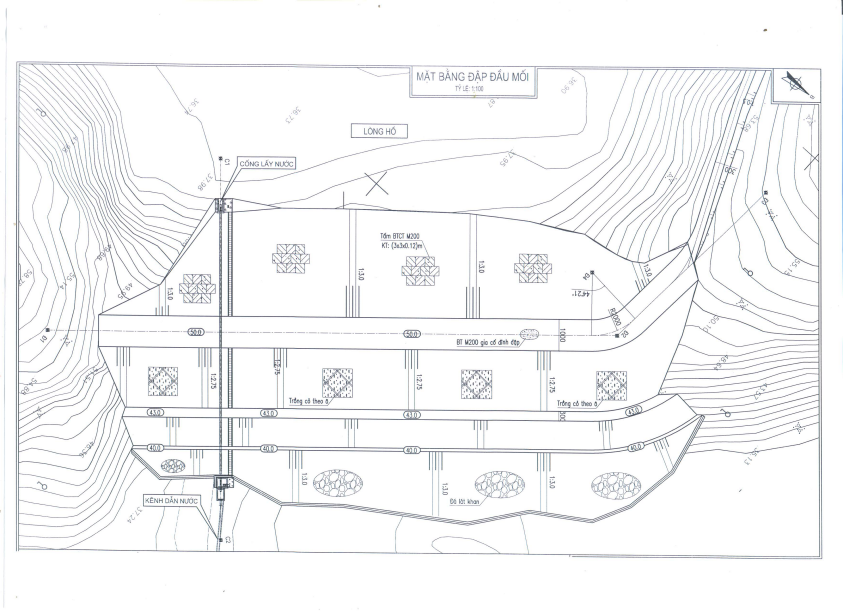
[**PHỤ LỤC B8: HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ BOM MÌN CHƯA NỔ**](#_Toc424907988)

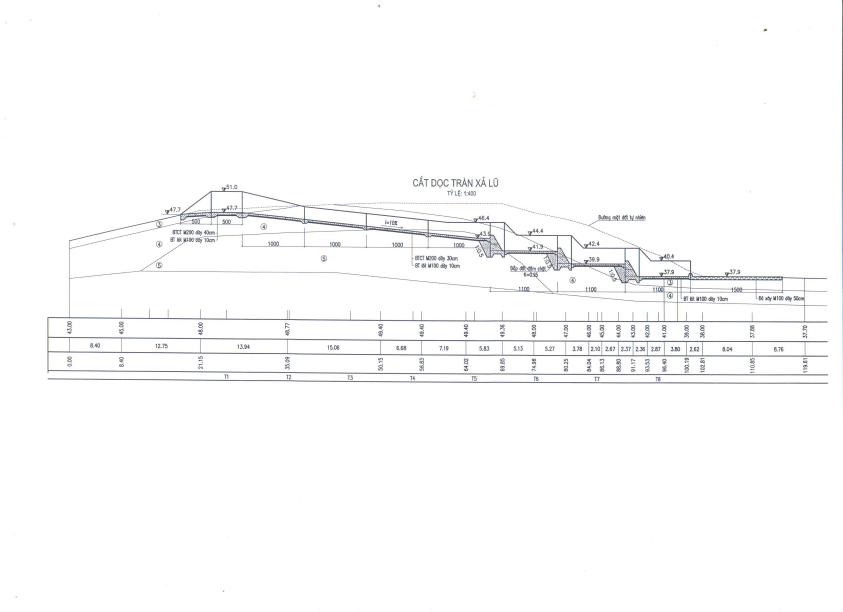
# PHỤ LỤC A: MÔI TRƯỜNG

## Phụ lục A1: Các hạng mục công trình Hồ Đại Thắng

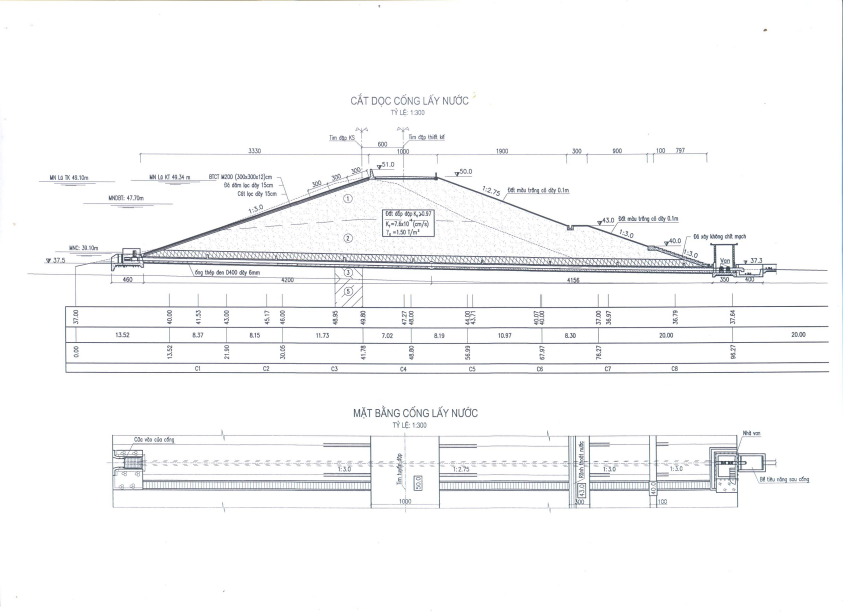






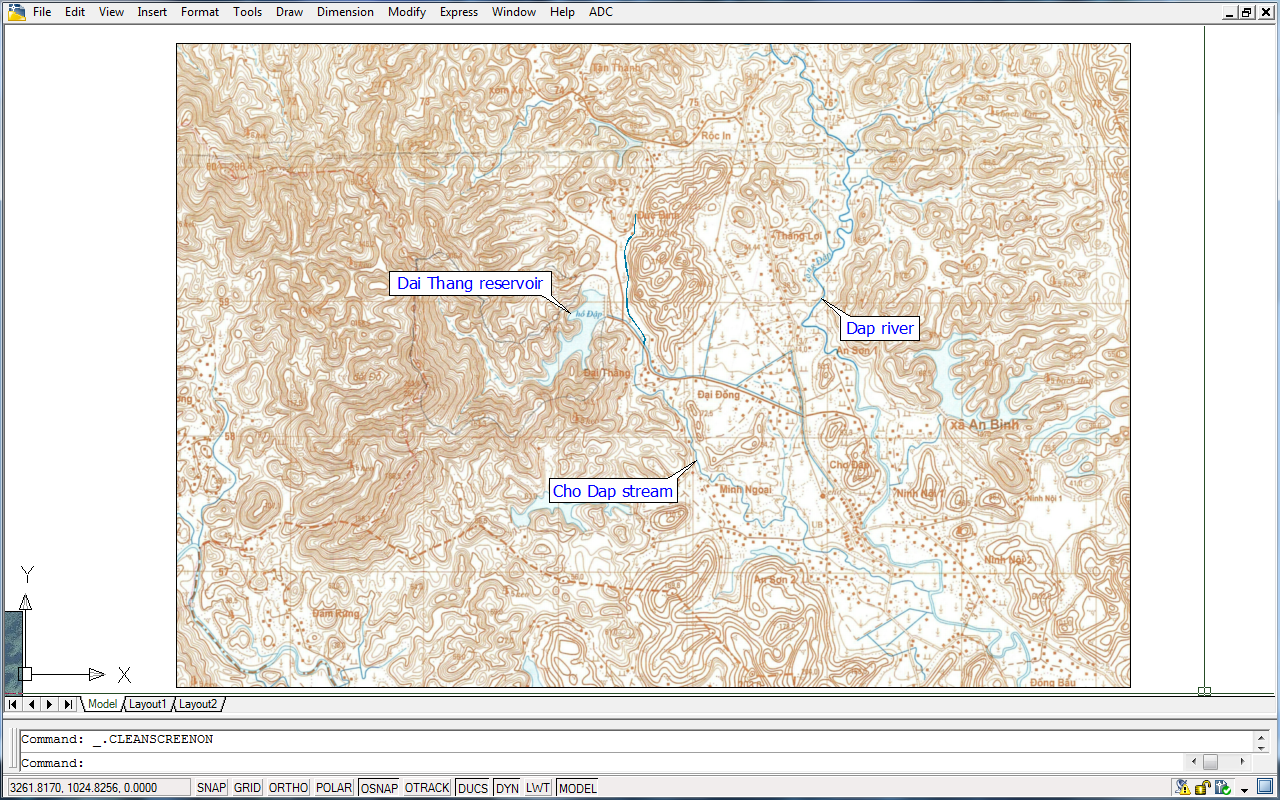


PL01-hình 01: Mặt bằng đập đầu mối

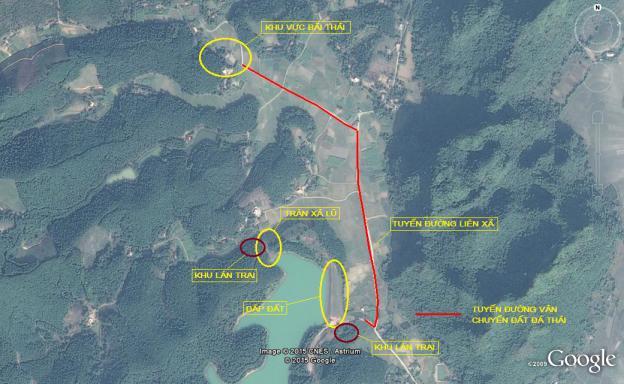
PL01-hình 02: Mặt bằng cống lấy nước 

## PHỤ LỤC A2: CÁC LOẠI BẢN ĐỒ

## C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ho Dai Thang 1_001.pngHình A2.1: Quy hoạch công trường

****

**Hình A2.2: Mô tả hệ thống sông ngòi tại vị trí hồ chứa**

****

**Hình A2.3: Vị trí các công trình phụ trợ của Hồ chứa nước Đại Thắng**

## PHỤ LỤC A3: KẾT QUẢ SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

**Bảng – A3.1: Sàng lọc tính hợp lệ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi sàng lọc** | **Có** | **Không** | **Giải thích (nếu có)** |
| 1. TDA có dẫn đến sự gia tăng chiều cao đập/hoặc tăng dung tích thiết kế hồ chứa không? |  | x |  |
| 2.Nếu câu trả lời cho câu hỏi 1 là có, xét trên khía cạnh quản lý an toàn, sự tăng này phải chăng là không cần thiết? |  | x |  |
| 3. TDA đề xuất có xâm phạm vào môi trường sống tự nhiên quan trọng, hay một khu vực bảo vệ môi trường sống tự nhiên, một công viên thiên nhiên Quốc gia/hay một khu bảo tồn thiên nhiên dẫn đến việc thu hồi tạm thời hoặc vĩnh viễn môi trường sống, công viên hoặc khu bảo tồn nào đó không? |  | x |  |
| 4. Liệu tiểu dự án có khiến di dời, làm biến dạng hoặc ngăn chặn việc tiếp cận các công trình kiến trúc hoặc cảnh quan có giá trị văn hóa, lịch sử đối với quốc gia, nhóm dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng địa phương hay không? |  | x |  |
| 5. Liệu rằng tiểu dự án có sử dụng khu đất đã được sử dụng hoặc có vai trò như khu vực trồng rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, hoặc quá trình triển khai tiểu dự án có dẫn đến sự thay đổi mục đích sử dụng đất trồng rừng hay không. |  | x |  |

**Kết luận:**

Tiểu dự án “ Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước Đại Thắng” hoàn toàn hợp lệ.

Tiểu dự án đủ điều kiện để được hỗ trợ vốn thuộc Dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRISP)

**Bảng – A3.2: Sàng lọc và phân loại môi trường**

| **Câu hỏi sàng lọc** | **Có** | **Không** | | | **Giải thích** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Liệu tiểu dự án có tiềm năng gây ra tác động bất lợiđáng kể đối với môi trường sống tự nhiên hoặc môi trường sống tự nhiên quan trọng? | | | | | |
| - Làm mất hoặc suy thoái các vùng đất và nước nơi (i) các hệ sinh thái có các loài sinh vật bản địa, và (ii) hoạt động của con người chưa làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản của vùng dự án . |  | Không | | Tác động đến nguồn nước và đất của tiểu dự án là không đáng kể (do sự gia tăng phát thải như chất thải rắn, nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công của 52 công nhân).  Các loài sinh vật bản địa sinh sống ở khu vực cách xa tiểu dự án nên không bị tác động từ các hoạt động của TDA.  Tại những nơi mà hoạt động con người chưa làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản của vùng dự án, quá trình thi công, vận hành dự án cũng không làm thay đổi đáng kể hệ sinh thái này. | |
| Làm mất hoặc dẫn suy thoái môi trường sống tự nhiên quan trọng, ví dụ, môi trường sống được bảo vệ hợp pháp, có đề xuất chính thức cho việc bảo vệ, hoặc không được bảo vệ nhưng được biết đến với giá trị bảo tồn cao[[1]](#footnote-1) |  | không | | Trong vùng tiểu dự án không có khu bảo tồn, rừng thiêng hay các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng .  Việc thực hiện dự án không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học nói chung của khu vực. | |
| **Liệu tiểu dự án có tiềm năng gây ra những tác động bất lợi đáng kể đối với tài nguyên văn hóa vật thể?** | | | | | |
| Dẫn đến làm mất hoặc suy thoái các nguồn tài nguyên văn hóa vật thế (PCR) |  |  | Dự án không xâm phạm đến di tích lịch sử nào trong vùng do vị trí xây dựng các hạng mục công trình đều cách xa các di tích lịch sử, đền chùa, nhà thờ, không vi phạm đến quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. | | |
| - Có thể dẫn tới mâu thuẫn với luật pháp quốc gia, hoặc nghĩa vụ quốc tế theo hiệp ước và hiệp định môi trường quốc tế liên quan, bao gồm Công ước Di sản Thế giới của UNESCO hoặc ảnh hưởng đến những di sản có lợi ích du lịch khoa học nổi tiếng và quan trọng |  | Không | Dự án sửa chữa và nâng cấp cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Đại Thắng hoàn toàn phù hợp với luật pháp quốc gia .  Không có khu vực nhạy cảm ở địa bàn xã An Bình – huyện Lạc Thủy là vùng chịu nhiều ảnh hưởng từ hồ chứa Đại Thắng. Do đó, không bị ảnh hưởng bởi việc sửa chữa và nâng cao an toàn đập hồ Đại Thắng. | | |
| **Liệu tiểu dự án có tiềm năng gây ra tác động bất lợi đáng kể đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên liên quan do các dân tộc thiểu số sử dụng?** | | | | | |
| Có khả năng dẫn tới tác động đối với đất đai hoặc lãnh thổ thuộc sở hữu về truyền thống, hoặc được sử dụng hoặc chiếm hữu theo phong tục, và nơi khả năng tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên là hết sức quan trọng đối với sự bền vững của văn hóa và sinh kế của người dân tộc thiểu số. Có khả năng tác động đối với giá trị văn hóa và tinh thần tượng trưng cho vùng đất và tài nguyên đó hoặc tác động đối với việcquản lý tài nguyên thiên nhiên và sự bền vững dài hạn của tài nguyên bị ảnh hưởng. | Có |  | Do trong khu vực vùng thực hiện tiểu dự án có nhiều người dân tộc thiểu số, chiếm tới 50,2% dân số toàn xã. Và 70,1% toàn vùng dự án.  Việc thực hiện TDA có tác động tới việc cắt nước thi công, mất nước để sản xuất 01 vụ mùa của 223 hộ gia đình người dân tộc Mường của 03 thôn: Đại Đồng, Thắng Lợi, Đại Thắng. | | |
| **Liệu tiểu dự án có khả năng gây ra tác động bất lợi đáng kể đối với dân số phải di dời?** | | | | | |
| Dẫn đến việc di dời của người dân sống phụ thuộc vào đất hoặc sử dụng các nguồn tài nguyên đặc biệt khó thay thế hoặc khôi phục? Nếu không, dẫn tới những vấn đề khó khăn về khả năng tiểu dự án khôi phục lại sinh kế? | có |  | Tại thời điểm xây dựng công trình, dân cư thưa thớt. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện tại, nhiều người dân đã chuyển đến sinh sống ở khu vực hạ du.  Việc tiến hành xây dựng dự án sẽ ảnh hưởng lâu dài 15.935 m2 đất thổ cư, đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp của 12 hộ dân trên địa bàn thôn Đức Bình, trong đó có hộ bị ảnh hưởng về diện tích đất thổ cư, nhà cửa và vật kiến trúc trên đất thổ cư. Tuy nhiên hộ này thuộc diện Di dời tại chỗ trên đất thổ cư còn lại  Do đó, tiểu dự án sẽ phải chuẩn bị một kế hoạch hành động tái định cư theo OP 4.12 của Ngân hàng Thế giới. | | |
| **Tiểu dự án có đòi hỏi phải thi công một đập lớn?** | | | | | |
| Liệu tiểu dự án đòi hỏi phải thi công một đập lớn :   * Cao từ 15m trở lên * Cao từ 10-15m với thiết kế phức tạp ví dụ, yêu cầu xử lý trong trường hợp lũ lớn bất thường, vị trí đập ở nguy cơ động đất cao, cơ sở hạ tầng phức tạp, khó khăn trong quá trình chuẩn bị, hoặc nơi lưu trữ các vật liệu độc hại. * Cao dưới 10 mét nhưng dự kiến sẽ trở thành đập lớn trong giai đoạn vận hành của tiểu dự án? | Có |  | Đây là tiểu dự án có nhiệm vụ chính là nâng cấp các hạng mục công trình (tràn xả lũ, cống lấy nước) và xây mới nhà quản lý. Với công trình này, tràn xả lũ có kết cấu đơn giản, hồ Đại Thắng chứa nước với dung tích nhỏ (526650 m3, chỉ phục vụ nước tưới tiêu nông nghiệp trong phạm vi nhỏ) | | |
| Hoạt động của các tiểu dự án có phụ thuộc vào hiệu quả của:  - Đập hiện tại hoặc đang được thi công  - Trạm điện hoặc hệ thống cấp nước lấy nước thẳng từ hồ chứa do một đập lớn hoặc một đập đang thi công kiểm soát .  - Đập dẫn dòng hoặc kết cấu thủy lực xuôi dòng từ một đập hiện có hoặc đập đang thi công, nơi mà mọi sự cố của đập ở đầu nguồn có thể gây tổn hại vô cùng lớn hoặc tổn hại đến dự án kiến trúc và thủy lợi hoặc công trình cấp nước do Ngân hàng Thế giới tài trợ, là những dự án phụ thuộc vào công suất và hoạt động của một đập lớn hiện có hoặc đập đang thi công để cung cấp nước và không thể hoạt động nếu đập bị hỏng. | có |  | - Hoạt động của tiểu dự án chỉ phụ thuộc vào hiệu quả của đập hiện tại (cung cấp nước tưới tiêu cho nông nghiệp và hiện tại đang có hoạt động du lịch sinh thái tại hồ).  - Đập Đại Thắng được vận hành riêng. Chứa và xả nước không liên quan tới đập khác.  - Không có trạm điện và hệ thống cấp nước lấy nước từ hồ và đập cũng không được dẫn dòng hay có công trình hạ du của đập có sẵn.  Tuy nhiên, cụm công trình hồ chứa nước Đại Thắng không cần yêu cầu có ĐTM nhóm A, nhưng cần hết sức thận trọng, vì Ngân hàng có những yêu cầu cụ thể để đảm bảo rằng sự an toàn trong hiệu quả hoạt động của đập hiện có hoặc đập sẽ thi công. Ngân hàng yêu cầu kiểm tra đối với đập hoặc đập mới xây dựng, hiệu quả hoạt động và thủ tục vận hành và bảo dưỡng; và khuyến nghị cho bất kỳ công việc sửa chữa hoặc biện pháp liên quan đến an toàn; những đánh giá trước đây cũng được đánh giá lại. | | |
| **Liệu tiểu dự án dẫn đến việc sử dụng hóa chất để xử lý đất?** | | | | | |
| Công thức của sản phẩm có rơi vào phân loại IA và IB Tổ của tổ chức Y tế Thế giới, hoặc có công thứcsản phẩm nào thuộc loại II ? |  | không | Tiểu dự án không dẫn đến việc mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu. | | |
| **Liệu tiểu dự án có khả năng gây ra tác động không thể đảo ngược hoặc tác động không dễ dàng giảm nhẹ?** | | | | | |
| Dẫn tới mất khu vực tái nạp tầng ngậm nước, ảnh hưởng đến chất lượng của nơi lưu trữ nước và khu vực trữ nước chịu trách nhiệm cung cấp nước uống cho các trung tâm dân số lớn. |  | không | Tiểu dự án không ảnh hưởng đến khu vực lưu trữ nước chịu trách nhiệm cung cấp nước uống cho các trung tâm dân số lớn. | | |
| Dẫn tới bất kỳ tác động nào mà khoảng thời gian chịu tác động là tương đối lâu dài, ảnh hưởng đến một khu vực địa lý rất rộng lớn hoặc tác động có cường độ lớn. |  | không | Việc nâng cấp tràn không gây bất kỳ tác động nào được coi là lâu dài, ảnh hưởng đến diện tích địa lý rộng lớn và tác động có cường độ cao cho khu vực 4 thôn xã An Bình. | | |
| **Liệu tiểu dự án có tiềm năng dẫn đến một sự đa dạng rộng của các tác động bất lợi đáng kể?** | | | | | |
| Nhiều công trường ở nhiều địa điểm khác nhau bị ảnh hưởng, mỗi ảnh hưởng lại gây mất môi trường sống, tài nguyên, đất hoặc suy giảm chất lượng tài nguyên ở mức đáng kể. |  | không | Việc nâng cấp tràn được thực hiện bằng cách kiên cố hóa tràn xả lũ với kết cấu đáy cửa vào, ngưỡng tràn, đáy dốc nước, đáy bể tiêu năng, sân tiêu năng sau bể bằng bê tông cốt thép M200, tường dốc nước; tường bể tiêu năng; tường sân tiêu năng bằng đá xây M100 với các nguyên vật liệu lấy từ trung tâm huyện lỵ Lạc Thủy (cách công trường 20km) nên việc thi công công tình này không làm suy giảm chất lượng tài nguyên đất cũng như môi trường sống xung quanh ở mức độ đáng kể. | | |
| Những tác động bất lợi đáng kể, tiềm tàng có khả năng mở rộng ra ngoài công trường hoặc công trình xây dựng. |  | không | Tiểu dự án không gây những tác động bất lợi đáng kể, tiềm tàng có khả năng mở rộng ra ngoài công trường hoặc công trình xây dựng. | | |
| Tác động qua biên giới (ngoài thay đổi nhỏ đối với một hoạt động trên đường thủy đang diễn ra). |  | không | Thi công gia cố kết cấu tràn và nâng cấp các hạng mục công trình khác hay xây mới nhà quản lý, xử lý mối không gây tác động qua biên giới mà chỉ làm thay đỏi không đáng kể hoạt động đường thủy đang diễn ra trên hồ (hoạt động nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái). | | |
| Sự cần thiết có đường công vụ, hầm, rạch, hành lang truyền tải điện, đường ống mới, hoặc khu vực bãi vật liệu và thải bỏ trong những khu vực hiện chưa phát triển. | có |  | Hiện nay công trình đã có đường quản lý của đập nối từ đỉnh đập cũ vào đường liên thôn của xã An Bình vào các thôn Đức Bình, Đại Đồng với chiều dài 100m về phía hạ lưu với kết cấu đường. Nhà quản lý được xây mới nên cần thiết có hành lang truyền tải điện, đường ống mới, các công trình liên quan đến hoạt động quản lý và sinh hoạt của công nhân quản lý vận hành đập hồ Đại Thắng. | | |
| Ngắt quãng chu kỳ dị trú của sinh vật hoang dã, đàn động vật hoặc người chăn thả,dân du cư hoặc bán du cư |  | không | Thực hiện tiểu dự án không làm ảnh hưởng hay ngắt quãng chu kỳ dị trú của sinh vật hoang dã, đàn động vật hoặc người chăn tha, du dân hoặc dân bán cư. | | |
| **Có phải tiểu dự án chưa từng có tiền lệ?** | | | | | |
| Chưa có tiền lệ ở cấp quốc gia? |  | không | Đã có nhiều tiểu dự án tương tự được tiến hành ở cấp quốc gia | | |
| Chưa có tiền lệ ở cấp tỉnh? | có |  | Tại tỉnh Hòa Bình chưa có tiệu dự án nào nâng cấp và sửa chữa hồ đập chứa nước. | | |
| **Là TDA gây tranh cãi và có khả năng thu hút sự chú ý của các NGO và các tổ chức xã hội quốc gia hoặc quốc tế?** | | | | | |
| Bị coi là rủi ro hoặc có khả năng có các khía cạnh đặc biệt gây tranh cãi. |  | không | Việc thực hiện tiểu dự án không bị coi là rủi ro hoặc có khả năng có các vấn đề đặc biệt gây tranh cãi. | | |
| Có khả năng dẫn tới phản đối của những người muốn biểu tình hoặc ngăn chặn thi công. |  | không | Tiểu dự án không dẫn tới phản đối giữa những người đồng ý và không đồng ý thi công xây dựng.  Thực hiện tiểu dự án đã nhận được sự ủng hộ đông đảo của người dân địa phương ở 4 thôn vùng dự án. | | |

**Bảng – A4.3: Yêu cầu bổ sung và Công cụ đề xuất**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiểu dự án được thực hiện liệu có kéo theo các tác động môi trường?** | **Có** | **Không** | **Nếu có, nêu yêu cầu** |
| Lấn chiếm khu vực lịch sử/văn hóa |  | x |  |
| Sử dụng hóa chất gây nổ, độc hại |  | x |  |
| Sử dụng vị trí công trường, nơi mà trong quá khứ đã có tai nạn xảy ra do mìn, hoặc các vật liệu nổ còn lại sau chiến tranh |  | x |  |
| Việc xây dựng có thể gây ra sự xáo trộn đáng kể cho giao thông vận tải, các tuyến đường giao thông, tuyến đường thủy. |  | x |  |
| Tăng mức lũ hạ lưu hồ và gây bồi lắng |  | x |  |
| Thu hồi (vĩnh viễn hoặc tạm thời) đất (của công hoặc tư) cho mục đích phát triển của TDA | x |  | RAP được yêu cầu |
| Sử dụng đất mà hiện tại sử dụng cho mục đích sản xuất (ví dụ: làm vườn, chăn nuôi, đồng cỏ, địa điểm câu cá, rừng..) | x |  | RAP được yêu cầu |
| Di dời cá nhân, gia đình hoặc doanh nghiệp |  | x |  |
| Mất vĩnh viễn hoặc tạm thời các loại cây trồng, cây ăn quả hoặc cơ sở hạ tầng hộ gia đình | x |  | RAP được yêu cầu |
| Hạn chế tiếp cận không tự nguyện đối với khu vực nhất định và khu vực được bảo vệ về mặt pháp lý. |  | x |  |
| Nhóm người DTTS đang sinh sống trong ranh giới, hoặc gần khu vực TDA | x |  | EMDP được yêu cầu |
| Các thành viên của nhóm người DTTS trong vùng TDA có khả năng được hưởng lợi hoặc bị ảnh hưởng từ TDA | x |  | EMDP được yêu cầu |
| Liên quan đến việc xây dựng một đập lớn (Ví dụ như đập cao trên 15m hoặc có sức chứa trên 3 triệu m3) |  | x | Nhiệm vụ chính của TDA là nâng cấp các hạng mục công trình (như: đập, tràn xả lũ..) và xây mới nhà vận hành. Với công trình này, đập tràn lũ có cấu trúc đơn giản, hồ Đại Thắng với dung tích nhỏ, (526650 m3) chỉ phục vụ cho nông nghiệp tưới trong một khu vực tương đối nhỏ, do đó tiểu dự án không yêu cầu xây dựng một đập lớn  Sửa chữa đập với chiều cao +17.9 m  Yêu cầu bắt buộc có Báo cáo an toàn đập |
| Phụ thuộc nguồn nước cấp từ một con đập hiện có hoặc một đập lớn hơn được xây dựng |  | X | Nước của hồ chứa nước Đại Thắng không phụ thuộc vào lượng nước được cung cấp từ đập nào khác |

Tóm tắt sàng lọc (Sẽ được điền sau khi Tư vấn E&S do PMU thuê tuyển đi thẩm định thực địa):

Tiểu dự án được phê duyệt với các điều kiện sau:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiểu dự án hợp lệ để được tài trợ và yêu cầu phải thực hiện/lập các hoạt động/tài liệu về chính sách an toàn như sau (kiểm tra để áp dụng những tài liệu nào):

\_\_\_ ESIA đầy đủ

\_\_\_ Kế hoạch hành động tái định cư (RAP)

\_\_\_ Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)

\_\_\_ Kế hoạch an toàn đập (DSP)

\_\_\_ Bằng chứng về tham vấn tự do, trước và đầy đủ thông tin

\_\_\_Bằng chứng về sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng dân tộc

\_\_\_ Thông qua thủ tục về tìm kiếm phát lộ

\_\_\_Adoption of Grievance Redress Procedure

Kiểm định bời: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Ngày/tháng/ năm :\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Bảng – A4: Tác động Môi trường và Xã hội Tiềm tàng cần được Giải quyết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiểu dự án có gây ra những tác động môi trường này?** | **Đánh giá** | **Nhận xét** |
| 1. | Xâm phạm khu vực lịch sử/văn hóa. | Không | Mặc dù ở phía dưới hạ lưu có đông đúc dân cư (dân cư thuộc 3 thôn Đại Đồng, Thắng Lợi và Đại Thắng), các khu tín ngưỡng tôn giáo nhưng vẫn nằm trong vùng an toàn khi tiến hành nâng cấp và sửa chữa cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Đại Thắng. |
| 2. | Xâm phạm hệ sinh thái (vd: môi trường sống tự nhiên nhạy cảm hoặc khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên…). | Không | Tại huyện Lạc Thủy không có môi trường sống tự nhiên nhạy cảm, không có khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên nên tiểu dự án không gây tác động đến hệ sinh thái. |
| 3. | Làm biến dạng cảnh quan và làm tăng lượng chất thải. | Thấp | Trong giai đoạn thi công, thực hiện dự án, mỗi ngày tập trung 52 công nhân, đa số là vận dụng lao động địa phương, thường xuyên tới đập tràn hàng này nên sẽ phát thải (chất thải rắn sinh hoạt (khoảng 26kg/ngày), nước thải (khoảng 1.66m3/ngày) tại công trường. Ngoài ra, các máy móc (máy ủi, máy đào, máy trộn BT) được sử dụng trong quá trình thi công cũng gây phát thải (dầu nhớt và khí thải). Tuy nhiên mức độ phát thải của công nhân và máy móc phục vụ cho công trình dự báo ở mức độ thấp và chỉ mang tính cục bộ (thời gian khoảng 7 tháng). |
| 4. | Phá bỏ lớp thực bì hoặc đốn cây. | Trung bình | TDA yêu cầu diện tích đất sử dụng lâu dài và tạm thời từ đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, diện tích chiếm dụng khoảng 53.000m2), lâm nghiệp (đất rừng giao cho dân, diện tích chiếm dụng khoảng 29.000m2) nên trong giai đoạn chuẩn bị yêu cầu việc phát quang, chặt đốn cây rừng.  Diện tích đất sử dụng lâu dài là phần diện tích do công trình chiếm chỗ chủ yếu là đất lâm nghiệp, đất trồng cây hàng năm, đất công cộng. Phần diện tích này bao gồm phần diện tích chiếm đất của bản thân công trình và hành lang bảo vệ công trình (theo Pháp lệnh bảo vệ công trình thuỷ lợi). |
| 5. | Thay đổi chất lượng nước mặt hoặc dòng chảy (ví dụ: tăng độ đục của nước do dòng nước xảy ra, nước thải từ khu lán trại và xói mòn, và chất thải thi công).. | Thấp | Tiểu dự án được thi công trong thời gian ngắn (7 tháng), nên ảnh hưởng tới dỏng chảy là không lớn.  Nước thải, chất thải rắn từ khu vực lán trại (hoạt động sinh hoạt của công nhân) có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt .  Chất thải thi công chủ yếu là vật liệu xây dựng, dầu nhớt và có thể gây tác động nhỏ đến chất lượng nước mặt và dòng chảy. |
| 6. | Làm tăng mức độ bụi bẩn hoặc chất gây ô nhiễm vào không khí trong quá trình thi công | Cao và tạm thời | Máy móc phát thải ra khí thải sẽ làm tăng mức độ bụi bẩn vào không khí trong quá trình thi công. Do các máy móc được sử dụng đều là máy cũ nên mức độ phát thải khí có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí chưa bị ô nhiễm hiện tại .  Việc gia cố tràn xả lũ với kết cấu bê tông sẽ àm tăng lượng bụi bẩn cục bộ trong phạm vi ảnh hưởng .  Việc xây mới nhà quản lý cũng làm tăng mức độ ô nhiễm không khí trong quá trình thi công |
| 7. | Tiếng ồn/độrung tăng lên. | Trung bình và tạm thời | Thời điểm gây tiếng ồn và độ rung tăng lên là vào ban ngày, khi các máy móc hoạt động, đào đất, đá, vận chuyển, đắp đất vào dưới chân đạp hay các máy thăm dò và xử lý mối. |
| 8. | Tái định cư các hộ gia đình? Nếu có, bao nhiêu hộ? | Không | Trong quá trình thi công TDA, chỉ có 01 hộ bị ảnh hưởng đến đất thổ cư tuy nhiên hộ này thuộc diện Di dời tại chỗ trên đất thổ cư còn lại |
| 9. | Sử dụng địa bàn tái định cư nhạy cảm về môi trường và/hoặc văn hóa. | Không | TDA không có tái định cư nên không sử dụng địa bàn tái định cư nhạy cảm về môi trường và/hoặc văn hóa. |
| 10. | Rủi ro truyền bệnh từ công nhân cho người dân địa phương (và ngược lại). | Thấp | Do quá trình thi công sẽ tập trung khoảng 52 công nhân/ngày, chia thành 2 ca, trong khi đó trình độ dân trí của người dân trong khu vực còn nhiều hạn chế nên sẽ phát sinh nhiều vấn đè liên quan đến bệnh tật. Do thói quen vệ sinh môi trường của người dân khu vực này chưa tốt nên các bênh lây truyền qua đường nước uống, không khí khá dễ dàng. Tuy nhiên, do chủ trương sử dụng tối đa nhân lực địa phương của chủ đầu tư nên trong giai đoạn thi công, các rủi ro truyền bệnh cho người dân địa phương được xem là không đáng kể. |
| 11. | Tiềm năng gây xung đột giữa công nhân thi công và người dân địa phương(và ngược lại). | Thấp | Công nhân thi công được tân dụng tối đa từ lao động địa phương nên khả năng xung đột với người dân địa phương được xem là thấp. |
| 12. | Sử dụng chất nổ và chất hóa học độc hại. | Không | Không có nổ mìn trong quá tình thi công và sử dụng các hóa chất độc hại trong quá trình xử lý mối. |
| 13. | Sử dụng công trường nơi đã từng xảy ra tai nạn do nổ mìn hoặc vật liệu nổ sót lại từ thời chiến tranh. | Không | Theo tài liệu điều tra, khu vực chịu ảnh hưởng của tiểu dự án (địa bàn 4 thôn: Đại Đồng, Thắng Lợi và Đại Thắng, Đức Bình) không có vật liệu nổ còn sót lại từ thời chiến tranh. |
| 14. | Hoạt động thi công có thể gây xáo trộn vận tải, đường giao thông, hoặc giao thông đường thủy. | Trung bình | Do công trình nằm cách xa khu cung cấp nguyên vật liệu (khoảng 20km) nên nên trong quá trình thi công sẽ gây xáo trộn vận tải đường giao thông từ lượng lớn xe chuyên chở nguyên vật liệu. |
| 15. | Hoạt động thi công có thể gây bất kỳ hư hại nào đối với đường bộ, cầu hoặc hạ tầng nông thôn khác hiện có của địa phương? | Trung bình | Cơ sở hạ tầng của khu vực trong phạm vi TDA còn thấp, đường liên xã hay liên thôn chịu tải trọng không lớn nên quá trình vận chuyển nguyên vật liệu hay di chuyển máy móc trong giai đoạn thi công có thể gây hư hại đến các đoạn đường này. |
| 16. | Đào đất trong quá trình thi công của tiểu dự án có thể gây xói mòn đất. | Trung bình | Vật liệu đất đắp đập được lấy tại mỏ nằm phía sườn đồi trái hồ Đại Thắng, cự ly mỏ cách tuyến đập khoảng 400m, trữ lượng mỏ là 50.000m2, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nên có khả năng làm tăng xói mòn đất. |
| 17. | Có cần phải mở mới đường công vụ tạm thời và lâu dài? | Trung bình | Khu vực dự án có điều kiện giao thông tương đối thuận lợi. Từ Quốc lộ 21 qua trung tâm thị Trấn Chi Nê vào tỉnh lộ 438 rẽ tiếp vàotỉnh lộ 479 đến trung tâm xã An Bình là các đường nhựa và bê tông có chiều rộng từ 3÷5m. Từ trungtâm xã An Bình vào đến chân công trình là tuyến đường liên thôn của xã với kết cấu là đường bê tông có bề rộng mặt đường trung bình 3-:-5m.  Hiện nay công trình đã có đường quản lý của đập nối từ đỉnh đập cũ vào đường liên thôn của xã An Bình vào các thôn Đức Bình, Đại Đồng với chiều dài 100m về phía hạ lưu với kết cấu đường .  Do đó không yêu cầu mởi mới đường công vụ tạm thời cũng như lâu dài. |
| 18. | Chia cắt hoặc làm tan rã môi trường sống của các loài động, thực vật? | Không | Tiểu dự án chủ yếu cải tạo, gia cố kết cấu tràn và cống lấy nước, xây dựng nhà quản lý (quy mô nhỏ) nên không gây chia cắt hay tan ra môi trường sống của các loài động vật, thực vật. |
| 19 | Tác động lâu dài đối với chất lượng không khí. | Thấp | Do sử dụng các máy móc cũ để thi công gia cố tràn cống lấy nước có thể sinh bụi. Tuy nhiên, do môi trường không khí tại khu vực này không bị ô nhiễm nên về lâu dài, khả năng tự làm sạch có thể làm giảm ô nhiễm không khí. Do đó, tiểu dự án chỉ có tác động tạm thời đối với môi trường không khí. |
| 20. | Rủi ro tai nạn cho công nhân và cộng đồng trong giai đoạn thi công. | Thấp | Do đây là công trình sửa chữa và nâng cấp an toàn đập nên rủi ro cho công nhân thường xảy ra là do sử dụng máy móc hoặc tai nạn liên quan tới nước.  Đối với người dân địa phương, rủi ro tai nạn ít có khả năng xảy ra do khu vực tiến hành tiểu dự án ở khá xa khu dân cư (chỉ có 01 hộ gia đình nằm trong phạm vi của tiểu dự án). |
| 21. | Sử dụng vật liệu độc hại hoặc nguy hiểm và tạo ra chất thải độc hại. | Thấp | Các máy móc hay các nguyên vật liệu phục vụ trong quá trình thi công thường là nguyên vật liệu xây dựng, dầu nhớt nên ít phát thải các chất thải nguy hại .  Trong quá trình sinh hoạt cuả công nhân, có thể phát thải ra một số chất thải độc hại như các mầm bệnh trong phân (trong trường hợp công nhân bị ốm, mắc bệnh) hay sử dụng một số hóa chất độc hại (chất tẩy rửa….). |
| 22 | Rủi ro đối với an toàn và sức khỏe con người. | Thấp | Nhìn chung, việc thực hiện thi công sửa chữa và nâng cấp đập chỉ gây ra các rủi ro thấp đối với an toàn và sức khỏe con người do:  Phát thải khí, bụi, tiếng ồn trong thời gian thi công.  Phát thải dầu nhớt, có thể theo dòng chảy vào trong hồ chứa, qua hệ thống kênh tưới tiêu.  Phát thải từ công nhân, ảnh hưởng đến nguồn nước (phân, nước thải…) |
| 23. | Thu hồi (tạm thời hoặc vĩnh viễn) đất công (công hoặc tư) để xây dựng. | Trung bình | Diện tích đất nông nghiệp bị ảnh hưởng vĩnh viễn của 10 hộ là 14.935 m2, diện tích đất lâm nghiệp bị ảnh hưởng của 2 hộ là 500 m2và diện tích bị ảnh hưởng tạm thời của 2 hộ là 4.438 m2.Có 244 hộ bị ảnh hưởng với diện tích 571.297 m2 diện tích đất trồng lúa sẽ không sản xuất được trong thời gian 1 vụ do cắt nước thi công đập  Tuy nhiên, Chủ đầu tư đã lên phương án đền bù chi tiết trong báo cáo RAP độc lập |
| 24. | Sử dụng đất hiện đang được chiếm hữu hoặc sử dụng thường xuyên cho mục đích sản xuất (vd: trồng vườn, trang trại, chăn thả, nơi đánh cá, rừng. | Thấp | Thực hiện tiểu dự án có sử dụng đất hiện tại đang chiếm hữu hoặc sử dụng thường xuyên cho mục đích sản xuất (đất rừng giao cho người dân và đất trồng cây hàng năm). |
| 25.. | Di dời của cá nhân, gia đình, hoặc hoạt động kinh doanh | Trung bình | Tiểu dự án không yêu cầu di dời hộ dân nào. Tuy nhiên có ảnh hưởng đến đất thổ cư của 01 hộ  Tuy nhiên TDA yêu cầu sử dụng nhiều diện tích đất canh tác nông và lâm nghiệp của người dân địa phương. |
| 26. | Mất tạm thời hoặc vĩnh viễn hoa màu, cây ăn quả, hoặc hạ tầng hà ở. | Trung bình | Trong khu vực tiến hành tiểu dự án, có nhiều diện tích trồng lúa, canh tác nông nghiệp. |
| 27. | Hạn chế bắt buộc khả năng tiếp cận của người dân vào công viên bảo tồn và khu bảo tồn. | Không | Khu vực chịu ảnh hưởng của tiểu dự án không có công viên bảo tồn, khu bảo tồn nên không hạn chế bắt buộc khả năng tiếp cận của người dân và các công trình này. |
| 28 | Ảnh hưởng đến việc cấp nước sinh hoạt và sản xuất trong thời gian thi công các hạng mục công trình  (tác động tiềm tàng khác dưới hạ du do cắt nước trong thời gian thi công) | Cao | Do hồ chứa nước Đại Thắng cung cấp nước tưới tiêu cho khoảng 100 ha lúa 2 vụ và 30ha hoa màu cho các thôn Đại Đồng, Thắng Lợi ,Đại Thắng, Đức Bình, hoạt động tưới tiêu trong nông nghiệp có thể bị ảnh hưởng khi thực hiện công tác gia cố hoặc cắt nước.  Bên cạnh đó, Chủ đầu tư cũng đã lên phương án hỗ trợ cho 244 hộ dân với Diện tích lúa là 571.297 m2 bị ảnh hưởng trong quá trình thi công. Chi phí này đã được chi tiết trong báo cáo RAP. |
| 28. | Các nhóm dân tộc thiểu số sống trong phạm vi hoặc gần tiểu dự án. | Trung bình | Trong khu vực TDA tỷ lệ người Mường chiếm tỷ lệ cao. Chiếm 70% |
| 29. | Thành viên của những nhóm dân tộc thiểu số này trong khu vực có khả năng được hưởng lợi hoặc bị tổn hại bời dự án | Trung bình | Việc nâng cấp và sửa chữa cụm công trình hồ chứa nước Đại thắng sẽ tác động nhiều đến các nhóm dân tộc thiểu số. Các nhóm này sẽ được hưởng lợi ích từ công trình và cũng chịu nhiều tác động tiềm tàng khi công trình gặp sự cố. |
| 30 | Tác động tiềm tàng ở hạ lưu khi cắt nước trong quá trình thi công đến người DTTS | Cao | 223 hộ người DTTS sẽ bị ảnh hưởng khi cắt nước trong quá trình thi công. Với diện tích 535.711 m2 canh tác lúa sẽ bị ảnh hưởng trong thời gian ngắn từ 2 đến 6 tháng |
| 31. | Có xây dựng đập lớn không? | Không | Đây là hồ chứa nước với mục đích tưới quy mô nhỏ, không liên quan đến xây dựng đập lớn |
| 32. | Phụ thuộc vào nguồn nước cấp từ một hồ có sẵn hoặc là đập đang xây | Không | Nước của hồ chứa nước Đại Thắng không phụ thuộc vào lượng nước được cung cấp từ đập nào khác hoặc đập có sẵn hoặc đập đang xây dựng. |

## PHỤ LỤC A4: SƠ ĐỒ LẤY MẪU VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

**Hình 4-1: Vị trí các điểm lấy mẫu quan trắc môi trường nền tại vùng TDA**

|  |
| --- |
| **Hình 4-2: Vị trí quan trắc môi trường trong giai đoạn thi công**  **C:\Users\thao\Downloads\2 (2).png** |
|  |

*Ghi chú:*

*KK: Không khí*

*NM: Nước mặt,*

*NN: Nước ngầm,*

*Đ: Đất.*

*Tọa độ các điểm lấy mẫu được trình bày trong Bảng sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu** | **Tọa độ** | | **STT** | **Ký hiệu** | | **Tọa độ** | | |
| **Vĩ độ** | **Kinh độ** |  | **Vĩ độ** | | **Kinh độ** |
| **1** | **KK01** | 20o25’35,7”N | 105o42’55,7”E | **14** | **NN03** | | 20o25’27,5”N | | 105o42’59,8”E |
| **2** | **KK02** | 20o25’30,7”N | 105o42’58,7”E | **15** | **NN04** | | 20o25’13,2”N | | 105o42’20,8”E |
| **3** | **KK03** | 20o25’42,6”N | 105o42’45,3”E | **16** | **NN05** | | 20o25’46,1”N | | 105o42’52,6”E |
| **4** | **KK04** | 20o25’44,7”N | 105o42’54,8”E | **17** | **NN06** | | 20o24’40,1 | | 105o43’52,5”E |
| **5** | **NM01** | 20o25’18,6”N | 105o42’38,3”E | **18** | **Đ01** | | 21°06’19.4” | | 106°28’21.8” |
| **6** | **NM02** | 20o25’34,9”N | 105o42’47,8”E | **19** | **Đ02** | | 21°05’41.6” | | 106°29’11.3” |
| **7** | **NM03** | 20o25’34,9”N | 105o42’52”E | **20** | **Đ03** | | 21°05’17.0” | | 106°29’11.2” |
| **8** | **NM04** | 20o25’39,3”N | 105o42’47,1”E | 21 | | Đ04 | 20o25’44,7” | 105o42’54,8” | |
| **9** | **NM05** | 20o25’44,7”N | 105o42’46,7”E |
| **10** | **NM06** | 20o25’32,8”N | 105o42’57,4”E |
| **11** | **NN01** | 20o25’43,4”N | 105o42’44,7”E |
| **12** | **NN02** | 20o25’32,4”N | 105o42’58,4”E |

**PHỤ LỤC A5: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LOGO copy  [www.humg.edu.vn/vi](http://www.humg.edu.vn/vi) | Trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất  RESEARCH CENTER FOR ENVIRONMENTal GEOLOGy (ReCengE)  ***Phòng phân tích môi trường địa chất* - VILAS 630**  ***Testing and Evaluating Laboratory for Environmental Geology*** | Địa chỉ/Address: Đông Ngạc, Từ Liêm, HN Điện thoại/Tel : (84-4)3 8389002 Fax : (84-4)3 8389633 Email: [haidctv@yahoo.com](mailto:dovanbinhdctv@gmail.com)  huonghumg@gmail.com |

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

**Số: KQ. .**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại mẫu | : | Không khí xung quanh |
| Số lượng mẫu | : | 4 mẫu |
| Vị trí lấy mẫu | : | KK01: Mẫu không khí khu vực đập chính (X:574641,32; Y:2258850,51); KK02: Mẫu không khí khu vực đường vào đập chính (X:574728,86; Y:2258698,76); KK03: Mẫu không khí khu vực đập tràn (X:574337,74; Y:2259062,54); KK04: Mẫu không khí khu vực cánh đồng (X: 574612,45; Y:2259128,53); |
| Yêu cầu phân tích | : | 09 chỉ tiêu |
| Ngày lấy mẫu | : | 05/02/2015 |
| Ngày phân tích | : | từ 06/02/2015 đến 13/02/2015 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kết quả đo đạc** | | | | **QCVN 05:2013/ BTNMT** | **QCVN 26:2010/ BTNMT** |
| **KK01** | **KK02** | **KK03** | **KK04** |  |  |
| 1 | Nhiệt độ | 0C | 16 | 15 | 15 | 15 | **-** | **-** |
| 2 | Độ ẩm | % | 88,5 | 86 | 87,5 | 86,5 | **-** | **-** |
| 3 | Tốc độ gió | m/s | 1,2 | 1,3 | 0,8 | 1,1 | **-** | **-** |
| 4 | Tiếng ồn | dBA | 46 | 52 | 51 | 53 | **-** | **70** |
| 5 | Áp suất | mmHg | 742 | 741 | 746 | 745 | **-** | **-** |
| 6 | SO2 | mg/m3 | 0,1 | 0,1 | 0,19 | 0,06 | **0,35** | **-** |
| 7 | CO | mg/m3 | 2,4 | 3 | 4,7 | 3,7 | **30** | **-** |
| 8 | NO2 | mg/m3 | 0,09 | 0,1 | 0,08 | 0,08 | **0,2** | **-** |
| 9 | Bụi lơ lửng | mg/m3 | 0,05 | 0,05 | 0,09 | 0,11 | **0,3** | **-** |

***Ghi chú:***

*-QCVN05:2013/BTNMT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;*

*- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*

*- “-”: Giá trị không quy định.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Phòng TNPĐ**  **ThS. Đỗ Thị Hải** | *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2015*  **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LOGO copy  [www.humg.edu.vn/vi](http://www.humg.edu.vn/vi) | Trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất  RESEARCH CENTER FOR ENVIRONMENTal GEOLOGy (ReCengE)  ***Phòng phân tích môi trường địa chất* - VILAS 630**  ***Testing and Evaluating Laboratory for Environmental Geology*** | Địa chỉ/Address: Đông Ngạc, Từ Liêm, HN Điện thoại/Tel : (84-4)3 8389002 Fax : (84-4)3 8389633 Email: [haidctv@yahoo.com](mailto:dovanbinhdctv@gmail.com)  huonghumg@gmail.com |

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại mẫu | : | Nước mặt |
| Số lượng mẫu | : | 3 mẫu |
| Vị trí lấy mẫu | : | NM01:Nước hồ phía bờ Bắc (X:574137,66; Y:2258322,13); NM02: Nước hồ khu vực giữ hồ (X:574412,88; Y:2258753,69); NM03: Nước hồ khu vực đập chính (X:574534,24; Y:2258826,73). |
| Yêu cầu phân tích | : | 15 chỉ tiêu |
| Ngày lấy mẫu | : | 05/02/2015 |
| Ngày phân tích | : | từ 06/02/2015 đến 13/02/2015 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các thông số** | **Đơn vị** | **Kết quả phân tích** | | | **QCVN** |
| **NM01** | **NM02** | **NM03** | **08:2008/ BTNMT (B1)** |
| 1 | pH | - | 7,87 | 7,14 | 7,72 | **5,5 - 9** |
| 2 | DO | mg/l | 5,75 | 5,58 | 4,76 | **>= 4** |
| 3 | TSS | mg/l | 41 | 44 | 47 | **50** |
| 4 | BOD5 | mg/l | 9 | 12 | 13 | **15** |
| 5 | COD | mg/l | 16,5 | 20 | 25 | **30** |
| 6 | NO3- | mg/l | 0,012 | 0,015 | 0,017 | **10** |
| 7 | NO2- | mg/l | 0,016 | 0,016 | 0,012 | **0,04** |
| 8 | NH4+ | mg/l | 0,08 | 0,05 | 0,06 | **0,5** |
| 9 | PO43- | mg/l | 0,124 | 0,125 | 0,121 | **0,3** |
| 10 | Zn | mg/l | 0,22 | 0,18 | 0,22 | **1,5** |
| 11 | Pb | mg/l | KPH | KPH | KPH | **0,05** |
| 12 | Hg | mg/l | KPH | KPH | KPH | **0,001** |
| 13 | As | mg/l | KPH | 0,004 | KPH | **0,05** |
| 14 | Tổng dầu mỡ | mg/l | 0,02 | 0,01 | 0,01 | **0,1** |
| 15 | Coliform | MP/ 100ml | 3.800 | 3.500 | 2.500 | **7.500** |

***Ghi chú:***

*-QCVN 08-2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt;*

*- “-”: Giá trị không quy định.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phòng TNPĐ**  **ThS. Đỗ Thị Hải** | | *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2015*  **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT** | | |
| LOGO copy  [www.humg.edu.vn/vi](http://www.humg.edu.vn/vi) | | Trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất  RESEARCH CENTER FOR ENVIRONMENTal GEOLOGy (ReCengE)  ***Phòng phân tích môi trường địa chất* - VILAS 630**  ***Testing and Evaluating Laboratory for Environmental Geology*** | | Địa chỉ/Address: Đông Ngạc, Từ Liêm, HN Điện thoại/Tel : (84-4)3 8389002 Fax : (84-4)3 8389633 Email: [haidctv@yahoo.com](mailto:dovanbinhdctv@gmail.com) |

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

**Số: KQ. .**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại mẫu | : | Nước mặt |
| Số lượng mẫu | : | 15mẫu |
| Vị trí lấy mẫu | : | NM04:Nước hồ phía xả tràn (X:574390,68; Y:2258960,58); NM05: Nước mương thủy lợi phía xả tràn (X:574379,94; Y:2259126,86); NM06: Nước mương thủy lợi khu vực đường vào đập chính (X:574690,86; Y:2258763,60). |
| Yêu cầu phân tích | : | 15 chỉ tiêu |
| Ngày lấy mẫu | : | 05/02/2015 |
| Ngày phân tích | : | từ 06/02/2015 đến 13/02/2015 |

Kết quả phân tích:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các thông số** | **Đơn vị** | **Kết quả phân tích** | | | **QCVN** |
| **NM04** | **NM05** | **NM06** | **08:2008/ BTNMT (B1)** |
| 1 | pH | - | 7,22 | 7,14 | 7,05 | **5,5 - 9** |
| 2 | DO | mg/l | 5,75 | 6,58 | 6,76 | **>= 4** |
| 3 | TSS | mg/l | 41 | **55** | **54** | **50** |
| 4 | BOD5 | mg/l | 9 | 12 | 13 | **15** |
| 5 | COD | mg/l | 12 | 22 | 18 | **30** |
| 6 | NO3- | mg/l | 0,015 | 0,015 | 0,021 | **10** |
| 7 | NO2- | mg/l | 0,013 | 0,016 | 0,018 | **0,04** |
| 8 | NH4+ | mg/l | 0,12 | 0,13 | 0,12 | **0,5** |
| 9 | PO43- | mg/l | 0,12 | 0,13 | 0,11 | **0,3** |
| 10 | Zn | mg/l | 0,15 | 0,18 | 0,20 | **1,5** |
| 11 | Pb | mg/l | KPH | KPH | KPH | **0,05** |
| 12 | Hg | mg/l | KPH | KPH | KPH | **0,001** |
| 13 | As | mg/l | KPH | KPH | KPH | **0,05** |
| 14 | Tổng dầu mỡ | mg/l | 0,02 | 0,03 | 0,02 | **0,1** |
| 15 | Coliform | MP/ 100ml | 3.500 | 3.800 | 3.600 | **7.500** |

***Ghi chú:***

*-QCVN 08-2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt;*

*- “-”: Giá trị không quy định*

|  |  |
| --- | --- |
| **Phòng TNPĐ**  **ThS. Đỗ Thị Hải** | *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2015*  *TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LOGO copy  [www.humg.edu.vn/vi](http://www.humg.edu.vn/vi) | Trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất  RESEARCH CENTER FOR ENVIRONMENTal GEOLOGy (ReCengE)  ***Phòng phân tích môi trường địa chất* - VILAS 630**  ***Testing and Evaluating Laboratory for Environmental Geology*** | Địa chỉ/Address: Đông Ngạc, Từ Liêm, HN Điện thoại/Tel : (84-4)3 8389002 Fax : (84-4)3 8389633 Email: [haidctv@yahoo.com](mailto:dovanbinhdctv@gmail.com) |

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

**Số: KQ. .**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại mẫu | : | Nước ngầm |
| Số lượng mẫu | : | 3 mẫu |
| Vị trí lấy mẫu | : | NN01: Nước giếng đào hộ dân Trần Đức Van phía xả tràn (X: 574319; Y:2259087,22); NN02: Nước giếng hộ dân Bùi Thị Phương, thôn Đức Thắng phía đập chính (X:574718,14; Y:2258751,81); NN03:Nước giếng hộ dân Bùi Văn Phương, thôn Đại Đồng (X:574759,77; Y:2258598,52). |
| Yêu cầu phân tích | : | 16 chỉ tiêu |
| Ngày lấy mẫu | : | 05/02/2015 |
| Ngày phân tích | : | từ 06/02/2015 đến 13/02/2015 |

Kết quả phân tích:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông số** | **Đơn vị** | **Kết quả phân tích** | | | **QCVN 09:2008 /BTNMT** |
| **NN01** | **NN02** | **NN03** |
| 1 | PH | - | 7,15 | 7,25 | 7,35 | **5,5-8,5** |
| 2 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 703,1 | 540,7 | 631,8 | **1500** |
| 3 | Độ cứng | mg/l | 325 | 216 | 322 | **500** |
| 4 | DO | mg/l | 3,2 | 4,2 | 3,8 | **-** |
| 5 | (NH4+) | mg/l | 0,05 | 0,05 | 0,03 | **0,1** |
| 6 | Nitrat (NO3-) | mg/l | 0,15 | 0,15 | 0,16 | **15** |
| 7 | Nitrit (NO2-) | mg/l | <0,01 | <0,01 | <0,01 | **1** |
| 8 | Cl- | mg/l | 71 | 62 | 68 | **250** |
| 9 | Asen (As) | mg/l | **0,06** | **0,004** | **0,003** | **0,05** |
| 10 | Kẽm (Zn) | mg/l | 0,012 | 0,017 | 0,017 | **3** |
| 11 | Chì (Pb) | mg/l | <0,0001 | <0,0001 | <0,0001 | **0,01** |
| 12 | Sắt (Fe) | mg/l | 0,15 | 0,15 | 0,25 | **5** |
| 13 | Hg | mg/l | 0,0002 | 0,0004 | KPH | **0,001** |
| 14 | Mangan (Mn) | mg/l | 0,025 | 0,025 | 0,024 | **0,5** |
| 15 | Coliform | MPN/100ml | 8 | 5 | 6 | **3** |
| 16 | Ecoli | MPN/100ml | 1 | 3 | 2 | **KPH** |

***Ghi chú:***

*-QCVN 09-2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ngầm;*

*- “-”: Giá trị không quy định.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phòng TNPĐ**  **ThS. Đỗ Thị Hải** | | *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2015*  *TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT* | | |
| LOGO copy  [www.humg.edu.vn/vi](http://www.humg.edu.vn/vi) | | Trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất  RESEARCH CENTER FOR ENVIRONMENTal GEOLOGy (ReCengE)  ***Phòng phân tích môi trường địa chất* - VILAS 630**  ***Testing and Evaluating Laboratory for Environmental Geology*** | | Địa chỉ/Address: Đông Ngạc, Từ Liêm, HN Điện thoại/Tel : (84-4)3 8389002 Fax : (84-4)3 8389633 Email: [haidctv@yahoo.com](mailto:dovanbinhdctv@gmail.com) |

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

**Số: KQ. .**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại mẫu | : | Nước ngầm |
| Số lượng mẫu | : | 3 mẫu |
| Vị trí lấy mẫu | : | NN04: Nước giếng hộ dân Đặng Văn An, thôn Thắng Lợi (X:573631,82; Y:2258155,04); NN05: Nước giếng đào trường mầm non (X:576297,97; Y:2257332,10); NN06: Nước giếng đào gần UBND xã An Bình (X: 576295,26; Y:2257149,04). |
| Yêu cầu phân tích | : | 16 chỉ tiêu |
| Ngày lấy mẫu | : | 05/02/2015 |
| Ngày phân tích | : | từ 06/02/2015 đến 13/02/2015 |

Kết quả phân tích:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông số** | **Đơn vị** | **Kết quả phân tích** | | | **QCVN 09:2008 /BTNMT** |
| **NN04** | **NN05** | **NN06** |
| 1 | PH | - | 7,3 | 7,32 | 7,25 | **5,5-8,5** |
| 2 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 421 | 456 | 522 | **1500** |
| 3 | Độ cứng | mg/l | 345 | 412 | 305 | **500** |
| 4 | DO | mg/l | 3,3 | 3,5 | 3,6 | **-** |
| 5 | (NH4+) | mg/l | 0,02 | 0,03 | 0,03 | **0,1** |
| 6 | Nitrat (NO3-) | mg/l | 0,15 | 0,15 | 0,15 | **15** |
| 7 | Nitrit (NO2-) | mg/l | <0,01 | <0,01 | <0,01 | **1** |
| 8 | Cl- | mg/l | 56 | 63 | 59 | **250** |
| 9 | Asen (As) | mg/l | **0,03** | **0,05** | **0,04** | **0,05** |
| 10 | Kẽm (Zn) | mg/l | 0,015 | 0,015 | 0,012 | **3** |
| 11 | Chì (Pb) | mg/l | <0,0001 | <0,0001 | <0,0001 | **0,01** |
| 12 | Sắt (Fe) | mg/l | 0,12 | 0,22 | 0,13 | **5** |
| 13 | Hg | mg/l | KPH | KPH | KPH | **0,001** |
| 14 | Mangan (Mn) | mg/l | 0,015 | 0,005 | 0,005 | **0,5** |
| 15 | Coliform | MPN/100ml | 2 | 3 | 4 | **3** |
| 16 | Ecoli | MPN/100ml | KPH | 1 | 2 | **KPH** |

***Ghi chú:***

*-QCVN 09-2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ngầm;*

*- “-”: Giá trị không quy định.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Phòng TNPĐ**  **ThS. Đỗ Thị Hải** | *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2015*  *TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LOGO copy  [www.humg.edu.vn/vi](http://www.humg.edu.vn/vi) | Trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất  RESEARCH CENTER FOR ENVIRONMENTal GEOLOGy (ReCengE)  ***Phòng phân tích môi trường địa chất* - VILAS 630**  ***Testing and Evaluating Laboratory for Environmental Geology*** | Địa chỉ/Address: Đông Ngạc, Từ Liêm, HN Điện thoại/Tel : (84-4)3 8389002 Fax : (84-4)3 8389633 Email: [haidctv@yahoo.com](mailto:dovanbinhdctv@gmail.com) |

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

**Số: KQ. .**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số lượng mẫu | : | 2 mẫu |
| Yêu cầu phân tích | : | 9 chỉ tiêu |
| Ngày lấy mẫu | : | 05/02/2015 |
| Ngày phân tích | : | từ 06/02/2015 đến 13/02/2015 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Vị trí** | **Tọa độ** | |
| **1** | **Đ01** | Mẫu đất tại khu vực đập chính | X:574641,32 | Y:2258850,51 |
| **2** | **Đ02** | Mẫu đất tại khu vực đường vào đập chính | X:574728,86; | Y:2258698,76 |
| **3** | **Đ03** | Mẫu đất tại khu vực đập tràn | X:574337,74 | Y:2259062,54 |
| **4** | **Đ04** | Mẫu đất tại khu vực cánh đồng | X:574612,45 | Y:2259128,53 |

Vị trí lấy mẫu

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Tên mẫu** | | | | **QCVN 03:2008/BTNMT (mg/kg)** |
| **Đ01** | **Đ02** | **Đ03** | **Đ04** |
| 1 | pH | - | 7,2 | 7,4 | 7,0 | 7,1 | **-** |
| 3 | Tổng số muối tan | % | 12 | 18 | 12 | 12 | **-** |
| 4 | Nhôm di động | mg/kg | 1,8 | 3 | 2,2 | 2,4 | **-** |
| 5 | Tổng N | %N | 0,168 | 0,116 | 0,147 | 0,125 | **-** |
| 6 | Tổng P | %P2O5 | 0,125 | 0,164 | 0,145 | 0,132 | **-** |
| 7 | Zn | mg/kg | 4,48 | 5,24 | 4,23 | 5,67 | **200** |
| 8 | As | mg/kg | 8.5 | 8.0 | 4,5 | 8,6 | **12** |
| 9 | Pb | mg/kg | 3,6 | 6,5 | 2,7 | 4,5 | **70** |
| 10 | Cd | mg/kg | <0,05 | <0,05 | <0,05 | <0,05 | **2** |
| 11 | Cu | mg/kg | 3 | 5,6 | 5 | 4 | **50** |

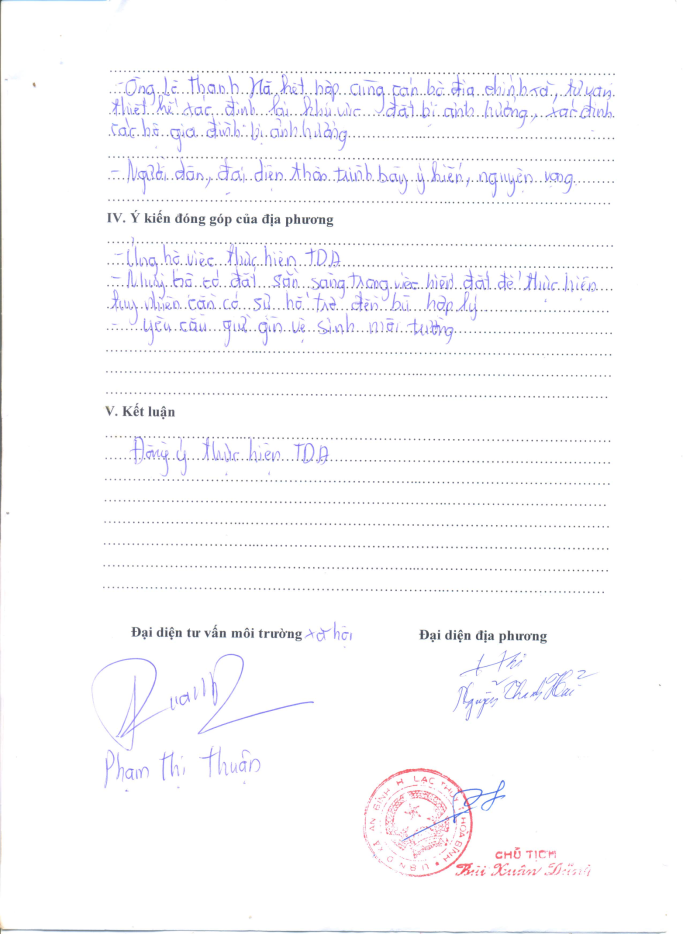
***Ghi chú:***

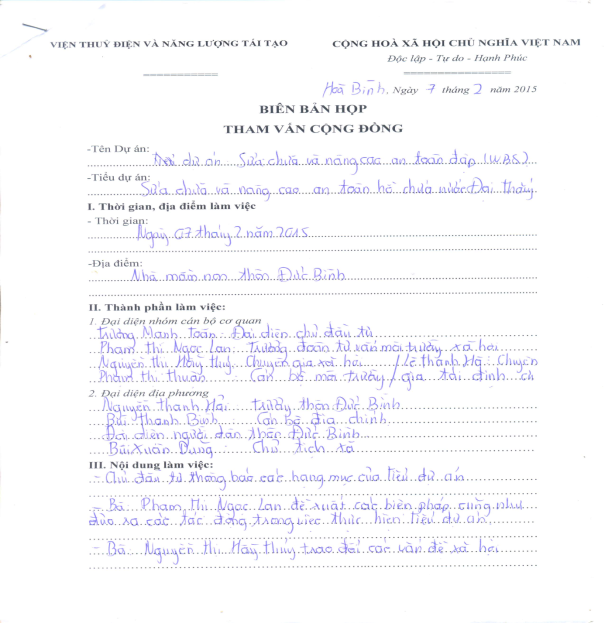
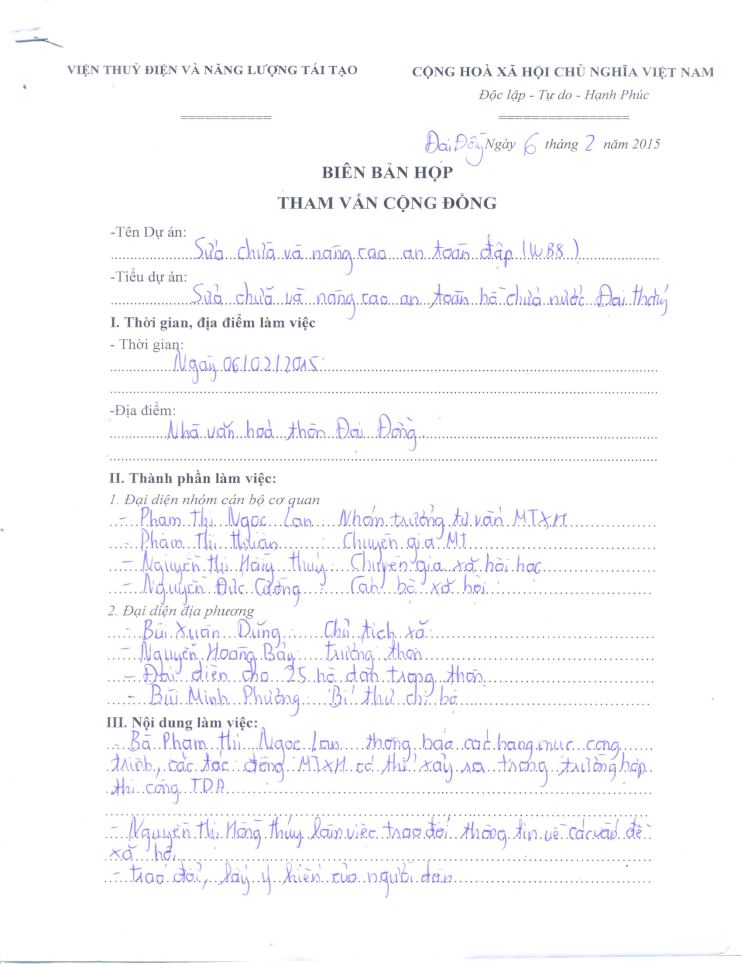
*-QCVN 03-2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong đất;*

*- “-”: Giá trị không quy định.*

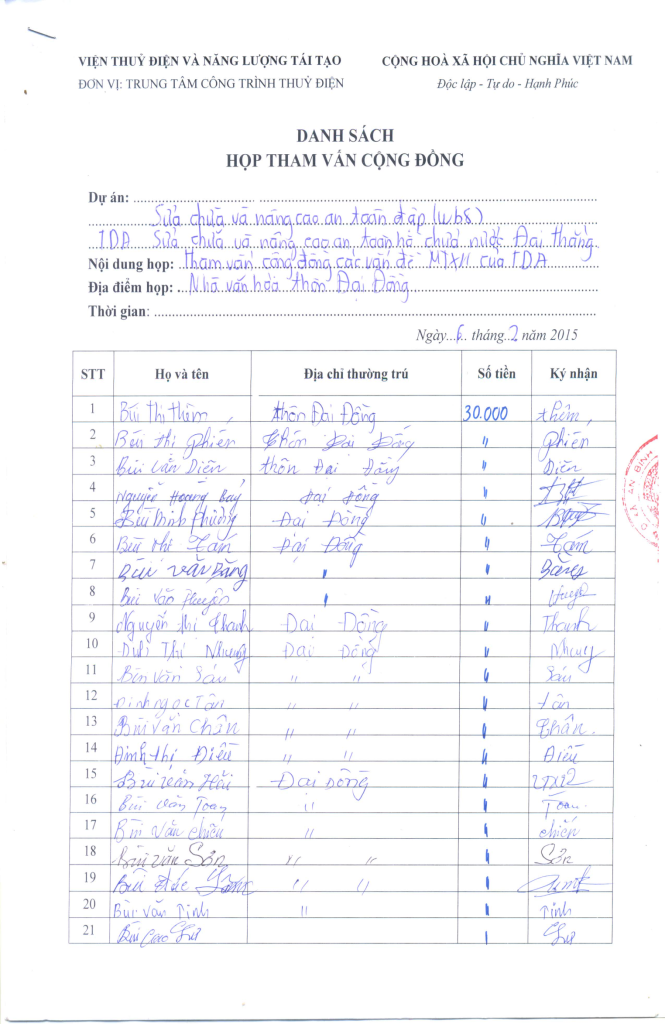
|  |  |
| --- | --- |
| **Phòng TNPĐ**  **ThS. Đỗ Thị Hải** | *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2015*  *TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT* |

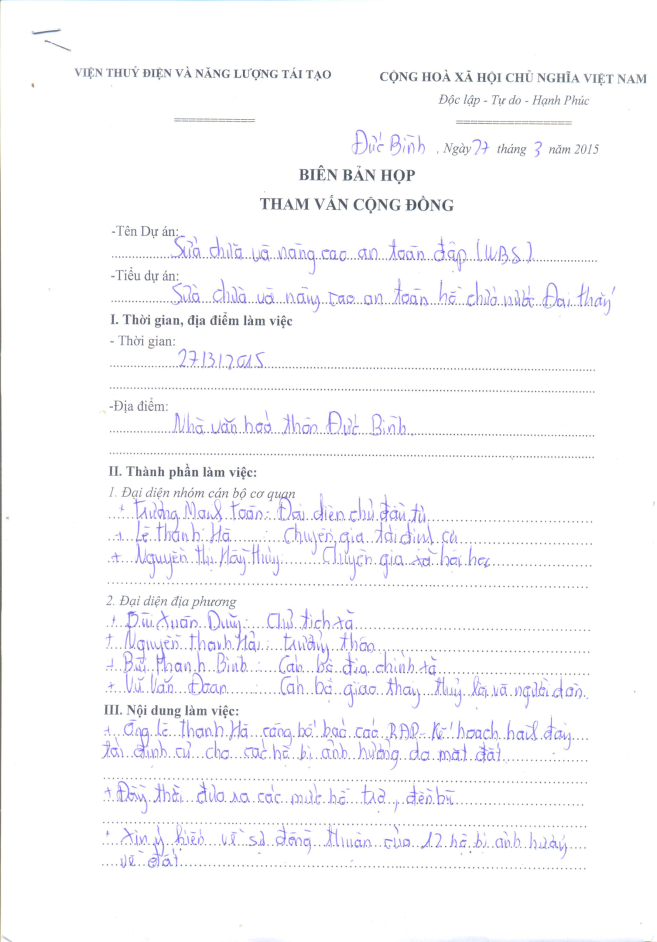
## PHỤ LỤC A6: CÁC BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

****



****

****

****

****

## Phụ lục A7- HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG VÙNG TIỂU DỰ ÁN

Phụ lục 7.1: Hình ảnh các hạng mục công trình

|  |  |
| --- | --- |
| IMG_0711 | IMG_0712 |
| *Hình 1: Đường lên đập nhìn từ đỉnh đập* | *Hình 2: Đường lên đỉnh đập* |

|  |  |
| --- | --- |
| *IMG_0630*  *Hình 3: mặt đập đất* | *IMG_0689*  *Hình 4: Vai trái đập bị mòn do mưa* |
|  | IMG_0688 |
| *Hình 5: Nhà quản lý nhìn từ phía hạ du* | *Hình 6: Nhà quản lý* |

|  |  |
| --- | --- |
| *IMG_0636*  *Hình 7: Mái thượng lưu đập* | IMG_0676  *Hình 8: Mái hạ lưu đập* |

|  |  |
| --- | --- |
| *IMG_0664*  *Hình 9: Cửa vào tràn xả lũ* | *IMG_0655*  *Hình 10: Cửa vào, ngưỡng tràn xả lũ* |
| *IMG_0652*  *Hình 11: Cuối tràn xả lũ* | *IMG_0647*  *Hình 12: Đường thoát nước xả qua tràn* |

Phụ lục 7.2: Hình ảnh tham vấn cộng đồng

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| *Hình 1: Phỏng vấn sâu Chủ tịch xã* | *Hình 2: Làm việc với các ban ngành* |
|  |  |
| *Hình 3: Tham vấn tại thôn Đại Đồng* | *Hình 4: Tham vấn tại thôn Thắng Lợi* |
| **tv10** | **tv sau** |
| *Hình 5: Tham vấn trưởng thôn Đức Bình* | *Hình 6: Họp với các hộ dân thôn Đức Bình* |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **tv3** | **tv4** |
| *Hình 7: Thảo luận nhóm tại thôn Đại Thắng* | *Hình 8: Tham vấn tại thôn Đại Thắng* |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

Phụ lục 7.3: Hình ảnh lấy mẫu, khảo sát thực địa

|  |  |
| --- | --- |
| **abc6** | AAA |
| Lấy mẫu nước mặt | |
| **abc8** | lay mau nuoc ngam |
| Lấy mẫu đất | Lấy mẫu nước ngầm |

Phụ lục 7.4: Hình ảnh về vùng bị ảnh hưởng bởi TDA

|  |  |
| --- | --- |
| Nha bi di doi | Hoa mau bi anh huong |
| Hộ bị ảnh hưởng di dời nhà cửa | Đất lúa bị thu hồi |
| DSC_0243 | Mia |
| Cánh đồng phía hạ du bị ảnh hưởng khi cắt nước để thi công | Đất trồng mía phía sau tràn bị ảnh hưởng |
|  |  |

## PHỤ LỤC A8: QUY TRÌNH TÌM KIÊM PHÁT LỘ

Các hạng mục của dự án có thể tác động xã hội như: giá trị di sản, tôn giáo và các giá trị tinh thần thiêng liêng. Các thủ tục tìm kiếm phát lộ có thể áp dụng khi các khu vực này được xác định trong suốt giai đoạn thiết kế và trong giai đoạn thi công thực tế.

Tài sản văn hóa bao gồm các di tích, công trình kiến trúc, công trình nghệ thuật hay các địa điểm có vị trí quan trọng được định nghĩa là các khu vực và các công trình kiến trúc có ý nghĩa khảo cổ, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo đáng kể và các công trình tự nhiên có giá trị văn hóa. Các công trình này bao gồm nghĩa trang, nghĩa địa và mồ mả.

Trong trường hợp phát hiện các tài sản có giá trị văn hóa trong quá trình xây dựng, các phương pháp sau đây được sử dụng để xác định và bảo vệ các tài sản này khỏi việc mất trộm, việc xử lý các hiện vật được phát hiện nên được tuân thủ theo các tài liệu đấu thầu tiêu chuẩn.

* Ngừng ngay các hoạt động xây dựng tại khu vực nếu phát hiện các hiện vật.
* Phong tỏa khu vực phát hiện ra di tích.
* Bảo vệ các khu vực này để ngăn cản bất kỳ thiệt hại hay sự mất mát nào từ việc di dời các đối tượng được phát hiện.
* Thông báo cho kỹ sư giám sát để họ thông báo với chính quyền địa phương có chức năng.
* Chính quyền địa phương và Bộ nghành liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và bảo tồn các khu vực này trước khi quyết định các thủ tục xử lý thích hợp tiếp theo.
* Việc ra quyết định làm thế nào để xử lý các phát lộ sẽ được thực hiện bởi chính quyền chức năng và bộ liên quan. Việc này bao gồm các thay đổi trong sự bố trí (ví dụ khi phát hiện phần còn lại không thể di chuyển được của các công trình văn hóa và khảo cổ quan trọng), việc bảo tồn, phục hồi và sự giải cứu.
* Việc thực hiện các quyết định của chính quyền địa phương về việc quản lý các phát lộ sẽ được thông báo bằng văn bản bởi các bộ liên quan trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.
* Quá trình xây dựng chỉ có thể tiếp tục sau khi được sự cho phép của chính quyền địa phương có chức năng và các bộ liên quan về vấn đề an toàn di sản.
* PMU cần thông báo cho WB các vấn đề và các hành động được thực hiện.
* Các thủ tục này phải được quy vào như các điều khoản tiêu chuẩn trong các hợp đồng xây dựng. Trong quá trình giám sát dự án, kỹ sư xây dựng sẽ giám sát các quy định bên trên về việc xử lý bất kỳ phát lộ nào được phát hiện.

Các phát hiện liên quan sẽ được ghi lại vào các báo cáo giám sát của WB và hiệu quả của các hoạt động quản lý, giảm thiểu tài sản văn hóa của dự án sẽ được đánh giá

## PHỤ LỤC A9: QUY TRÌNH XỬ LÝ MỐI

* Tên của hoá chất được sử dụng: Metavina 10DP. Chế phẩm này có khả năng diệt mối theo con đường tiếp xúc và lây nhiễm. Quy trình khảo sát, thăm dò, xử lý tổ mối và ẩn họa cho đập đất

Khảo sát sinh học, sinh thái mối

Thu mẫu mối và phân tích theo yêu cầu về bảo hộ lao động/an toàn đối với cán bộ

**nh phần loài**

Thăm dò tổ mối bằng sóng rada

Khảo sát, thăm dò rađa tổ mối

***Hình : Quy trình khảo sát, thăm dò tổ mối trên đập***

* *Quy trình thi công xử lý tổ mối cho đập đất*

Khoan tạo lỗ guồng xoắn và phụt thuốc diệt mối vào tổ mối theo lỗ khoan sau đó phụt sét bịt các lỗ rỗng do mối tạo nên trong nền đập để bảo vệ môi trường xung quanh và xử lý triệt để các ẩn hoạ do mối đã gây ra. Biện pháp này không gây hại đến môi trường nhưng đòi hỏi đơn vị thi công phải có thiết bị chuyên dụng, chuyên ngành và kinh nghiệm thi công xử lý mối cho công trình thủy lợi. Các bước tiến hành thi công xử lý tổ mối như sau:

Khoan tạo lỗ guồng xoắn vào khoang tổ mối

Phụt thuốc diệt mối

Phụt sét lập bịt khoang rỗng tổ mối

Hoàn trả mặt bằng

***Hình : Quy trình thi công xử lý tổ mối trên đập***

* *Yêu cầu về bảo hộ lao động/an toàn đối với công nhân*

Đối với công tác xử lý mối, các tác động có thể xảy ra như tai nạn ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân do đổ máy khoan, máy khoan phụt thuốc, máy kéo, máy phụt sét do di chuyển trên mái trên mái nghiêng của đập. Do vậy, cần phải thực hiện các yêu cầu về bảo hộ lao động/ an toàn đối với công nhân như sau:

1. Khi thi công phc xử lý mối, các tác động có thể xảy ra như tai nạn ảnh hưởng đến tính Ph) thi công phc xử lý mối, các tác động có thể xảy ra như tai nạn ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân do đổ máy khoan, máy khoan phụt thuốc, máy kéo, máy phụt sét do di chuyển tợc giao nhiệm vụ thi công thì không được tùy tiện vận hành sửa chữa máy móc thiết bị thi công.
2. Cán bhi công nhân ph công phc xử lý mối, các tác lao đo ph công phc xử lý mối, các tác động cóĐường điện, nước phục vụ thi công phải bố trí gọn gàng không gây trở ngại cho người, xe cộ và các phương tiện phục vụ thi công trên công trường.

## PHỤ LỤC A10. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI

**1. Mục tiêu**

***a, Mục tiêu chung***

Tăng cường công tác bảo vệ thực vật ở địa phương, giảm lượng thuốc sử dụng trên đồng ruộng, nâng cao hiệu quả phòng trừ, quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật và quá trình sử dụng thuốc, nhằm giảm nguy cơ ô nhiễm do thuốc BVTV đối với môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người

***b, Mục tiêu cụ thể***

Hỗ trợ Chi Cục bảo vệ thực vật của tỉnh Hòa Bình tăng cường công tác quản lý dịch hại và quản lý thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, ứng phó với biến đổi khí hậu và các công ước quốc tế có liên quan mà Chính phủ đã phê chuẩn

* Tăng cường năng lực của chương trình IPM của Tỉnh, bao gồm cả các nhóm nông dân nhằm thực hiện huấn luyện IPM chất lượng và các hoạt động nghiên cứu hành động với người nông dân sản xuất lúa, rau… nhằm cải thiện cuộc sống, sản xuất cây trồng khỏe hơn và bền vững, giảm thiểu nguy cơ do thuốc bảo vệ thực vật.
* Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm nhờ tăng cường vai trò của ký sinh thiên địch; giảm dư lượng thuốc BVTV, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; giảm ô nhiễm môi trường (nguồn nước, đất, không khí)
* Nâng cao hiểu biết cho nông dân: phân biệt các loại sâu bệnh chủ yếu, thứ yếu; nhận biết các thiên địch và vai trò của chúng trên đồng ruộng; hiệu rõ tác dụng hai mặt của thuốc BVTV, biết sử dụng thuốc hợp lý; biết cách điều tra sâu bệnh hại, và sử dụng ngưỡng phòng trừ; hiểu biết và áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh theo IPM tăng thu nhập cho nông dân.

**2. Các nguyên tắc cơ bản trong khung IPM**

Các nguyên tắc sau đây sẽ được áp dụng cho tất cả Tiểu dự án có khả năng gia tăng sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu:

* “Danh mác cấm”: Khi xác định trong các tiêu chí sàng lọc ở ESIA, Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua thuốc trừ sâu với số lượng lớn. Tuy nhiên, nếu xảy ra dịch hại phá hoại nghiêm trọng trong khu vực, Dự án sẽ hỗ trợ để mua số lượng nhỏ thuốc trừ sâu; Việc mua bán, loại thuốc trừ sâu, lưu trữ và vận chuyển sẽ được tuân theo quy định của chính phủ và không có sự phản đối của Ngân hàng thì việc mua thuốc trừ sâu có thể thực hiện. Những loại thuốc BVTV thuộc danh sách cấm sẽ không được lưu hành và sử dụng
* Chương trình IPM và dự án hỗ trợ: Tất cả các lợi ích của tiểu dự án từ việc cải tạo hệ thống thủy lợi được hỗ trợ bởi dự án và thực hiện chương trình IPM là một phần của ESMP cho Tiểu dự án. Dự án hỗ trợ sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật (tư vấn) để thực hiện các lựa chọn không hóa chất và ưu tiên hỗ trợ cho các dịch vụ khuyến nông, bao gồm cả chi phí vận hành gia tăng. Ngân hàng hỗ trợ kinh phí cho chương trình phòng trừ tổng hợp của Tiểu dự án sẽ được yêu cầu hoặc thông qua một chương trình độc lập hoặc như một phần của kế hoạch quản lý môi trường (ESMP). Một khoản kinh phí dự kiến đã được phân bổ để thực hiện các chương trình IPM cho các vùng dự án (trong hợp phần C). Kế hoạch chi tiết công việc sẽ được hoàn thiện thông qua tham vấn chặt chẽ với nông dân, cơ quan, địa phương, và địa phương tổ chức/các tổ chức PCP.
* Dự án sẽ áp dụng chương trình IPM như một phương pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng trong việc gia tăng sử dụng phân bón và hoá chất. Tuy nhiên, việc nâng cao kiến thức, kinh nghiệm trong việc sử dụng phân bón và hoá chất đều phải thông qua các chuyến khảo sát nghiên cứu và các lớp đào tạo trong công việc về việc lựa chọn an toàn và sử dụng hoá chất cũng như lựa chọn không hóa chất và các kỹ thuật khác, đang được điều tra và/ hoặc áp dụng tại Việt Nam. Chương trình IPM Quốc gia cũng đã có những tổng kết về kết quả thực hiện và rút ra những bài kinh nghiệm. Dự án sẽ áp dụng các kết quả của chương trình IPM Quốc gia và có hướng dẫn kỹ thuật quy định chi tiết.
* Chương trình IPM của tiểu dự án có thể được thiết lập để hỗ trợ thực hiện các chính sách của Chính phủ với mục tiêu cần tập trung vào việc giảm sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu.
* Trong điều kiện bình thường, nếu sử dụng thuốc trừ sâu được xem là một lựa chọn cần thiết thì chỉ có những loại thuốc đã được đăng ký với chính phủ và được Quốc tế công nhận mới được sử dụng và các dự án cũng sẽ cung cấp thông tin kỹ thuật và kinh tế cho nhu cầu sử dụng đối với hóa chất. Cần xem xét các lựa chọn trong việc quản lý hoá chất không gây hại mà cũng có thể làm giảm sự phụ thuộc vào việc sử dụng thuốc trừ sâu. Các biện pháp sẽ được đưa vào thiết kế của dự án để giảm bớt rủi ro liên quan đến việc xử lý và sử dụng thuốc trừ sâu đến mức độ có thể cho phép và được quản lý bởi người sử dụng.
* Việc lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu và hoạt đông khác sẽ được thực hiện chặt chẽ với các cơ quan chức năng, thẩm quyền và các bên liên quan, bao gồm cả các nhà cung cấp hóa chất, để tạo điều kiện cho phối hợp và hiểu biết lẫn nhau.

**3. Phương pháp tiếp cận trong IPM**

Chú trọng nhiều hơn về các nguy cơ do việc lạm dụng và sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Các cây trồng được quan tâm là lúa, rau, chè...những cây trồng có xu hướng phun thuốc trừ sâu nhiều.

Tập trung vào giáo dục cộng đồng, các nghiên cứu khảo sát ban đầu sẽ được đưa vào nhiệm vụ với mục đích làm sáng tỏ nguyên nhân gốc rễ của việc lạm dụng và sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật và các nguy cơ kèm theo. Hỗ trợ việc xây dựng năng lực của người hướng dẫn (giảng viên) IPM. Các chương trình hiện hành sẽ cần được rà soát lại và các modul mới sẽ được bổ sung nhằm tăng cường các phần liên quan đến việc giảm thiểu nguy cơ của thuốc bảo vệ thực vật. Chương trình đào tạo sẽ được làm phong phú thêm với sự lồng ghép nhiều hoạt động như Hệ thống thâm canh lúa (System Rice Intensification – SRI), làm đất tối thiểu (minimum tillage), cộng đồng sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học thay thế hóa chất bảo vệ thực vật… những hoạt động tập huấn, ứng dụng sẽ được thực hiện trong các mô hình áp dụng diện rộng.

Để thực hiện các nôi dung này cần thực hiện các bước sau:

* **Bước 0**: Thuê chuyên gia tư vấn: Một nhóm chuyên gia tư vấn (tư vấn IPM) sẽ được thuê để giúp ban QLDA trong việc thực hiện các chương trình IPM bao gồm cả việc đảm bảo kết quả và hợp tác giữa các cơ quan, người nông dân, và các bên liên quan. Nhiệm vụ cho các nhà tư vấn sẽ được thực hiện ở giai đoạn đầu của việc thực hiện dự án.
* **Bước 1**: Thiết lập yêu cầu cơ bản và đăng ký chương trình của nông dân. Bước này nên được thực hiện càng sớm càng tốt với bảng câu hỏi phù hợp để xác lập cơ sở 2013 cho việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong các khu vực dự án. Tư vấn với các cơ quan chủ chốt về việc tiến hành đào tạo, đăng ký tham gia chương trình của nông dân.
* **Bước 2**: Thiết lập mục tiêu chương trình và chuẩn bị kế hoạch làm việc. Dựa trên kết quả từ các câu hỏi và tham khảo ý kiến ​​ở Bước 1, kế hoạch công tác và lịch trình sẽ được chuẩn bị, bao gồm cả ngân sách và các đối tượng thực hiện. Kế hoạch làm việc sẽ được trình lên Ban QLDA phê duyệt và WB để xem xét và nhận xét.
* **Bước 3:** Thực hiện và đánh giá hàng năm. Sau khi phê duyệt kế hoạch công tác, các hoạt động sẽ được thực hiện. Tiến độ thực hiện sẽ được đưa vào báo cáo tiến độ dự án. Một báo cáo đánh giá hàng năm sẽ được thực hiện bởi Ban QLDA và Chi cục bảo vệ thực vật.
* **Bước 4**: Đánh giá tác động. Một chuyên gia tư vấn độc lập sẽ được thuê để thực hiện việc đánh giá tác động. Điều này là để đánh giá hoạt động của dự án và đưa ra các bài học kinh nghiệm. Ban QLDA sẽ thuê một nhà tư vấn trong nước để thực hiện đánh giá tác động của chương trình IPM.

**4. Các nội dung thực hiện ở Tiểu dự án**

***(i) Thu thập thông tin và lựa chọn giải pháp***

Trước khi triển khai chương trình IPM, tư vấn phải có những điều tra ban đầu để có những thông tin cần thiết như:

* Điều tra thu thập số liệu về: cây trồng chủ lực có ý nghĩa kinh tế tại vùng thực hiện dự án: giống, mùa vụ, đặc điểm sinh trưởng, kỹ thuật canh tác,
* Điều tra thu thập số liệu về điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, thời tiết khí hậu ở địa phương
* Điều tra tình hình sâu bệnh hại chính, quy luật phát sinh gây hại,thiệt hại kinh tế của chúng gây ra trên cây trồng chính tại các vùng thực hiện dự án
* Điều tra thành phần, vai trò của ký sinh thiên địch của sâu hại trên loại cây trồng chính tại các vùng thực hiện dự án
* Điều tra tình hình thực tế các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, sử dụng thuốc BVTV và hiệu quả của chúng tại địa phương
* Điều tra điều kiện kinh tế xã hội: thu nhập, hiểu biết về kỹ thuật, tập quán…

Trên cơ sở các kết quả điều tra, đánh giá tiến hành đề xuất các biện pháp IPM sẽ áp dụng trên các đối tượng cây trồng cụ thể tại các vùng, địa phương như:

* Biện pháp canh tác: Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; luân canh, xen canh; thời vụ thích hợp; gieo, trồng mật độ hợp lý; sử dụng phân bón hợp lý; các biện pháp chăm sóc phù hợp
* Sử dụng giống : các giống truyền thống và các giống đề xuất sử dụng
* Các biện pháp sinh học: lợi dụng thiên địch sẵn có trên đồng ruộng, sử dụng chế phẩm sinh học…
* Xác định mức gây hại và ngưỡng phòng trừ
* Biện pháp hóa học: sử dụng thuốc an toàn với thiên địch; theo ngưỡng kinh tế; sử dụng thuốc 4 đúng;

***(ii) Xây dựng mô hình trình diễn IPM***

Phần này do Cục trồng trọt thực hiện, dựa trên các đặc điểm thổ nhưỡng, điều kiện khí hậu, trình độ canh tác… Cục Trồng trọt sẽ đề xuất cho TDA các khu cánh đồng mẫu lớn về phát triển sản xuất nông nghiệp với những cây trồng chính có hiệu quả cao. Các hoạt động IPM trong khu mẫu sẽ phục vụ cho việc tham quan và hướng dẫn thực hành.

Một số nội dung chính khi xây dựng IPM trong khu mẫu như sau:

* Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng các biện pháp IPM đã đề xuất ở trên
* Mô hình xây dựng có sự tham gia của người dân với sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật
* Trong mô hình cần xây dựng các nông dân hạt nhân, tổ trưởng
* Bên cạnh sự hỗ trợ về kỹ thuật nên có sự hỗ trợ về vật tư, giống… cho các hộ tham gia mô hình trình diễn
* Biên soạn tài liệu hướng dẫn IPM đối với các loại cây trồng chính: Lúa, rau…
* Quy mô của mô hình: tùy loại cây trồng, điều kiện kinh tế… cụ thể mà các mô hình được xây dụng với quy mô khác nhau: 5-10 ha/mô hình

***(iii) Huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM***

TOT (đào tạo cho người đi đào tạo) và Lớp học đầu bờ (FFS):

* Mỗi TDA sẽ tổ chức các lớp huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM. Nội dung các lớp huấn luyện bao gồm:
* Phân biệt các loại sâu bệnh hại chủ yếu và thứ yếu
* Nhận biết các loài thiên địch của sâu, bệnh hại trên đồng ruộng
* Phương pháp điều tra phát hiện sâu, bệnh hại
* Hiểu rõ tác động 2 mặt của thuốc BVTV, cách sử dụng hợp lý thuốc BVTV
* Các kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh theo những nguyên tắc IPM
* Kỹ thuật canh tác tiến bộ
* Các hiểu biết này phải được huấn luyện về mặt lý thuyết và vận dụng trên thực tế đồng ruộng. Các nội dung trên có thể được huấn luyện theo các nhóm chuyên đề: chuyên đề canh tác, chuyên đề nhận biết và phương pháp điều tra phát hiện sâu bệnh hại và thiên địch của chúng, chuyên đề về các biện pháp kỹ thuật IPM trong sản xuất…
* Đối tượng huấn luyện: Các cán bộ kỹ thuật thuộc phòng nông nghiệp, Chi cục BVTV, Trung tâm khuyến nông huyện, xã, hợp tác xã. Các học viên này sẽ là người đi huấn luyện lại cho nông dân tại các vùng thực hiện dự án, thực hiện các mô hình
* Qui mô của mỗi lớp học từ 20-30 học viên, tổ chức lớp học theo từng huyện. Thời gian học tập theo từng đợt theo các chuyên đề mỗi đợt học có thể 3-5 ngày vừa học lý thuyết, vừa thực hành
* Giảng viên: thuê các chuyên gia từ các trường ĐH, Viện nghiên cứu, trung tâm khuyến nông….

***(iv) Huấn luyện và đào tạo nông dân***

Tập huấn cho nông dân (TOF) dạy theo kiểu hội nghị đầu bờ (FFS):

* Huấn huấn luyện lý thuyết và dựa vào thực tế đồng ruộng của nông dân và mô hình mẫu về IPM trình diễn trong khu mẫu
* Nội dung, phương pháp huấn luyện như đối với cán bộ IPM
* Đối tượng tham gia: nông dân tham gia dự án, nông dân trực tiếp thực hiện các mô hình và nông dân bên ngoài nếu có quan tâm
* Tổ chức lớp huấn luyện theo từng xã
* Giáo viên dạy là do các cán bộ đã tham dự lớp TOT giảng dạy

***(v) Tổ chức đánh giá và tham quan đầu bờ dựa trên các mô hình trình diễn và ruộng áp dụng IPM theo mô hình của nông dân***

Tiến hành tổ chức tham quan hội nghị đầu bờ, các nông dân thực hiện mô hình là các báo cáo viên, các nông dân trực tiếp thực hiện mô hình cùng với các đại biểu, nông dân tham quan sẽ tính toán, so sánh hiệu quả kinh tế, rút ra bài học kinh nghiệm, những hạn chế cần khắc phục, những việc đã làm được, chưa làm được cần khắc phục

***(vi) Hội thảo khoa học, đánh giá kết quả, trao đổi thông tin kinh nghiệm, mở rộng mô hình***

Mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan tham gia đánh giá, phân tích đánh giá bổ xung, hoàn thiện quy trình; các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan khuyến nông tuyên truyền, chuyển giao mở rộng các kết quả, các tiến bộ kỹ thuật tới các hộ nông dân, các vùng sản xuất có điều kiện tương tự

**5. Các kết quả dự kiến và các hoạt động của dự án**

Dự kiến dự án sẽ đạt được các kết quả sau:

* Các nguy cơ về an toàn thực phẩm và môi trường được giảm thiểu thông qua việc thực hiện Quy định trong quản lý hiện kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và các quy định khác trong chính sách quốc gia và việc thực thi.
* Năng lực của Chi cục BVTV tỉnh, các giảng viên nông dân được nâng cao đáp ứng công tác đào tạo, tập huấn IPM và tuyên truyền thực hành IPM được duy trì.
* Hỗ trợ cho các nhóm nông dân sau khi đã học IPM tiếp tục thực nghiệm để xác định những tiến bộ kỹ thuật ứng dụng có hiệu quả hơn trong sản xuất và phổ biến cho cộng đồng.
* Hỗ trợ cho địa phương cấp xã tăng cường, củng cố công tác quản lý thuốc BVTV bao gồm việc thực hiện và thi hành các văn bản pháp quy kiểm soát thuốc bảo vệ thực vật. Xây dựng và phân phát một danh mục ngắn các thuốc bảo vệ thực vật đặc hiệu đề xuất sử dụng cho sản xuất lúa, rau an toàn.

**6. Tổ chức thực hiện chương trình IPM**

Hiện nay ở Việt nam đang thực hiện chương trình IPM quốc gia, vì vậy TDA cần có kế hoạch phối kết hợp và lồng ghép giữa chương trình IPM của dự án với chương trình IPM Quốc gia để thực hiện hiệu quả hơn trong phạm vi của từng tiểu dự án.

* Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (CPO):
* Hướng dẫn TDA xây dựng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM
* Chịu trách nhiệm giám sát tổng thể và theo dõi tiến độ thực hiện chương trình IPM của Tiểu dự án
* Ban quản lý dự án địa phương PPMU:
* Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình IPM
* Có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo thực hiện định kỳ, để báo cáo CPO, WB. Kế hoạch cuối cùng và kinh phí sẽ được hoàn thành và thảo luận với CPO. Tất cả các tài liệu sẽ được lưu trong hồ sơ dự án.
* Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) tỉnh:
* Cung cấp chính sách và hướng dẫn kỹ thuật cho việc thực hiện các chương trình IPM.
* Tham gia xây dựng khu mẫu IPM
* Tham gia huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM
* Trạm Bảo vệ thực vật cấp huyện
* Phối hợp với cán bộ IPM thực hiện huấn luyện và đào tạo nông dân thực hiện IPM thông qua việc tiếp cận và cung cấp kiến thức, hỗ trợ cho nông dân việc sử dụng an toàn thuốc trừ sâu khi cần thiết.
* Hướng dẫn danh mục các loại thuốc BVTV bị cấm sử dụng
* Kiểm tra các cơ sở phân phối cung cấp thuốc BVTV để đảm bảo cung cấp các loại thuốc an toàn cho nông dân
* UBND cấp xã
* Tổ chức cho nông dân quyết định duy trì nếp sinh hoạt IPM đã hình thành từ lớp tập huấn bằng cách tự tổ chức thành các câu lạc bộ IPM hoặc nhóm nông dân với những cấp độ tổ chức và cơ cấu khác nhau cùng nhiều hoạt động đa dạng (trong đó có lồng ghép cả nội dung về chăn nuôi gia súc, cho vay tín dụng, tiếp cận thị trường, v.v...)
* Các hộ dân trong vùng dự án:
* Thực hiện IPM theo chương trình đã được đào tạo
* Các hội viên trong câu lạc bộ IPM cùng hoạt động và hỗ trợ lẫn nhau để phát triển hoạt động nông nghiệp chung của họ. Họ cũng đóng vai trò trung tâm trong nhiệm vụ tổ chức các chương trình IPM cộng đồng cũng như lập kế hoạch nông nghiệp chung ở xã và huyện.
* Tư vấn giám sát an toàn môi trường
* Giám sát việc thực hiện chương trình IPM của các TDA
* Hướng dẫn Ban QLDA địa phương thực hiện chương
* Kiến các biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình IPM của các TDA

**7. Kinh phí thực hiện chương trình IPM**

TDA dự toán kinh phí thực hiện chương trình IPM bao gồm các hạng mục:

* Kinh phí nghiên cứu và thử nghiệm ban đầu
* Kinh phí xây dựng mô hình trình diễn
* Kinh phí huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM: Tính cho việc tổ chức lớp học theo từng huyện = đơn giá x số huyện của mỗi TDA
* Kinh phí huấn luyện và đào tạo nông dân: Tính cho việc tổ chức lớp học theo từng xã = đơn giá x số xã của mỗi TDA
* Kinh phí tổ chức đánh giá và tham quan đầu bờ dựa trên các mô hình trình diễn và ruộng áp dụng IPM theo mô hình của nông dân. Mỗi huyện tổ chức 1 hội nghị tham quan đầu bờ trong 1 ngày
* Hội thảo khoa học, đánh giá kết quả, trao đổi thông tin kinh nghiệm, mở rộng mô hình. Mỗi huyện tổ chức 1 hội thảo khoa học

Tùy thuộc vào số lượng đơn vị hành chính ở Tiểu dự án mà Sở NN tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

# PHỤ LỤC B: XÃ HỘI

## PHỤ LỤC B1: CÁC PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN XÃ HỘI

## 1.1 Phương pháp luận đánh giá

Có nhiều phương pháp và kỹ thuật được sử dụng trong đánh giá, Tư vấn đã áp dụng các phương pháp sau đây để thu thập thông tin và đánh giá.

1. *Phương pháp xem xét và phân tích tài liệu*:

Trước khi tiến hành các hoạt động điều tra thực địa, tư vấn thu thập và nghiên cứu các tài liệu sẵn có nhằm hiểu rõ về các chủ trương, chính sách của nhà nước cũng như nhà tài trợ về các vấn đề liên quan đến tái định cư và DTTS, đồng thời cập nhật thông tin về địa phương nằm trong vùng TDA. Những tài liệu cần thiết bao gồm khung pháp lý và chính sách của Chính phủ Việt Nam và WB về tái định cư và DTTS, tổng hợp các kết quả từ các biên bản ghi nhớ của các đoàn chuẩn bị dự án, các báo cáo nghiên cứu khả thi, các đề xuất dự án của địa phương, các tài liệu về các dự án đã đầu tư có liên quan; số liệu thống kê về kinh tế- xã hội hàng năm của địa phương; báo cáo phát triển kinh tế xã hội của các địa phương vùng dự án, các văn bản hiện hành có liên quan, các tài liệu sẵn có về phong tục tập quán, thói quen của người dân địa phương

Việc xem xét và phân tích tài liệu liên quan đến dự án sẽ cung cấp các thông tin cơ sở về dự án và giúp cho việc giải thích vì sao có những thay đổi đang diễn ra hoặc vì sao không có. Mặt khác, nó cũng giúp xác định những khoảng cách về số liệu cần phải được thu thập và đánh giá thêm nữa. Các nguồn cung cấp tài liệu gồm Ban QLDA tỉnh dự án Hòa Bình (PPMU), Sở NN&PTNT Hòa Bình, phòng Nông nghiệp huyện Lạc Thủy, Sở TNMT tỉnh Hòa Bình, phòng TNMT huyện Lạc Thủy, Phòng thống kê tỉnh Hòa Bình, huyện Lạc Thủy và UBND xã An Bình.

1. Phương pháp định lượng, điều tra mẫu ngẫu nhiên

*Phương pháp định lượng, điều tra mẫu ngẫu nhiên* gồm Ban QLDA tỉnh dự án là m Ban QLDA tỉnh dự án iều tra mẫu ngẫu nhiênn dự án s giá tác động của dự án nhằm thu thập các thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội ở cấp hộ gia đình. Các thông tin từ khảo sát định lượng phản ánh quy mô, tần suất, mức độ và xu hướng của các hiện tượng/hành vi của các đối tượng mà khảo sát hướng tới. Việc điều tra định lượng được thực hiện bằng cách phỏng vấn các hộ dân nằm trong vùng ảnh hưởng với công cụ là bảng hỏi.

*Phương pháp điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên*: nhằm thu thập các thông tin từ một số lượng lớn những người BAH thông qua việc phỏng vấn bằng bảng hỏi với những câu hỏi cụ thể, phục vụ cho việc phân tích thống kê. Kết quả khảo sát sẽ tạo cơ sở cho các nghiên cứu đánh giá khác vì chúng cho phép thu thập các dữ liệu quan trọng về các vấn đề thực hiện hoặc các chỉ báo cụ thể từ một mẫu. Phương pháp này đòi hỏi một chiến lược chọn mẫu (được trình bày dưới đây) để thực hiện đánh giá các tiêu chuẩn trước và sau dự án.

(iii) *Phương pháp định tính phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm:*

Shưdụng phương pháp định tính với các kỹ thuật phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trong tham vấn cộng đồng nhưdụng phương pháp định tính với các kỹ thuật phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trong tham vấn cộng đồng ỏi với những câu hỏi cụ thể, phục vụ cho việc phân tícghỏi những căn nguyên và lý giải các hiện tượng và yếu tố ảnh hưởng trong địa bàn dự án. Bên cạnh đó, các thông tin định tính có thể khai thác sâu hơn các suy nghĩ, tâm tư, quan điểm, nguyụng phương pháp định tính với các kỹ thuật phỏng vấn sâu, thảo luận cảm. Nghiên cứu định tính sử dụng các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu để thu thập thông tin. Các hộ gia đình được chọn thực hiện phương pháp này cũng chm tìm kiơng pháp định tính với các kỹ thuật phỏng vấn sâu, tCác cuìm kiơng pháp định tính với các kỹ với ít nhất 5% số hộ trong mẫu, khoảng 6 - 8 người cho một cuộc thảo luận nhóm.

Phc cuìm kiơng pháp định tính với các kỹ với ít nhất 5% số hộ trong mẫu, khoảng 6 - 8 người cho một chc cuìm kiơnã.

Ngoài tìm hing pháp định tính tính, trong các phnh, trong u và thảo luận nhóm còn chú ý đến kỹ thuật tham vấn cộng đồng, nhằm tìm hiểu sâu hơn về quan điểm và thái độ của các đối tượng đối với việc triển khai dự án nhất là đối với phụ nữ. Cgoàitìmhiểuthôngtinđịnhtính,trongcácphỏ

Bảng PL B1-1 : Nghiên cứu định tính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương pháp thu thập thông tin** | **Số người được phỏng vấn** | **Thông tin chung về đối tượng** |
| 1 | Phỏng vấn sâu | 1 | Cán bộ lãnh đạo dự án cấp tỉnh |
| 2 | PVS | 3 | Cán bộ lãnh đạo chính quyền cấp xã (Chủ tịch, cán bộ phụ trách văn xã, đoàn thể) |
| 3 | PVS | 2 | Cán bộ hội Nông dân và Hội phụ nữ |
| 4 | PVS | 6 | Đại diện 6 hộ gia đình trong vùng hưởng lợi của dự án |
| 5 | PVS | 4 | Đại diện hộ gia đình BAH có mức sống khác nhau |
| 6 | TNL (2 cuộc) | 16 | Các đối tượng là đại diện các hộ gia đình BAH |
| **7** | **Tổng số** | **32 người** | **Có tổng số 2 cuộc thảo luận nhóm và 16 phỏng vấn sâu** |

(iv) *Phương pháp quan sát trực tiếp*: phương pháp này giúp thu được các thông tin kịp thời và hữu ích bổ sung cho các dữ liệu đã thu thập được, giúp hiểu rõ hơn về bối cảnh mà các thông tin dữ liệu được thu thập và giúp giải thích các kết quả khảo sát.

## 2.3 Mẫu nghiên cứu

Dựa vào thiết kế cơ sở, Tư vấn cùng cán bộ các Ban QLDA tỉnh và cán bộ địa chính xã dự án lập danh sách các hộ bị ảnh hưởng bởi mỗi công trình trên địa bàn mỗi thôn. Trên cơ sở danh sách các hộ BAH do địa phương cung cấp, tư vấn lựa chọn 100% số hộ BAH và 20% số hộ không BAH của vùng dự án (trong đó 100% số hộ dự kiến phải di dời) để phỏng vấn bằng bảng hỏi. Mẫu được chọn đảm bảo tỷ lệ giới, đối tượng người nghèo, DTTS.

Các trường hợp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được lựa chọn từ mẫu khảo sát và những người cung cấp thông tin chủ chốt ở các cấp tỉnh, huyện, xã và người dân. Mỗi thảo luận nhóm từ 6-8 người.

Do địa bàn dự án tập trung tại 04 thôn của 01 xã nên cũng khá thuận lợi cho việc khảo sát. Nhóm tư vấn đã thực hiện khảo sát như sau:

**Bảng PL B1-2:** Mẫu điều tra được phân bổ theo khu vực như sau

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số hộ bị ảnh hưởng trực tiếp  (mất đất sản xuất)  (thôn Đức Bình) | | Các hộ bị ảnh hưởng gián tiếp  (Bị mất nước trong một mùa thi công) | | |
| Số hộ | Tỷ lệ | Thắng Lợi | Đại Thắng | Đại Đồng |
| 12 | 100% | 20 hộ | 16 hộ | 22 hộ |

PHỤ LỤC B2. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

**Sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng**

Các hoạt động của TDA sẽ phát sinh các nguồn tác động đến chất lượng môi trường xung quanh: môi trường không khí, nước, đất, ngoài ra có thể phát sinh các dịch bệnh, tất cả các yếu tố trên sẽ tác động trực tiếp đên 52 công nhân, toàn bộ dân cư xung quanh khu vực dự án và các hộ dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển Hệ quả của các tác động dẫn đên gia tăng tai nạn nghề nghiệp, tai nạn giao thông, các bệnh liên quan đến đường hô hấp, đường ruột, mắt và dịch bệnh.

52 công nhân sẽ trực tiếp, tiếp xúc các nguồn gây ô nhiễm, gây bệnh từ các hoạt động của dự án, mặc dù TDA có các biện pháp hạn chế các ô nhiễm như bụi, khí thải, nước thải, dịch bệnh nhưng có những tác động tiềm ẩn, tích lũy chúng ta không nhìn thấy ngay, cần có biện pháp phát hiện sớm các bệnh và nguồn gây ra. Kế hoạch chỉ ra các biện pháp giảm thiểu và ngăn chặn các tác động trên.

**Mục tiêu**

Kiểm soát ngăn ngừa các dịch bệnh, nâng cao nhận thức của người dân và công nhân để tự bản thân có kiến thức tự bảo vệ sức khỏe chính mình, giúp người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ y tế sẵn có. Tổ chức khám chữa bệnh thường xuyên nhằm phát hiện sớm các bệnh do tác động TDA, xây dựng phương án xử lý các sự cố liên quan đến dịch bệnh, tai nạn lao động và giao thông.

**Biện pháp và nội dung quản lý sức khỏe cộng đồng**

* Tập huấn nâng cao hiểu biết, phòng chống các tác động đến sức khỏe
* Tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho công nhân và người dân khu vực TDA
* Lập phương án giảm thiểu các tác động đến sức khỏe cộng đồng
* Lập phương án phòng và xử lý dịch bệnh

**Vai trò và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

**Sở Nông nghiệp PTNN/ BQLDA/ Ban quản lý dự án (PMU):**

* Sở NN&PTNT và BQLDA chịu trách nhiệm xây dựng các tài liệu tập huấn an toàn sức khỏe cộng đồng
* Phối hợp các cấp chính quyền đoàn thể xã An Bình (Chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, đại diện thôn xóm) tổ chức các hoạt động tuyên truyền an toàn sức khỏe.

**Sở Y tế, Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Lạc Thủy**

* Thực hiện đào tạo và nâng cao kiến thức cho các cấp cơ sở, nhà thầu, người dân về biện phòng chống, biện pháp xử lý các tác động và dịch bệnh.
* Kiểm tra kiểm soát quá trình khám chữa bệnh
* Chỉ đạo kịp thời khi xuất hiện dịch, giải quyết các sự cố liên quan đên sức khỏe cộng đồng

**Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức xã hội**

* Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác an toàn sức khỏe phối hợp chặt chẽ với nhà thầu, sở Y tế, Trung tâm Y tế Dự phòng khi xuất hiện dịch

**Trạm y tế:** Xây dựng kế hoạch khám chữa bệnh, hường dẫn xử lý ô nhiễm nguồn nước, phòng dịch và xử lý khi có dịch

**Kế hoạch và tổ chức thực hiện**

Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng được tổ chức thực hiện cả 3 giai đoạn của tiểu dự án và được kéo dài 6 tháng giai đoạn vận hành.

**Bảng B2-1 Kế hoạch thực hiện “Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng”**

| **TT** | **Giải pháp** | **Nội dung thực hiện** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Kinh phí thực hiện** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tập huấn nâng cao hiểu biết, phòng chống các tác động đến sức khỏe | * Nhận diện các tác động từ môi trường không khí, nước, an toàn thực phẩm * Biện pháp phòng tránh các tác động đến sức khỏe khi gặp phải (sử dụng khẩu trang khi đi vào khu vực bị ảnh hưởng, xử lý nguồn nước bằng phèn và cloramin B khử trùng…   - Vệ sinh khu vực hộ gia đình, chuồng trại chăn nuôi. | - Sở Nông nghiệp và PTNT  - BQLDA  - Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Lạc Thủy  - trạm y tế xã/phường  - nhà thầu thi công | 15.000.000 triệu | 2 đợt vào đầu dự án và giữa giai đoạn thi công |
| 2 | * Khám chữa bệnh định kỳ cho công nhân và người dân khu vực TDA | * Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho công nhân 3 tháng/lần, người dân thuộc vùng bị ảnh hưởng 6 tháng/lần * Các bệnh liên quan đến hô hấp, đường ruột, mắt * Tham vấn những người bị ảnh hưởng môi trường trong quá trình khám * Tư vấn hoặc xử lý khi phát hiện sự bất thường liên quan đến tác động của TDA (thông báo kịp thời cho chính quyền và đơn vị chức năng) | Sở Nông nghiệp và PTNT, BQLDA, Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Lạc Thủy trạm y tế xã/phường, nhà thầu thi công | Ngân sách của Huyện Lạc Thủy | 3 tháng 1 lần tính từ thời gian bắt đầu thi công đến sau khi đi vào vận hành 6 tháng |
| 3 | * Lập phương án giảm thiểu các tác động đến sức khỏe cộng đồng | * Cán bộ y tế xã/phường thường xuyên giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu của đơn vị thi công * Xử lý kịp thời các tai nạn lao động, giao thông * Tổ chức tiêm phòng cho trẻ em, bà mẹ mang thai đầy đủ | Sở Nông nghiệp và PTNT, BQLDA, Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Lạc Thủy, trạm y tế xã/phường, hội phụ nữ, mặt trận tổ quốc, nhà thầu thi công | Ngân sách huyện Lạc Thủy, nhà thầu thi công | Liên tục trong thời gian xây dựng dự án |
| 4 | Lập phương án phòng và xử lý dịch bệnh | * Phun phòng chống ruồi, muỗi tại khu vực dự án và các hộ dân xung quanh 3tháng/lần * Hướng dẫn vệ sinh các nguồn nước, hướng dẫn sử dụng cloramin B xử lý sơ bộ nguồn nước thải trên công trường và hộ gia đình hàng ngày * Khi xuất hiện dịch, khoanh vùng dịch, cách ly các đối tượng nhiễm bệnh, và phun khủ trùng vùng bằng cloramin B | Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở y tế BQLDA, Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Lạc Thủy, trạm y tế xã/phường, hội phụ nữ, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, nhà thầu thi công | Ngân sách của tỉnh Hòa Bình (sở Y tế), nhà thầu thi công | Thường trực suốt quá trình dự án (18 tháng) |

PHỤ LỤC B3. KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG, THAM VẤN CỘNG ĐỒNG CÓ SỰ THAM GIA

1. **Sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch truyền thông**

Tiểu dự án “Sửa chữa và nâng cấp hồ Đaị Thắng, Huyện Lạc Thủy” được triển khai sẽ gây ra các tác động: (i) tác động tích cực: Hồ chứa nước Đại Thắng đảm bảo ổn định nguồn nước tưới tiêu cho 100 ha lúa và 30 ha hoa màu; (ii) tác động tiêu cực, thu hồi đất và tải sản của 12 hộ dân, ảnh hưởng đến kinh tế hộ gia đình, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng trong quá trình xây dựng, tác động bình đẳng giới…

Kế hoạch truyền thông, tham vấn cộng đồng được thực hiện xuyên suốt từ lúc lập dự án đầu tư đến khi Dự án đi vào vận hành, giúp cho cộng đồng địa phương và các cấp quản lý hiểu và hình dung được toàn bộ các tác động (tích cực, tiêu cực) nhằm đưa ra các giải pháp hỗ trợ và giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên và xã hội. Đặc biệt các đối tượng dễ bị ảnh hưởng: trẻ em, người già, phụ nữ và các hệ sinh thái nhạy cảm.

Thông tin từ kế hoạch truyền thông, tham vấn cộng đồng giúp cho các nhà quản lý, chính quyền địa phương, đơn vị giám sát, chóng đưa ra các quyết định hay thay đổi kịp thời các quyết định hoặc kế hoạch cho phù hợp trong suốt quá trình thực hiện dự án.

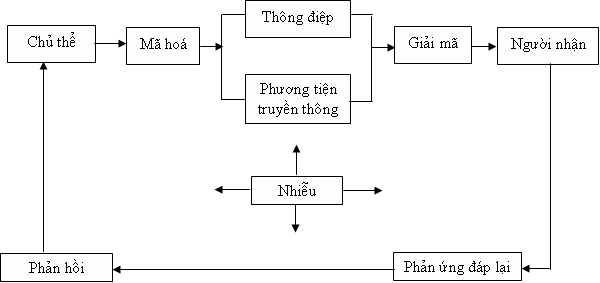
1. **Mục tiêu**

Công bố thông tin TDA, cung cấp tất cả tài liệu các kế hoạch hành động đến chính quyền các cấp, tổ chức xã hội, đoàn thể và người dân thuộc khu vực TDA. Xin ý kiến cồng đồng địa phương, các tổ chức đoàn thể đối với các kế hoạch sẽ được thực hiện cho mỗi gia đoạn của Dự án. Các thông tin phản hồi giúp cho chủ đầu tư và các cấp quan lý hoàn thiện các kế hoạch đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trước khi đưa triển khai các kế hoạch hành động.

1. **Nội dung thông tin truyền thông, tham vấn cộng đồng**

* Các thông tin về TDA và những chính sách về quyền lợi sẽ được Ban QLDA phổ biến tới người dân
* Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội: (i) BQLDA cùng đơn vị tư vấn cung phổ biến thông tin tác động, các biện pháp, kế hoạch giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường - xã hội; (ii) tham vấn, xin ý kiến chính quyền tổ chức xã hội, đoàn thể, thôn, xóm người dân xung quanh khu vực dự án.
* Kế hoạch hành động tái định cư: Cung cấp thông tin thu hồi đất, tái định cư, khung áp giá đền bù, chính sách hỗ trợ của TDA và quy định của Tỉnh Hòa Bình đến chính quyền các cấp, người dân bị ảnh hưởng
* Kế hoạch hành động giới: cung cấp thông tin bình đẳng giới đến chính quyền tổ chức xã hội, đoàn thể, thôn, xóm người dân xung quanh khu vực TDA.
* Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng: thông tin đối với các giải pháp, kế hoạch phòng chống dịch bệnh, khám chữa chữa bệnh định kỳ, biện pháp xử lý khi có dịch.
* An ninh trật tự, an toàn giao thông, tệ nạn xã hội: thông tin quy định pháp luật, giáo dục pháp luật cho công nhân, người dân xung quanh khu vực TDA.
* An toàn đập: phổ biến các kế hoạch khi xảy ra sự cố an toàn đập trong quá trình thi công và mùa mưa lũ.
* Vận hành khai thác và xả lũ: cung cấp thông tin, kế hoạch xả lũ chi tiết cho các người dân xung quanh khu vực dự án và vùng hạ lưu đập, phương án bảo vệ an toàn cho nguòi dân, các công trình sau và hạ lưu đập.

1. **Hình thức truyền thông, tham vấn cộng đồng**

Để tổ chức hoạt động truyền thông có hiệu quả, cần phải hiêủ sự truyền trông hoạt động như thế nào, nắm được những yếu tố cơ bản của quá trình truyền thông và mối quan hệ công chúng của chúng.

**Sơ đồ B3-1: Các phần tử của quá trình truyền thông**

* Họp phổ biến thông tin chính quyền, tổ chức xã hội, đoàn thể, người dân khu vực TDA (xã An Bình, huyện Lạc Thủy);
* Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh cơ sở, bảng tin xã và thôn xóm;
* Phát hành tờ rơi, bảng hỏi tham vấn đến chính quyền, đoàn thể, người dân khu vực TDA;
* Thông qua sinh hoạt của các loại hình đoàn thể, câu lạc bộ;
* Đào tạo, tập huấn…
* Các hình thức thông tin, truyền thông khác.

1. **Vai trò và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

Tiểu dự án “Sửa chữa và nâng cấp an toàn hồ chứa Đại Thắng, Huyện Lạc Thủy” thuộc dự án “Sửa chữa nâng cao an toàn đập” Sở Nông nghiệp PTNN thay mặt UBND tỉnh Hòa Bình làm chủ đầu tư, và BQLDA Đầu tư Xây dựng Ngành Nông nghiệp và PTNT Hòa Bình là đơn vị thực hiện dự án.

**Sở Nông nghiệp PTNN/ BQLDA:**

* Chịu trách nhiệm xây dựng các tài liệu nguồn cho kế hoạch truyền thông, tham vấn cộng đồng, tham gia
* Phối hợp các cấp chính quyền đoàn thể xã An Bình: Chính quyền địa phương, Mặt trân Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, đại diện thôn xóm tổ chức các hoạt động tuyên truyền các nội dung kế hoạch cần được thực hiện cho TDA.

**Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức xã hội**

* Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức các nội dung thông tin, truyền thông, tham vấn cộng đồng tham gia
* Chỉ đạo các cơ quan thông tin, tuyên truyền ở địa phương dành thời lượng thích hợp cho việc thông tin, tuyên truyền các kế hoạch và các tác động của TDA

**Ban giải phóng mặt bằng**

* Cung cấp thông tin thu hồi đất, tái định cư, khung áp giá đền bù, chính sách hỗ trợ của TDA và quy định của Tỉnh Hòa Bình đến chính quyền các cấp, người dân bị ảnh hưởng

**Trạm y tế:** phổ biến thông tin đối với các giải pháp, kế hoạch phòng chống dịch bệnh, khám chữa chữa bệnh định kỳ, biện pháp khi có dịch.

# 

1. **Kế hoạch thực hiện**

Kế hoạch truyền thông, tham vấn cộng đồng có sự tham gia được thực hiện theo các giai đoạn của TDA, đưa thông tin đầy đủ đến người dân và các cấp chính quyền.

**Bảng B3-1 Kế hoạch thực hiện truyền thông, tham vấn cộng đồng có sự tham gia**

| **TT** | **Giai đoạn** | **Nội dung truyền thông, tham vấn** | **Hình thức chuyền thông** | **Trách nhiệm thực hiện** | **Đối tượng tiếp nhận** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Giai đoạn chuẩn bị tiểu dự án** | Phổ biến thông tin tham vấn các cấp chính quyền đối với tiểu Dự án: Quy mô, loại hình đầu tư, các công trình chính, phạm vi ảnh hưởng, lợi ích TDA | Họp chính quyền các cấp, tổ chức đoàn thể | Sở Nông nghiệp và PTNT, BQLDA | UBND tỉnh Hòa Bình, Sở Kế hoạch đầu tư, Sở tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Huyện Lạc Thủy, Chính quyền xã An Bình |  |
| Phổ biến thông tin chính sách, khung áp giá của TDA, trình dự thảo bản kế hoạch hành động tái định cư | Họp, phát tờ rơi, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi | BQLDA phối hợp đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn lập kế hoạch hành động tái định cư | UBND Huyện Lạc Thủy, xã An Bình, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường, 354 hộ dân thuộc khu vực dự án | Thực hiện 2 lần: chuẩn bị và trình dự thảo kế hoạch hành động tái định cư |
| Phổ biến thông tin dự án, trình dự thảo bản Báo cáo ESIA, ESMP, kế hoạch giới, sức khỏe cộng đồng, truyền thông, … | Họp, phát tờ rơi, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi | BQLDA phối hợp đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn lập ESIA | UBND Huyện Lạc Thủy, xã An BÌNH, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường, 354 hộ dân thuộc khu vực dự án | Thực hiện 2 lần: chuẩn bị và trình dự thảo kế hoạch hành động tái định cư |
| Đền bù tái định cư | Họp phổ biến thông tin đo đạc kiểm đếm, áp giá đền bù, niêm yết thông tin bảng tin của xã/phường và thôn/tổ dân phố | BQLDA phối hợp Ban giải phóng mặt bằng | UBND xã An Bình, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường và 12 hộ bị ảnh hưởng | Thực hiện theo báo cáo Hành động Tái định cư |
| **2** | **Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành** | Kê hoạch hành động giới | Họp, phát tờ rơi, truyền thanh cơ sở, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi | BQLDA, Tư vấn giám sát xã hội | UBND xã An Bình, mặt trận tổ quốc, trạm y tế, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường, 354 hộ dân thuộc khu vực dự án | Thực hiện trong 3 giai đoạn TDA |
| Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng | Họp, phát tờ rơi, truyền thanh cơ sở, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi |
| Kế hoạch quản lý xã hội | Họp, phát tờ rơi, truyền thanh cơ sở, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi |
| Kế hoạch quản lý môi trường | Họp, phát tờ rơi, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi | BQLDA, Tư vấn giám sát môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường UBND xã An Bình, mặt trận tổ quốc, trạm y tế, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường, 70 hộ dân thuộc khu vực dự án | Thực hiện trong 3 giai đoạn TDA |
| An ninh trật tự, tệ nạn xã hội | Truyền thanh cơ sở, phiếu tham vấn chính quyền các cấp, các hộ dân BAH xung quanh khu vực TDA, vùng hưởng lợi, công nhân thi công | BQLDA, nhà thầu thi công | UBND xã An Bình, công an xã/phường mặt trận tổ quốc, trạm y tế, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường |  |
| An toàn giao thông, PCCC |  | UBND xã An Bình, công an xã/phường mặt trận tổ quốc, trạm y tế, hội phụ nữ, hội nông dân, địa chính xã/phường, | Giai đoạn thi công |

Đánh giá giám sát: BQLDA lập báo cáo giám sát kế hoạch truyền thông, tham vấn cồng đồng có sự tham gia nhằm kiểm soát các nội dung truyền thông, tổng hợp các thông tin phản hồi từ các đơn vị tư vấn giám sát, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, đoàn thể và người dân để bổ xung hay sửa đổi các chính sách, các biện pháp thực hiện của các kế hoạch quan lý cho phù hợp với mỗi giai đoạn của TDA.

1. **Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện của kế hoạch này được lồng ghép trong các kế hoạch khác (nội dung truyền thông và phương pháp truyền thông sẽ được các Kế hoạch khác tiếp thu và xây dựng. Kế hoạch quản lý xã hội đầu mối chủ trì các kế hoạch liên quan đến xã hội. Kinh phí giai đoạn này tập trung chủ yếu cho truyền thông và tổ chức thưc hiện, kinh phí dự kiến thực hiện 50,000 triệu (năm mươi triệu đồng) trong 7 tháng.

## 

## PHỤ LỤC B4: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI

**1. Sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch lồng ghép giới vào dự án hồ chứa nước (HCN) Đại Thắng xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình**

Lồng ghép giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) là một khái niệm tương đối mới ở nước ta. Cũng như lồng ghép giới vào chính sách, thực chất lồng ghép giới vào kế hoạch phát triển KTXH không có nghĩa là có các kế hoạch riêng biệt cho phụ nữ và nam giới, thậm chí cũng không phải là kế hoạch riêng cho phụ nữ. Thay vào đó, lồng ghép giới vào kế hoạch là xem xét sự ảnh hưởng, sự tác động của mỗi kế hoạch (quốc gia, ngành, địa phương, cơ sở…) đối với nhu cầu và sự phát triển của phụ nữ.

Luật Bình đẳng giới bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007, tạo điều kiện thuận lợi cho sự thành công của Chiến lược quốc gia “Vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam”. Tuy vậy, điều này cũng đòi hỏi việc lồng ghép giới vào công tác kế hoạch hoá phát triển KTXH của đất nước nói chung và vào kế hoạch sửa chữa, nâng cấp dự án HCN nói riêng là rất cần thiết, phải thực sự đạt được hiệu quả, thúc đẩy công việc đạt được công bằng trong sự phát triển xã hội, tức là tạo cơ hội như nhau cho tất cả mọi người, nam cũng như nữ để họ có thể phát triển hài hoà, đúng hướng, đúng mục đích.

Lồng ghép giới ở đây nhằm mục tiêu đáp ứng nhu cầu về lao động việc làm, cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ các chính sách nhà nước của cả giới nam và nữ, trong đó là lựa chọn ưu tiên nhằm tạo điều kiện cho cả nam và nữ có cơ hội ngang về việc làm và thu nhập ổn định theo hướng tiến tới cơ cấu lao động của cả nam và nữ phù hợp, có lợi cho cả nam và nữ.

1. **Cơ sở xây dựng kế hoạch lồng ghép giới**
   * Dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011-2020;
   * Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 tỉnh Hòa Bình;
   * Thực trạng vấn đề giới trong các hộ gia đình được hưởng lợi từ dự án HCN Đại Thắng tỉnh Hòa Bình từ khảo sát, điều tra trực tiếp của nhóm kỹ thuật của dự án vào tháng 3 năm 2015.
2. **Phương pháp xây dựng kế hoạch lồng ghép giới**
   * Các hoạt động lồng ghép giới được xây dựng dựa trên các hoạt động của dự án sửa chữa, nâng cấp HCN Đại Thắng xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình do Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) quản lý dự án. Đây là kế hoạch lồng ghép, không phải là kế hoạch riêng biệt.
   * Xây dựng mục tiêu cho kế hoạch lồng ghép giới trong dự án HCN Đại Thắng của tỉnh.
   * Viết kế hoạch lồng ghép giới và thông qua ban quản lý dự án (BQLDA).
   * Tham vấn với các đối tác liên quan: Khối nhà nước và tư nhân.
   * Chỉnh sửa và hoàn chỉnh kế hoạch.

**4. Thực trạng vấn đề giới trong dự án HCN Đại Thắng xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình**

Mặt hạn chế của phân tích hiện trạng dự án HCN:

* Thiếu thông tin cơ sở ban đầu.
* Thiếu số liệu thống kê và hệ thống dữ liệu theo giới tính.

Phần này sẽ được bổ sung khi thực hiện phân tích giới trong dự án HCN Đại Thắng xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Dự án HCN Đại Thắng xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình có ý nghĩa quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng cường khả năng phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Dự án có ảnh hưởng không nhỏ tới các nguồn lực xã hội như tăng năng suất nông nghiệp, tạo việc làm cũng như giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đó phụ nữ góp phần quan trọng cho sự phát triển này.

Với mục tiêu là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, Quốc Hội khóa XI, luật số 73/2006/QH11 đã ban hành luật Bình đẳng giới. Bình đẳng giới trong các lĩnh vực:

- Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

- Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

- Bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình

Tiến hành điều tra các công việc được phân công trong gia đình tại các gia đình hưởng lợi. Kết quả thống kê cho bởi bảng 2:

Vấn đề lao động là những thông tin đầu tiên thể hiện vị trí và vai trò của phụ nữ trong gia đình và trong xã hội. Trong 4 thôn bị ảnh hưởng bởi dự án, không có nhiều phụ nữ đảm nhận vị trí làm trưởng thôn, chủ tịch, bí thư và những vị trí quan trọng trong cộng đồng; 100% là nam giới, trừ hội phụ nữ. Lao động nữ làm việc nông nghiệp, lao động nam thường phải làm việc có lương cao hơn so với nữ. Phụ nữ thường tham gia làm thuê và làm ruộng, nam giới thường tham gia trong ngành nông – lâm – thủy sản và xây dựng. Hơn 71,43% là tỷ lệ phụ nữ làm việc nhà. Do đó, cho thấy bức tranh người phụ nữ thường có thu nhập thấp. Khi được phỏng vấn, hầu hết phụ nữ đều cho rằng chồng mình ra quyết định đầu tư vào sản xuất và các công việc quan trọng và phụ nữ chủ yếu nuôi con và làm việc nhà.

**Bảng B4-1:Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA**

| **Hoạt động sản xuất** | **Cả hai (%)** | **Nam giới (%)** | **Nữ giới (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| Trồng trọt (trồng lúa, màu) | 85,72 | 8,57 | 5,71 |
| Chăn nuôi | 92,85 | 5,71 | 1,44 |
| Trồng rừng/chăm sóc/bảo vệ rừng | 57,14 | 35,71 | 7,15 |
| Khai thác lâm sản | 50 | 35,71 | 14,29 |
| Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản | 57,14 | 14,28 | 28,57 |
| Làm công nhân/làm thuê | 42,86 | 50 | 7,14 |
| Kinh doanh/buôn bán | 35,71 | 21,43 | 42,86 |
| Đi làm ăn xa (không thường xuyên ở nhà) | 21,43 | 71,43 | 7,14 |
| **Hoạt động trong gia đình** |  |  |  |
| Chăm sóc trẻ/con cái | 64,29 | 7,14 | 28,57 |
| Quét dọn nhà cửa | 28,57 | 0 | 71,43 |
| Nấu nướng/nội trợ | 22,86 | 0 | 77,14 |
| **Tham gia công việc cộng đồng** | **Cả hai (%)** | **Nam giới (%)** | **Nữ giới (%)** |
| Tham gia họp cộng đồng | 85,71 | 10 | 4,29 |
| Tham gia tập huấn về sản xuất | 71,42 | 14,29 | 14,29 |
| Sinh hoạt các tổ chức chính trị - xã hội | 78,57 | 21,43 | 0 |
| **Tham gia quyết định** |  |  |  |
| Quyết định các khoản chi tiêu lớn trong gia đình (mua sắm tài sản có giá trị, cưới hỏi) | 92,86 | 7,14 | 0 |
| Quyết định việc học tập, chọn nghề của con cái | 57,14 | 35,71 | 7,15 |
| Quyết định đầu tư, hoạt động sản xuất | 71,43 | 22,86 | 5,71 |

*(Nguồn: Số liệu điều tra)*

Từ kết quả Bảng 4-20 cho thấy:

- Đối với các hoạt động sản xuất: trồng trọt (trồng lúa, hoa màu); chăn nuôi; trồng rừng/ chăm sóc/ bảo vệ rừng; khai thác lâm sản; làm công nhân/làm thuê và nuôi trồng thủy sản cả hai giới nam và nữ chiếm thành phần phần trăm là chủ yếu. Hoạt động chiếm hơn 85% bao gồm trồng trọt và chăn nuôi. Hoạt động đi làm ăn xa (không thường xuyên ở nhà) tập trung chủ yếu nam giới (chiếm 71,43%).

- Đối với hoạt động trong gia đình: chăm sóc trẻ/ con cái; quét dọn nhà cửa; nấu nướng/ nội trợ thì chủ yếu là công việc nữ giới. Công việc quét dọn nhà cửa, nấu nướng/ nội trợ chiếm trên 71,43%. 64,29% là sự đồng ý cả hai tham gia từ các hộ gia đình vùng hưởng lợi. Công việc này tốn nhiều thời gian cho nữ giới.

- Hoạt động tham gia cộng đồng: chủ yếu là cả hai tham gia cụ thể: tham gia họp cộng đồng (85,71%); tham gia tập huấn về tình hình sản xuất (71,42%); sinh hoạt từ các tổ chức chính trị - xã hội (78,57%).

- Tham gia quyết định: đa số các hộ cho đồng ý hai người tham gia. Quyết định các khoản chi tiêu lớn trong gia đình (mua sắm tài sản có giá trị, cưới hỏi) chiếm 92,86%; quyết định việc học tập, chọn nghề của con cái (57,14%) và quyết định đầu tư, hoạt động sản xuất chiếm 71,43%.

Nhìn chung do đặc điểm văn hóa và mang tính truyền thống của người Việt Nam; ví dụ như là phụ nữ thường sản xuất kinh doanh nhỏ và làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp như chế biến, còn những ngành nghề khác như khai thác thì do nam giới đảm nhận; phần khác cũng là vì sự nhận thức về bình đẳng giới còn hạn chế. Ngoài việc tham gia tạo thu nhập cho gia đình, phụ nữ còn phải lo chăm sóc gia đình, thiếu thời gian nghỉ ngơi, giải trí và tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng, cũng như các cơ hội tham gia vào các khoá đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực. Điều này hạn chế khả năng tiếp cận với các công nghệ tiên tiến và để đóng góp vào các mục tiêu phát triển. Vì vậy, nếu không có những hỗ trợ hợp lý và kịp thời, cơ hội phát triển của phụ nữ sẽ thấp hơn nam. Để đứng vững trong cuộc cạnh tranh này, đòi hỏi cả phụ nữ và nam giới phải nâng cao kiến thức, kỹ năng và sự quyết tâm; nếu một cá nhân hoặc một giới nào ở vị trí xuất phát thấp hơn, lại ít thời gian và cơ hội để đầu tư, học tập thì nguy cơ thất bại đối với người đó, giới đó sẽ cao hơn. Vì vậy để nâng cao hiệu quả sự đóng góp của phụ nữ cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ các hoạt động, chương trình cải tạo an toàn đập phải được đồng đều cho cả nam giới và nữ giới. Trong các hoạt động phát triển này cần được xây dựng, tổ chức sao cho thuận lợi để phụ nữ tham gia.

Có thể nói rằng cả hai giới đều đánh giá về vai trò quan trọng của nước và mong muốn có đủ nước để giảm bớt thời gian lao động của họ. Số liệu trên cũng thể hiện được sự đóng góp của phụ nữ và nam giới trong sản xuất và lao động, điều đó cho thấy mức độ bình đẳng và trách nhiệm của mỗi giới trong vùng dự án.

Lồng ghép giới vào các dự án sửa chữa, nâng cấp đập HCN của tỉnh Hòa Bình là điều cần thiết để giúp nâng cao hiệu quả của nữ giới trong công cuộc xây dựng đất nước. Lồng ghép giới sẽ được quan tâm xuyên suốt trong tiến trình thực hiện dự án, để bảo đảm cơ hội phụ nữ tham gia và hưởng lợi bình đẳng với nam giới trong mọi hoạt động can thiệp khi thực hiện kế hoạch của dự án.

**5. Mục tiêu - Đầu ra và chiến lược thực hiện kế hoạch lồng ghép giới**

***5.1 Mục tiêu***

Bình đẳng giữa nam và nữ trong việc tiếp cận, tham gia và hưởng lợi các hoạt động hỗ trợ giữa nam giới và phụ nữ trong việc lập kế hoạch, thực hiện chương trình cải tạo, nâng cấp an toàn đập của tỉnh Hòa Bình.

***5.2Đầu ra***

* + Năng lực cho nữ trong hoạt động dự án, hộ sản xuất, nhóm sở thích được nâng cao như nam giới trong việc tiếp cận và tham gia các hoạt động, chương trình và dịch vụ thúc đẩy lợi ích dự án.
  + Xây dựng các kết quả đầu ra đảm bảo có sự tham gia của cả hai giới.
  + Xác định rõ số lượng hoặc tỷ lệ người hưởng lợi là nam giới hay phụ nữ. Các kết quả đầu ra thể hiện những thay đổi tích cực của từng giới sau khi tham gia dự án.
  + Giảm tác động tiêu cực của dự án đối với phụ nữ.
  + Đưa ra các vấn đề tiềm năng và biện pháp can thiệp để giảm thiểu tác động bất lợi, thúc đẩy phụ nữ tham gia, tối đa hóa lợi ích của dự án đối với phụ nữ.
  + Kiến nghị cho việc lập kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ để tiếp cận và giải quyết vấn đề giới trong dự án.
  + Kiến nghị cách tiếp cận và can thiệp để thúc đẩy lợi ích của dự án đối với phụ nữ và sự tham gia của họ trong dự án.
  + Có đại diện phụ nữ và sự tham gia của nữ trong các tổ chức.

***5.3 Các nhóm giải pháp để đạt mục tiêu***

*5.3.1 Nâng cao năng lực cho phụ nữ*

* Xác định và nâng cao năng lực cho các ban ngành /đối tác liên quan đến vùng dự án và lao động nữ để các đối tượng này giúp hỗ trợ nâng cao năng lực cho phụ nữ vùng dự án.
* Đánh giá nhu cầu đào tạo phụ nữ
* Tổ chức đào tạo dựa trên điều kiện của nữ để họ dễ tham dự. (yêu cầu tỷ lệ nữ tham dự tập huấn)

*5.3.2 Nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng thông tin cho phụ nữ*

* Đánh giá nhu cầu và kênh thông tin phù hợp của nữ giới vùng dự án và người làm thuê để xây dựng hệ thống thông tin cho đối tượng này
* Hỗ trợ việc ứng dụng thông tin cho phụ nữ

*5.3.3 Chính sách và hỗ trợ thuận lợi cho phụ nữ*

* Đối thoại với các chủ dự án về các chính sách phù hợp cho phụ nữ hoạt động trong vùng dự án (những ưu tiên cho phụ nữ về sử dụng đất, tiếp cận vốn, đào tạo…)

**6. Tổ chức thực hiện**

**6.1 Các hoạt động ưu tiên đặc thù về giới:**

*Các hoạt động ưu tiên thực hiện gồm:*

* 1. Tuyển cán bộ giới làm việc (tuyên truyền, vận động cụm dân cư trong việc di dời vùng dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công giảm tác động đến sức khỏe, sự an toàn người dân).
  2. Tập huấn về giới trong vùng dự án cho BQLDA và nhóm cán bộ hành động (CBHĐ) để giúp họ có ý thức và năng lực về sự cần thiết lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch
  3. Tập huấn về giới trong các vùng có dự án cho cán bộ huyện xã
  4. Tập huấn về phân tích giới cho BQLDA, nhóm CBHĐ và nhóm phụ trách phân tích giới.
  5. Thực hiện phân tích giới trong dự án an toàn đập, đây là hoạt động rất quan trọng, nhằm xác định những thuận lợi khó khăn của nữ giới để làm cơ sở xây dựng các hoạt động lồng ghép giới phù hợp.

***6.2 Giám sát thực hiện kế hoạch***

1. Các điều phối viên (ĐPV) của từng hợp phần , cán bộ giới và BQLDA quan tâm đến lồng ghép giới khi thực hiện (dựa trên các chỉ số và chỉ tiêu).
2. Cán bộ Giám sát đánh giá theo dõi thực hiện kế hoạch lồng ghép giới (phối hợp với cán bộ giới, các ĐPV), báo cáo, đánh giá giám sát có quan tâm đến các chỉ tiêu về giới.
3. Báo cáo định kỳ có nêu kết quả thực hiện lồng ghép giới.
4. Rà soát lại kế hoạch hành động hàng năm và hiệu chỉnh cho phù hợp.

Các hoạt động đặc thù về giới trong các năm kế tiếp sẽ được xác định và lập kế hoạch dựa vào kết quả phân tích giới và việc rà soát lại kế hoạch này hàng năm.

Từ những phân tích trên của giới, một kế hoạch hành động giới là cần thiết để tạo điều kiện cho sự tham gia tối đa của phụ nữ trong giai đoạn xây dựng của dự án, cung cấp các cơ hội mới cho phụ nữ để tăng thu nhập, nhưng không làm tăng gánh nặng cuộc sống của họ, và góp phần tăng vai trò và địa vị người phụ nữ trong vùng dự án. Mục tiêu của kế hoạch này là:

1. Các nhà thầu địa phương sẽ sử dụng ít nhất 30% lao động nữ trong việc duy trì, xây dựng và sửa chữa;
2. Đối với một loại tương tự của công việc, lao động nữ phải được thanh toán như lao động nam;
3. Các điều kiện an toàn phải bình đẳng cho cả nam giới và phụ nữ;
4. Các nhà thầu địa phương sẽ không sử dụng lao động trẻ em;
5. Khuyến khích việc sử dụng lao động địa phương và tránh xây dựng các lán trại lao động;
6. Nhóm phụ nữ và Hội Liên hiệp phụ nữ sẽ được tư vấn trong việc thiết kế của tiểu dự án;
7. Đào tạo về lồng ghép giới cho các cơ quan quốc gia, tỉnh và địa phương (tức là các PMU, và các bên liên quan khác).
8. Đào tạo và xây dựng năng lực cho phụ nữ tham gia trong quyết định của cộng đồng và các tiểu dự án thực hiện theo một cách có ý nghĩa nhất (tức là đào tạo về sự tham gia và các kỹ năng đàm phán, kỹ năng tiếp thị và đào tạo về toán học và biết chữ;
9. Đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong các tour du lịch nghiên cứu dự án
10. Các dịch vụ khuyến nông nhằm vào phụ nữ được thiết kế và chuyển giao cho phụ nữ.
11. Chiến dịch nâng cao nhận thức về HIV / AIDS sẽ được đưa ra trước khi bắt đầu công trình dân dụng. PMU chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo các chỉ số thực hiện kế hoạch hành động về giới, bao gồm cả sự tham gia của phụ nữ, công việc mục tiêu và đào tạo, và các chiến dịch để ngăn chặn đại dịch HIV.
12. Ít nhất một người phụ nữ sẽ là đại diện của xã trong Ban giám sát xã (chiếm khoảng 1/3 của các thành viên.

**Bảng B4-2. Kế hoạch hành động giới của dự án**

| **Kết quả của dự án** | **Công việc và chỉ số** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả 1: Nâng cao an toàn đập, cải thiện điều kiện thủy lợi** | Các nhà thầu sẽ phải ưu tiên sử dụng lao động phổ thông (Thông qua hợp đồng phụ); tối thiểu phải có 30% tổng số lao động là lao động phổ thông tại địa phương;  Trong số 30% lao động địa phương, ưu tiên cho các lao động nữ chưa có tay nghề; Lao động nam và nữ sẽ nhận được tiền công lao động như nhau cho cùng một loại công việc;  Các nhà thầu không được thuê lao động trẻ em;  Những người dân mong muốn làm việc cho dự án sẽ ghi tên của họ vào danh sách của thôn/bản. Trưởng thôn và cán bộ xã sẽ cung cấp danh sách này cho nhà thầu, nhà thầu sẽ lựa chọn trên cơ sở ưu tiên hộ nghèo, hộ dễ bị tổn thương | PMU/Tư vấn điều phối dự án sẽ có trách nhiệm đảm bảo những điều khoản này sẽ được ghi trong hợp đồng; cán bộ xã sẽ cấp cho nhà thầu danh sách những người muốn làm việc cho dự án;  Các cán bộ xã có trách nhiệm đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.  Hội phụ nữ xã cũng có trách nhiệm đảm bảo rằng phụ nữ của xã được thuê tuyển làm cho dự án. | Trong thời gian xây dựng |
| **Kết quả 2: Tăng cường năng lực cho người dân để khai thác lợi thế của tiểu dự án** | Tối thiểu 30% phụ nữ tham gia vào các buổi học khuyến nông | Cán bộ Ban quản lý dự án tỉnh,  Cán bộ huyện,  Cán bộ xã | Trong thời gian xây dựng |
| **Kết quả 3:**  **Nâng cao nhận thức về các tệ nạn xã hội tiềm tàng cho các đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và người DTTS** | Chương trình phòng chống HIV/AIDS và buôn bán người.  Chương trình giảm thiểu rủi ro dựa vào cộng đồng  Thông tin về giảm thiêu rủi ro sẽ được chuyển tới các xã, thôn BAH bởi dự án sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia với trọng tâm là các hộ nghèo và các hộ dễ bị tổn thương (ví dụ nhóm người DTTS, hộ gia đình có chủ hộ là nữ, hộ có người già, người tàn tật)  Các tài liệu, thông tin phải phù hợp về ngôn ngữ, văn hóa và giới, đặc biệt cần phải dịch ra nhiều thứ tiếng dân tộc tùy thuộc vào từng vùng;  Hội phụ nữ, đại diện trung tâm phòng chống HIV/AIDS và xã sẽ đào tạo các tuyên truyền viên cho mỗi xã/thôn trong vùng dự án.  Các chương trình sẽ được thực hiện ở xã và thôn bởi hai tuyên truyền viên (trưởng thôn và 1 thành viên của hội phụ nữ).  Chương trình sẽ được thực hiện tại các thôn và trong phiên chợ thông qua phân phát tài liệu dự án, tài liệu về chương trình và sử dụng loa phóng thanh | Hộị phụ nữ tỉnh và xã có trách nhiệm tổ chức và thực hiện chương trình (đào tạo và chuẩn bị tài liệu) phối hợp với trung tâm y tế xã, huyện.  Hội phụ nữ thôn bản có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến thông tin.  Trung tâm y tế xã, huyện sẽ có hỗ trợ hội phụ nữ xã.  Tư vấn điều phối dự án sẽ cung cấp chuyên gia giới trong nước và quốc tế và chuyên gia về DTTS.  Chuyên gia giới và DTTS sẽ rà soát các tài liệu hiện có, bổ sung nếu cần thiết, cho chương trình | Hàng tháng, trước và trong khi xây dựng dự án |
|  | **Chương trình giảm thiểu nguy cơ trong quá trình xây dựng:**  PMU và nhà thầu sẽ phối hợp chặt chẽ với các dịch vụ y tế ở xã, huyện để triển khai các chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo, phòng, chuẩn đoán và điều trị bệnh cho người lao động.  Tất cả các chương trình và tài liệu được xây dựng có lồng ghép các vấn đề giới, bao gồm tính dễ bị tổn thương và nhu cầu của nam và nữ.  Nhà thầu sẽ:  Triển khai các chương trình tăng cường nhận thức cho người lao động và cộng đồng bao gồm: thông tin, giáo dục, tuyên truyền đề cập đến vấn đề lây nhiễm HIV và hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa.  Tư vấn miễn phí và khuyến khích người lao động xét nghiệm HIV để đảm bảo rằng tất cả họ biết về tình trạng sức khỏe của mình.  Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ y tế và động viên những người nhiễm HIV thừa nhận họ đã nhiễm HIV;  Cung cấp các thiết bị y tế (phát bao cao su miễn phí) cho công nhân tại lán trại; | PMU  Nhà thầu  Trung tâm y tế địa phương  Cán bộ xã  Hộị phụ nữ sẽ thực hiện điều phối chung để tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn hơn về công tác phòng chống HIV | Trong thời gian xây dựng |
| **Quản lý dự án** | - Các chỉ dẫn về Giới và phát triển và đào tạo sẽ được cung cấp cho nhân viên Ban QLDA, các tổ chức địa phươngvà các nhà thầu.  Tất cả các hoạt động phát triển năng lực sẽ bao gồm các mục tiêu cho phụ nữ tham gia và DTTS.  Tư vấn thực hiện dự án  PPMU trong thiết kế và thực hiện ban đầu | * Tư vấn thực hiện dự án * PPMU | Trong quá trình thiết kế và thực hiện ban đầu |

**Bảng B4-3. Đào tạo hỗ trợ lồng ghép giới trong khi thi công tiểu dự án Khôi phục và Sửa chữa hồ Đại Thắng.**

## PHỤ LỤC B5: MÔ TẢ VỀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ BAO GỒM TỔ CHỨC, THỂ CHẾ, VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

[**1. Tham vấn và công bố thông tin**](file:///C:\INFRA%20THANGLONG\Goi%20D60\BAN%20NOP%20KTXH%20&amp;%20SIA%20BAN%20THANG%2011%202012\Assessment%20Report%20vn.revised%202.doc#_Toc304635239)

Các mục tiêu chủ yếu của công bố thông tin và tham vấn cộng đồng là bảo đảm sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, của các hộ gia đình, chính quyền địa phương, tổ chức có liên quan trong việc chia sẻ thông tin về dự án, tư vấn về lựa chọn phương án kỹ thuật, dự kiến ​​các tác động về đất đai, thu nhập và tài sản trên đất... Bản công bố thông tin là một đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy tiến độ của dự án trong quá trình thực hiện, chuẩn bị, và khi dự án đi vào hoạt động với sự đồng thuận của cộng đồng, chính quyền Ban quản lý dự án. Điều này sẽ giảm thiểu khả năng xung đột phát sinh và rủi ro khác, tăng hiệu quả đầu tư và ý nghĩa xã hội của dự án.

Chương trình thông tin và tham vấn cộng đồng phải đảm bảo rằng:

* Các nhà chức trách có thẩm quyền của địa phương cũng như đại diện của người dân bị ảnh hưởng sẽ được tham gia trong việc lập dự án và quá trình ra quyết định. Ban quản lý dự án sẽ làm việc chặt chẽ với xã/ huyện trong quá trình thực hiện dự án. Sự tham gia của người dân bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện sẽ được tiếp tục bằng cách yêu cầu các xã/ huyện mời đại diện của người dân bị ảnh hưởng tham gia thành viên của hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư và tham gia một phần trong hoạt động tái định cư.
* Chia sẻ tất cả các thông tin về các hạng mục và hoạt động theo kế hoạch của dự án cho người bị ảnh hưởng.
* Thu thập thông tin về nhu cầu và ưu tiên của những người bị ảnh hưởng cũng như nhận được thông tin về phản ứng của họ về chính sách và các hoạt động đề xuất.
* Bảo đảm rằng những người bị ảnh hưởng có thể được thông báo đầy đủ với quyết định trực tiếp ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của họ và họ có cơ hội tham gia vào các hoạt động và ra quyết định về các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến họ.
* Bảo đảm tính minh bạch trong tất cả các hoạt động liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, tái định cư và phục hồi.

Đối với Ngân hàng thế giới, người bị ảnh hưởng bởi dự án cần phải được thông báo đầy đủ và phải được tham vấn kỹ về việc tái định cư và các phương án bồi thường. Tham vấn là điểm khởi đầu cho tất cả các hoạt động liên quan đến tái định cư. Người bị ảnh hưởng bởi tái định cư có thể e ngại rằng họ có thể ảnh hưởng sinh kế và quan hệ cộng đồng, hoặc lo sợ các quyền lợi không được đảm bảo. Được tham gia vào lập kế hoạch và quản lý tái định cư giúp họ giảm bớt những e ngại và đem lại cho người bị ảnh hưởng cơ hội để tham gia quyết định những gì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Việc thực hiện tái định cư mà không có sự tham vấn có thể dẫn đến một chiến lược không phù hợp và cuối cùng là không có tác dụng. Không có sự tham vấn, người bị ảnh hưởng có thể sẽ phản ứng tiêu cực đối dự án, gây ra những khó khăn về mặt xã hội, làm chậm đáng kể việc hoàn thành mục tiêu hay thậm chí bị bỏ qua, và chi phí sẽ tăng lên. Do đó, khi có tham vấn, sự phản đối ban đầu về dự án có thể sẽ được chuyển thành sự tham gia mang tính xây dựng.

Đối với Việt Nam, một bước quan trọng tiếp theo trong việc đẩy mạnh dân chủ ở cấp cơ sở là Chỉ thị số 30-CT/TW của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trong “Xây dụng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở” và Nghị định 79/2003/NĐ-CP cũng về vấn đề này. Điểm mấu chốt của văn bản pháp lý này là câu khẩu hiệu nổi tiếng “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 chỉ ra những vấn đề gì mà chính quyền địa phương và cộng đồng tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định; trong đó có bao gồm việc xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp phường/xã; Điều 39, khoản 2, Luật Đất đai 2003 yêu cầu công khai các vấn đề liên quan tái định cư, như các lý do, kế hoạch thu hồi đất, kế hoạch di dời, kế hoạch bồi thường chung, việc giải phóng mặt bằng cho những người bị ảnh hưởng.

Như vậy, tham vấn và sự tham gia là một sự đổi mới trong việc thực hiện dự án tại Việt Nam. Chính sách này sẽ khắc phục được những bất cập trong quá trình triển khai và thực hiện dự án, bởi cả người dân địa phương và người thực hiện dự án đều thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực này**.**

Các điểm sau cần chú ý nhằm khuyến khích các bên liên quan tham gia vào quá trình tham vấn trong dự án:

* Xác định và thu hút tất cả các bên liên quan, đặc biệt là người dân sinh sống trên các địa bàn dự án, những người bị ảnh hưởng (nam, nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số...), vào quá trình tham vấn và tham gia;
* Xây dựng chiến lược cùng tham gia cho việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án.
* Xây dựng các nội dung, chủ đề cần cho các chiến dịch quảng bá và việc phổ biến thông tin, và xây dựng qui trình để người bị ảnh hưởng thương lượng về những quyền lợi của họ**.**
* Thu hút bên liên quan vào việc ra quyết định tại tất cả các giai đoạn thực hiện dự án (thí dụ các phương án thiết kế, các phương thức bồi thường, tham khảo ý kiến của những người bị ảnh hưởng về phương thức bồi thường, lịch trình thực hiện,v.v...).
* Thiết lập một lịch trình để hoàn thành các hoạt động như chiến dịch cung cấp thông tin, các mức độ và hình thức bồi thường, quyền lợi, địa điểm và kế hoạch di dời.
* Xây dựng qui trình giải quyết khiếu nại**.**

Tham vấn cộng đồng thường xuyên cũng cần được thực hiện với các đơn vị lập và thiết kế chi tiết các hạng mục của Dự án. Điều này đảm bảo các thiết kế đề xuất có sự tham gia của cộng đồng và hạn chế được những tác động bất lợi đối với cộng đồng. Việc này cũng giúp các công trình thân thiện hơn với cộng đồng và người sử dụng.

Tham vấn cũng cần thực hiện với các bên liên quan, trong đó có các đơn vị sẽ chịu trách nhiệm quản lý vận hành công trình, đảm bảo rằng họ được hỏi ý kiến và đóng góp ý kiến vào các thiết kế.

Trong giai đoạn xây dựng, chủ dự án nên quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về các hoạt động xây dựng và tiến độ dự kiến, các biện pháp hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng và quy trình tiếp thu và phản hồi thông tin từ phía cộng đồng. Người bị ảnh hưởng (BAH) sẽ được thông báo về các chính sách và thủ tục của Dự án để đảm bảo cuộc sống sau này của họ không thay đổi nhiều. Người bị ảnh hưởng cũng sẽ được thông báo nếu họ có bất kỳ thắc mắc nào về dự án, Ban quản lý Dự án có thể giúp đỡ giải quyết.

Nội dung tham vấn/ công bố thông tin và hình thức tham vấn/ công bố thông tin như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Những thông tin cần công bố** | **Hình thức tham vấn và công bố** | **Thời gian** | **Người thực hiện** |
| 1. Thông tin bản vẽ thiết kế và kỹ thuật; Các phương án tuyến | Họp thảo luận với chính quyền phường/ xã và các ban, ngành, đoàn thể liên quan; đại diện các hộ gia đình bị ảnh hưởng. | Quá trình khảo sát và thiết kế dự án. | Đơn vị tư vấn, PMU |
| 1. Thông tin thu hồi, GPMB và đền bù. | Cán bộ phường/xã cùng PMU tham vấn các hộ gia đình bị ảnh hưởng để có đánh giá ban đầu.  Xây dựng phương án thu hồi, đền bù và thảo luận với APs trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định.  Công bố chính sách và giải đáp thắc mắc thông qua cuộc họp với người bị ảnh hưởng. | Trước khi dự án triển khai. | UBND xã, Ban QLDA |
| 1. Thông tin về tiến độ thực hiện, cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình. | Các cuộc họp tổ dân phố; tờ dán thông báo và các poster thông tin đặt nơi công cộng. | Khi bắt đầu triển khai và duy trì trong suốt quá trình triển khai. | PMU, UBND xã |
| 1. Thông tin về sử dụng và trả công cho lao động địa phương. | Họp giữa đơn vị thi công với chính quyền/ ban giám sát phường/ xã và người dân. | Trước khi thi công. | Đơn vị thi công, cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và ban giám sát cộng đồng |
| 1. Thông tin về những tác động bất lợi tiềm tàng và giải pháp giảm nhẹ. | Kết hợp với các hoạt động 2 và 3 nêu trên | Trước và trong quá trình thực hiện. | PMU, Đơn vị thi công, UBND xã |

[**2 Trách nhiệm giải trình xã hội**](file:///C:\INFRA%20THANGLONG\Goi%20D60\BAN%20NOP%20KTXH%20&amp;%20SIA%20BAN%20THANG%2011%202012\Assessment%20Report%20vn.revised%202.doc#_Toc304635240)

Việc công khai thông tin về các phương án đề xuất của dự án đến những người bị ảnh hưởng và các bên liên quan trong quá trình tham vấn cộng đồng và khảo sát thực địa của các tư vấn đánh giá xã hội là để đưa ra một khung mẫu cho việc công khai thông tin một cách tiếp tục trong quá trình thực hiện dự án. Hơn nữa, như đã được yêu cầu tại tất cả các cuộc họp cộng đồng, những người bị ảnh hưởng đều muốn có các buổi họp để trao đổi thông tin thường xuyên với Ban quản lý dự án tại trụ sở UBND xã có cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt giai đoạn thực hiện dự án. Vì vậy, các báo cáo về kế hoạch tái định cư cũng như kế hoạch quản lý môi trường cần phải được thể hiện các trách nhiệm của Ban quản lý dự án trong việc đảm bảo rằng công chúng nhận được các thông tin thường xuyên về dự án.

Ngoài các cuộc họp thường xuyên giữa BQLDA và cộng đồng bị ảnh hưởng tại trụ sở UBND xã, các cuộc họp cộng đồng tại tất cả các xã nơi đã thực hiện tham vấn cộng đồng đã xác định sự cần thiết phải thiết lập sự kết nối chặt chẽ để tạo điều kiện duy trì liên hệ dễ dàng và nhanh chóng với Ban quản lý dự án. Cách tốt nhất để đưa ra sự kết nối chặt chẽ là cung cấp số điện thoại và địa chỉ của BQLDA chịu trách nhiệm tại tất cả các địa điểm thực hiện xây dựng các hạng mục của dự án và các trụ sở của tất cả các xã của cả hợp phần của dự án**.**

**3. Giám sát có sự tham gia**

Để các hợp phần của dự án bảo đảm tính hiệu quả, cần thiết có một kế hoạch giám sát có sự tham gia của các bên liên quan như Sở Tài nguyên môi trường, Sở Xây dựng, Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông… Các cơ quan/ đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành các hạng mục của Dự án sau khi hoàn thành cũng cần được tham gia trong quá trình thiết kế và thi công công trình**.**

Cùng với bộ phận giám sát độc lập của dự án, cần có một bộ phận giám sát ở cấp cộng đồng, giám sát các hoạt động của dự án, đặc biệt đối với các hoạt động liên quan đến tái định cư, vệ sinh môi trường và thi công xây dựng các hạng mục khác nhau. Bộ phận giám sát sẽ bao gồm các đại diện lãnh đạo địa phương, đại diện các đoàn thể như Hội Phụ nữ, Mặt trận tổ quốc, Hội cựu chiến binh, Hội Nông dân, đại diện người dân... Bộ phận giám sát cấp cộng đồng này sẽ cùng với giám sát độc lập của dự án căn cứ trên các chỉ số về an toàn xã hội giám sát các hoạt động của dự án. Các chỉ số về phục hồi đời sống, sản xuất, chỉ số về vệ sinh môi trường, giao thông sẽ được xây dựng phục vụ cho kế hoạch giám sát của dự án. Qua nắm bắt thực tế, bộ phận giám sát cộng đồng có thể phản ánh kịp thời các thông tin liên quan đến tiến độ dự án, các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án để thông báo với BQLDA kịp thời giải quyết. Trách nhiệm của bộ phận này là thu thập ý kiến phản hồi của người dân trình lên các cấp có thẩm quyền và Ban quản lý dự án. Đồng thời người dân cũng tham gia trong quá trình giám sát thi công, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường trong giai đoạn thi công.

Bộ phận giám sát cộng đồng cần được lập một kế hoạch đào tạo tăng cường năng lực giám sát, đánh giá các hoạt động của dự án. Các kỹ năng trong hoạt động giám sát sẽ được đào tạo trực tiếp cho bộ phận này và được coi như một phần trong kế hoạch giám sát có sự tham gia của dự án**.**

Cần chú ý áp dụng Nghị quyết 80/CP về giám sát cộng đồng đối với các công trình xây dựng tại địa phương.

## Phụ lục B6- CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Khiếu nại liên quan tới bất kỳ khía cạnh của dự án sẽ được xử lý thông qua thương lượng nhằm đạt được sự đồng thuận. Khiếu nại sẽ qua 3 giai đoạn trước khi đưa lên tòa án luật pháp như một phương án cuối cùng. CPO sẽ chịu mọi chi phí hành chính và pháp lý phát sinh trong việc giải quyết khiếu nại và khiếu nại.

**6.1. Giai đoạn đầu, UBND xã**

Hộ bị ảnh hưởng không hài lòng sẽ nêu khiếu nại của họ tới bất kỳ một thành viên nào trong UBND xã, thông qua trưởng thôn hoặc trực tiếp tới UBND xã, bằng văn bản hoặc lời nói. Thành viên của UBND xã hay trưởng thôn nói trên sẽ phải thông báo với UBND xã về sự khiếu nại. UNBD xã sẽ làm việc cá nhân với hộ bị ảnh hưởng có khiếu nại và sẽ có 30-45 ngày để giải quyết sau khi nhận được khiếu nại. Ban thư ký của UBND xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ khiếu nại mà họ đang xử lý.

Khi UBND xã ban hành quyết định, hộ gia đình có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó, họ có thể khiếu nại lên UBND huyện.

**6.2. Giai đoạn hai, UBND huyện**

Khi nhận được khiếu nại của hộ, UBND huyện sẽ có 30-45 ngày kể từ khi nhận khiếu nại để giải quyết trường hợp đó. CARB chịu trách nhiệm đối với việc lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu về toàn bộ các khiếu nại mà họ đang xử lý.

Khi UBND huyện ban hành quyết định, hộ gia đình có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó, họ có thể khiếu nại lên UBND tỉnh.

**6.3. Giai đoạn 3, UBND tỉnh**

Khi nhận được khiếu nại của hộ, UBND tỉnh sẽ có 30-45 ngày kể từ khi nhận khiếu nại để giải quyết trường hợp đó. UBND tỉnh chịu trách nhiệm đối với việc lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu về toàn bộ các khiếu nại được trình lên.

Khi UBND tỉnh ban hành Quyết định, hộ gia đình có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó, họ có thể khiếu nại lên tòa án trong vòng 45 ngày. UBND tỉnh khi đó phải nộp tiền thanh toán bồi thường vào một tài khoản lưu giữ.

**6.4. Giai đoạn cuối cùng, tòa án dân sự**

Nếu người khiếu nại nộp hồ sơ của vụ việc lên tòa án và toà án ra quyết định đứng về phía người khiếu nại, khi đó chính quyền tỉnh sẽ phải đáp ứng khoản bồi thường ở mức tòa án quyết định. Trong trường hợp tòa án đứng về phía UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ nhận được khoản tiền đã nộp cho tòa án.

Để đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại mô tả ở trên là thiết thực và chấp nhận được đối với người bị ảnh hưởng, đã có tham vấn với chính quyền và cộng đồng địa phương có tính đến đặc điểm văn hóa riêng biệt cũng như các cơ chế văn hóa truyền thống trong việc nêu và giải quyết khiếu nại và những vấn đề mâu thuẫn. Những đối tượng và nỗ lực của các dân tộc thiểu số cũng được xác định và quyết định những cách thức chấp nhận được về mặt văn hóa để tìm ra cách giải quyết chấp nhận được.

Quy trình giải quyết khiếu nại cho người bị ảnh hưởng đã được mô tả trong tài liệu Thông tin về tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập hồ chứa nước Đại Thắng" và đã được phát cho người bị ảnh hưởng. Để tránh tình trạng người bị ảnh hưởng không biết gặp ai tại xã, huyện hoặc tỉnh để giải quyết khiếu nại của mình, tài liệu đã cung cấp tên, địa chỉ chính xác và số điện thoại của những người có nhiệm vụ trực giải quyết khiếu nại để người bị ảnh hưởng có thể khiếu nại hiệu quả.

Những người bị ảnh hưởng sẽ được miễn mọi khoản chi phí liên quan đến thủ tục hành chính và pháp lý. Những khiếu nại toà án cũng có quyền được miễn chi phí cho việc đệ trình đơn. Tất cả những hồ sơ khiếu nại và và các biện pháp xử lý sẽ được lưu trữ tại UBND các xã, Ban Tham vấn cộng đồng cấp xã và nhà đầu tư các công trình thuộc tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập hồ chứa nước Đại Thắng".

## PHỤ LỤC B7: Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp (EPP)

### ***MHỤ LỤC***

Mục đích của Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp là hỗ trợ các cơ quan chức năng có trách nhiệm đối với vấn đề an ninh công cộng thực hiện các biện pháp đúng đắn cần thiết để phòng ngừa thương vong và hạn chế các thiệt hại vật chất do các tai nạn dự đoán trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập.

### ***Yêu cgàng trong trường hợ***

Hồ Đại Thắng có quy mô lớn; phạm vi ảnh hưởng ở hạ du lớn, có khả năng ảnh hướng tới 8 xã và thị trấn Lạc Thủy ở hạ du nếu xảy ra vỡ đập, vì vậy các phương án ứng cứu khẩn cấp trong EPP sẽ được lập với phạm vi, mức độ như sau:

* + Đối với khu vực hồ chứa và công trình đầu mối, các phương án chuẩn bị ứng phó và hoạt động ứng phó sẽ được lập chi tiết cho toàn bộ khu vực công trình đầu mối;
  + Đối với vùng hạ du, các phương án được lập đến cấp thôn.

### ***Dối với vùng hạ du, các phương án được lập***

* Trường hợp công trình xả lũ bình thường (trường hợp 1):

Đây là trường hợp vận hành công trình bình thường ứng với lũ đến với các tần suất khác nhau. Các trường hợp điển hình như sau:

* + Trường hợp 1A: Lũ đến P = 1,0%, tràn làm việc bình thường
  + Trường hợp 1B: Lũ đến P = 0,2%, tràn làm việc bình thường. Mưa trên các lưu vực sông tần suất 0,2%.
* Trường hợp có sự cố xảy ra sau khi xuất hiện lũ (trường hợp 2)

Đây là các trường hợp có sự cố xảy ra với đập khi xuất hiện lũ trên hồ và mưa 0,2% trên các lưu vực liên quan. Các kịch bản điển hình:

* + Trường hợp: Đập đất bị vỡ khi xảy ra lũ p = 0,2%. Mưa có tần suất 0,2%.

### ***Chun suất 0,2%ạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp***

Để đảm bảo hiệu quả của Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp, bản kế hoạch này phải bao gồm các nội dung sau:

* Kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng trong điều kiện khẩn cấp
  + Giới thiệu tóm tắt công trình;
  + Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan;
  + Tổ chức quan sát, đánh giá, phát hiện, dự báo, phân loại mức độ khẩn cấp và cơ chế thông báo;
  + Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp (tại hồ chứa và khu vực hạ du).
* Hoạt động ứng phó khẩn cấp
  + Quyết định ban hành lệnh ứng phó khẩn cấp;
  + Hoạt động ứng phó khẩn cấp tại hồ chứa;
  + Hoạt động ứng phó khẩn cấp khu vực hạ du;
  + Hoạt động sau tình huống khẩn cấp.
* Lập và phân tích các tình huống vỡ đập

Căn cứ trên điều kiện thực tế công trình, quy trình vận hành và số liệu tính toán lũ 0,2%, phân tích đưa ra các kịch bản gây vỡ đập. Từ các kịch bản nói trên và số liệu đầu vào, dùng các mô hình toán tính toán quá trình vỡ đập cũng như quan hệ giữa lưu lượng nước qua các lỗ vỡ theo thời gian, tạo số liệu đầu vào cho quá trình lập các bản đồ ngập lụt và di dời.

* Lập bản đồ

Thu thập các bản đồ địa hình, bản đồ viễn thám nhằm cập nhật địa hình, địa vật vùng chịu tác động của sóng vỡ đập. Điều tra cập nhật điều kiện dân sinh, kinh tế và điều kiện cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở giao thông thủy lợi vùng hạ lưu chịu ảnh hưởng của vỡ đập. Dựa vào các kịch bản vỡ đập và bản đồ địa hình, dùng mô hình toán 3 chiều phân tích quá trình ngập lụt vùng hạ lưu đập theo thời gian.

* Lập phương án báo động

Các cấp báo động thể hiện mức độ nguy hiểm của khả năng gây vỡ đập, đây cũng là cơ sở của các chuẩn bị cần thiết của phương án di dời khẩn cấp và phương án cứu hộ đập. Phương án báo động được lập dựa trên các dấu hiệu mất an toàn của hồ, đập như: quá trình diễn biến mực nước hồ, các hiện tượng thấm, hiện trạng về sự vận hành các công trình tháo lũ và khả năng di dời cũng như mức độ nguy hiểm của các khu vực dân cư hạ lưu đập. Việc lập xây dựng các phương án báo động cần được xem xét cân nhắc một cách kỹ càng nhằm đảm bảo việc thực hiện kế hoạch di dời chính xác và không gây hoang mang một cách không cần thiết trong cộng đồng.

* Lập phương án thông tin liên lạc

Thông tin liên lạc kịp thời và chính xác trong công tác cứu hộ là một vấn đề quan trọng ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả của việc cứu hộ, cứu nạn. Phương án thông tin liên lạc phải được xây dựng một cách chặt chẽ, cập nhật để đảm bảo thông tin được thông suốt kịp thời, cần có kế hoạch về thiết bị, nguyên tắc và cập nhật các đối tượng cần liên lạc theo các cấp báo động và theo thời gian.

* Lập phương án di dời, cứu hộ
  + Các sự cố vỡ đập có thể được ngăn chặn được nếu các cấp quản lý nắm rõ quá trình diễn biến các yếu tố gây bất lợi cho đập và hồ chứa. Bằng các quan sát, quan trắc và kiểm tra thường xuyên có thể phát hiện sớm các rủi ro tiềm tàng nhằm ngăn chặn sự cố cho công trình. Bên cạnh đó, khi xảy ra sự cố đối với đập và các hạng mục liên quan khác của hồ chứa, với từng mức độ và giai đoạn nhất định cần có các biện pháp cứu hộ công trình cho phù hợp. Việc cứu hộ kịp thời không những hạn chế sự phát triển mà còn có thể ngăn chặn các sự cố vỡ đập, đảm bảo an toàn cho công trình và vùng hạ lưu công trình.
  + Trong trường hợp bất khả khả kháng, quá trình vỡ đập sẽ tạo thành sóng lũ tập trung nhanh sẽ tràn qua các vùng thấp trũng của hạ lưu công trình. Sự ảnh hưởng về con người và cơ sở vật chất phụ thuộc vào sự lan truyền và ngập lụt, quá trình này diễn biến theo thời gian và không gian phụ thuộc vào sự phát triển của lỗ vỡ đập và đặc điểm địa hình khu vực hạ du công trình. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch di dời dân cư và tài sản kịp thời, chính xác sẽ giảm thiểu tổn thất về vật chất và con người.
* Các phụ lục, hướng dẫn thực hiện kèm theo
  + Bản đồ khu hồ chứa và lưu vực hồ, vị trí các trạm quan trắc khí tượng thủy văn.
  + Các bảng biểu, biểu đồ tra cứu lũ đến hồ. Các bảng tóm tắt kết quả tính toán các bài toán xả lũ và vỡ đập,
  + Các bản đồ ngập lụt, hệ thống mốc cốt xác định ranh giới ngập,
  + Bản đồ thể hiện các phương án sơ tán trong các tình huống khẩn cấp khác nhau, thể hiện hệ thống đường sá sơ tán (đường vào khu vực sơ tán, đường đến nơi sơ tán), vị trí các địa điểm sơ tán, tập kết dân và tài sản, các điểm chỉ huy điều hành, trạm liên lạc (bưu điện) v.v…
  + Bảng quy định các cấp báo động ứng với các tình huống khẩn cấp,
  + Bảng sơ đồ tổ chức chỉ huy, thông tin liên lạc
  + Bảng quy định chức trách nhiệm vụ cán bộ các cấp,
  + Bảng danh bạ điện thoại, email, web-site các cá nhân, đơn vị liên quan cần liên lạc,
  + Các mẫu báo cáo, thông báo v.v…

Các tài liệu, hướng dẫn, tập huấn, tuyên truyền về EPP và các tài liệu cần thiết khác.

## PHỤ LỤC B8: HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ BOM MÌN CHƯA NỔ

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ QUỐC PHÒNG \*\*\*\*\*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc \*\*\*\*\*\*** |
| Số: 146/2007/TT-BQP | *Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2007* |

**THÔNG TƯ**

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 96/2006/QĐ-TTg NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2006 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ

Thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thù tướng Chính phủ về việc quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, ngành có liên quan, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện như sau:

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ trong phạm vi cả nước, các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước, (vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư khác của Nhà nước) và các nguồn vốn khác; các dự án (hoặc phi dự án) có yếu tố nước ngoài. Phục vụ công tác điều tra khảo sát, nghiên cứu có liên quan đến bom, mìn, vật nổ tồn lưu sau chiến tranh.

2. Đối tượng áp dụng.

Thông tư này áp dụng đới với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân ở trong nước và người nước ngoài có hoạt động liên quan đến rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện.

3.1. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định tại điều 1 và điều 2; nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại điều 4 Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Bộ Quốc phòng lập và tổ chức thực hiện đề án điều tra, khảo sát lập bản đồ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, chi tiết tới cấp xã. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, thị xã, quận, huyện, xã phối hợp với lực lượng điều tra khảo sát để thực hiện, cung cấp các thông tin liên quan một cách chính xác, khách quan để hoàn thành đề án. Kết quả của đề án phải lập được bản đồ các khu vực còn ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tới cấp xã, đánh giá được mức độ tồn lưu bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, từng khu vực, phục vụ cho việc quy hoạch phát triền kinh tế xã hội của Trung ương và các địa phương; làm cơ sở cho việc tư vấn và tổ chức triển khai công tác rà phá bom, mìn, vật nổ cho các dự án, công trình xây dựng.

3.3. Do tính chất đặc biệt nguy hiểm nên công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ cho các đơn vị công binh chuyên trách và các doanh nghiệp quân đội có đủ năng lực thực hiện theo Quyết định số 49/2007/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp đặc biệt chỉ định thầu quy định tại điểm đ khoản 1 điều 101 của Luật xây dựng.

3.4. Người chỉ huy đơn vị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm chính về kết quả và sự an toàn cho dự án, công trình trong quá trình xây dựng và khai thác sử dụng có liên quan đến vấn đề bom, mìn, vật nổ trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

4. Phạm vi của công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

4.1. Là một hạng mục trong nội dung giải phóng mặt bằng của một dự án đầu tư.

4.2. Là một dự án độc lập chỉ thực hiện một nội dung rà phá bom, mìn, vật nổ để giải phóng mặt bằng phục vụ cho mục đích chung.

4.3. Diện tích, độ sâu và hành lang an toàn rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án thực hiện theo quyết định số 95/2003/QĐ-BQP ngày 7 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành “Quy trình kỹ thuật dò tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ” (gọi tắt là diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ).

4.4. Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ dưới nước trong Thông tư này chỉ áp dụng cho trường hợp có độ sâu đến 15m; trường hợp có độ sâu hơn 15m thì thực hiện theo quy trình và định mức riêng do Bộ Quốc phòng ban hành.

5. Chế độ, chính sách đãi ngộ, định mức bồi dưỡng, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**II. QUY TRÌNH TRIỀN KHAI RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**

1. Các giai đoạn triển khai

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được tiến hành tuần tự theo đúng trình tự triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Chính phủ quy định gồm hai giai đoạn:

- Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

2. Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị vật tư.

Chủ đầu tư căn cứ vào diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (quy định tại điểm 4.3, mục 4, phần I) và định mức, đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ cho một ha diện tích (quy định tại Phụ lục số 1) của Thông tư này này để thực hiện các công việc sau:

- Tính mức vốn đầu tư (khái toán) cho hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ của dự án hoặc cho một dự án độc lập chỉ có rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tổng hợp mức vốn khái toán vào tổng mức đầu tư của dự án hoặc là tổng mức đầu tư đối với một dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập.

- Trình phê duyệt dự án.

3. Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án được tiến hành theo các bước sau:

3.1. Bước 1: Lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ.

Sau khi dự án đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án bằng văn bản gồm:

- Tên dự án;

- Địa điểm;

- Chủ đầu tư;

- Diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ;

- Nguồn vốn;

- Yêu cầu tiến độ.

3.2. Bước 2: Gửi văn bản đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ theo địa chỉ sau:

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha thì gửi văn bản về Bộ Tư lệnh Quân khu nơi triển khai dự án đầu tư để giải quyết.

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30 ha thì gửi văn bản về Cục Tác chiến thuộc Bộ Tổng tham mưu để giải quyết.

3.3. Bước 3: Giao nhiệm vụ cho các đơn vị rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tư lệnh Quân khu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công- dự toán và tổ chức thi công rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Cục trưởng Cục Tác chiến/Bộ Tổng tham mưu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, giải quyết thủ tục và soạn thảo quyết định báo cáo Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán; giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công. Đối với các dự án, công trình xây dựng có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn, yêu cầu tiến độ gấp thì giao cho hai hoặc nhiều đơn vị tham gia thi công để bảo đảm tiến độ.

3.4. Bước 4.Thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật thi công – dự toán.

Sau khi lập xong phương án kỹ thuật thi công – dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ; đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ về:

- Tư lệnh Quân khu để tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án kỹ thuật thi công – dự toán các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha do đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền thực hiện.

- Tư lệnh Công binh để tổ chức thẩm định phương án kỹ thuật thi công – dự toán đối với các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30 ha và những dự án dưới 30 ha do các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện; báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt.

4. Ký hợp đồng thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

Căn cứ vào quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng hoặc các Quân khu, Chủ đầu tư tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ để thực hiện và thanh, quyết toán.

5. Tổ chức thi công.

5.1. Sau khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được ký kết, đơn vị trực tiếp thi công phải lập kế hoạch thi công báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp phê duyệt.

5.2. Đơn vị thi công thông báo bằng văn bản việc triển khai thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho cơ quan quân sự địa phương trên địa bàn có dự án để thống nhất triển khai, quản lý địa bàn.

5.3. Khi nhận được thông báo, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ triển khai thực hiện và tổ chức hủy bom, mìn, vật nổ thuận lợi, nhanh chóng, bảo đảm an toàn và tiến độ xây dựng của dự án.

6. Nghiệm thu, bàn giao.

Sau khi đã hoàn thành công tác thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (hoặc từng giai đoạn), đơn vị thực hiện báo cáo Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán trên cơ sở phương án kỹ thuật thi công – dự toán được duyệt để Chủ đầu tư nhận và bảo vệ mặt bằng đưa vào sử dụng. Hồ sơ về kết quả rà phá bom, mìn, vật nổ được lưu trữ cùng hồ sơ dự án.

7. Kiểm tra và báo cáo.

Cấp trên quản lý trực tiếp đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra chất lượng thi công tại hiện trường. Đối đối với các công trình trọng điểm, khi cần thiết Bộ Quốc phòng giao cho Bộ Tư lệnh Công binh chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra.

Hàng quý, 6 tháng, một năm, các đơn vị thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư lệnh Công binh để tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

**III. KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**

1. Đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước thực hiện theo khoản 2 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

1.1. Chi bồ dưỡng cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ với mức sinh hoạt phí là 60.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 122/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ.

1.2. Chi phí vật liệu, nhân công, ca máy theo định mức dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ ban hành kèm theo quyết định số 177/2007/QĐ-BQP ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.3. Những thiết bị thi công không có trong trang bị của quân đội, phải thuê bên ngoài thì được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

1.4. Đơn giá ca máy theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ ban hành kèm theo quyết định số 177/2005/QĐ-BQP ngày 04/11/2005 và số 80/2007/QĐ-BQP ngày 03/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.5. Các chi phí khác được tính theo quy định hiện hành.

1.6. Không tính các khoản thu nhập chịu thuế tính trước và các khoản thuế khác (trừ các thiết bị thuê ngoài).

2. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác

Thực hiện theo khoản 3 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ; đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

3. Phương thức bảo đảm kinh phí.

Kinh phí bảo đảm cho công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được lấy từ nguồn kinh phí của dự án; là một khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư của từng dự án hoặc tổng mức đầu tư của dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập. Chủ đầu tư thanh, quyết toán kinh phí trực tiếp cho các đơn vị theo hợp đồng.

**IV. CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ CÁC DỰ ÁN (HOẶC PHI DỰ ÁN) CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

1. Nước ngoài, các Tổ chức quốc tế, Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động nhằm hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam, đáp ứng Luật pháp và các quy định của Việt Nam đều được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện. Viện trợ của bên nước ngoài trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ bao gồm các hình thức chủ yếu sau đây:

- Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.

- Viện trợ, hỗ trợ phi dự án (viện trợ không thuộc chương trình, dự án; cung cấp viện trợ dưới dạng hàng hóa, vật tư, thiết bị, tài chính…).

Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tiếp nhận các nguồn hỗ trợ và tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ ở Việt Nam.

2. Việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ do chiến tranh để lại thực hiện theo Nghị định định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

3. Việc tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) thực hiện theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

4. Việc tham gia rà phá bom, mìn, vật nổ làm nhiệm vụ quốc tế được Chính phủ giao nhiệm vụ trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định về quản lý và thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ trước đây trái với Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Đối với những dự án có hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa thi công thì điều chỉnh dự toán chi phí theo Thông tư này; đối với những dự án thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ chưa hoàn thành thì phần khối lượng đã thi công xong (theo nhật ký thi công có xác nhận của giám sát thi công bên Chủ đầu tư) tính đến 25/5/2006 được hưởng chi phí theo quy định trước khi Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực; phần khối lượng thi công tính từ ngày 26/5/2006 đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo Công văn số 5972/BQP ngày 13/11/2006 của Bộ Quốc phòng; phần khối lượng thi công sau thời điểm có hiệu lực của Thông tư được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ đầu tư dự án, căn cứ quy định tại Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thông tư này, tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Quốc phòng để tổng hợp và nghiên cứu giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG THƯỢNG TƯỚNG     Nguyễn Khắc Nghiên** |

1. Môi trường sống quan trọng bao gồm những khu vực được bảo vệ và những khu vực chính thức được chính quyền đề xuất là khu vực bảo vệ (ví dụ, những khu dự trữ đáp ứng các tiêu chí phân loại của Hội Bảo tồn quốc tế [IUCN], những vùng được ban đầu công nhận là khu bảo vệ bởi cộng đồng sở tại theo truyền thống (ví dụ, khu tín ngưỡng), và những khu vực duy trì những điều kiện sống còn đối với khả năng tồn tại của những khu vực được bảo vệ này. Những nơi này có thể bao gồm những khu vực được biết tới có khả năng phù hợp cao cho bảo tồn đa dạng sinh học; và những nơi rất quan trọng đối với các loài hiếm, dễ tổn thương, di trú hoặc đang bị đe dọa. [↑](#footnote-ref-1)